

Giới Thiệu Những Sáng Tác
Thơ Văn của
Trần Ngọc Nguyên Vũ

Một Thời Ly Loan



Trần Ngọc Nguyên Vũ là bút hiệu của thiếu tá phi công khu trục "Thiên Kích Skyraider" Trần Ngọc Hà, cựv SVSQK63A/KQ.

Nhập ngũ 1/1/63, tháng 7/63 anh được đề cử du học Hoa Kỳ. Sau 4 tháng thụ huấn anh ngữ (phần kỹ thuật và căn bản phi hành chuyên môn) ở trường sinh ngữ quân đội căn cứ KQH K Lackland (Texas), tháng 11/63 anh được chuyển sang trường bay của Hải Quân Hoa Kỳ để thụ huấn phần bay căn bản trên phi cơ T-34B và T-28B tại 2 trường huấn luyện Saufley Field và Whiting Field (Pensacola, FLA).

Anh mãn khoá căn bản, tháng 4/64 anh hồi hương và tiếp tục chuyển huấn trên khu trục cơ A-1 với phi đoàn huấn luyện 3305 CCTS tại căn cứ KQ Biên Hoà.

Mãn khoá học anh được chuyển về phi đoàn 522 Khu Trục đồn trú trong BĐ83. Ngoài các phi vụ hành quân bảo vệ vùng 3 CT và Biệt Khu Thủ Đô, anh còn thi hành những phi vụ đặc biệt (MAGSOG) yểm trợ và tiếp tế cho các toán đặc nhiệm xâm nhập và hoạt động ở miền Bắc.

Sau khi tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đắc cử năm 1967, BĐ83 bị giải tán. Một nhóm phi công tình nguyện tiếp tục thi hành các phi vụ của MACSOG. Nhóm phi công này gồm 7 người trong đó có KQ Trần Ngọc Hà, ngoài thời gian thi hành các phi vụ đặc biệt, 7 phi công này phải thực hiện các phi vụ hành quân thường xuyên yểm trợ cho QĐ1/QK1 cùng với các phi công khu trục của phi đoàn 516 Phi Hồ. Cho mãi đến tháng 6/1969, sau khi phi đoàn 516 đã hoàn tất việc xuyên huấn trên phần lực cơ A-37 trở về nước thì toán 7 phi công này mới được chuyển về Biên Hoà bổ sung cho phi đoàn 514 Phượng Hoàng và 518 Phi Long.

Tháng 11 năm 1970, từ Căn Cứ KQ Biên Hòa, ông chuyển lên Phi Đoàn tân lập 530 Thái-Dương trên PleiKu, Phi-Đoàn Trưởng là Th/Tá Lê Bá-Định. Mấy tháng sau ông được bổ nhiệm làm trưởng-phòng huấn-luyện KĐ72/CT thay vị trưởng phòng cũ đi Hoa-Kỳ. Cũng trong năm 1971 ông bị bắn rớt, và nhảy dù thoát hiểm trong phi-vụ yểm trợ cho tiền đồn BenHet.

Mùa Hè năm 1972, tại mặt trận Tây nguyên, phi công Trần Ngọc Hà đã phải nhảy dù tại Charlie vì phòng không địch, trong phi-vụ giải vây TĐ11 Dù. Vào thời điểm căng thẳng nhất của cuộc chiến, để khích lệ tinh thần các chiến hữu, ông coi việc nhảy dù ra khỏi chiếc phi cơ bốc cháy trên vòm trời lửa đạn như là một môn thể thao thời thượng!

Sau mùa Hè đổ lửa 1972, SĐ6KQ thành lập, ông được bổ nhiệm làm Tham-Mưu Phó CTKH/SĐ6KQ và đặc trách phần thuyết trình về vấn đề không yểm cho các Sư-Đoàn BB và các Tiểu-Khu thuộc lãnh thổ QK2. Đầu năm 1975, ông được chuyển về khối CTKH/BTLKQ tại Tân-Sơn-Nhất.

Ông cộng tác thường xuyên cho Đặc San Lý Tưởng KQ và Đặc San KQ Bắc Cali. Trần Ngọc Nguyên Vũ cũng rất quen thuộc với trang nhà Cánh Thép và Hội Quán Phi Dũng. Những bài thơ và truyện ông viết đều nói lên tính nhân bản, cuộc sống bi hùng và lãng mạn của người Lính VNCH (nói chung) và những người phi hành (nói riêng) . . .

MỤC LỤC VĂN

1-	Tâm Tư	Trang 4-7
2-	Biên Cương Hành	Trang 8-27
3-	Bốn Mươi Năm Ngày Nhập Cuộc	Trang 28-32
4-	Lễ Phong Thần	Trang 33-40
5-	Chén Rượu Tiễn	Trang 41-47
6-	Đất Trích	Trang 48-54
7-	Dòng Sông Tĩnh Lặng	Trang 55-69
8-	Đường Bay Muôn Thuở	Trang 70-87
9-	Khóc Người Pleiku	Trang 88-90
10-	Lần Xuôi Biên Tái	Trang 91-101
11-	Một Thoáng Mây Bay	Trang 102-116
12-	Nhớ Cả Khung Trời Mây Trắng Bay	Trang 117-137
13-	Nhớ Về Những Người Lính Năm Xưa	Trang 138-140
14-	Niềm Vui Chợt Tắt	Trang 141-147
15-	Quán Thơ	Trang 148-154
16-	Tâm Tư Tuổi Ngọc	Trang 155-168
17-	Thung Lũng Hồng	Trang 169-180
18-	Tôi Còn Nợ Anh	Trang 181-184
19-	Từ Thuở Anh Đi Gió Bạt Ngàn	Trang 185-186
20-	Vùng Trời Biên Trấn	Trang 187-204
21-	Tuỳ Duyên	Trang 205-213
22-	Cô Hàng Nước	Trang 214-216

Tâm Tư!

(Tâm-tình của một người lính VNCH gửi người bạn đồng-minh Hoa-Kỳ của mình!)

Trần Ngọc Nguyên Vũ

---oo0oo---



ôi ra chào đời trong một căn nhà nhỏ, cạnh vườn dâu, bên bờ sông Vị-Hoàng thuộc tỉnh Nam-Định. Lớn lên trong vòng tay êm ấm, và lời ru dịu ngọt của mẹ hiền, rồi trưởng-thành theo với những thăng-trầm của

lịch-sử... Tôi đã được nghe, và thấy những chuyển mình quần-quai của dân-tộc tôi. Từ hình ảnh những bộ xương khô còn cử động, oằn người kéo những chiếc xe bò chất đầy những bộ xương đã bất động, lằm-lũi đi vào cái bóng đen dày đặc của tử-thần qua trận đói năm Ất-Dậu (1945) của thời ấu thơ; tới cuộc sống đầy ắp như ngọn sóng trào dâng thoát ra từ lòng đất nước trong thời kỳ kháng-chiến của thời niên-thiếu; đến một ngày phải bỏ lại tất cả để ra đi mong làm lại những gì đã mất, để hai mươi năm sau đó, đã phải mang thân làm kiếp chim trời xa tổ trên cái phần đất của người bạn ngày xưa đã hơn một lần cùng tôi chung lưng sát cánh. Bây giờ thì đã bao nhiêu năm trôi qua; dù rằng cái khoảng thời-gian của một phần đời người đã mất, có làm phai nhạt đi ít nhiều những màu sắc của cuộc sống, nhưng trong tôi luôn luôn ấp-ủ cái tâm-tư của một con người, chỉ đợi một dịp nào đó được nói ra cho vơi niềm u-uất...

Bạn thân mến! Còn nhớ ngày nào lần đầu gặp bạn trong cái nắng chói-chang của miền Nam nước Việt. Ngày đó, bạn đến với chúng tôi qua hình ảnh hào-hùng của những người Hiệp-Sĩ thời Trung Cổ. Rồi thì những cái xiết tay chặt chẽ, thân tình, mà tưởng chừng như không có gì làm cho tách rời ra được. Bạn đã say sưa nói với chúng tôi về cái lý-tưởng tự-do của dân-tộc bạn... Tôi nghe mà lòng thấy giạt-giào, bởi vì đó cũng là những điều mong ước của dân-tộc chúng tôi. Chúng tôi không có khí-giói, bạn đã mang đến hàng tấn chiến-cụ các loại, đủ để trang-bị cho một đạo quân hùng-hậu. Rồi thì chúng ta cùng sát cánh bên nhau, nêu cao ngọn cờ chính-nghĩa, biến miền Nam thành một tiền-đồn của thế-giới tự-do để ngăn chặn sự bành-trướng của Cộng-Sản trong vùng Đông-Nam Á-Châu thời bấy giờ... Cũng kể từ đó, bạn và tôi đã khoác lên mình chiếc áo của những người được mang danh là bảo-vệ cho cái lý-tưởng cao đẹp này. Công việc không phải là dễ dàng, nó đòi hỏi những chịu-đựng và hy-sinh. Chúng ta đã phải ra đi khi mọi người còn đang an giấc, và trở về trong cái chập-choạng của hoàng-hôn, mang theo những mệt mỏi, hãi-hùng vào trong giấc ngủ liêu-trai. Nhưng dù công việc có hiểm-nguy, và cuộc sống có bị đe dọa, thì tình bạn của chúng ta càng ngày càng thêm thắm-thiết hơn lên...

Một ngày nào đó, bạn đến tìm tôi với gương mặt rõ ràng, và ánh mắt bùng lên những tia hy-vọng, mà qua cái trực-giác của tâm-hồn, tôi cũng như đoán được phần nào sự vui mừng của bạn. Bạn nói với tôi là bạn đã bị xúc-động trước vẻ đẹp thâm kín của những người đàn bà Việt Nam. Rồi bạn tả cho tôi nghe về cái gương mặt u-trầm, cặp mắt huyền mơ như chứa đựng cả một bầu trời Thu trong đó. Bạn cũng say sưa tả cho tôi nghe về vẻ đẹp của tà áo dài mềm mọng quần-quýt bước chân son như những đám mây bành-bồng nâng gót ngọc... Tôi nghe và cảm thông được những sôi nổi trong cái tình yêu đầu đời của người trai xứ lạ. Nhưng đến khi người yêu mộng tưởng của bạn xuất hiện, tôi bỗng thấy cả vũ-trụ như quay-cuồng sụp đổ. Bởi vì người đàn bà xinh đẹp đang đứng trước mặt tôi đây, người tình mộng mơ của bạn đó, thì giờ này, chồng nàng, một chiến binh oai-hùng, đang ghi tay súng trong một tiền-đồn ngoài biên-giới... Giờ này anh đang chia xẻ những nhọc-nhân, nguy-hiểm cùng bạn và cùng tôi, nhưng chắc chắn không thể nào anh chia xẻ nỗi vui mừng của bạn đêm nay. Tôi nhìn nàng, miệng muốn mở lời mà đôi môi như tê dại. Một cú bung dù để thoát ra khỏi chiếc phi-cơ bốc cháy trên vòm trời lửa đạn, cũng không giựt mạnh bằng cú giựt vô-hình vừa qua... Rồi thì bạn nói với tôi những điều gì đó mà tôi chỉ còn nghe như những âm-thanh lửng-bùng trong tai. Có lẽ đêm hôm đó, trong cái tận cùng sâu thẳm của vô-tình, bạn là người duy nhất cảm thấy vui mừng trong cái bề-bàng, đau khổ của nàng và của tôi...

... Vào những ngày sau đó bạn lại đến tìm tôi, nhưng lần này thì với gương mặt bơ-phờ, cặp mắt quầng thâm chứng tỏ nhiều đêm không ngủ. Bạn nói với tôi là sau lần hội-kiến ngắn ngủi đêm hôm đó, bạn đã không còn gặp lại người tình mộng mơ của bạn nữa, và bạn ngỏ ý nhờ tôi giúp bạn tìm nàng. Tôi nghe xong và đã hiểu. Nhưng bạn thân ơi! Làm sao tôi có thể dẫn bạn về một nơi mà trong đó có bà mẹ già nua đang ngày đêm nhượng đời mắt mù lòa trông đợi đứa con trai ngoài trận tuyến. Làm sao tôi có thể dẫn bạn về một nơi mà trong đó có những cặp mắt ngây thơ của đàn con đang mở rộng, để đón chờ gói quà của người cha từ phương xa, và làm sao tôi có thể dẫn bạn về một nơi mà trong đó có người chính-phụ trẻ đẹp đang hóa thân làm kẻ vọng phu mong chồng về từ nơi khói lửa... Thôi thì tôi đành chịu mang tiếng vô tình, và cũng kể từ đó trong tình bạn của chúng ta hình như có một cái gì nghiền-nghẹn dâng lên...

Rồi thì cuộc chiến càng ngày càng trở nên khốc-liệt. Chúng ta đã phải ra đi sớm hơn, và trở về muộn hơn. Bạn bè

của chúng ta, có những người mà sự trở về chỉ còn là một vòng hoa đan kết và mảnh khăn tang quấn vội trên đầu người vợ trẻ với đàn con thơ. Một buổi sáng trong nghĩa-trang buồn. Bạn và tôi cùng đứng lặng người trước hình ảnh một thiếu-phụ trẻ đẹp, đang gục đầu trên chiếc quan tài của người chồng yêu quý. Đôi vai gầy mỏng của nàng rung lên từng nhịp như những nhịp đạn bắn về phía quân thù... Để đến buổi tối cùng ngày, ở một nơi có ánh đèn mờ ảo như muốn che dấu những sự thật phũ-phàng của cuộc đời, có điệu nhạc quay cuồng như nếp sống vội vàng của người dân trong thời chiến... Bạn đã nắm chặt lấy tay tôi, hướng về nơi có người đàn bà trẻ đẹp đang là loi trong những vòng tay lạ, như thăm hỏi, có phải đó là người mà chúng ta gặp ban sáng trong nghĩa-trang hay không. Tôi gạt đầu mà thấy tim mình như rạn vỡ. Bởi vì lá cờ chính-nghĩa của chúng ta có đủ rộng để phủ kín hình hài người trai anh-dũng đã hy-sinh, nhưng mịa mai thay, nó đã không đủ rộng để che chở cho gia-đình anh. Để giờ này nhìn nàng tay nâng ly rượu như muốn uống hết cái cay đắng của cuộc đời, nhìn làn môi mọng muốn nở một nụ cười mà cặp mắt rung-rung... Nhưng những giọt nước mắt chân-thành kia đã đổ hết cho người chồng ban sáng, thì giờ đây, còn đâu để nhỏ xuống cho cuộc đời đắng cay này. Rồi thì tôi và bạn đã nhìn nhau như cùng nói lên một ý nghĩ là chúng ta cần phải chiến thắng, để chấm dứt những thảm cảnh đang xảy đến với những người dân lành vô tội. Nhưng bất hạnh thay, cái lý-tưởng ban đầu mà chúng ta tưởng chừng như ở trong tầm tay với, thì giờ đây đang bị một mãnh-lực vô-hình nào đó làm cho xa rời khoảng cách...

Và đến một ngày có mưa bay làm cay đôi mắt, có gió thổi làm lạnh lòng người. Tôi đứng đó giờ tay chào buồn tiễn-biệt, bạn lặng lẽ quay lưng bỏ lại những ưu-phiền... Ngày nào bạn đến, mang theo cả cái nếp sống cuồng-nhiệt của dân-tộc bạn bên kia bờ đại-dương xanh thẳm, làm sôi-sục cả dòng Hương giang lững-lờ cổ kính, làm bật tung những gốc dừa đang là lướt soi mình bên dòng sông Cửu-Long ngút ngàn sóng nước... Giờ này bạn đi, trả lại cho quê-hương tôi cái thẳm lặng ngàn đời. Nhưng trong cái thẳm lặng kia, giờ hình như còn có thêm một cái gì để nhớ, và cũng hình như... còn có thêm một cái gì để quên. Giờ thì trong cái tiền-đồn trống trải này chỉ còn lại chúng tôi, những người lính của QLVNCH cô-đơn nhất thế-giới, đã phải gồng mình chống trả với cả một khối thù-nghịch khổng-lô bên kia chiến-tuyến. Và rồi việc gì phải đến đã đến... Vào một ngày mà bầu trời miền Nam có những đám mây đen dằng mắc, và tất cả những màu sắc đều biến thành một màu tang buồn thảm, thì đó cũng là lúc mà những người mang danh là bảo-vệ, đã không còn phương tiện để bảo-vệ cho chính mình, đành phải cất bước ra đi trong cái túi-hòn và cay đắng...

Nhưng rồi như một định-mệnh đã an-bài, trong cái giây phút vô cùng tuyệt vọng đó, bạn lại xuất hiện. Vẫn cái dáng dấp hiên-ngang quen thuộc thuở nào, bạn lại dang tay chào đón chúng tôi. Ngọn lửa căm hờn chưa kịp nhóm trong lòng thì đã bị vòng tay hào-hiệp, và tình thương nhân-loại của bạn dập tắt. Rồi bạn vỗ-về, an-ủi, bạn nói chúng tôi hãy quên đi dĩ-vãng để hướng về tương-lai... Tôi nghe mà cảm được tất cả những vị chất, chua của cuộc đời. Vâng! Bạn có thể quên được những gì đã xảy ra trên quê-hương đau khổ của chúng tôi. Bạn cũng có thể quên được những gì đã hơn một lần làm con tim bạn rung-động. Nhưng xin bạn hãy nói dùm tôi, làm thế nào để quên được những phần thân-thể của mình đã rơi rụng trong cuộc chiến. Làm thế nào để quên được những đồng-đội đã nằm xuống làm viên gạch lót đường cho mình tiến bước. Làm thế nào để quên được vòng tay ve vuốt của người tình, những vỗ-về âu-yếm của người vợ, những tiếng cười giọng nói của đàn trẻ thơ, và làm thế nào để quên được đôi mắt nghiêm kính của người cha, chiếc lưng còng lặn-đạn của người mẹ suốt đời chỉ biết hy-sinh cho đàn con, cái di-sản tinh-thần cuối cùng của chúng tôi đó... Nhưng mà thôi, câu chuyện của bao nhiêu năm qua làm sao nói hết một lần trong đêm. Thôi thì... xin trả lại bạn những nụ cười. Thôi thì... xin trả lại bạn những vòng tay đan xiết, để:

*Đêm nay về dựng hồn thiêng dậy
Lễ giải oan cờ ba vạch bay.
(Đem tâm-tình nói chuyện với lịch-sử)*

Trần Ngọc Nguyên Vũ

Hôm nay đọc lại "Tâm Tư" của Trần Ngọc Nguyên Vũ (đã viết cách đây 3 năm) mới cảm thấy xót xa cho người lính VNCH bị người đồng minh Hoa Kỳ bỏ rơi trong cuộc chiến trường kỳ để bảo vệ "tự do".

"Ngày bạn đến, mang theo cả cái nếp sống cuồng nhiệt của dân tộc bạn bên kia bờ đại dương xanh thẳm, làm sôi sục cả dòng Hương giang lững-lờ cổ kính, làm bật tung những góc dừa đang lả lướt soi mình bên dòng sông Cửu-Long ngút ngàn sông nước..... Giờ này bạn đi, trả lại cho quê hương tôi cái thẳm lặng ngàn đời. Nhưng trong cái thẳm lặng kia, giờ hình như còn có thêm một cái gì để nhớ, và cũng hình như... còn có một cái gì để quên..... "

Cái đau xót cho chúng ta là hiện nay người bạn Hoa Kỳ đang bắt tay với kẻ thù CS với mưu cầu hưởng lợi, để kẻ địch xoá bỏ sự hiện hữu của quân dân miền Nam và hàng trăm ngàn người lính VNCH đã nằm xuống cho lý tưởng "tự do"

Đã đến lúc chúng ta bắt người bạn đồng minh Hoa Kỳ phải xin lỗi quân dân miền Nam và nhất là phải phục hồi danh dự cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà. GàRù

Đại Hiệp Garu viết: *"Cái đau xót cho chúng ta là hiện nay người bạn Hoa Kỳ đang bắt tay với kẻ thù CS với mưu cầu hưởng lợi, để kẻ địch xoá bỏ sự hiện hữu của quân dân miền Nam và hàng trăm ngàn người lính VNCH đã nằm xuống cho lý tưởng "tự do".....*

Đã đến lúc chúng ta bắt người bạn đồng minh Hoa Kỳ phải xin lỗi quân dân miền Nam và nhất là phải phục hồi danh dự cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà."

Xin cảm ơn ĐH đã chia sẻ. Vâng, kể từ khi loài người bước ra khỏi cuộc sống của thời kỳ đồ đá để tiến sang thời đại có nhân quần xã hội thì nhân loại cũng đã trải qua không biết bao nhiêu là cuộc chiến tranh chết chóc, và cuộc chiến nào cũng được kết thúc bởi kẻ thắng và người thua. Người thua cuộc dù có phải gánh chịu những đau đớn ê chề đến đâu đi chăng nữa thì thời gian cũng xoa dịu xóa nhòa đi dấu vết của cuộc chiến để cuộc sống còn được tồn tại. Chiến tranh Việt Nam, cuộc chiến giữa hai miền Nam Bắc gần nhất xảy ra vào cuối thế kỷ thứ 20 cũng đã được khép lại và một trang sử mới được mở ra. Dòng sông ngăn cách đã được nối lại sau 20 năm đứt đoạn, nhưng vết thương của người thua cuộc miền Nam vẫn còn giằng dai, day dứt khôn nguôi...Vết thương đó không phải do kẻ thù gây ra: mà đau đớn thay, nó chính là vết chém của người bạn thân thiết của mình...Để cuối cùng cũng chính người bạn đó đã bán đồng minh của mình cho địch, chẳng khác nào như một tên bất lương vô loại đã lường gạt người bạn gái của mình và bán nàng vào chôn lầu xanh để đổi lấy một món tiền lợi nhuận.

Bây giờ thì nửa thế kỷ đã trôi qua, vết thương đời đã thành sẹo, nhưng vết thương lòng của Quân Dân miền Nam vẫn còn đang rỉ máu, nhất là với những người Lính VNCH, những người đã hy sinh mạng sống của mình cho đại cuộc, thân xác của họ giờ đây cũng đã hòa tan vào lòng đất mẹ, nhưng những mảnh hồn u uất chưa tan, vẫn còn đang lẩn khuất đâu đây để chờ một lời kinh cầu siêu thoát. Lời kinh đó chính là một lời xin lỗi chân thành của người bạn đồng minh thân thiết của họ ngày xưa đã hơn một lần cùng họ chung lưng sát cánh...

Tình thân,

Trần Ngọc Nguyên Vũ

Biên Cương Hành!

(Để nhớ về vùng đất một thời cùng bạn bè ta đã ở.)

Trần Ngọc Nguyên Vũ

Thiên địa phong trần
Hồng nhan đa truân.
(Chinh phụ ngâm)

(Từ ngàn xưa đến nay, không có cuộc chiến nào mà không gây ra những sự xa cách, mất mát, đợi chờ mong nhớ tiếc thương... Trong "Chinh Phụ Ngâm khúc" một kiệt tác phẩm văn học nổi tiếng của Việt Nam, thi hào Đặng Trần Côn đã diễn tả nỗi lòng của người "chinh phụ" với những đêm ngày đêm theo dõi bước quân hành gian khổ, và hiểm nguy nơi biên cương quan tái chốn xa trường của "chinh phu"...)



Phi tuần Tây Tiến!



ón chiếc khu-trục cơ AD5 chở 9 Phi-Công từ Biên-Hòa lên PleiKu, bình phi trên cao độ 11,500 bộ trong đội hình di hành, lao mình về hướng Tây Bắc. Tôi ngồi ghế phải làm "phi-công phụ" đọc bản đồ và thay đổi tần số cho Đại-Uý Lê Thanh Hồng Vân, "Trưởng Phòng Hành- Quân" của Phi-Đoàn 514 dẫn đầu phi-tuần. Liếc nhìn qua hai bên cánh, tôi thấy hợp đoàn lướt trên những cụm mây bông bênh dưới đôi cánh bạc, trông như những con phượng-hoàng đang xoải cánh vẫy vùng trong vòm trời cao rộng...Nghĩ đến người vợ mới cưới chưa đầy 24 tiếng đồng hồ của mình, chưa được hưởng hết những hương vị ngọt ngào của hạnh phúc lứa đôi, đã phải đóng vai người "Chinh Phụ" trẻ tiền "Chinh Phu" bằng mình vào nơi gió cát, lòng tôi hụt hẫng, xót xa. Mới đêm hôm qua đây thôi, tôi còn cùng người bạn đời đắm chìm trong điệu nhạc bổng trầm qua tiếng dương cầm điệu luyện của nhạc sĩ Lê Văn Thiện trình bày để riêng tặng cô dâu và chú rể. Liên gục đầu trên vai tôi đón nhận những giây phút tuyệt vời nhất của một đời người con gái thì Dương Ngọc Ân lướt theo tiếng nhạc, tiến đến nhét vào túi tôi tờ sự vụ lệnh truyền chuyển và nói nhanh: "Sáng mai đúng 5:30 tao với thằng Long sẽ đến đón mày lên Biên-Hòa để đi PleiKu..." Tôi không nói gì chỉ ghì chặt người yêu trong vòng tay, dịu dàng đi trọn bản nhạc tình...Đêm ấy khi khách khứa và bạn bè đã ra về, thì tiệc rượu hợp cầm của chúng tôi bỗng biến thành buổi tiệc tiễn đưa, và nước mắt cô dâu đã làm ướt đầm chiếc gối thêu ngày cưới...



Đêm tân hôn, đêm động phòng hoa chúc, cái khoảnh khắc tuyệt vời đáng ghi nhớ nhất của một đời người, đã được dàn trải theo với tâm tình u uẩn của người trai thời loạn qua những vần thơ bi tráng và lãng mạn:

*Tôi ở đơn vị về
Cười nhau xong là đi
Từ chiến khu xa nhớ về ái ngại
Lấy chồng đời chiến binh
Mấy người đi trở lại
Lỡ khi mình không về thì thương
người vợ chờ*

Bé bóng chiều quê (1)

Có cuộc ra đi nào của người lính mà không để lại cho người ở nhà những đợi chờ mong nhớ xót xa, và biết đâu một chuyến trở về bất chợt của người trai từ chốn biên cương quan tái, lại chẳng phải là một món quà quý giá nhất cho người vợ trẻ của mình đó hay sao... Thấy tôi ngồi thờ người ra, Vân nắm chặt cánh tay tôi cười nói:

- Nhớ cô dâu phải không. Tao đã bảo mày là cứ ở nhà đưa vợ đi hưởng tuần trăng mật. Mọi chuyện để tao lo mà.

Tôi không nói gì, chỉ mỉm cười thầm cảm ơn tấm chân tình của người bạn cùng đơn vị... Khi bay qua khỏi Phú Bổn, Vân bám máy liên lạc với đài kiểm báo Peacock xin xuống cao độ, rồi rời tần số Peacock để liên lạc với Pleiku.

- Đài kiểm soát Pleiku đây "Phượng-Hoàng Tây Tiến" gọi bạn nghe rõ không trả lời.

Tiếng người kiểm thính viên vang lên qua tần số:

- "Phượng-Hoàng Tây Tiến" PleiKu nghe bạn 5/5. Chúng tôi đã được Peacock thông báo và đang đợi bạn. "WelCome Home" Phượng-Hoàng Tây Tiến. Xin bạn cho biết vị trí.

Nghe tiếng trả lời dồn dập cùng lời chào đón chân tình và háo hức của người kiểm thính viên từ đài kiểm soát, tôi thấy lòng mình như ấm lại... Từ trên cao độ tôi thấy núi Hàm Rồng mờ mờ hiện ra, nằm hờ hênh trong màn sương mỏng manh của buổi ban mai như mời mọc bước chân lãng tử đa tình. Chếch lên phía Bắc một chút là phi-đạo của phi-trường PleiKu nằm vắt mình theo hướng Đông - Tây trên ngọn đồi Cù-Hạnh cạnh Bộ Tư-Lệnh Quân-Đoàn 2 & Quân-Khu 2. Xa hơn chút nữa là Biển Hồ với mặt nước phẳng lặng lấp lánh như một tấm gương phản chiếu lên nền trời xanh ngắt. Toàn bộ khung cảnh của thành phố PleiKu trải dài theo quốc lộ 14, ngoằn ngoèo như một con mãng xà khổng lồ xuyên qua vùng núi đồi trùng điệp, bò theo hướng Bắc - Nam. Thật ra PleiKu đối với tôi không xa lạ gì. Tôi đã từng đến và đi lại nơi đây nhiều lần, nhưng lần này tôi tự nhiên cảm thấy hồi hộp, vì sau khi đáp, chúng tôi sẽ nhận vùng đất đầy oan nghiệt này làm quê hương. Rồi đây mỗi khi chiều về, sẽ có thêm những đôi mắt vời vợi của người vợ trẻ bỗng con tịt cửa đợi chờ những cánh chim mệt mỏi hiện ra từ cuối chân trời, và vào những ngày mưa phùn lầy lội, cô hàng nơi quán vắng lại có dịp ngồi nghe và chia sẻ tâm tình cùng với những người khách lạ phương xa. Người ta nói rằng PleiKu là vùng đất có một ma lực vô hình giữ chân người khách lữ... Chẳng biết có phải cái "ma lực vô hình" đó đã kéo tôi và bè bạn trở lại với PleiKu ngày hôm nay hay không.



Vân lắc cánh ra hiệu cho phi tuần vào đội hình cận phi rồi bấm máy liên lạc với đài kiểm soát.

- Đài kiểm soát PleiKu, cảm ơn lời chào mừng của bạn. Hiện tại "Phượng-Hoàng Tây Tiến" đang ở phía Nam PleiKu khoảng 7 dặm. Cao độ 5,000 bộ. Chúng tôi xin làm một cái "low pass" trên phi-đạo trước khi hạ cánh. Bạn nghe rõ không trả lời.

Tiếng người kiểm soát viên lại dồn dập vang lên:

- Roger! "Phượng-Hoàng Tây Tiến", Pleiku nghe bạn 5/5. Hiện tại thời tiết PleiKu trời quang, gió nhẹ, tầm nhìn xa 10 dặm. Bạn sẽ làm "low pass" trên phi đạo 09. Lấy cao độ về hướng phải. Cũng xin cho bạn biết là toàn bộ chỉ huy của Không-Đoàn 72CT, cùng các nhân viên phi-đạo đang đợi bạn ở bãi đậu A1.

Vân trả lời Đài Kiểm Soát rồi bấm máy liên lạc với các bạn:

- Chúng mình có khán giả. Ráng làm cho đẹp nghe tụi bay.

Những tiếng bấm nút vô tuyến cùng giọng trả lời chắc nịch đầy tự tin của mọi người vang lên trong nón bay. Tôi quay qua nhìn các bạn đang ở trong vị trí hợp đoàn sát cánh mà tưởng chừng như không còn có thể nào bay sát gần hơn được nữa. Tôi thật sự cảm thấy hạnh diện vì họ, những Phi-Tuần Trưởng Khu-Trục dày dạn kinh nghiệm

chiến trường cũng như huấn luyện. Những cánh chim sắt đang nổi gót các bậc đàn anh, đã từng tung hoành ngang dọc trên bầu trời lửa đạn qua những phi vụ "bình Nam phạt Bắc." Tuy loại phi cơ Skyraider không phải là loại dùng để phi diễn hợp đoàn, vì "lực xoắn" (torque) của nó rất mạnh, nhưng khi đã ở trong tay của những "hung thần" trong nghề bay này, thì một số những phi tác khó nhất cũng chỉ là chuyện nhỏ. Bên cạnh tôi, Vân đưa phi tuần vào trục song song với phi đạo ở cao độ 50 bộ. Nhìn xuống bên dưới tôi thấy những cánh tay giơ lên vẫy chào ríu rít. Bốn chiếc phi cơ lướt ào trên sân bay rồi bất thần cùng bốc lên như những cây pháo thăng thiên, vùn vụt rít lên trong bầu không khí yên tĩnh của buổi ban mai, rồi nghiêng cánh 90 độ về bên phải, kéo theo những vệt khói trắng trải dài trên nền trời trông như những dải lụa mềm mỏng bung ra từ những đôi tay ngà ngọc của giai nhân vờn trên sóng nước nơi dòng sông thiên hà.

Tùng chiếc phi cơ lần lượt nhẹ nhàng hạ cánh, rồi di chuyển về nơi đầu phi đạo 27. Bốn người cơ trưởng A1 chạy ra đón, và bằng những động tác chuyên nghiệp, họ hướng dẫn phi cơ vào bãi đậu. Bốn chiếc khu-trục gầm gừ như những con tê giác không lồ đậu sát nhau theo hàng ngang. Vân ra hiệu cho phi hành đoàn cùng gấp cánh và tắt máy. Cả chín người trong đoàn "Phi-Công Tây Tiến" đồng loạt đứng dậy, tay ôm nón bay bước ra khỏi phòng lái, trông nhịp nhàng và đều đặn như những phi công thuộc các phi đội biểu diễn chuyên nghiệp, rồi cùng nhảy xuống đất đứng nghiêm mình chờ đợi. Thiếu Tá Định với tư cách là tân Phi-Đoàn Trưởng bước tới đứng trước mặt mọi người, rồi ông hướng về phía Trung Tá Bá để trình diện với vị Không-Đoàn Trưởng toàn phi công đầu tiên của Phi Đoàn 530 vừa đến PleiKu. Trung-Tá Bá oai nghiêm trong bộ quân phục Kaki màu vàng của Không-Quân; trên ngực áo gắn bốn hàng huy chương và đôi cánh bạc có râu làm tăng thêm phong độ hào hùng của một người chỉ huy. Nhìn ông tôi thấy ông giống như danh tướng McArthur của Hoa Kỳ đang lợi nước duyệt đoàn quân giải phóng Phi Luật Tân ngày nào. Đi bên ông là Thiếu-Tá Định giới thiệu tên và cấp bậc từng người: "Đại-Úy Lê Thanh Hồng Vân, Trưởng Phòng Hành-Quân Phi-Đoàn 514. Đại-Úy Trần Ngọc Hà, Phi-Tuần Trưởng Khu-Trục PĐ 514. Đại-Úy Nguyễn Văn Huỳnh, Phi-Tuần Trưởng Khu-Trục PĐ 514. Đại-Úy Vũ Công Hiệp, Phi-Tuần trưởng khu-Trục PĐ 514. Đại- Úy Phạm Văn Thặng, Phi-Tuần Trưởng Khu-Trục PĐ 514. Đại-Úy Hoàng Mạnh Dzũng, Phi-Tuần Trưởng Khu-Trục PĐ 514. Đại-Úy Vũ Văn Thanh, Phi-Tuần Trưởng Khu-Trục PĐ 514. Trung-Úy Trần Kim Long, Phi-Tuần Phó Khu-Trục PĐ 514. Trung-Úy Nguyễn Văn Hai, Phi-Tuần Viên Khu-Trục PĐ 514." Sau khi duyệt qua toán phi-công "Tây Tiến", Thiếu-Tá Định bước lui lại một bước hô to: "-Tất cả theo lệnh tôi...Nghiêm!" Rồi ông đồng dục tuyên bố: "- Kể từ giờ phút này các bạn chính thức là nhân viên phi-hành của "Phi-Đoàn Thái-Dương 530" trực thuộc Không-Đoàn 72CT đồn trú tại PleiKu." Chín cánh tay cùng giơ lên chào lại vị Phi-Đoàn-Trưởng mới của mình, và như để cho ông biết rằng họ sẵn sàng đặt mình dưới quyền chỉ huy của ông. Nghi lễ trình diện đã xong. Anh em phi-đạo cùng mọi người chạy lại vây quanh chúng tôi, hết lời khen ngợi màn phi diễn bất ngờ, đẹp mắt và hùng tráng vừa rồi. Phi-trưởng PleiKu sáng nay như bùng lên bầu không khí của một ngày hội. Trung-Tá Bá với tay mở chai rượu champagne rót ra những chiếc ly nhỏ mời chúng tôi. Đón ly rượu trên tay ông, tôi có cảm tưởng như mình đang đón nhận ly rượu Saké của Nhật Hoàng ngày nào ban cho các "Phi-Công Thần Phong" trước khi họ lao mình vào cõi chết...Mặc dù chúng tôi lên đây không phải là để tự sát, mà là để bảo vệ cho vùng đất nơi chốn biên cương quan tái này. Tôi cũng biết rằng rồi đây trong số chúng tôi, sẽ có những người ra đi không trở lại, nhưng chúng tôi chấp nhận điều đó, và coi đó như là một vinh dự của những người lính chiến được hy sinh cho đại cuộc...Nhìn các bạn tôi đang say sưa ngụp lặn trong bầu không khí đầm ấm và thân mật của tình đồng đội nơi vùng đất mới. Tôi thật sự cảm động. Ngày hôm nay, ngày 15 tháng 11 năm 1970, cái mốc thời gian ghi nhận một sự kiện quan trọng là "Phi-Tuần Tây Tiến" đã hạ cánh đúng giờ TOT trong một khung cảnh trang nghiêm và đầy ắp tình người. PleiKu như cũng chiều theo lòng người, vì vào mùa này, vùng đất Tây Nguyên rất hiếm thấy một cảnh trời quang mây tạnh như sáng hôm nay. Sau này chúng tôi được biết chính Thiếu-Tá Định là người đã bấm lá số tử-vi chọn ngày và giờ đáp cho toán nhân viên đầu tiên của phi-đoàn lên đảo nhậm PleiKu. Tuy không thể so sánh với những bậc tiền bối được chân truyền về môn "Thái Ất Thần Kinh" như Nguyễn Bình Khiêm hoặc La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiệp, nhưng ông cũng là một cao thủ về môn "độn số", và có một sự hiểu biết sâu rộng về môn học đã thất truyền này. Điều bất ngờ và thú vị nhất đối với tôi là khi Thiếu-Tá Định và Trung-Tá Bá đến trước mặt tôi nâng cao ly rượu và nói: "- Chúc mừng chủ rể mới của Phi-Đoàn Thái-Dương 530. Lần sau nhớ dẫn cô dâu lên trình diện anh em đó nghe." Tôi với ông Định vốn đã quen nhau qua thơ văn từ trước, nhưng hôm nay tôi phải giữ đúng lễ nghi quân cách với ông sếp mới này. Tôi đứng nghiêm nói: " - Xin tuân lệnh

Thiếu Tá." Ông Bá Chủ tươi cười nói: " - Tuy được tin trễ nhưng Không-Đoàn cũng có món quà nhỏ gửi cô dâu và chú rể. Đây là tờ sự vụ lệnh 15 ngày phép. Tôi đã cất một phi-vụ liên-lạc PleiKu - SàiGòn bằng U17 đưa chú về SàiGòn sáng nay..." Nghe ông nói tôi cảm động đến sững sờ, không phải vì 15 ngày phép, mà là cử chỉ chăm sóc kín đáo, thân mật, và tế nhị của một vị chỉ huy đối với thuộc cấp. Tôi liếc nhìn qua Lê Thanh Hồng Vân, thấy anh nhìn tôi nheo mắt cười rồi ngửa cổ uống cạn ly rượu mừng...



Kể từ ngày Không-Đoàn 72CT được thành lập với những đơn vị cơ bản như Quan-Sát, Trục-Thăng, Khu-Trục và Kỹ-Thuật đủ để đáp ứng cho những nhu cầu yểm trợ các đơn vị hành quân trên chiến trường Quân khu 2, thì Phi-Trường Cù-Hạnh nhận nhíp hẳn lên. PleiKu vui mừng hơn hờ đón nhận "Anh Hùng Hào Kiệt" các nơi đổ về. Từ những con "chiến mã bất kham" đã từng ngược xuôi khắp 4 vùng chiến thuật, đến những khuôn mặt thư sinh non trẻ với ánh mắt và nụ cười còn bỡ ngỡ, bước chân ngập ngừng đi theo dòng sinh-mệnh của dân-tộc. Nhưng dù ở vị thế nào đi chăng nữa, thì tất cả đều gánh trên vai một trách nhiệm nặng nề chung của những người trai thời loạn...Bầu trời PleiKu ngày đêm vang dội những tiếng gầm rú của phi-cơ các loại qua những phi-vụ hành-quân và huấn-luyện. Nhưng theo với đà tăng trưởng của đơn vị thì nhíp độ pháo kích của địch vào phi trường cũng tăng theo...

...Một buổi sáng sau khi giải trình phi vụ "xác định hành-quân phi-tuần phó" cho Trung-Úy Hai xong, tôi rủ anh về câu lạc bộ để ăn sáng. Khi đi ngang qua trạm tiếp liên, tôi thấy 2 người lính đang ỉ ạch vác hai chiếc ba-lô trên vai. Thấy chúng tôi đi tới, hai người vội để ba-lô xuống rồi đứng nghiêm chào. Nhìn bộ quân phục và đôi giày mới toanh chưa mòn gót của các anh, chúng tôi biết là hai người vừa tốt nghiệp từ một khóa huấn-luyện nào đó và được chuyển lên đây. Chúng tôi vui vẻ hỏi thăm các anh và đề nghị khiêng phụ hai anh gói hành trang đầu đời của người lính về cư xá. Đang đi trên đường thì một tiếng rít xé gió vụt qua đầu chúng tôi, rồi một tiếng nổ bùng lên từ cuối phi đạo. Cả bốn chúng tôi đều quăng ba-lô xuống đất rồi lăn mình theo lề đường. Hai người bạn trẻ lăn vào một cái hố bên cạnh. Tôi và Hai tiếp tục lăn xuống cuối thung lũng. Một tiếng nổ thứ hai dội lên, tôi có cảm tưởng như lồng ngực mình bị bung ra. Tôi vòng tay ôm lấy đầu để che đỡ. Sỏi đất rào rào rớt xuống phủ lên khắp thân mình tôi. Một cảm giác lạnh lạnh trên gáy như có những mảnh bùn ướt bám vào. Sờ lên tôi thấy tay mình bết máu. Tôi hoảng hồn tưởng mình bị thương, nhưng sau khi kiểm soát lại tay chân mình thấy không có gì tôi mới yên tâm nằm im chờ đợi. Khi nghe thấy tiếng Trục Thăng võ trang và Khu Trục vùn vụt trên bầu trời, chúng tôi lồm cồm đứng dậy...Một cảnh tượng kinh hoàng hiện ra trước mắt tôi và Hai. Chiếc hố tránh pháo kích giờ đây đã trở thành chiếc bẫy của tử thần lãnh nguyên một trái hỏa tiễn 122 ly cây tung sỏi đất. Hai người bạn trẻ

vừa cùng chúng tôi sánh bước trên đường giờ đây đã biến mất. Nhìn vào lòng hồ chúng tôi chỉ còn thấy 4 chiếc giầy nhà binh lẫn lộn máu với mớ thịt vụn nhầy nhụa...Tôi và Hai đứng chết trân như trời trồng nhìn nhau mà không nói lên được lời nào. Một cảm giác rờn rợn chạy luồn qua cơ thể khi một ý nghĩ thoáng hiện ra trong đầu tôi là nếu chiếc hồ đủ chỗ cho 4 người...Tuy đã nhiều lần nằm hứng chịu những trận pháo kích, và cất cánh dưới làn mưa pháo của địch, nhưng chưa lần nào tôi thấy khủng khiếp như lần này, khi đối diện trước cái chết của hai người lính trẻ vừa nhập cuộc, chưa được dịp thi thố tài năng đã vội vã ra đi...Dù rằng trong cuộc chiến có nhiều những cái chết khác nhau, nhưng cái chết nào của người lính cũng là một biểu tượng của sự hy sinh và bảo vệ...Máu của hai người lính trẻ vừa đổ ra để cho đồng đội của các anh và vùng đất bất hạnh này được bình an trong lửa đạn...Xin được một lần đứng nghiêm giờ tay chào vĩnh biệt các anh. Kể từ nay các anh sẽ nằm yên nghỉ ngàn đời trong trang quân-sử bi hùng của dân-tộc.

...Rồi buổi chiều nay ở một nơi chôn nào đó trên vùng đất của quê hương, trong bữa cơm gia đình, sẽ có những khuôn mặt bàng hoàng cùng những ánh mắt lạc thần của người thân các anh khi nghe tin chiến sự...Và đêm về sẽ có những tiếng thốn thức thầm lặng của con tim rung lên theo với hạt mưa rơi... Thầm lặng mà sao nghe vang dội cả bầu trời tang tóc...

Đêm Cao Nguyên bập bùng ánh lửa!

.....Suốt cả tuần qua, phi trường PleiKu nhạt nhòa trong màn mưa phùn và những cơn gió lạnh từ dãy Trường Sơn thổi về. Lợi dụng những lúc thời tiết xấu, các phi vụ hành quân và huấn luyện đều phải hủy bỏ. Anh em trong phi đoàn xoay ra làm "phi tác" tân trang đơn vị. Mặc dù chỉ là những tay "thợ tài tử" và "thợ vịn", nhưng nhờ có sự đôn đốc, và góp sức tận tình của hai ông thần "Hộ Pháp" Vũ Công Hiệp và Phạm Văn Thắng, cùng với Nguyễn Văn Huỳnh, Phan Đắc Huệ, Lê Quốc Đức, Nguyễn Hoàng Mai, Lê Thuận Lợi, Nguyễn Văn Hai, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Tiến Thụy, và Trần Văn Phúc, nên cuối cùng mọi người cũng đã hoàn thành được một công trình "vĩ đại" của mình. Đặc biệt là chiếc cổng khổng lồ hình chữ A1 được dựng ngay cửa ra vào của phi đoàn trông thật gồ ghề và rất là "khu-trục".

Hôm nay mưa đã tạnh, nhưng trên bầu trời vẫn còn những đám mây đen giăng mắc. Trên quãng đường từ phi đoàn 530 về cư xá, xe cộ chạy rầm rập lên xuống như đang có một chuyện gì quan trọng lắm sắp xảy ra. Quả thật là có chuyện quan trọng sắp xảy ra tại cái căn cứ Không Quân heo hút gió này...Bởi vì sáng nay khi Thiếu-Tá Lê Bá Định vừa bật đèn khai trương chiếc cổng A1 thì nhận được cú điện thoại đỏ từ văn phòng "Tham Mưu Trường" thuộc Bộ Tư Lệnh Không Quân gọi ra báo là sẽ có một phái đoàn gồm những nhân vật quan trọng và cao cấp ghé thăm Phi Đoàn. Nhận được tin này, Thiếu-Tá Định vội báo ngay cho Trung-Tá Bá. Ông "Bá chủ" thấy tầm vóc của phái đoàn quá lớn cũng không dám quyết định đơn phương liên lạc với vị Không Đoàn Trưởng Yểm cứ PleiKu là Trung-Tá Võ Quế. Thế là cả căn cứ bưng lên bầu không khí nhộn nhịp và háo hức sửa soạn cuộc tiếp đón hiem có này. Đúng 5:00 giờ chiều chiếc "Air Force Two" của KLVNCH đáp xuống phi đạo của phi trường Cù Hanh. Hành khách gồm có "Phó Tổng Thống VNCH", Trung-Tướng Trần Văn Minh Tư-Lệnh KQ cùng với Đại Tá Tàn Tham-Mưu Phó Hành-Quân, Đại-Tá Khanh Tham-Mưu Phó An-Phi, và Tư-Lệnh Sư-Đoàn 5 KQ là "ông già đầu bạc" Đại-Tá Phan Phụng Tiên. Thiếu-Tá Định hướng dẫn phái đoàn đến thăm phi đoàn, tháp tùng theo có Trung-Tá Bá và Trung-Tá Võ Quế. Cuộc thăm viếng bất chợt không có lễ nghi quân cách, kèn trống nghênh tiếp, đã làm anh em vô cùng xúc động và hân diện. Thật ra thì đây không phải là một cuộc thăm viếng hay thị sát đơn vị bình thường của các vị chỉ huy cao cấp, mà họ đến đây là để "tiếp lửa" cho những người lính trẻ nơi chốn biên cương quan tái này. Bởi vì họ cũng chính là những bậc đàn anh, những người đi trước thuộc "thế hệ màu tím hoa sim", những người đã từng quay cuồng trong bão lửa, một thời hứng trọn những nguy nan...Và nếu không phải là chính những người lính đã từng vào ra nơi chốn dầu sôi lửa bỏng thì không một ai có thể có một cái nhìn chân thực, cũng như cảm nhận được cuộc sống đầy bất trắc ở đó như thế nào. PleiKu quả là một vùng đất đầy bất trắc, luôn luôn có những chuyện bất thường xảy ra vào những giây phút mà không ai có thể ngờ tới...Như buổi chiều nay, trong lúc mọi người đang quây quần bên những chiếc lò sưởi đã chiến được làm bằng những thùng phuy xăng đặt ngoài trời, hơ tay trên ngọn lửa hồng trước khung cảnh hùng vĩ của vùng núi rừng Tây Nguyên:



"Sương đầu núi buổi chiều như dội"

"Nước lòng khe nẻo suối còn sâu"

"Nào người áo giáp bấy lâu"

"Nhẹ xem tính mạng như mầu cỏ cây." ()*

Cảnh vật hùng vĩ này được dùng làm bối cảnh cho những câu chuyện hùng tráng của những con người hào sảng đã từng tung hoành ngang dọc, kể cho những người “Nhẹ xem tính mạng như mầu cỏ cây”... Trong khi anh em đang im lặng thích thú nghe Tướng Kỳ kể lại những chuyến bay đêm nghệt thở của “phi đội Cò Trắng” trên đất Bắc ngày nào cùng với những tên tuổi đã đi vào “huyền thoại” như: Lê Thanh Vân, Lưu Kim Cương, Nguyễn Ngọc Khoa, Nguyễn Văn Tâm... thì có những tiếng còi hú vang lên, rồi một đoàn xe cứu hỏa và xe cứu thương chạy ra phi đạo. Từ xa về hướng Đông, một phi tuần hai chiếc phản lực đang trên đường cận tiến phi trường. Bằng những con mắt nhà nghề, mọi người nhận ra đó là hai chiếc F100 của Không Lực Hoa Kỳ. Chiếc đầu thả bánh đáp, chiếc thứ hai đeo sát bên cánh không ra “gears” chắc là bị bể ống thủy điều. Hai chiếc khu-trục phản lực đã tới đầu phi đạo 27, và đang ở cao độ thích hợp nhất để làm “crash”. Chiếc thứ nhất bỗng tách ra, phóng lên cao rồi làm một vòng queo thật gắt để quay đầu lại. Trong lúc chiếc thứ hai hạ cánh ngay trên lớp “foam” trắng xóa vừa được trải trên mặt sân bay. Mọi người hồi hộp theo dõi chiếc phi cơ lâm nạn lướt trên đám bột chống lửa như một chiếc xe trượt tuyết. Phi cơ ra khỏi đám bột “foam” và tiếp tục lướt tới với một tốc độ khá nhanh. Từ dưới bụng phi cơ những tia lửa xẹt ra như những tia pháo bông. Đoàn xe cứu hỏa hồi hả phóng theo. Mọi người đều nín thở theo dõi chiếc phi cơ lâm nạn, và cầu mong sao cho phi cơ dừng lại kịp thời trước cuối đường bay, vì phi đạo của phi trường PleiKu thuộc loại sân ngắn, không thích hợp lắm để cho một khu-trục phản-lực có thể làm crash. Nhưng đã quá trễ, chiếc phi cơ tiếp tục lướt tới đụng vào mô đất nơi cuối phi đạo và bùng cháy. Chiếc ghế thoát hiểm bung lên cao, nhưng dù chưa kịp mở thì đã rớt xuống ngay giữa đám cháy đang ngùn ngụt bốc lên như một bó đuốc không lò thiêu sống người phi công can trường nhưng vẫn số. Tất cả mọi người có mặt lúc đó đều bàng hoàng đứng bất động, toàn thân như bị tê liệt trước cảnh tượng bi tráng xảy ra trước mắt... Người phi công trên chiếc phi cơ đầu đã quay lại và bay sát mặt phi đạo, khi bay ngang qua đồng lửa, chiếc F100 quần quai lắc cánh làm một vòng “roll” 360 độ để chào vĩnh biệt người bạn đồng hành đang được hỏa táng ở bên dưới, rồi phóng vút lên cao, bỏ lại những tia lửa phụt ra từ ống phản lực thấp thoáng như những lần sét lẩn khuất trong đám mây mù dày đặc, cùng với những tiếng gầm rú bi phẫn của đất trời... Trên khuôn mặt phong sương của những người trai thời loạn hắt lên những nét đăm chiêu, xót thương cho một tráng sĩ cô đơn vừa vượt qua dòng sông định mệnh.



...Mây chiều từng cuộn đen nghịt đổ về phủ kín sân bay như để đưa tiễn người anh hùng bạc mệnh. Anh Phi Công phản lực F100 ơi! Anh đã vật lộn với tử thần để thoát ra khỏi vùng trời mịt mù lửa đạn; sao anh không tìm một nơi nào an toàn hơn để hạ cánh, mà lại chọn vùng đất nghiệt ngã này để chôn vùi thân bách chiến. Chẳng lẽ đây là sự lựa chọn của một “Đại Trượng Phu!” Một chọn lựa bi tráng mà các anh hùng vạn thuở đã làm qua những vần thơ: “Chí làm trai dặm nghìn da ngựa - Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao.” * Anh Phi Công Khu Trục F100 ơi! Hôm nay chúng tôi đứng đây đưa tay chào vĩnh biệt anh, người bạn đồng minh vừa hy sinh cho đại cuộc. Chẳng biết rồi mai này tới lượt mình nằm xuống thì ai sẽ là người đến để tiễn đưa đây...Nhưng cuộc sống của những người Lính chiến là phải như thế; nó không cho phép một ai quay đầu lui bước, dù trước mặt có trập trùng muôn vàn những nguy-hiểm gian-nan...

Buổi chiều tang tóc ập đến thật nhanh và cũng qua đi thật nhanh, nhường chỗ cho màn đêm nặng nề chậm chạp buông xuống. Trong lúc mọi người đang đứng bên cạnh những chiếc lò than đỏ rực tỏa khói thơm phức, thưởng thức bữa tiệc thịt rừng với rượu cần do ông chủ đồn điền trà PleiKu khoản đãi, thì một chiếc C47 của KĐ53CT lừng lừng taxi tới đậu ngay trước mặt hangar. Cửa phi cơ vừa mở ra, anh em đều trở mắt nhìn như không tin đây là sự thật. Từ trên phi cơ nhảy xuống là ban nhạc Joe Marcel của phòng trà Queen Bee, mọi người lục tục khuôn chuyển nhạc cụ xuống cùng với sự xuất hiện của ca sĩ Anh Khoa, và một số các cô “em gái hậu phương”, đặc biệt có sự hiện diện của kiều nữ Mai Dung nổi danh tài sắc của SàiGòn hoa lệ...Anh em vô cùng cảm động vì món quà bất ngờ, đẹp và lãng mạn như thơ Quang Dũng: “Doanh trại bừng lên khúc nhạc ca – Kia em xiêm áo tự bao giờ.” của phái đoàn gửi đến những người “Lính” chiến nơi vùng trời biên trấn. Rồi thì tiếng trống, tiếng đàn giọng hát nổi lên, cuốn theo những bước phong trần lá lốt của “chinh-nhân”, quấn lấy vòng tay mềm mại, nghiêng ngả bồng bềnh theo gót chân son “thục-nữ”, quện vào với đêm cao nguyên huyền ảo mịt mù sương khói tỏa.

Cuộc gặp gỡ không hẹn trước của những hào-kIỆt và giai-nhân đêm nay bùng lên như một trận bão lốc, xoáy vào lòng người theo với cơn gió lạnh của rừng khuya...

Các anh lính chiến Không-Quân của KĐ Biên trấn ời! Hãy vui đi cho trọn đêm nay, bởi vì khi sớm mai thức dậy, và khi vầng Thái-Dương vừa ló dạng, thì những tiếng cười ròn rã cùng những ánh mắt liễu trai kia cũng sẽ biến mất như đám sương mù đọng nơi đầu phi-đạo. Có chăng còn lại chỉ là những hình ảnh nhạt nhòa trong tâm tưởng... Cuộc sống của con người trong thời ly loạn, dù là tiền tuyến hay hậu phương, thì ở đâu cũng bồng bềnh như những đám lục bình miệt mài trôi theo dòng nước, có bao giờ nó dừng lại ở một nơi chốn nào đâu.

Buổi phi diễn!

Đề ra mắt và giới thiệu hỏa lực của Không Đoàn 72CT với Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn, cùng các đơn vị tác chiến đồn trú tại Quân Khu 2, và được sự chấp thuận của BTL Không Quân. Trung-Tá Bá triệu tập các đơn vị trưởng của KĐ72TC lại để soạn thảo một chương trình phi diễn gồm các màn thả khói màu, oanh kích, đổ quân và đặc biệt là màn nhào lộn của khu trục. Khách mời gồm toàn bộ chỉ huy của Quân Đoàn 2 và Quân Khu 2 với Trung-Tướng Ngô Du cùng các cố vấn và các vị tư lệnh chiến trường của các binh chủng Biệt Động Quân, Nhảy Dù và Bộ Binh từ cấp sư-đoàn đến cấp đại đội. Các Tiểu Khu Trưởng, và khách mời dân sự. Sau một tuần lễ tập dượt, hôm nay là ngày mọi người mong đợi. Chương trình được dự trù bắt đầu từ 10 giờ sáng nhưng mới 8 giờ mà cổng Phi-Vân của căn cứ Không-Quân PleiKu đã mở ra một quang cảnh tung bừng và náo nhiệt. Quốc lộ 14 đông nghẹt những người và xe cộ từ các nơi đổ về phía phi trường. Những tà áo dài đủ màu tung bay như cánh bướm, vờn theo bước chân của những đôi giày đinh lấm lùn lầy đất đỏ, nói lên nét đặc thù của PleiKu phố núi.

Mục tiêu cho phần oanh kích và đổ quân là ngọn đồi thấp, nằm dưới thung lũng đối diện với phi đạo của phi trường. Những ngôi nhà tranh dùng làm điểm oanh kích đã được đoàn kiên tạo của KĐ Yểm Cứ PleiKu dựng lên, nằm phoi mình trên đỉnh đồi như thách thức khả năng của những người Lính chiến Không-Quân. Khoảng cách từ mục tiêu đến khán đài không quá xa để khán giả có thể theo dõi các màn phi diễn một cách rõ ràng mà không phạm đến sự an toàn của mọi người.

Tại khán đài trung ương, một toán phi công được tuyển chọn từ các phi-đoàn Quan-Sát, Trục-Thăng và Khu-Trục do Thiếu-Úy Đinh Đức Bản làm trưởng toán, nhận trách nhiệm hướng dẫn và đưa đón quan khách. Những chàng phi công trẻ tuổi trong bộ đồ bay màu xám, cặp lon Thiếu-Úy mới toanh gắn trên vai, cùng với đôi cánh bạc ngạo nghễ nằm trên ngực, và chiếc khăn quàng màu "tím hoa sim" thắt chéo nơi cổ áo bay phất phơ theo gió, làm tăng thêm vẻ hào hùng và lãng mạn của người phi công thời chiến một cách kín đáo. Với một phong cách đầy vẻ tự tin, đôi mắt sáng quắc và nụ cười bất thiệp nở trên môi, những người lính trẻ lịch sự nghiêng mình đưa tay dìu người đẹp lên khán đài. Nhìn những gương mặt thẹn thùng, đôi gò má ửng hồng và những bàn tay run rẩy của các "kiều nữ giai nhân", ngại ngùng đưa ra nắm lấy cánh tay rắn chắc của người trai khôi lủ mà "Phượng Hoàng Rosa" Lê Như Hoàn đã gọi họ là những người Lính "Hào hùng trên không và hào hoa dưới đất", người ta không khỏi liên tưởng đến những câu thơ trong "Chinh Phụ ngâm khúc" của Đặng Trần Côn: *"Lương nhân nhị thập Ngô môn hào - Đầu bút nghiên hề sự cung đao"* mà bà Đoàn Thị Điểm đã diễn Nôm ra là *"Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt - Xếp bút nghiên theo việc đao cung"*. Đúng vậy, phải là những trang "nam nhi hào kiệt" mới có cái phong độ hào sảng và lịch lãm như vậy được. Xướng ngôn viên chính chỉ huy toàn bộ chương trình và dẫn giải các chi tiết trong buổi phi diễn là Thiếu-Tá Lê Bá Định. Bằng một giọng nói trầm ấm, truyền cảm và lôi cuốn, người "xướng-ngôn-viên" tài hoa của KĐ72CT xử dụng cùng một lúc hai thứ ngôn ngữ Việt - Mỹ một cách lưu loát, nhịp nhàng và uyển chuyển, đã thu phục được cảm tình và lòng ngưỡng mộ của quan khách các giới đối với Quân-Chủng Không-Quân. Bốn chiếc loa được khuếch đại với công suất cao đặt ở 4 góc nơi khán đài, trực tiếp truyền thanh tất cả những cuộc liên-lạc vô-tuyến qua các tần-số FM, VHF, UHF trên trời và PRC25 dưới đất đến khán giả, làm cho bầu không khí ngày hội càng thêm phần sôi nổi và sống động. Phải nói đây là lần đầu tiên mọi người được nghe những lời đối thoại giữa các phi cơ với Đài kiểm-soát, Đài Kiểm-Bảo và quân bạn một cách đầy đủ và rõ ràng như

vây. Ngay cả những vị chỉ huy ngoài mặt trận cũng chỉ được nghe một phần giới hạn trong phạm vi hoạt động của họ mà thôi. Tại khán đài trung ương, khán giả nhìn lên bầu trời xanh ngắt, thấy hiện ra cả một vùng không-lộ thênh thang chằng chịt những phi cơ đủ loại, từ Khu Trục, Quan Sát đến Trực Thăng bay lượn trên những độ cao khác nhau tại vòng chờ. Từ trên cao độ, Thiếu-Tá Lưu Đức Thanh, Liên Đoàn Phó LĐ72TC ngồi trên chiếc trực thăng "chỉ huy" (C&C) lấy danh hiệu là "Bạch Điều", có nhiệm vụ điều hợp các đơn vị phi diễn giữ đúng vị trí và giờ "G" xuất phát từ điểm hẹn để tiến về khán đài....

...3 phút trước giờ khai mạc, tiếng nói của người phi tuần trưởng phi tuần thả khói màu rồn rảng vang lên trên bầu trời truyền qua máy phóng thanh:

- "Bạch Điều" đây "Thái-Dương Hồng" gọi. Xin báo cho Bạch Điều biết là Chúng tôi bắt đầu rời vòng chờ để vào trực phi diễn theo hướng Tây - Đông.

- "Roger Thái-Dương Hồng" Bạch Điều nghe bạn 5/5. Chúc bạn bay một phi vụ thật đẹp.

Tiếng người Phi Tuần Trưởng lại vang lên:

- Đài Kiểm soát PleiKu. Đây "Thái-Dương Hồng" gọi. chúng tôi đang vào trực phi diễn theo hướng Tây - Đông, cao độ 1,000 bộ.

- PleiKu đài nghe rõ. "Thái-Dương Hồng" bạn sẽ làm việc trên phi đạo 27, cao độ 1,000 bộ. Thời tiết phi trường PleiKu trời quang, gió lặng. Tầm nhìn xa 10 dặm. Sau khi thả khói xong, bạn giải tỏa về hướng Đông-Bắc, 30 độ "out bound" phi trường PleiKu. Chúc bạn nhiều may mắn.

Đúng 10:00 giờ sáng, Thiếu-Tá Lê Bá Định giới thiệu với quan khách màn phi diễn bắt đầu. Mọi người ngược mắt đổ dồn về phía đầu phi đạo 27, trong lúc một đoàn phi cơ 5 chiếc khu trục A1H bay theo đội hình chữ V ngược, ào ào lướt tới. Từ hai bên cánh của các phi cơ phun ra những cuộn khói màu, kết thành lá cờ Vàng ba sọc Đỏ tuyệt đẹp. Tất cả mọi người trên khán đài đồng loạt đứng dậy vỗ tay một cách nồng nhiệt, trong lúc ban quân nhạc trỗi lên bài "Không Quân Hành Khúc" của Văn Cao:

*"Giờ từng đoàn người vượt qua biên giới quyết chiến đấu
Đã chiếm chiến công ngang trời
Giờ đoàn người còn vượt qua biên giới quyết chiến đấu
Đi không lo gì xác rơi
Lúc đất nước muốn bao người con thân yêu ra đi
Hối tiếc tâm thân làm chi*

*Giờ thề một lòng vượt trên lưng gió quyết chiến thắng
Nhớ lấy phút giây từ ly...*

*Ta là...đàn chim bay trên cao xanh
Khi nhìn...qua khói những kinh thành xa
Đôi cánh...tung hoành vượt trên mây xanh
Ta là...tinh cầu bay trong đêm trăng*

*Đây đó...hồn nước ơi !
Không quân Việt Nam vút trên ngàn mây gió
Ừ...u...u... u... u... ú...
Ôi phi công...danh tiếng...muôn đời*

*Nhìn xa...phi trường Việt Nam
Không quân ra đi cánh bay rợp trời
Ừ...u... u... u... u... ú...
Xa giang sơn ngắm nhìn về khắp nơi*

*Bầy chim dù bay ngàn phương cũng về
Để rồi ngày ngày sống hòa nhịp đời
Cùng ngàn kiếp chim
Bầy ta càng đi càng xa
Quyết khi về đem lại đây chiến công
Dù thân mò quên lấp chìm"*

Lời nhạc hùng tráng vang dội quần vào nhau theo gió bốc lên bầu trời xanh thẳm của buổi ban mai như một cơn lốc. Đâu đó trong đám đông, người ta bắt gặp những ánh mắt long lanh liếc nhanh về phía những "Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt" đang đứng dưới khán đài.



Sau màn thả khói màu là phần biểu diễn hỏa lực. Xưởng ngôn viên của chương trình giới thiệu đến quan khách ba phi-tuần khu-trục trang bị Bom Nổ, Bom Lửa (Napalm), Hỏa Tiễn công phá, và Đại Bác 20ly. Các phi-tuần này sẽ đánh theo thể “liên hoàn” từ những cao độ khác nhau theo đúng quy luật An-Phi. Qua máy phóng thanh mọi người được nghe những mẫu đàm thoại giữa Khu-Trục và Quan-Sát:

- “Black Cat” đây “Thái-Dương Đỏ” gọi bạn nghe rõ không trả lời.

- “Thái-Dương Đỏ” “Black Cat” nghe bạn 5/5, chúng tôi đang ở hướng 9:00 giờ của bạn. Xin bạn cho biết trang bị.

- Roger “Black Cat!” “Thái-Dương Đỏ” gồm 2 phi cơ A1, trang bị bom nổ 500 cân. Chúng tôi đang ở cao độ 5,000 bộ.

- Roger “Thái-Dương Đỏ!” Chúng tôi sẽ cho bạn một trái khói trắng.

Chiếc phi cơ quan-sát bay đảo một vòng trên mục tiêu rồi nghiêng cánh chúi đầu xuống bắn ra một trái khói màu trắng cùng với lời hướng dẫn:

- “Thái-Dương Đỏ” bạn đánh về bên phải của trái khói 50 thước.

- “Black Cat!” “Thái-Dương Đỏ” hiểu. 50 thước về bên phải của trái khói.

Từ trên cao độ, phi tuần “Thái-Dương Đỏ” đã vào vòng oanh kích. Chiếc phi cơ đầu nghiêng cánh rồi chúi xuống ở một góc độ gần như thẳng đứng theo với trục thả bom. Chiếc số hai lao xuống theo cùng một góc độ. 8 trái bom 500 cân rời khỏi hai chiếc khu-trục cơ, vun vút lao xuống mục tiêu như những mẫu vắn thạch từ không gian vừa lọt bầu khí quyển. Một cột khói bùng lên cùng với ngọn lửa cuộn cuộn như ngọn hỏa diệm sơn trong cơn phần nộ chuyển mình, kèm theo tiếng nổ long trời lở đất làm rung chuyển cả núi rừng. Tiếng nổ quá lớn của 4,000 cân thuốc nổ, gây một sức ép nặng nề trong bầu không khí làm mọi người cảm thấy ngộp thở. Quan khách ngồi trên khán đài lao xao. Đã có nhiều người nhón nháo đứng dậy như sợ khán đài bị xập... Nhưng lời giải thích trầm âm của người dẫn giải chương trình qua máy phóng thanh đã kịp thời trấn an mọi người. Trong lúc chiếc L19 đang đảo quanh một vòng trên mục tiêu rồi phóng xuống một trái khói màu vàng thì trên máy phóng thanh lại vang lên tiếng gọi của phi tuần “Thái-Dương Xám”:

- “Black Cat” đây “Thái-Dương Xám” Gồm 2 phi cơ. Trang bị đại-bác 20ly và hỏa-tiến công phá. Chúng tôi hiện đang ở trên mục tiêu, cao độ 1500 bộ. Chúng tôi đã thấy trái khói của bạn.

- Roger “Thái-Dương Xám”. Từ trái khói, bạn đánh dọc theo hướng Đông – Tây 200 thước.

- Roger “Thái-Dương Xám” hiểu. Chúng tôi sẽ vào trực xạ kích theo hướng Đông của trái khói.

Tiếng nói vừa dứt thì người ta đã thấy hai chiếc phi cơ từ xa phóng tới. Từng tràng Đại-Bác 20ly và Hỏa-Tiến công phá trên phi cơ được phóng ra nổ âm âm như tiếng sấm đầu mùa mưa, vạch lên những luồng đạn đạo cây nát ngọn đồi. Mặt đất oằn lên như đang chịu đựng một cơn địa chấn. Âm thanh của những tiếng nổ còn vang vọng chưa dứt thì từ hướng Bắc, hai chiếc A1H của phi tuần “Thái-Dương Vàng” bay sát mặt đất lao tới. 12 trái Napalms rời khỏi cánh phi cơ bung ra như một tấm lụa hồng khổng lồ phủ trùm lên mục tiêu. Hai chiếc phi cơ lướt qua nhanh rồi biến mất về phía chân trời. Bỏ lại mọi vật quần quai trong biển lửa mịt mù ở phía sau. Qua máy phóng thanh, tiếng của người phi công Quan-Sát háo hức reo lên:

- “Thái-Dương Vàng” đánh quá đẹp. Mục tiêu đã bị phá hủy 100%.



Cuộc oanh kích của Khu Trục vừa dứt thì từ hướng Tây một hợp đoàn Trục Thăng gồm ba slicks và hai Trục Thăng võ trang hộ tống lừng lững bay tới. Khi đến mục tiêu, hai chiếc Gunships tách ra hai phía nã Mini Guns và Hỏa Tiễn xuống, làm một vòng đai lửa bảo vệ bãi đáp, trong lúc ba chiếc Slicks bay hover trên đầu mục tiêu và tung ra những cuộn thang giầy. Từ trên phi cơ những người lính Biệt Kích nhanh nhẹn leo xuống, đóng đưa theo từng nấc thang dưới sức thổi như vũ bão của những cánh quạt gió khổng lồ trên đầu, rồi nhảy xuống lăn mình trên mặt đất một cách gọn gàng và biến mất sau lùm cây. 5 chiếc trục thăng đảo quanh mục tiêu một vòng rồi tập hợp thành hợp đoàn rời vùng.

Tại khán đài trung ương, xưởng-ngôn-viên điều khiển chương trình giới thiệu với quan khách màn biểu diễn nhào lộn của khu trục. Mọi người ngửa mặt nhìn lên vòm trời cao xanh thẳm, theo dõi một chấm đen đang bay lượn trên không, rồi bất thần cầm đầu thẳng đứng, lao xuống mặt phi đạo làm một vòng “Loop”. Bốn ống khói trắng gắn trên cánh phi cơ phun ra theo đường bay, vạch thành một vòng tròn tuyệt hảo, treo lơ lửng trên sân bay ở cao độ 700 bộ. Mọi người còn đang thích thú theo dõi màn nhào lộn đẹp mắt thì từ phía sau khán đài, một chiếc phi cơ khác lướt tới như một mũi tên xé gió, làm một vòng quay 4 điểm xuyên qua vòng tròn khói trắng, nhả ra những cuộn khói màu đỏ, quần theo thân phi cơ trông như một con rồng đang phun lửa... Từ máy phóng thanh Thiếu-Tá Định hãnh diện giới thiệu đến quan khách hai phi công bay biểu diễn: Đại-Úy Phạm văn Thặng và Đại-Úy Vũ Văn Thanh, thuộc phi đoàn Thái-Dương 530. (3) Khán giả đồng loạt đứng lên cùng với tiếng vỗ tay tán thưởng vang dội, át cả tiếng nói của xưởng ngôn viên dẫn giải chương trình.

Sau màn phi diễn, quan khách được mời đến bãi đậu A1 để xem phân triển lãm phi cơ cùng các loại vũ khí trang bị. Trước những ụ đậu được đắp bằng những bao cát chống pháo kích, những chiếc khu trục làm lý nằm phơi mình

trong ánh nắng mai, bên cạnh chiếc L19 mảnh mai e lệ như một cô gái đang tuổi xuân thì, lẫn với những chiếc trực thăng gồ ghề gánh dàn cánh quạt khổng lồ trên lưng. Số lượng bom đạn được trưng bày trên sân bay, trước mặt từng loại phi cơ. Tất cả như đang chờ đợi những người khách hậu phương đến thăm để chia sẻ tâm tình sau những chuyến bay trở về từ nơi chiến trận... Những "Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt" thuộc các phi đoàn lại được dịp hướng dẫn những kiều nữ giai nhân leo lên chiếc phi cơ mình vẫn bay hàng ngày để quan sát... Trong lúc người "em gái hậu phương" đang chóng mặt với dàn đồng hồ chỉচিত gán trên bảng phi cụ, thì bên tai nàng giọng nói của "ông Thiếu-Úy phi công khu trục" cất lên như gió thoảng: "Đây là đồng hồ chỉ tốc độ. Đây là những đồng hồ định phương vị phi cơ và đây là cao độ kế, đồng hồ xăng, đồng hồ chỉ áp lực thủy điều, đồng hồ chỉ gia tốc vòng quay cánh quạt, đồng hồ chỉ áp lực chống lại sức hút của quả đất (G. Force)... Còn đây là cần lái với những nút bấm thả bom, cò bắn Đại Bác và hỏa tiễn, đây là nút điều chỉnh độ thăng bằng cho phi cơ, nút liên lạc vô tuyến, và quan trọng nhất là cần chốt kéo ghé thoát hiểm ở dưới chân ghé ngồi, cần chốt này sẽ giúp phi công nhảy dù thoát hiểm trong trường hợp phi cơ bị nạn... Tất cả những phi cụ này đều được đặt dưới sự điều khiển và kiểm soát của người phi công." Không gian cũng như biển cả, sẽ không tha thứ một lỗi lầm nào dù là nhỏ nhất của con người." (2) Khi lời giải thích của người phi công trẻ vừa dứt, thì cô nữ sinh cũng thấy mình như vừa thoát ra khỏi vòng "bát quái trận đồ" trong phòng lái của chiếc khu trục cơ sắc mùi bom đạn, nàng đưa tay vuốt nhẹ mái tóc mây rồi bởi tung bay theo gió, lấy lại bình tĩnh rồi nghiêng đầu nhí nhảnh hỏi:

- Thiếu-Úy ơi! Nếu khi thả bom mà...phi cơ bị phòng không bắn cháy thì mình...phải làm sao hả Thiếu-Úy?

Ông Thiếu-Úy phi công khu trục mỉm cười, nhìn thẳng vào mắt cô nữ sinh lý lắc, dí dỏm trả lời:

- Thì...người phi công sẽ bung dù thoát hiểm trở về, để không phụ lòng mong đợi của người ở nhà.

Gương mặt cô gái hồng lên qua câu trả lời bóng gió của ông Thiếu-Úy.

Ông Thiếu-Úy ngừng lại một giây rồi chùng giọng nói tiếp:

- Nhưng đôi khi người phi công phải chấp nhận hy sinh thân mình để đổi lấy sự an toàn và chiến thắng cho đồng bạn.

Câu nói như mũi giao nhọn xoáy vào tim người nghe. Cô nữ sinh cúi đầu chớp mắt, cảm thấy lòng mình hụt hẫng, xót xa...

Cuộc vui nào cũng chóng tàn. Buổi phi diễn đầy những hình ảnh hào hùng và sống động, rồi cũng được thay bằng những cánh tay đưa lên vẫy chào tạm biệt, cùng với những tia mắt nhìn có đuôi ném lại phía sau, như để thăm hện thêm một lần gặp gỡ cho mai sau... Mọi người hân hoan ra về, mang theo trong lòng hình ảnh khó quên của ngày đại hội.

Vào cơn bão loạn!

Sau lần phi diễn, KĐ72CT đã chứng tỏ khả năng vững mạnh của mình trong công cuộc yểm trợ quân bạn và bảo vệ vùng trời biên trấn. Để mỗi khi màn đêm buông xuống, phủ trùm lên cả một vùng núi đồi trùng điệp, thì người dân PleiKu sẽ cảm thấy yên lòng hơn khi nhìn thấy ánh lửa lập lòe từ những chiếc phi cơ võ trang bay tuần phòng không phận. Những người lính chiến KQ đang ngày đêm sát cánh cùng các đơn vị bạn giữ gìn an ninh bờ cõi... Nhưng cuộc sống của người Lính trong thời ly loạn, luôn luôn biến đổi không ngừng như những điệp khúc bi hùng trong bản trường ca bất tận của dân tộc... Nếu nơi đây đã có nhiều người nhận PleiKu là miền quê ngoại, thì cũng có những người đã phải mang theo cả khối tình không trọn xuống tuyến đài. Có những người thản nhiên ra vào nơi chốn phòng không trập trùng của địch, thì cũng có những người phải trầm mình trong biển lửa mịt mù. Cũng có người bung dù thoát ra khỏi chiếc phi cơ bốc cháy trên vòm trời lửa đạn, bỏ lại người phi tuần viên cô

đơn lang thang lạc lõng giữa bầu trời hoang lạnh, và cũng có biết bao người trở về với cõi lòng tan nát, vì đã phải bỏ lại người những người bạn đồng hành của mình nơi chiến địa...



Tháng Ba năm 1972, cuộc chiến bùng lên dữ dội. Khói lửa tràn về KonTum, PleiKu, Phú Bồn...Những cánh phượng hồng rũ rượi tả tơi bay. Người dân tấp bạt di tản, bỏ lại Phố Núi cho những người Lính chiến của QLVNCH...KĐ72CT cùng với các đơn vị Nhảy Dù, Biệt Động Quân, Bộ Binh quay cuồng trong cơn bão loạn, vùng tay điểm lên bức tranh sơn hà những đường nét bi tráng, treo lơ lửng giữa trời cho ngàn sau chiêm ngưỡng. An ninh trật tự được văn hồi, mọi người lại lục tục trở về như lời nguyện của dòng sông oan nghiệt...Sau lần chiến thắng lẫy lừng của toàn quân trong cuộc chiến của mùa Hè năm ấy, Trung Tá Định lên thay Đại Tá Bá được chuyển về coi căn cứ KQ Phan Rang. Sư Đoàn 6KQ ra đời dưới quyền chỉ huy của Chuẩn Tướng Phạm Ngọc Sang, nâng cấp số của Quân Chung Không Quân lên 6 Sư Đoàn. PleiKu trở thành nơi đồn trú của Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 6KQ, bao gồm cả căn cứ 60 Chiến Thuật tại Phù Cát, trấn yểm vùng trời Tây Nguyên và vùng biển. Cũng trong thời gian này Trung Tá Lê Văn Bút lên thay Trung Tá Định được điều về coi trường phi hành T41. Trung Tá Mười lên làm Không Đoàn Phó KĐ72CT, trao lại Phi Đoàn Thái-Dương 530 cho Thiếu Tá Bạch Diễm Sơn.

Kể từ mùa Xuân năm 1973, cuộc chiến đã xoay chiều...Người ta bắt đầu nói đến những chuyện trao đổi tù binh, rút quân và đàm phán...Sư Đoàn 6KQ hân hoan đón chào những chiến hữu thân yêu trở về từ lòng đất địch như Trần Thanh Long, Nguyễn Đình Xanh...Nhưng đằng sau cái bầy vô hình này, thì những người Lính của QLVNCH vẫn phải cô đơn đối đầu với lửa đạn trập trùng, và những mưu mô xảo quyệt của cả bạn lẫn thù. Tôi rời PleiKu trong cái bối cảnh giao thời qua những trang quân sử oai hùng cuối cùng của cuộc chiến...

Gĩa từ nơi gió cát!

Thế là sau 4 năm "trấn thủ lưu đồn", cuối cùng rồi tôi cũng phải rời vùng đất quanh năm với những cơn gió núi mưa rừng này, để chuyển về Bộ Tư Lệnh KQ ở Sài Gòn. Còn nhớ ngày nào vào một buổi sáng mùa Đông năm 1970, chúng tôi 9 người của "phi tuần Tây Tiến" từ Biên Hòa bay lên đáp PleiKu để cùng anh em thành lập đơn vị mới, "Phi Đoàn Thái Dương 530", dưới quyền của Phi-Đoàn-Trưởng Lê Bá Định, trực thuộc Không Đoàn tân lập 72CT do Trung Tá Bá chỉ huy. Rồi từ đó theo với dòng thời gian trôi qua, đã có biết bao nhiêu những kỷ

niệm vui buồn hằn sâu trên vầng trán phong sương của những người trai khói lửa....Những ngày tháng sát cánh bên đồng đội, cùng quay cuồng trong bom đạn trập trùng, vật lộn với tử thần ngoài chiến trận. Đã bao lần được làm quen với những người bạn mới qua tần số trên vùng trời mịt mù sương khói, và cũng đã bao lần đón nhận hung tin của những người bạn đã hy sinh...Trong số 9 người của đoàn quân Tây Tiến năm xưa, thì đã có 2 người vỗ cánh tung bay về phương trời khác. Hai người đã vĩnh viễn nằm yên trong lòng đất Mẹ, và bây giờ đến lượt tôi cũng lại quay lưng với PleiKu để đi theo dòng định mệnh riêng của đời mình, bỏ lại Vũ Công Hiệp, Hoàng Mạnh Dzũng, Trần Kim Long, Nguyễn Văn Hai với những tháng ngày còn lại lang thang cùng gió núi mây ngàn nơi vùng trời biên trấn...Ngày chúng tôi mới đến, căn cứ PleiKu mới chỉ có 2 KĐ đồn trú. Nay thì PleiKu đã trở thành đại-bản-doanh của một Sư-Đoàn Không-Quân bề thế, Sư-Đoàn 6KQ.

Nhìn tờ sự vụ lệnh thuyền trên mặt bàn, tôi thần thờ xếp mấy bộ đồ bay, cùng vài bộ đồ dân sự, và một ít vật dụng cá nhân vào chiếc túi sách tay phi hành, gấp tờ SVL dứt vào túi áo, rồi nhìn lại căn phòng một lần chót mà thấy bồi hồi xúc động. Vì chính tại nơi này đã bao lần tôi phải cúi đầu ngậm ngùi thương tiếc cho những người bạn đã hy sinh, và cũng đã bao lần đón mừng những người trở về từ cõi chết. Tôi bước ra khỏi căn phòng chứa đầy kỷ niệm đó, rồi đi trên con đường hàng ngày tôi vẫn đi để ra trạm tiếp liên. Dọc theo hai bên đường, từng lùm cây bụi cỏ, từng khóm dã quỳ hoang dại lao xao vươn lên trong ánh nắng sớm mai, tất cả dường như muốn nói với tôi một điều gì...Khi đi ngang qua chiếc miếu nhỏ dưới con dốc bên lề đường, chân tôi như muốn khụy xuống...Tôi nhớ lại một buổi sáng mùa Đông cách đây 4 năm, tôi và Hai đã chứng kiến một cảnh tượng kinh hoàng trước cái chết bi thảm của hai người lính trẻ...Nhìn xuống bãi đất trống bên trái, nơi mà ngày xưa chúng tôi đã quây quần bên ngọn lửa bập bùng vào một đêm trăng mờ huyền ảo, trong cái lạnh buốt của núi rừng, cùng nắm tay nhau say sưa cất cao giọng hát: *"Xin nhận nơi này làm quê hương dẫu cho khó thương - Xin nhận nơi này làm quê hương dẫu cho điêu tàn - Khi mùa mưa về bùn lang thang lấm trên gót chân."* Vậy mà ngày hôm nay chính tôi cũng lại là người bỏ vùng đất này đi. Một cơn gió lạnh bốc lên từ bãi đất trống dưới thung lũng quần lấy tôi như vòng tay của ai đó choàng qua vai níu kéo tôi lại. Tôi rùng mình kéo cao cổ áo, và chợt nhớ đến hai câu thơ của một nhà thơ nào đó, hình như Chế Lan Viên thì phải, người đã từng tâm sự từ một vùng đất ông ở: *"Khi ta ở chỉ là nơi đất ở - Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn."* Đúng vậy, còn nhớ ngày nào tôi đến, PleiKu chỉ lặng lẽ nằm yên mỉm cười chào đón. Bởi vì PleiKu biết rằng tôi đến đây và sẽ ở lại đây với PleiKu. Bây giờ tôi đi, PleiKu vùng dậy, giận hờn trách móc tiễn đưa. PleiKu đưa tôi đi và PleiKu nhủ với tôi rằng PleiKu sẽ đợi sẽ chờ: *"Anh đi rồi PleiKu gầy guộc nhớ - Đồi Cù Hanh sương khói phủ lê thê - Bao nhiêu chiều con đường xưa vẫn đợi - Từng mùa mưa lấy lợi lối đi về."* Rồi mai này chẳng biết đến mùa mưa nào thì ly khách sẽ trở lại với PleiKu đây...Tâm tình này tôi nghe mà sao thấy quen quen. Hình như tôi đã được nghe những lời nhủ nhủ như thế ở đâu đó rồi thì phải. Ô đúng rồi, trong "Tha La Xóm Đạo", Vũ Anh Khanh ngày xưa cũng đã chẳng từng một lần được nghe Tha La nhủ nhủ qua những lời lẽ tha thiết đó sao:

*"Giờ khách đi Tha La nhủ câu này"
"Khi hết giặc khách hãy về thăm nhé"
"Hãy về thăm xóm đạo"
"Có trái ngọt cây lành"
"Tha La dâng ngàn hoa gạo"
"Và suối mát rừng xanh"
"Xem đám chiến lành thương áo trắng"
"Nghe trời trở gió nhớ quanh quanh" (3)*

Tha La xóm đạo với PleiKu, hai phương trời khác biệt. Tuy không cùng chung một khoảng thời gian và một mảnh không gian, nhưng hồn đất của PleiKu và của Tha La thì từ ngàn xưa cho tới ngàn sau bao giờ cũng vậy, bao giờ cũng tha thiết, ngậm ngùi day dứt khôn nguôi...

Chiếc C130 vừa đáp xuống phi đạo và đang di chuyển vào bãi đậu trước cửa trạm tiếp liên. Tôi đưa tờ sự vụ lệnh

thuyền chuyển cho người trưởng trạm để anh ghi tên tôi vào danh sách những hành khách về Sài Gòn, rồi mượn điện thoại gọi về đài kiểm soát để nói lời từ giả với những người bạn chưa từng một lần gặp mặt, mà chỉ biết nhau qua tần số vô tuyến. Một giọng nói quen thuộc vang lên bên kia đầu giây: "Có phải "hai lần tư tưởng Hồng Hà", người phi công trong "phi tuần Tây tiến" năm xưa đó không. Tôi chắc Hồng Hà không nhận ra tôi đâu. Tôi là người đã gửi lời "Welcome Home" đến mọi người trong phi tuần, và hôm nay xin được gửi lời chúc "Hồng Hà" thượng lộ bình an. Xin hẹn một ngày gặp lại." Nghe giọng nói của người kiểm soát viên, giọng nói trầm ấm quyền theo với luồng tình cảm nồng nàn của Người PleiKu. Tôi hụt hẫng, sững sờ cảm động đến nghẹn lời, vì không ngờ đã 4 năm qua rồi mà vẫn còn có người nhớ đến "Phi Tuần Tây Tiến..."

Tôi theo đoàn người ra bãi đậu để lên máy bay. Gặp Phan Đình Hùng là trưởng phi cơ, anh kéo tôi lên phòng lái ngồi chung với phi hành đoàn. Phi cơ quay đầu chậm chạp lăn bánh trên từng thước đất thân yêu, rồi dừng lại nơi đầu phi đạo chờ "clearance" của đài kiểm soát... Trưởng phi cơ đẩy cần gia tốc của bốn động cơ lên vị thế cất cánh, rồi nhả chân thắng, chiếc C130 quần quai rung chuyển, gầm lên như tiếng gầm bi thiết của con mãnh hổ lìa đàn, lao về phía trước, bốc mình rời khỏi phi đạo, bỏ lại hình ảnh nhạt nhòa của phi trường Cù Hanh bên dưới mờ dần theo ánh mắt người đi... Trong lúc phi cơ lên cao độ, từ phòng lái của chiếc C130, tôi thấy những cụm mây trắng lướt nhanh qua khung cửa kính, mà tưởng như là những tà áo dài mềm mại tung bay trong gió của "Người PleiKu" đứng bên đường giơ tay vẫy chào đưa tiễn. Lòng tôi trùng xuống. Tôi thì thầm nói với PleiKu: "Xin được một lần vẫy tay chào PleiKu! Xin chào Tây Nguyên với những địa danh muôn đời tro gan cùng tuế nguyệt. Chào Peacock, chào PleiKu Đài, chào những người Lính Kỹ Thuật và Phòng Thủ ngày đêm vui đầu trong nhiệm vụ. Chào những con đường với cơn mưa phùn vương đầy bụi đỏ. Chào những tàng cây xanh đan bóng lá một buổi chiều nao đưa đón bước chân son. Xin chào phố xá thân thương, chào ánh đèn khuya hiu hắt nơi "Quán Biên Thùy" hằng đêm chao đảo theo cơn gió lạnh của núi rừng mịt mờ sương khói. Chào Trần Cao Chánh, Nguyễn Văn Song, Quán, Phong, Cầu, Hậu, Bình, Xuân, Thủy, Vương Mộng Long... Những con cọp rằn của vùng núi rừng Tây Nguyên trùng điệp. Xin chào Thái-Dương "The Last Real Fighters", "xin chào Lạc-Long, Sơn-Dương, Thần-Tượng, Sao-Mai, Bắc Đẩu những người bạn đã hơn một lần chia sẻ nỗi nhọc nhằn, hiểm nguy trong cuộc chiến... Thôi nhé, xin chào tất cả..."

Phi cơ chui vào vùng mây mù dày đặc, trưởng phi cơ thông báo mọi người thắt chặt dây an toàn, rồi làm IFR xuyên mây lên cao độ. Phi cơ ra khỏi mây, bình phi ở 25,000 bộ rồi thẳng đường bay về Sài Gòn. Tôi thật sự đã rời xa PleiKu!

*(...Và như những vầng thơ cổ bi tráng trong đoạn kết của "Chinh phụ ngâm", sau những tháng năm dài mong đợi, người vợ trẻ ở nhà đã phải: "Ngọt bùi thiệp đã hiếu nam - Dạy con đèn sách thiếp làm phụ thân." * Rồi một ngày nàng đón nhận tin vui của "người trai khôi lủi" từ nơi gió cát hẹn sẽ trở về để cùng nhau: "Ngâm nga mong gởi chữ tình - Đường này âu hẩn tài lành trượng phu"*... Một buổi tối, trong mái ấm gia đình, có đôi vợ chồng trẻ sung sướng nhìn đứa con đầu lòng lú lo vui đùa trước mắt bố mẹ. Người vợ tựa vai chồng thả hồn theo với giọng ngâm hào sảng của chinh nhân:*

*"Ta hồ! Trượng phu đương như thị " *)*

Trần Ngọc Nguyên Vũ

Chú Thích: (1) Thơ Hữu Loan

(2) Câu châm ngôn này được khắc trên một tảng đá cao lớn dưới móng vuốt một con chim ưng đang xòe cánh, đặt ngay cổng ra vào của trường "Hải-Quân Phi-Hành Pensacola", Florida, Hoa Kỳ. Không phải để hù dọa, mà là để nhắc nhở những chàng sinh viên mới bước chân vào quân trường để tập làm quen với cuộc đời đi mây về gió là: 'Đằng sau những đám mây nồng nà như gót chân son của giai nhân kiều nữ, lững lờ trôi trên bầu trời xanh thẳm, và

những cuộn sóng trào dâng vỗ vào thành tàu, bung ra những bọt nước trắng xóa trông như những đóa hoa biển kia là những lưỡi hái sắc bén của "Tử Thần" đang chờ đợi để lấy mạng sống của những chàng phi công và thủy thủ lãng mạn, đa tình...

(3) Thơ Vũ Anh Khanh

(*) Chinh phụ ngâm : "Chinh phụ ngâm" của Đặng Trần Côn mở đầu bằng hai câu "Thiên địa phong trần - Hồng nhan đa truân" ... và đóng lại đoạn kết bằng câu: "Ta hồ! Trương phu đương như thị."

(3) Trong số những phi công bay loại Khu Trục A1, rất ít người làm được vòng "Roll" 4 điểm mà không bị mất cao độ. **Nguyễn Gia Tập, Phạm Văn Thặng, Vũ Văn Thanh và Tạ Thượng Tứ**...là những người trong số rất ít đó. Thặng và Thanh đã bay về vùng trời miền viễn vào năm 1972. Nguyễn Gia Tập đã lấy máu mình để rửa trong dòng nước đục vào sáng ngày 30/4 năm 1975 tại tiền đình của BTLKQ. Tạ Thượng Tứ hiện cùng gia đình định cư tại Hoa Kỳ.

Độc Biên Cương Hành thấy nhớ Pleiku chi lạ, cảm ơn anh đã nhắc nhở cái thuở xa xưa: ăn cơm tay cầm, ra phố Diệp kính, leo lên tàu bay đánh nhau loạn xạ ngầu.

Chúng ta thua nhưng cái hùng khí Pleiku vẫn sống mãi phải không anh.

Nguyễn tiến Thụy

Đại Hiệp Thụy530 viết: "Chúng ta thua nhưng cái hùng khí Pleiku vẫn sống mãi..."

Trong mọi cuộc chiến "được - thua" là chuyện thường tình, cái quan trọng là những người tham dự còn giữ được cái "Hào Khí ngút trời" của tráng sĩ. Vẫn nhớ đến những người trai một thời tung hoành ngang dọc trên vòm trời Tây Nguyên ngút ngàn khói lửa, và muôn đời tưởng nhớ đến những người đã hy sinh trên vùng đất, nơi mà "Đá đỏ mồ hôi rùng ứa máu" này.

Chúc Đại Hiệp và gia đình một mùa Xuân an lành và hạnh phúc.

Tình thân,

Biên Cương Hành!

Mở đầu trang hồi ký là cảnh chia tay của người phi công thời chiến, không vì tình nhà mà sao lãng nhiệm vụ ... Sự thành lập phi đoàn khu trục A-1 Thái Dương 530 năm 1970. Chín người phi công A-1 xuất sắc của 2 phi đoàn 514 Phụng Hoàng và 518 Phi Long Biên Hoà nhận nhiệm vụ tiên phong ra căn cứ Pleiku để thành lập phi đoàn mới.

Trong những ngày kế tiếp các phi công khu trục từ Biên Hoà tiếp tục mang phi cơ ra Pleiku. Những công tác huấn luyện phi tuần viên, phi tuần phó khiến mọi người bận rộn, kể cả việc xây dựng trang bị phần sở mới. Cuối cùng rồi mọi việc cũng hoàn tất tốt đẹp. . .

Sau hơn 4 năm tích cực yểm trợ cho tuyến đầu, với môi trường và địa thế hiểm nghèo đã tôi luyện cho các phi công khu trục thành những tay bay xuất sắc. Các hoa tiêu trẻ hăng say cộng thêm các hoa tiêu gạo cội chọn lọc khiến cho phi đoàn trẻ 530 trở thành phi đoàn A-1 nổi tiếng của không lực VNCH.

Phạm văn Thặng gảy cánh ở bờ đông Dakbla năm 1972, Dương Huỳnh Kỳ thiệt mạng ở Tân Cảnh. Trần Ngọc Hà bị bắn rơi, nhảy dù và được cứu sống. Nguyễn Tài Cơ nhảy dù và được trực thăng của cố vấn cứu về, không nghỉ ngơi mà hôm sau đã tiếp tục bay hành quân. Nguyễn văn Xanh, Trần thanh Long (TT) bị bắn rơi, bị bắt cầm tù ở miền Bắc, được trả tự do trong đợt trao trả tù binh năm 1973. . .

Chiến trường càng ngày càng sôi động. . . Sau ngày Việt nam hoá chiến tranh, các cơ phận, bom đạn, nhiên liệu hạn chế khiến các phi đoàn khu trục A-1 bị đình động, người người phân tán khắp mọi nơi. . .

Sau 41 năm kể từ khi miền Nam VN rơi vào tay CS, nơi đất khách quê người, Lê Thanh Hồng Vân, một thời ngang dọc, giờ đây ngồi xe lăn với những kỷ ức xa xăm, đang sống ở thành phố Seattle (WA). Hiệp VC, Lê Thuận Lợi,

Nguyễn Tài Cơ, Nguyễn Thanh Sơn, Nguyễn Văn Hai (còn) đang sống ở San Jose (CA).

Thương tiếc những cánh sao rơi rụng: Lê Bá Định, Nguyễn Đắc Huệ và gần đây: Phạm Hữu Lộc. . .

Nhìn chung phi đoàn 530 Thái Dương đã xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ Bảo Quốc Trấn Không vùng 2 địa đầu giới tuyến . Xin cúi đầu, nghiêng mình ngưỡng mộ và cảm ơn các chiến sĩ phi công khu trục phi đoàn Thái Dương 530 (Jupiter).

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, miền Nam VN đã rơi vào tay CS. Bao người lính đã uất hận buông súng đầu hàng.

Chúng ta đã mất tất cả . . .

Phố núi cao, phố núi vẫn đầy sương . . nhưng những cảnh thơ mộng : “anh khách lạ đi lên đi xuống. . .” đã không còn. Nhớ Pleiku ta sẽ không bao giờ quên bài hát “ Còn Chút Gì Để Nhớ” thơ của Vũ Hữu Định , do Phạm Duy phổ nhạc.

Phố núi cao, phố núi đầy sương

Phố núi cây xanh, trời thấp thật buồn

.

Em Pleiku má đỏ môi hồng,

Ở đây buổi chiều quanh năm mùa đông

Nên tóc em ướt và mắt em ướt

Nên em mềm như mây chiều trong

.

Xin cảm ơn thành phố có em

Xin cảm ơn một mái tóc mềm

Mai xa lắc trên đôn biên giới

Còn một chút gì để nhớ để quên

Bốn Mươi Năm Ngày Nhập Cuộc!



Trần Ngọc Nguyên Vũ



Cho dù rằng có ai trong chúng ta đã đi trọn quãng đường trần, thì khi nhìn lại cả một đời mình, cuối cùng rồi cũng chỉ như là một thoáng mây bay... Nhưng với 40 năm ngược xuôi trong cuộc sống, chắc hẳn chúng ta cũng đã để lại cho nhau nhiều kỷ-niệm... Mà kỷ-niệm thì bao giờ cũng bắt đầu từ ở một khoảng thời gian nào đó, và trong một khoảng không-gian nào đó của con người, và trong cuộc đời của chúng ta thì có biết bao nhiêu là nơi chốn mà chúng ta đã dừng chân, nơi nào cũng trân quý, nơi nào cũng đầy ắp những tình-cảm mến thương nói sao cho hết... Và cuộc sống của chúng ta, dầu muốn dầu không, thì nó cũng đã gắn liền với số-phận nổi trôi của đất nước, bồng-bềnh như những đám mây trời vô định, biết dừng lại nơi đâu để kể lể tâm-tình... Nhưng dù có dừng lại ở đâu đi chăng nữa, thì chúng ta cũng chẳng thể nào quên được một nơi mà hơn một lần trong đời chúng ta đã đến...

...Quang Trung, Thủ-Đức, Nha-Trang, Đà-Lạt đó! Cái mốc của nơi chốn và thời gian đã in dấu chân hồ hải của những người trai từ các nẻo đường đất nước tụ về... Kể trước người sau, quỳ gối dưới ánh nền lung-linh trong gian vũ-đình-trường cao rộng, giơ tay thốt lên một lời thề cho Tổ-Quốc, Danh-Dự và Trách- Nhiệm, và sau đó đã khoác lên mình bộ áo của những người được mang danh là Người Lính VNCH... Rồi chia tay nhau để bung tỏa ra khắp bốn phương trời, mỗi người gánh trên vai một định-mệnh riêng biệt của đời mình, cùng với định-mệnh khắc-nghiệt

chung của dân-tộc... Bây giờ thì đã 40 năm trôi qua; dù rằng cái khoảng thời gian của một phần đời người đã mất có làm phai nhạt đi ít nhiều những màu sắc trong cuộc sống, nhưng có ai trong chúng ta mà không nhớ đến cái giây phút của một lần cuối cùng gặp gỡ...



...Để coi nào... Cái lần cuối đó chúng ta đã gặp nhau ở đâu nhỉ? Có phải chúng ta đã gặp lại nhau trong một phi-vụ Bắc phạt trên vùng trời Vĩnh-Linh vân vũ, căng thẳng qua những đường bay sấm sét, để rồi sau đó lúc trở về, trong hợp đoàn xuôi Nam, anh đã bay lui lại thật xa... xa lắm... như để chiêu-niệm cho chiếc số hai vắng bóng... Hay là vào một buổi chiều nào nhạt nắng, ngồi trong chiếc quán lá cheo leo nơi ghềnh đá, trên bờ sông Cửu-Long. Bên này là Nakhon Phanom của Bắc Thái, bên kia là buôn Thakhet của vương quốc Lào, anh đã chia sẻ cùng tôi sự lo âu về những hiểm nguy, bất trắc có thể xảy ra cho phi-vụ vượt biên trong đêm, bỏ lại một dòng sông nơi có những cô Nòng Sáo đang đùa nghịch, phơi bày tấm thân trần trong làn nước lạnh...

Tôi cũng còn nhớ chúng ta đã gặp lại nhau tại Đà-Nẵng với đỉnh Sơn-Chà quanh năm mây trắng phủ trong dịp Tết Mậu-Thân tang tóc thừa nào, để thấy anh hiên-ngang hiến dâng hơn nửa phần thân thể của mình cho đại-cuộc... Hay vào một đêm không trăng sao, trước khi rời tần số của Panama đài, anh đã chẳng kịp nói với tôi một lời giã biệt, âm thầm bỏ lại cả một bờ cát dài quần-quai nằm nghe trùng dương gào thét... Hay một buổi trưa buồn hiu-hắt, trên sân bay Cam-ly với những đám mây chiều nặng tâm tình của vùng núi đồi trầm lặng, mình đã cùng nhau khiêng chiếc quan-tài của người trai anh-dũng đã hy-sinh, vừa được thiên táng giữa vòm trời lửa đạn, để trả lại những kỷ-vật của anh về với vòng tay ấp ủ ngàn đời của mẹ Việt Nam yêu dấu... Hay là vào một buổi chiều âm-u sương, khói đạn của một Mùa Hè Đỏ Lửa năm nào trên đỉnh ngọn Charlie dậy mùi tử-khí. Trong khi rời vùng, anh

đã bình-thản nhận lệnh C&C, quay lại miền đất chết, leo xuống sợi giây thừng ngăn ngủi, từ chiếc trực-thăng lơ-lửng giữa trời, để thông cánh tay rắn chắc cho tôi nắm lấy, rồi chúng ta cùng đông đưa trong làn mưa đạn của quân thù, trước cặp mắt ngo-ngác của tử-thần...



Cũng có thể chúng ta đã gặp nhau dưới mái tôn nóng bỏng trong một hangar nào đó, ngổn ngang những đầu máy, những thân xác phi-cơ ghim đầy lỗ đạn ở Phù-Cát, Phan-Rang, hay PleiKu, Tân-Sơn-Nhất, Biên-Hòa, Bình-Thủy... anh đã đưa bàn tay đầy dầu mỡ, nắm lấy tay tôi trao đổi đôi lời tâm-sự... Rồi tới cái buổi quay lưng... Trước khi cất bước, tôi đã thấy anh quắc mắt thốt lên một lời thề cho ngày trở lại...

...Tất cả những hình ảnh nhạt-nhòa đó dường như còn đang lẫn-khuất đâu đây trong dòng thời gian cuộn cuộn chảy... Anh Lính VNCH ơi, bây giờ anh đang ở đâu? Có phải anh đang cô-đơn xoải cánh giữa vùng trời mịt mù giông bão, hay đã dừng chân nơi chốn lạ, và đêm về anh có nghe thấy những ưu-tư khắc-khoải của cố-nhân... Còn tôi, tôi vẫn nhớ ngày hôm ấy, nhớ cả khung trời mây trắng bay... và chỉ mong được một lần gặp gỡ để cùng nhau làm nốt cái chuyện ngày xưa, mà vì nghịch-cảnh chúng ta đành dang-dở...

...Anh Lính VNCH ơi! 40 năm trời biệt-liệt... nổi trôi theo với dòng đời của một thời luân lạc... 40 năm trời miệt-mài đi trên con đường thiên lý có bao giờ anh dừng chân nơi một quán nước bên đường để được thấy, và nghe những biểu-tượng, và lời tự-tình dân-tộc. Những lời tình-tự thâm-lặng mà nghe như vang-dội cả một bầu trời... với tiếng vọng thiết-tha của những người đã từng thâm yêu và ngưỡng-mộ cái hào-khí của Người Lính VNCH:

*Công Chúa Ngọc-Hân mơ Nguyễn-Huê
Bởi say sự nghiệp khách anh hùng
Tôi ước sao người trai nước Việt
Sẽ là những bậc Nguyễn Quang-Trung (1)*

...Tiếng vọng mệnh-mông cơ hồ như sương khói, bàng-bạc ôm phủ lòng người Không-Quân viễn xứ... Đến bao giờ

thì chúng ta đáp lại khát vọng này của cố-nhân?

...Thôi thì... đêm nay chúng ta hãy thả hồn phiêu bạt, tạm dừng ở một nơi nào đó trên cái vùng đất mà ngày xưa chúng ta đã đến... Để có thể gặp lại những con người của một thời ly loạn, đã từng gắn bó đời mình với vùng trời quê-hương mịt mù khói lửa... Để chiêm-ngưỡng cái hào-khí của những người trai trẻ nhìn đời bằng những tia nhìn khinh bạc, lạnh lùng leo lên chiếc quan tài bay, lao mình vào vùng trời lửa đạn, bỏ lại một ngày cho đời mình, một ngày cho những quần-quai đau thương của dân-tộc, và một ngày cho những đôi mắt vời vọi chờ trông nơi chốn chân mây ở tận cuối trời... Và đêm nay, hãy dừng lại ở một nơi nào đó thật yên lặng, cho lòng lắng xuống, để thấy xót-xa cho kiếp hồng-nhan của những người vợ, của những người tình, đã dắt dìu nhau qua suốt một quãng thời gian, dọc theo với chiều dài của dòng sinh-mệnh, chưa từng hưởng trọn được một ngày vui, nhưng vẫn một dạ sắt son, một lòng gắn bó cho đến phút cuối đời... Và xin hãy dừng lại một nơi nào đó để nghe những vần thơ cổ:

*Hồn tử-sĩ gió ù ù thổi
Mặt chinh-phu trắng dãi dãi soi
Chinh-phu tử-sĩ mấy người
Nào ai mặc mặt nào ai gọi hồn (2)*



Những vần thơ u-uất như một luồng âm phong thổi luồn qua con đường độc đạo từ Phú-Bồn dẫn vào tử lộ 7... Thoát ra cổ thành Quảng-Trị, trườn mình trên đại-lộ kinh hoàng, quật ngược trở về Huế, Lăng-Cô, leo lên chót đỉnh của Ải-Vân Quan rồi cuộn cuộn đổ xuống Đà-Nẵng, Pleiku, Kontum, lần khuất ngược nguồn theo với dòng Dabla huyền-hoặc... Quán lấy Phù-Cát, Phan-Rang, Nha-Trang, Ban-Mê-Thuật... Phủ trùm lên Sài-Gòn, Biên-Hòa, Bình-Thủy, và trải dài đến tận Sóc-Trăng, Châu-Đốc, Cà-Mâu, Phú-Quốc, để rồi biến mất vào với quặng trống vắng vô tận của vùng núi rừng trùng điệp... Một quặng trống không có khoảng cách của thời gian và không- gian... Nó cứ hun hút chìm sâu vào trong cùng thẳm tâm hồn của người còn lại, khi nhắc đến những người đã từng một thời được gọi là Anh Lính Chiến VNCH... Những người lính chiến đã hiên-ngang nằm xuống làm viên gạch lót

đường cho đồng bạn các anh tiếp tục cất bước...Những người đã chẳng còn bao giờ nhìn thấy cái thành, cái bại thường tình của thể- nhân...



...Các Anh Lính VNCH của vùng trời quê-hương ngày xưa ơi! Các anh có nghe gì không? Đêm nay, bạn bè, thân nhân các anh đứng đó, đang nâng niu từng giọt âm-thanh chân thành nhắc đến những tên tuổi thân thương của một thời mà mãi mãi chẳng bao giờ phai mờ trong tâm khảm... Đêm nay dù rằng bên ngoài không có ánh trăng soi đường cho hồn tử-sĩ, nhưng đã có những ánh nến huyền-ảo được thắp lên bằng cả một khối chân tình của những tri-kỷ để đón các anh về tự cõi hư-vô...

...Đêm nay, ngoài thân nhân, bạn bè đồng đội của các anh, những người đã cùng các anh chung lưng sát cánh, còn có những người đã từng hơn một lần thăm yêu, và ngưỡng-mộ cái hào-khí của các anh... Những Người Tình Chưa Một Lần Hò Hẹn mà ngày xưa đó, đã gởi đến các anh những tiếng thỏn-thức thăm lặng của con tim, thì bây giờ đây, lại thêm một lần nữa thăm lặng gởi đến các anh một vòng hoa tưởng-niệm. Vòng hoa gói trọn ân-tình bằng những lời yêu thương thăm kín của Một Người Ái-Mộ Lính...

...Còn chúng ta, những Người Lính của QLVNCH còn lại... Đến bao giờ thì chúng ta sẽ cùng nhau trở về vùng trời quê-hương yêu dấu bằng những chuyến bay chất đầy Hào-Khí Của Tiên-Nhân? Và của những người đang:

*...bao năm mài gươm dưới nguyệt
Mà tưởng nghe hồn thép réo sông sâu... (3)*

(Miền đất tạm dung. Mùa tưởng-niệm!)

Trần Ngọc Nguyên Vũ

Chú Thích: (1) Thơ Ngân-Giang

(2) Chinh Phụ Ngâm

(3) Thơ Vũ H. Chương

Buổi Lễ Phong Thần

(Nhân ngày giỗ cố Trung Tá Phạm-Văn-Thắng. Xin thắp một nén nhang lòng cúi đầu tưởng-niệm người phi-công anh-hùng đã tuấn-quốc bên bờ sông Dakbla, thuộc tỉnh Kontum vào mùa Hè năm 1972.)

Trần Ngọc Nguyên Vũ

“Cổ bề thanh động Tràng Thành nguyệt”

“Phong hỏa ảnh chiếu Cam-Toàn vân”

Đặng Trần Côn



háng Năm 1972! Tây-Nguyên đang còn ngút ngàn khói lửa. Sau lần thất-bại tại Charlie, Cộng quân điên cuồng đổ dồn lực-lượng còn lại vào Kontum. Hàng ngày những công-điện tối khẩn, từ biên-thùy tới-tập gởi về phòng truyền-tin điện-tử của Quân-Đoàn 2. Trung-tâm hành-quân không-trợ 2 làm việc ngày đêm, phối-hợp các đơn-vị tác-chiến của Sư-đoàn 2 KQ để yểm-trợ các đơn-vị dưới đất. Những chiếc xe Jeep, xe GMC chạy sầm-sập trên quốc-lộ 14, cuốn theo những đám bụi đỏ bốc lên cùng với cơn gió lốc phủ mờ cả một bầu trời. Phi-Trưởng Cù-Hạnh tấp nập với các phi-cơ vận tải đủ loại. Từ C47, C119, C123 đến C130, cùng các phi-cơ Khu-Trục A1, A37, Trục-Thăng, Quan-Sát lên xuống liên-tục, cộng thêm với đoàn người từ các nơi đổ vào căn-cứ Không-Quân Pleiku chờ được di-tản về Nha-Trang, Quy-Nhơn, tạo thành một khung-cảnh nhộn-nhip bi-hùng của một thời chinh-chiến. Các quân-nhân thuộc Liên-đoàn phòng-thủ của Không-đoàn Yểm-Cứ, và đoàn Quân-Cảnh quân-trấn Pleiku của Đại-Úy Hiền phải làm việc hầu như 24 trên 24 mới giữ-gìn được an-ninh trật-tự...

Không-đoàn 72 chiến-thuật dưới quyền chỉ huy của các sĩ quan tài ba lỗi lạc như Trung-Tá Nguyễn Văn Bá, và Trung-Tá Lê Bá Định, dốc toàn lực vào cuộc chiến. Các phi-công đã phải bay một ngày hai, ba phi-xuất mà vẫn không đủ cung-cấp cho nhu-cầu đòi hỏi của chiến-trường. Những người lính kỹ-thuật thức suốt đêm để sửa chữa những phi-cơ bị trúng đạn, hư máy, để kịp thời cung ứng cho các phi-vụ hành quân. Trên gương mặt phong-trần của những người lính chiến Không-Quân của Không-Đoàn Biên-Trấn, cùng các biệt-đội từ các nơi biệt phái đến, đã thấy hằn lên những nét mệt mỏi. Nhưng trong câu chuyện trao đổi với nhau, họ vẫn không để mất đi những nét cương-ngạnh có pha trộn chút dí-dỏm và khinh-bạc vào cuộc đời. Bây giờ là 4 giờ chiều. Tại phòng hành-quân của phi-đoàn khu-trục Thái-Dương 530, Thiếu Tá Vũ Công-Hiệp vừa nhận điện-thoại từ phòng hành-quân-chiến-cuộc của không-đoàn, yêu cầu cất cánh khẩn-cấp. Đây là phi-vụ thứ hai trong ngày của anh. Không thấy người phi-công số hai của phi-tuần tại phòng hành quân, anh quay qua hỏi Thiếu Úy Chính, sĩ-quan trực:

- Ủa, ông Thiếu-Úy Thống giờ này chưa lên phi-đoàn à?

Chính hơi bối rối, ngập ngừng nói:

- Dạ thưa Thiếu-Tá, Thiếu-Úy Thống vừa chạy ra trạm tiếp liên đón cô bạn từ Sài Gòn lên thăm. Anh nói là sẽ trở lại liền.



Hiệp nói vội:

- Vậy anh don thẳng số hai của phi-tuần kế lên thay thế.

Chinh chưa kịp thi hành thì Thặng đứng ở gần đó đã lên tiếng:

- Thôi khỏi, để tao bay thế cho thẳng Thống. Khi nào nó về, mày nói là chiều nay nó cứ việc lo cho cô bạn của nó. À mày dặn thẳng Thống là hôm nay tao sẽ mời hai đứa đi ăn cơm tối ngoài phố.

Rồi anh quay qua Hiệp nói:

- Tao bay số hai, mày sẽ đỡ vất vả.

Hiệp nhìn Thặng cười:

- Minh lên gấp, làm việc với thẳng Bắc-Đầu trên tần-số FM... Vùng làm việc ở phía Tây Bắc KonTum 2 dặm.

Thặng vừa chăm toạ-độ trên bản-đồ hành-quân vừa nói:

- Mẹ kiếp! Lần này tao sẽ xin biệt phái làm Thần Dakbla coi tụi nó có vào nổi Kontum không.

Hai ông Thiếu-Tá phi-tuần trưởng khu-trục của phi-đoàn 530, có dáng người quá khổ so với các đồng bạn khác. Một người to lớn như ông hộ-pháp, có nước da xạm nắng, với hai bàn tay sần sùi to như hai nải chuối già, được anh em ưu-ái tặng một hân danh là “Thặng Fulro”. Còn một ông cao lêu-nghêu như cây cà-kheo và gầy như một que củi, có nước da xanh lét như người vừa ốm dậy, cặp mắt sáng quắc như hai luồng điện, nhận một mỹ danh khác là “Hiệp Cò”. Một điểm đặc-biệt là cả hai đều là những cao-thủ thượng-thặng trong giới võ-lâm. Vừa sách nón bay ra bãi đậu, hai người vừa vung tay vẽ một cú “thả bom Napalm” thật thấp trong không khí.

Hiệp nói:

- Lần đầu mình sẽ đánh cùng một lúc với hai hướng ngược chiều. Lần thứ nhì đổi hướng 90 độ.

Chỉ có thể mới khóa mồm được bọn nó, để tụi nó không kịp sửa phòng-không.

Thặng cười vỗ vai người bạn đồng-hành rồi chia tay leo lên phi-cơ. Hai người cơ-trưởng trong tư-thế sẵn sàng, phụ các anh cột dây dù rồi tuột xuống để quay máy. Tiếng động-cơ nổ ròn. Hai chiếc khu-trục gầm gừ như hai con tê-giác khổng lồ di-chuyển ra đầu phi-đạo cất cánh trong tiếng reo hò, và cặp mắt ngưỡng phục của những người đang đứng đợi ngoài sân bay để lên phi-cơ di-tấn. Sự hiện-diện của các anh giờ này như một đảm-bảo để nói với người dân rằng :” Đồng bào cứ an-tâm, chúng tôi đang vào trận để giết giặc và bảo vệ đồng-bào đây.” Hai chiếc phi-cơ trang bị đầy bom đạn, song song lăn mình trên mặt phi-đạo, rồi cùng bốc lên như hai con đại bàng xoải cánh, và mất hút qua làn mây mỏng của buổi trời chiều...



Từ cao-độ 5,000 bộ ở vòng chờ trên vùng, Hiệp lắc cánh ra hiệu cho số hai vào hợp-đoàn chiến đấu, rồi chuyển qua tần-số FM để liên-lạc với phi-cơ quan sát (FAC). Tiếng rè rè của vô-tuyến cho Thặng biết là FM của Hiệp

không được tốt. Anh bấm máy liên-lạc với Hiệp qua tần-số VHF

- Thái Dương 31 đây 2 gọi. - 31 nghe năm (5/5).

- FM của máy hư rồi. Để tao bay lead.

- 31 hiểu! Máy bay Lead.

Bỗng một giọng nói trầm âm nổi lên qua tần số UHF:

- Thái-Dương đây Thiên-Lôi, gọi bạn nghe rõ không trả lời.

Thặng bấm máy trả lời:

- Thiên-Lôi, Thái-Dương nghe bạn 5.

- Thiên-Lôi, 3 phi-cơ A37 từ Nha-Trang lên. Hiện tại chúng tôi đang ở trên mục tiêu cao độ 10,000 bộ. Chúng tôi sẽ bao vùng cho bạn làm việc.

Thặng cười trên tần-số:

- Thiên-Lôi, bạn từ xa tới, để tôi nói với FAC xin nhường bạn đánh trước.

- Hà... hà... hà Thiên Lôi đâu dám thất lễ. “Tiên chủ hậu khách” mà. Chỉ vì : “Mùa chinh chiến theo chân thù nghịch - Ta về theo cho rậm chiến trường” (*) thôi. Xin mời đại-hiệp vào vùng trước.

Tiếng Thặng rồn rảng vang lên:

- Hào sảng lắm! Phải Thiên-Lôi Vũ văn Càn, “Hiệp-Sỹ diệt trừ tham nhũng” cùng nhóm với bác-sĩ Phạm-văn-Lương, và Hà Thúc-Nhon của vùng Thủy Dương cát trắng đó không. Cho tại hạ gởi lời thăm “Ngô Đại-Hiệp”.

- Đúng năm, “Cần phòng 5” của Nha-Trang ngày xưa đây. Lâu lắm mới nghe tiếng “Thái-Dương Phạm Đại-Hiệp”, danh trấn vùng trời Tây-Nguyên. Không dám nhận mỹ danh của Đại-Hiệp. Tại hạ chỉ làm theo thiên chức của một người lính chiến thời ly-loạn. Tại hạ sẽ chuyển lời thăm của Đại-Hiệp tới Ngô Đức Cửu.

Thặng bấm máy cười rồn rảng:

- Nghe được lắm. Lát nữa trên đường về, ghé PleiKu đổ xăng, tao sẽ cho máy thưởng thức món “chả chìa” đặc biệt của miền phố núi. Nhớ đợi tao ở phi-đoàn.

Sau khi trao đổi vui đùa với Càn, Thặng cùng Hiệp đổi vị-thế, rồi liên-lạc với phi-cơ quan-sát:

- Bắc-Đầu, đây Thái-Dương 31 gọi, bạn nghe rõ không trả lời.

Tiếng người phi-công quan-sát dòn-dập vang lên:

- Bắc-Đầu nghe Thái-Dương năm trên năm. Bạn cho biết trang bị.

- Thái-Dương 31 gồm hai phi-cơ A1, trang bị 12 trái Napalms 500 cân, và 1600 viên đại-bác 20ly.

- Bắc-Đầu nghe rõ. Để tôi bóc cho bạn một trái cam ăn cho mát giọng.

Thặng cười qua tần-số:

- Đ.M. không cần bóc vỏ. Đưa nguyên trái cho tao.

- Ha... ha... ha... phải Đại-Bàng Fulro đó không?

- Đúng năm. Fulro và Hiệp Cò đây. Phải thiếu-hiệp Đinh Đức-Bản, ngôi sao Bắc-Đầu của vùng trời biên trấn đó không.

- Ha...ha...Đại-Hiệp quá lời, đàn em đâu dám múa rìu qua mắt thợ...

- Thiếu-hiệp không nên quá khiêm nhường! Tình hình địch ra sao.

- Cho các Đại-Bàng biết địch quân ở về phía Tây của trái khối 200 thước, có chiến xa từng thiết. Phòng không được ghi nhận là có đại bác 12ly7 và 37ly, cùng hỏa tiễn tầm nhiệt SA7, Thái-Dương cẩn thận.

Thặng cười vang trên tần số, cảm ơn người phi-công quan-sát vui tính, rồi liên-lạc với Hiệp:

- Số 2 thấy trái khối không. Tao sẽ vào vùng theo hướng Bắc – Nam. Lấy cao-độ về tay trái. Bình-phi ở 4000 bộ. Mày vào theo hướng Nam - Bắc. Lấy cao-độ về phía trái. Bình-phi ở 3500 bộ. Mình sẽ nường mấy con cua sắt trước.

- OK! Thái-Dương 32 nghe rõ.

Thặng kiểm-soát thật nhanh các đồng-hồ trên bảng phi-cụ, rồi lật ngược phi-cơ, lặn mình 360 độ lao xuống mục-tiêu. Tiếng người phi-công quan-sát vang lên, giọng thần-phục:

- Đẹp lắm Đại-Bàng.

Thặng chưa kịp trả lời. Anh bỗng nghe thấy những tiếng bụp bụp, rồi con tàu rung lên dữ dội. Khối đen bốc mù mịt trong phòng lái. Anh vội-vàng giựt tay dãn bom, kéo phi-cơ lên cao-độ rồi liên-lạc với Hiệp:

- Tao bị rồi. Số hai lấy cao độ về hướng Đông. Đ. M. phòng không tụi nó nặng quá. Hiệp đang vào mục-tiêu, nghe Thặng gọi vội vàng giựt hết bom trên mục tiêu, rồi kéo ngược phi-cơ lên để lấy cao-độ. Anh vòng lại tổng hết tay ga để vào cận-phi với Thặng. Từ trong phòng lái của mình, Hiệp thấy bên cánh phải của Thặng khối đen phun ra một lần dài theo thân tàu, rồi phục lửa. Hiệp bấm máy gọi tới-tấp:

- Số một nhảy dù gấp. Phi-cơ mày đang cháy bên cánh phải

Tiếng Thặng bình-tĩnh trả lời:

- Mình đang ở trên đầu Kontum. Tao không thể nhảy dù được.

- OK! Mày ráng giữ cao-độ để ra khỏi Kontum. Mày còn trái bom bên cánh trái đó.
- Tao sẽ giựt tay trước khi làm “crash” bên bờ sông Dakbla.

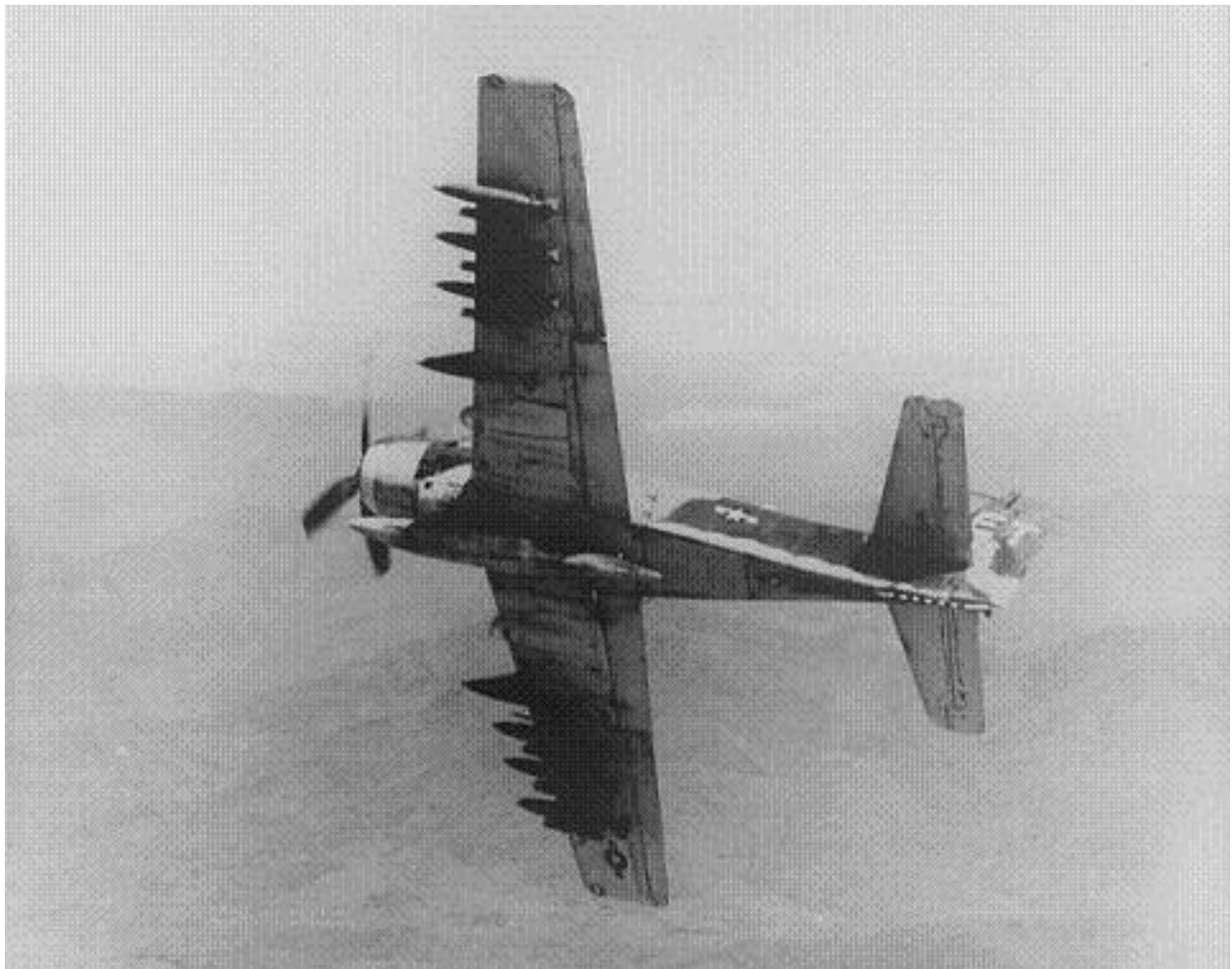
Bay sát bên Thặng Hiệp gọi:

- OK! Mày giữ hướng 180 độ. Phía 5 giờ có bãi đất trống.

Hai chiếc khu-trục cơ lao mình vùn vụt xuống, bay ngang thành phố để tới bãi đất trống bên bờ sông. Dạn phòng không từ chiếc tháp chứa nước của thành phố tưới như mưa đuổi theo chiếc phi-cơ bị nạn. Hiệp liếc mắt nhìn cao-độ-kê thấy phi-cơ đang ở cao-độ 600 bộ, anh bấm máy tới tấp gọi:

- Fulro! Nghe tao đi, Tụi nó đang từ tháp nước bắn ra, mày còn đủ cao-độ để nhảy dù. Nhảy ngay đi. Phi-cơ mày có thể phát nổ...

Từ trên cao độ Cần thấy những tia lửa nháng lên từ tháp nước, anh ra hiệu cho phi-tuần vào vị thế chiến đấu rồi bấm máy liên lạc:



i:



- Thái Dương cứ yên tâm, chúng tôi thấy tụi nó rồi. Thiên Lôi 2, 3 mình vào vòng bắn.

Ba chiếc A37 lạng mình như 3 con diều hâu săn mồi, chúi mũi lao xuống mục tiêu. Những ống hỏa tiễn công phá phóng vút ra, chiếc tháp nước cháy bùng và nổ tung từng trăm ngàn mảnh vụn. Lẫn lộn theo với tiếng khen của phi-cơ quan-sát, có tiếng tắc nghẽn của Thặng trên tần-sô:

- Đ. M. Trễ...

Hiệp thẳng-thốt gào lên:

- Fulro, Fulro, mày OK?

Không có tiếng trả lời. Chiếc phi-cơ của Thặng đang lao xuống với tốc độ 140 knots một giờ. Tốc-độ quá nhanh để làm crash. Hiệp vẫn bám sát bên cánh phải của Thặng một cách vô-vọng. Chiếc khu-trục-cơ bị nạn chạm đất nháng lửa, cây lên mặt đất lồm-chồm, oằn mình đụng vào một mô đá cao bên bờ sông. Đất đá bắn tung mù mịt, rồi một khối lửa bùng lên, cuộn theo cột khói đen cuộn cuộn như ngọn hỏa-diệm-sơn trong cơn phần-nộ chuyển mình...

Mọi việc xảy ra quá nhanh, quá đột-ngột, làm người phi-công trẻ dạn dày chiến trận, không kịp chuẩn-bị tinh-thần để đón nhận nó. Mặt anh co rúm lại, ánh mắt lạc thần, bắt- lực nhìn chiếc phi-cơ của người bạn đồng-hành chìm trong biển lửa mịt mù. Hiệp như điên cuồng, bay vòng quanh đồng lửa đang ngùn ngụt cháy. Chiếc khu-trục cơ gầm thét ở cao-độ thấp, rồi vụt bốc mình lên. Ngồi trong phòng lái, Hiệp ngoái cổ nhìn xuống. Không còn gì cả ngoài đồng lửa bập-bùng. Lên đến cao độ của vòng chờ, sau khi liên-lạc với phi-cơ quan sát để lấy chi-tiết, Hiệp lắc cánh, lặn mình quay một vòng tròn 360 độ để chào vĩnh-biệt người bạn thân lần cuối, rồi lao mình mất hút sau những đám mây tang...



Buổi chiều ngày 26 tháng 5 năm 1972, bầu trời Kontum vằn-vũ, nhỏ lệ khóc Anh-Hùng... Dòng Dakbla sủi bọt, nổi sóng gầm lên mộ-khúc bi-ai... Văng vẳng đâu đây, tiếng bom đạn âm ỳ dội lên, nghe như tiếng chiêng trống từ nơi rừng sâu núi thẳm vọng về, để đưa người tráng-sĩ qua sông nhận sắc-chỉ phong thần.

Trần Ngọc Nguyên Vũ
(Mùa tưởng-niệm!)

Chú-Thích:
(*) Thơ Phạm Ngọc Lư

Chén Rượu Tiến !

(Để tưởng nhớ “Thái-Dương Thiếu-Hiệp Lê Văn Độ”. Thân thương gửi về “Ngũ-thập-tam Thái-Dương chi bảo” của vùng trời Tây-Nguyên ngày nào...)

Trần Ngọc Nguyên Vũ

*Rót cho nghiêng dải giang-hà
Cho nghe vang vọng trong ta một thời...*



ời khỏi phòng hành-quân của phi-đoàn để ra phi-cơ, Đại-Úy Hai vỗ vai Thiếu-Úy Độ nói đùa:

- Bữa nay là ngày ông Táo về trời, cẩn thận nghe chú mày, đừng để tao phải tiễn mày theo ông Táo đó.
Độ nghe răng cười:

- Hi... hi... bom đạn vô tình, hơi đầu mà lo chuyện đời lính trận. Nhưng tui là dân miền Tây, nếu phải tiễn tui, ông nhớ đi một cặp "Đậu Nành" Cần-Thơ cho ấm lòng người chiến-sỹ đó nghe...

Cả hai ông phi-công khu-trục của phi-đoàn 530 Thái-Dương cùng cất tiếng cười vang rồi leo lên hai chiếc AD6 trang bị đầy bom đạn...



Hai chiếc phi-cơ nổ máy, lăm lăm di-chuyển vào đậu song song trên phi-đạo. Hai gọi đài kiểm soát, ra hiệu cho Độ

rồi nhả chân thẳng và từ từ đẩy tay ga lên vị thế cất cánh. Chiếc phi-cơ lao mình về phía trước. Một luồng gió giật nổi lên như muốn bứt chiếc phi-cơ ra lẽ cò. Hai kèm cứng chân đạp để giữ thăng bằng, rồi gọi số hai:

- Thái-Dương 32 coi chừng gió giật mạnh bên cánh phải.

- Thái-Dương 32 hiểu.

Chiếc AD6 của Độ chưa kịp nhấc bánh đáp đã vặn mình qua bên trái, đập mạnh trên lẽ cò, cày lên một đường thẳng khoảng 50 thước rồi quay ngang trên mặt phi-đạo và bùng cháy. Có mấy trái bom văng ra khỏi phi-cơ, lăn trên mặt nhựa của sân bay. Những trái còn lại dính hai bên cánh, chập chờn ẩn hiện sau đám lửa, và cột khói phủ quanh chiếc khu-trục cơ bị nạn như đang chờ lệnh khai hỏa của tử-thần. Hai nghe trên tần-số ground của đài kiểm-soát PleiKu đồn-dập vang lên qua nón bay:

- Thái-Dương 32, phi cơ đang bốc cháy, bạn thoát ra ngay đi. Coi chừng bom có thể phát nổ.

Hai thấy toàn thân mình lạnh cứng như một tảng băng, anh cho phi cơ queo gắt với 90 độ nghiêng. Chiếc khu-trục cơ vặn mình rít lên trong không khí, kéo theo hai lần khói trắng dài hai bên cánh như con thần long đang cuốn nước. Hai cho phi cơ bay ngược chiều phi-đạo ở cao độ 50 feet. Anh thấy Độ nằm vắt ngang bên hông phòng lái, thân hình chìm trong ngọn lửa ngùn-ngụt bốc lên, như đang chống trả với thần chết, để vượt qua khỏi quãng tử-lộ ngắn ngủi của đời người. Không biết là Độ có nghe được tiếng mình qua tần số hay không nhưng anh vẫn gọi như hét lên: "Độ ráng lên đi, coi chừng bom phát nổ!". Không có tiếng Độ trả lời, anh kéo vút phi cơ lên cao rồi vòng lại một lần nữa. Đoàn xe cứu hỏa, xe cứu thương và toán "tháo gỡ chất nổ" (EOD) đang từ bên kia sân bay phóng qua. Từ trên cao, Hai thấy những chiếc vòi rồng đang phun chất bột foam trắng xóa như tuyết phủ trùm lên ngọn lửa và những trái bom nằm lẫn lóc xung quanh. Hai liên-lạc với đài kiểm-soát:



- Đài kiểm-soát PleiKu! Xin bạn cho biết tình-trạng của Thái-Dương 32.

- PleiKu đài nhận rõ. Xin báo cho Thái-Dương 31 biết là số hai đã được đưa ra khỏi phi-cơ và đang trên đường tới bệnh xá.

- Thái-Dương 31 hiểu, cảm ơn bạn.

Hai rời tần số của đài kiểm-soát, cho phi-cơ lên cao độ, bay một vòng trên sân bay rồi chuyển hướng tới mục-tiêu... Anh mở tần-số liên-lạc với phi-cơ quan-sát:

- Bắc-Đầu đây Thái-Dương 31 gọi. Hiện tại tôi đang ở hướng Đông Nam của mục-tiêu, cao độ 5,000 bộ. Tôi lên vùng trề vì số 2 bất ngờ bị nạn trên phi-đạo.

Giọng nói trầm ấm của người phi-công quan-sát chuyễn qua nón bay như rót vào tai Hai những lời vỗ-về an-ủi:

- Bắc-Đầu nhận Thái-Dương rõ. Chúng tôi đang ở hướng 9 giờ của bạn đó, cao độ 2,000 bộ. Xin bạn cứ yên tâm, Bắc-Đầu đã được Peacock cho biết tình-trạng của Thái-Dương 32, và đã điều động thêm 2 phi-tuần A37 từ Phù Cát lên thay thế. Xin bạn cho biết trang bị.

Hai cảm động trước mối chân tình của những người bạn Quan-Sát. Anh bấm máy trả lời:

- Cảm ơn Bắc-Đầu. Tôi còn đủ sáu trái Napalm 500 cân, và 800 viên đại bác 20ly.

- Bắc-Đầu nhận rõ. Tôi sẽ cho bạn một trái cam ngay ở con chuồn chuồn. Bạn có thể salvo làm một pass.

- Thái-Dương nghe bạn 5/5.

Chiếc L19 nghiêng cánh chúi xuống bắn trái khói rồi vút lên cao. Một cột khói màu cam cuộn cuộn bốc lên giữa đám rừng cây xanh ngắt. Tiếng người phi-công quan-sát lại vang lên:

- Thái-Dương đây Bắc-Đầu! Mục tiêu ở ngay trái khói là một đoàn xe Molotova của địch được nguy-trang, đang ẩn dưới lùm cây, trông có vẻ như một đoàn xe tiếp tế đạn dược... Coi chừng có phòng không 37ly và SA7.

Hai bấm máy trả lời rồi làm một vòng roll quay tròn phi-cơ lao xuống mục tiêu. Anh bấm nút khai hỏa bốn khẩu đại bác hai bên cánh để bắn phủ đầu, và cho phi-cơ xuống một cao độ sát với đầu ngọn cây, vừa để tránh tầm nhìn của địch vừa lấy thêm tốc độ để thả bom lửa. Thấp-thoảng từ những lùm cây bên dưới vút lên những tia đạn đan chéo bên cánh phi cơ. Hai thấy miệng mình đắng chát, mồ hôi trán rịn ra, anh mím môi bấm nút thả từng trái một xuống mục tiêu. Một cuộn lửa trái dài như tám lụa hồng bung ra phủ trùm lên đầu cây ngọn cỏ... Thả xong 6 trái napalm, Hai kéo mũi phi-cơ thẳng đứng làm một nửa "vòng số tám", quay ngược đầu chúi xuống bắn thêm một tràng đại bác 20ly nữa rồi phóng lên cao độ làm vòng chờ để lấy kết quả. Tiếng người phi-công quan-sát hét lên qua ống nghe trong nón bay:



- Tuyệt cú mèo! Thái-Dương 31 đánh quá đẹp. Xin báo cho bạn biết là có nhiều tiếng nổ phụ. Thái-Dương 31 đã đánh trúng đoàn xe tiếp tế đạn dược của địch rồi đó.

Hai cười bấm máy trả lời người bạn quan-sát:

- Cảm ơn bạn quá khen. Chỉ là chuyện nhỏ thôi. Thái-Dương 31 đã thả hết bom, đạn, bây giờ tôi rời vùng. Cần thận nghe Bắc-Đầu.

Nói xong Hai lắc cánh, lấy hướng về phía Bắc-Đầu, làm một vòng roll 360 độ để chào người bạn quan-sát ở lại nơi chiến trường, rồi kéo mũi phi-cơ vút lên, lao mình mất hút sau những cụm mây xám trong vòm trời cao rộng... Có tiếng người phi-công quan-sát gọi với theo:

- Phải "Hiệp-Sĩ say Hai còi" đó không.

Xuyên qua đám mây dày đặc, Hai bấm máy cười trên tần-số:

- Ha... ha... ha... Hai còi đây. Nghe giọng nói quen quen, có phải Bắc-Đầu thiếu-hiệp Đình Đức-Bản đó không. Hẹn gặp lại bạn đêm nay tại câu-lạc-bộ không-đoàn.

Rời tần-số FM, Hai chuyển qua UHF để liên-lạc với Peacock. Anh được đài kiểm-báo của quân-khu 2 cho biết là phi-trường PleiKu hiện còn đang đóng cửa để toán EOD tháo gỡ ngòi nổ của những trái bom còn dính trên phi-cơ, và chuyển lệnh của phòng hành-quân-chiến-cuộc không-đoàn 72 chiến-thuật yêu cầu Thái-Dương 31 về đáp Phù-Cát. Nhận lệnh từ Peacock, Hai kiểm soát lại đồng hồ nhiên-liệu trên bảng phi-kế thấy còn đủ xăng để bay thêm khoảng hơn một tiếng nữa, anh cho phi-cơ lên khỏi trần mây, và bình-phi ở 11,500 bộ rồi lấy hướng đi Phù-Cát. Nhìn bầu trời đầy mây phủ trắng xóa cả một mảnh không-gian, anh thấy lòng mình chùng xuống khi nghĩ đến Độ,

người phi-công trẻ mới về phi-đoàn, như một con phượng-hoàng vừa rời tổ, chưa đủ thời giờ để mài nhẵn giữa vuốt, đã xoải cánh cô đơn, bay vào vùng trời đầy đông bão... Anh cho phi-cơ xuyên mây, rồi mở tần-số liên-lạc với Phù-Cát xin đáp...

Hai cho phi-cơ vào ụ đậu theo sự hướng dẫn của người cơ trưởng rồi tắt máy, leo ra khỏi phòng lái. Một chiếc pickup chạy tới, người trung-sĩ mở cửa xe bước ra tươi cười hỏi Hai:

- Hôm nay là ngày ông Táo về trời, Đại-Uý xuống đây có một mình.

Hai bắt tay người Trung-sĩ rồi đáp:

- Đi hai chiếc nhưng số hai làm "crashed" trên phi-đạo, phi-trưởng đóng cửa, nên phải bay xuống đây.

- Tôi vừa đổi ca trực nên không biết. Xin lỗi Đại-Uý.

Hai cười vỗ vai người trung-sĩ rồi quăng bộ giày nịt dù lưng và nón đựng mũ bay vào thùng xe nói:

- Ô không có gì, trong những phi-vụ hành-quân, tai nạn xảy ra là chuyện thường.

Vào đến phòng hành-quân-chiến-cuộc của căn-cứ Phù-Cát, Hai mượn điện-thoại "Hot Line" để gọi về PleiKu hỏi thăm tình trạng của Độ thì được biết là Độ bị phỏng nặng nên đã được đưa về bệnh-viện dã-chiến của Hoa-kỳ ở Long-Bình để chữa trị. Hai gác máy, gương mặt đăm-chiêu, ngả người nhìn lên trần nhà, và để thoát ra một tiếng thở dài... Trong cuộc đời chinh-chiến, nhiều lần vào sanh ra tử, nhưng chưa lần nào anh thấy cô-đơn và trống vắng như lần này. Một sự trống vắng pha trộn lẫn với sự hối-hận là đã bỏ lại người bạn đồng hành đang quần-quai trong cơn đau đớn của thể xác... Anh cảm thấy mình như thiếu trách-nhiệm đối với Độ. Đáng lẽ anh không nên để cho Độ cất cánh trong lúc gió ngang giạt mạnh như vậy. Hai lắc đầu xua đuổi những ý nghĩ tiếp nối...

Tiếng người sĩ-quan trực đưa Hai trở về với thực tại:

- Đại-úy đáp giờ này chắc là chưa dùng cơm chiều. Tôi vừa xuống ca trực, để tôi chở đại-úy tới khu gia-binh trong căn-cứ, mình làm vai chai cho ấm bụng. Bữa nay ngày cúng ông Táo, chắc là có nhiều món nhậu, đặc biệt là món chim mía Phù-Cát.

Hai cười cảm ơn người sĩ-quan trẻ hào-phóng. Anh móc túi coi còn bao nhiêu tiền. Bỗng anh khựng lại khi biết mình chỉ còn chưa tới hai trăm, không đủ để chi một bữa ăn tối cho một người. Anh nói:

- Cảm ơn thiếu-úy, tối nay tôi ngủ nhờ nơi phòng trực ở đây được rồi. Nếu tiện, nhờ thiếu-úy mua giùm một ổ bánh mì.

Ông thiếu-úy như hiểu ý Hai, tươi cười nói:

- Đại-úy đừng ngại, thằng Độ là bạn cùng khóa rất thân với tôi. Hồi nãy nghe báo cáo trên máy, tôi cũng có ý chở đại-úy xuống. Đêm nay đại-úy cho tôi thay nó đứng ra đãi khách nghe.

Ông trung-úy vừa nhận phiên trực mới cũng phụ họa theo:

- Đại-úy đừng bận tâm, thằng này là con ông chủ trại bưởi Biên-Hòa, đẹp trai con nhà giàu và chơi với bạn bè rất có tình nghĩa. Nó biết đại-úy cùng phi-đoàn với thằng Độ, nó sẽ không để cho đại-úy ở đây một mình đâu.

Hai cảm-động và thấy lòng mình như ấm lại sau lời nói chân-thành của những người sĩ-quan trẻ; mặc dù chưa hề quen biết, nhưng mới chỉ qua một lần đầu gặp gỡ, mà đã thấy đâu đây phảng-phất những nét giao-tình. Thử tình bằng-hữu, tri-kỷ của những người trai thời loạn...

...Buổi chiều cuối năm. Bầu trời Tây-Nguyên mịt mù sương khói. Những đám mây đen từ đỉnh núi đang kéo về như báo hiệu một cơn dông sắp đổ tới. Phi-hành-đoàn của chiếc C130 đã lấy xong hành-khách từ hậu trạm tiếp-liên, và đang cho phi-cơ di chuyển để rời phi-đạo. Nơi đầu sân bay 09, chuyến bay cuối cùng trong ngày của hãng Hàng-Không Việt Nam cũng vừa bốc khởi mặt đất, đưa khách lãnh từ phong trần trở về nhà ăn Tết, trả lại cái vắng lặng của một buổi chiều cuối năm cho vùng núi rừng biên-trấn. Nhìn đồng hồ thấy đã 6 giờ chiều. Phi-vụ tức trực bao vùng cuối cùng cũng vừa được hủy bỏ vì thời tiết xấu.

Hai gấp tám bản đồ hành-quân rồi quay qua nói với "Mai râu":

- Hôm qua bọn thằng "Tuấn Bocassa" và thằng "Xuân tóc đỏ" bên trực-thăng được ông chủ đồn-diền trà tặng con heo rừng. Tụi nó hẹn tối nay đốt lửa đón giao-thừa, nếu thiếu-tá không có hẹn với ai thì ghé chung vui với tụi này luôn thể. Hồi trưa ông "Bá chủ" cùng trung tá Định ghé phi-đoàn cho hai chai rượu đậu nành và một cặp đùi nai để anh em ăn Tết.

Mai cười rung rinh hàm râu giang-hồ nói:

- Tao có hẹn với bọn thằng Phong, thằng Chánh, thằng Hậu, thằng Cầu, thằng Quán, thằng Bình, thằng Thủy bên Biệt-Động-Quân và mấy thằng Lôi-Hồ ở KonTum tối nay ngoài quán Diễm...

Mai chưa kịp nói hết câu thì có tiếng điện-thoại reo, anh ngừng lại với tay nhắc điện-thoại:

- Thiếu-tá Mai phi-Đoàn 530 tôi nghe. Xin lỗi ai đầu giây.

Hai nhìn Mai nói đùa:

- Giờ này mà điều-động cất cánh là tui làm "abort take off" đó nghe...

Hai bỗng khựng lại khi thấy gương mặt Mai bất chợt thay đổi. Mai gác máy, rồi nhìn Hai, giọng nói như lạc đi:

- Thằng Độ đi rồi...

Hai lặng người cảm thấy như có một luồng lãnh khí chạy luồn từ chân lên đầu. Anh để rơi tám bản đồ, hướng tia mắt lạc thần nhìn lên bảng phi-lệnh như để tìm kiếm một tên tuổi thân quen... Mai đặt tay lên vai Hai, bóp nhẹ để biểu lộ một sự cảm-thông với tâm-tình u-uẩn của người bạn trẻ rồi nói:

- Thôi mình đi về cư-xá. Tối nay tụi mình sẽ họp nhau đốt lửa đón giao-thừa và để tiễn thằng Độ...

Hai không nói gì, lẳng-lặng theo Mai ra xe.

...Chung quanh đồng củi đang cháy, ánh lửa bập-bùng chiếu hắt lên từng khuôn mặt răn rỏi của những người lính chiến Không-Quân của Không Đoàn 72 chiến-thuật, những “Anh-Hùng Lương-Son-Bạc” của thời đại, tụ bốn phương trời tụ tập về đây, gặp nhau trên “Vùng Đất Trích”, để cùng chia xẻ những nhọc nhằn nguy-hiểm trong cuộc chiến. Vầng trán phong sương của mỗi người hằn lên những vết nhăn buồn...

Hai cầm chai rượu đậu nành rót cho từng người rồi cất giọng hào-sảng nói:

- Ngày xưa khi lớn lên vừa lúc biết say cuộc tình, đã phải gĩa từ sách vở và người yêu để vào say cuộc chiến... Bây giờ cuộc tình đã vỗ cánh bay xa, và trong cuộc chiến bạn bè cũng lần lượt bỏ ta đi, trong ta... chỉ còn lại có cuộc rượu đời để tiễn những thằng ra đi, và say với những thằng còn lại...Nói rồi anh giơ cao ly rượu, hướng về phía phi-đoàn trưởng "Mười Lung"; các bạn Huynh, Phan Đắc Huệ, Lê Quốc Đức, San, “Long TiTi”, "Hiệp cò", "Thặng Fulro", "Mai râu", “Thanh ngổ”, "Sơn Đ...", "Liêu say", Nguyễn Tiến Thụy, “Trung mọi”, “Long đất”, Xuân, Sơn xít, Toàn, Vĩnh-Thuận, Dự, “Phúc Gangdhi”, “Phúc cháy”, Đệ, Thống, Lộc, Cơ, Xanh, Kỳ, Thành, Nhân, Chính, Hải...cùng các bạn khác nói:

- Dzô thiếu-tá, dzô tụi bay... Ly này uống cho thằng em vừa nhập cuộc, chưa kịp thi thố tài năng, đã vội gĩa từ bạn bè và cuộc chiến...

Nói xong anh ngửa cổ uống cạn ly rượu, rồi rót đầy ly khác, tưới lên đồng lửa nói:

- Ly này để tiễn người hiệp-sĩ đã qua sông không bao giờ trở lại...

Ngọn lửa bùng lên như cánh tay trắng-sĩ giơ cao, nâng ly cùng chiến-hữu, uống cạn chén rượu ân tình...Văng vẳng từ xa ngoài phố thị, vọng lên tiếng pháo giao-thừa mừng Xuân nơi vùng trời biên-trấn...

Trần Ngọc Nguyên Vũ
(Một thời ly-loạn!)

Đất Trích !

Trần Ngọc Nguyên Vũ



*Nơi đất trích trăm dòng sông Dịch
Kinh Kha nhìn quanh cả vạn muôn
Há chỉ mình ta xuôi biên tái
"Nhất khứ bất phục phản" là thường.*

Phạm Ngọc Lư



leiKu! Vùng đất nghiệt ngã của thiên nhiên dành cho con người với những cơn gió núi mưa rừng rách trối buộc bước chân người khách lữ. Những người lính đồn trú ở đây gọi nó là "vùng đất đầy ải", hay một cái tên nghe có vẻ giang hồ và lãng mạn hơn là "Đất Trích". Tuy "Đất Trích" không có ghi trong "Sự Vụ lệnh Thuyền

Chuyển", nhưng "giang hồ" gọi nó như một lời tôn vinh cho vùng đất nghiệt ngã này. PleiKu, cái thành phố mà "Lính" nhiều hơn "Dân", nằm nhô mình lên giữa một vùng núi đồi trùng điệp của vùng Tây Nguyên quanh năm ngút ngàn khói lửa. Ở đây vào mỗi buổi chiều, khi chiếc phi cơ của hãng hàng không VN vừa cất cánh để bay về Sài Gòn, cùng tiếng gầm rú của chiếc C130 cuối cùng theo sau rời phi đạo, thì người ta có cảm tưởng như mình bị cô lập trong một thung lũng huyền bí mà ngoài kia là những rình rập bí ẩn của núi rừng...PleiKu là nơi dừng chân của nhiều sắc lính từ khắp 4 vùng chiến thuật. Những người lính mà tên tuổi đã danh chấn giang hồ như Đào Trọng Vượng, Đào Văn Năng, Hoàng Phổ, Ngô Văn Mai, Nguyễn Văn Song, Trần Cao Chánh, Vương Mộng Long, Phùng Nhi Cầu, Hậu, Phong, Bình, Thủy, Quán, Thái, Ý, Đỗ Mạnh Trường, Trần Tiễn San của Biệt Động Quân, và Nguyễn Đình Bảo, Sông Lô, Bùi Đức Lạc, Mễ, Đoàn Phương Hải, Tô Đạm Liệu, Hiệp, Thanh của Nhảy Dù. Nguyễn Ngọc Lâm của truyền Tin. Nguyễn Văn Bá, Nguyễn Hồng Tuyên, Nguyễn Ngọc Khoa, Lê Bá Định, Lê Như Hoàn, Trần Mạnh Khôi, của Không Quân...và còn rất nhiều những người khác nữa. Họ là những người đã được tôi luyện trong những "lò cừ" của quân đội, và được bọc kín trong cái vỏ "quân phong quân kỷ" bằng thép. Nhưng đôi khi họ cũng tự thoát ra khỏi cái vỏ cứng nhắc đó để sống tuyền toàng theo "giang hồ". Cũng bởi giang hồ không có vua, nên những ông "vua không ngai" này chỉ khuất phục trước cái "phong độ" và "luồng hào khí ngút trời" của tráng sĩ.

Riêng "Thần Phong Nguyễn Ngọc Khoa", "McArthur Nguyễn Văn Bá" con hùm xám của Không Đoàn 72 Biên Trấn, "Thần Điêu Đại Hiệp Lê Bá Định", và "Tiểu Mãnh Sư Trần Cao Chánh" cũng đã có lần muốn xoay vần đại cuộc cùng lịch sử, nhưng ý trời chưa thuận theo lòng người nên nửa đường đành đứt đoạn...Sau này trên bước đường phiêu bạt, từ những cánh rừng cách biệt, vào những đêm trăng mờ huyền hoặc, người ta lại nghe được tiếng gầm bi thiết của những con mãnh hổ lạc bầy, cô đơn bốc lên như muốn chọc thủng cả bầu trời tinh đầu...

Đối với lính, thì dù là đất trịch hay đất lạnh, họ cũng chỉ là những người đến rồi đi như bóng mây. Nhưng với người dân sống ở đây thì PleiKu như có một ma lực vô hình nào đó giữ họ lại; chẳng khác nào như những dòng sông huyền hoặc quấn chặt lấy núi rừng, cuộn mình nằm yên lặng làm chứng nhân cho những buổi lễ "phong thần"...Ai đã một lần đến với PleiKu và thấy yêu thương vùng đất này, thì phải ở cho đủ hai mùa mưa nắng, mới "thấm" và "cảm thông" được tâm tình u uẩn của "người phố núi".

*PleiKu gió núi mưa rừng đổ
Người đến rồi đi như bóng mây
Bỏ lại những chiều nơi phố thị
Thung lũng buồn thung lũng ngóng mây bay.*

Tây Nguyên! ...Theo lời kể của một "hậu duệ" dòng họ Võ là Trung Tá Võ Quế, KĐT/KĐ/YC PleiKu thì ngày xưa nơi đây là vùng "đất phong" của nhà Nguyễn cho những người có công với triều đình. Những tỉnh như Võ Đất, Võ Định gần PleiKu là đất phong của nhà vua cho họ Võ, và hiện nay vẫn còn ghi trên bản đồ nước Việt. Đối với dân Không Quân thì PleiKu chẳng phải là vùng đất xa lạ gì, họ có mặt ở đây từ cái thừa mà phi đạo của phi-trường Cù-Hanh còn được lót bằng những tấm vỷ sắt (PSP), nằm cạnh "cô hàng xóm" Holloway của đoàn Trực Thăng Không Kỵ Hoa Kỳ. Cái khắc nghiệt nhất của PleiKu đối với dân phi-hành là phi-trường này chỉ có độc nhất một phi đạo nằm theo hướng "Đông - Tây". Buổi sáng thì gió thổi từ hướng Đông, còn buổi chiều thì gió lại kéo về từ hướng Tây. Cho nên khi cất cánh hay về đáp, người lính KQ luôn luôn phải trực diện với tia mặt trời quái ác chiếu thẳng vào mắt họ. Một tay nghề còn non rất có thể sẽ lãnh một hậu quả vô cùng thảm khốc...Về mùa Hè, sau những phi-vụ vất vả với tử thần nơi chiến địa. Người phi-công mang con tàu về đáp, trong lúc đầu óc còn đang miên man suy nghĩ tìm một vần thơ tình tự gửi về cho "người phố núi"...đến khi nghe thấy tiếng âm thoại trầm ấm vang vọng về bên tai: " -VNAF! Đây đài kiểm soát Holloway..." thì người phi công hào hoa mới hoảng hồn tỉnh mộng, và thấy mình đã lạc cánh sang nhà "cô hàng xóm" mất rồi. Nhưng đã quá muộn. Trong cuộc đời của người lính chiến KQ, nếu có những lỗi lầm chết người, thì đôi khi cũng có những lỗi lầm thật dễ thương, và thật...đáng nhớ. Sau khi theo chiếc xe Pickup màu xanh có đeo tấm bảng kẻ hàng chữ màu trắng "Follow Me" to tởm chẳng (dù dù mắt có lèm nhèm cũng vẫn đọc được) về bên đậu. Người khách lạ lạc đường, một đêm gõ nhầm cửa, được "cô hàng xóm"

để thưởng khoản đãi một bữa ăn tối "đề đòi" tại câu lạc bộ sĩ quan (BOQ). Sáng hôm sau trước khi lên đường lại còn tiễn thêm một bữa ăn sáng đầy đủ chất dinh dưỡng, kèm thêm một "ly cối" coffee hảo hạng loại "Good to the last drop" cho tỉnh ngủ...



PleiKu! Vùng đất đầy ải đã từng đón tiếp những tên tuổi lẫy lừng của KQ như Trần Văn Minh, Đỗ Trang Phúc, Nguyễn Văn Trang, Nguyễn Hồng Tuyên, Lưu Đức Thanh, Võ Quế, Nguyễn Ngọc Khoa, Lê Bá Định, Nguyễn Văn Bá, Lê Văn Thảo, Nguyễn Quốc Thành, Lê Mộng Hoan, Lê Như Hoàn, Phạm Bính, Phạm Đình Anh, Đan Hoài Bửu, Lê Thanh Hồng Vân, Trần Mạnh Khôi, Tạ Thượng Tứ, Nguyễn Văn Mười, Lê Quốc Đức, Trần Văn Nghiêm, Phan Hiền Tính, Nghiêm Ngọc Ân, Nguyễn Quan Vĩnh, Đào Bá Hùng, Nguyễn Ngọc Lành, Lê Thuận Lợi, Ngô Nhơn, Phan Đình Hùng, Đào Quang Vinh, Vĩnh Quốc, Phạm Công Khanh, Nguyễn Văn Thắng, Trương V. Vinh, Nguyễn Phú Chính, Đặng Văn Âu, Nguyễn Quý Chấn, Nguyễn Quý An, Trương Nguyên Thuận, Thái Ngùng, Dương Hồng Phúc, Ngô Đức Cửu, Vũ Ngọc Liễn, Phạm Ngọc Hà, Vũ Công Hiệp, Hoàng Mạnh Dzũng, Bạch Diễm Sơn, Võ Ý, Mai râu, Trần Văn Lân, Lê Văn Bút, Huỳnh Hải Hổ, Đạt...cùng những khuôn mặt trẻ như Hoàng Trọng Hùng, Nguyễn Văn Hai (còi), Lê Bình Liêu, Hùng Chùa, Đinh Đức Bản, Phúc Cháy, Nhân (hạt ni), Vĩnh Hiếu, Nguyễn Đình Xanh, Chinh, Phạm Hữu Lộc, Đệ, Thông, Lạc, Xuân, Long, Thụy, Sơn, Tuấn, Trung, Cát, Độ, Ng. Ng. Hùng, Vĩnh Thuận, Hải, Phúc Gandhi, Nguyễn Tài Cơ...và bao nhiêu những người khác nữa. Họ là những người đã tạo nên nhiều "Huyền Thoại" cho vùng đất này. Những huyền thoại không cần kiểm chứng. Bởi vì có bao giờ ta đứng ngắm một bông lan rừng mọc cheo leo trên gành đá, mà còn hỏi cơn gió nào, hay loài chim nào đã mang hạt giống hiếm quý gieo xuống đây, để nó mọc lên chồi lan đang tỏa hương thơm ngát này hay không?

Trải qua suốt một khoảng chiều dài trong lịch sử của cuộc chiến, đã có biết bao nhiêu người KQ mà tên tuổi và việc làm của họ đã đi vào "huyền thoại" như Nguyễn Văn Hạnh, Phạm Phú Quốc, Nguyễn Văn Cử, Nguyễn Quang Tri, Phạm Long Sửu, Nguyễn Ngọc Biện, Lưu Kim Cương, Nguyễn Văn Tường, Dương Thiệu Hùng, Huỳnh Văn Vui, Phạm Đăng Cường, Phạm Văn Thắng, Nguyễn Du, Trần Thế Vinh, Nguyễn Gia Tập, Đào Giang Hải, Bùi Đại

Giang, Bùi Ngọc Bình, Khuru Văn Phát, Trương Phùng, Trang Văn Thành, Tào Thuận, Cát, Độ, Hùng, Dương Huỳnh Kỳ... và rất nhiều người khác nữa. Họ, những người trai thế hệ, không những đã ghi những dòng chữ bi hùng trên trang quân sử máu của dân tộc, mà phong độ hào sảng của họ còn in đậm trong lòng người qua bao thế hệ...

Mùa Hè năm 72, trời Tây Nguyên nổi cơn gió bụi. Thành phố PleiKu sôi sục như nồi nước trên ngọn lửa. Những tin tức tối mật và thượng khẩn từ biên thùy tới tấp gởi về phòng hành quân Quân Đoàn và Trung Tâm Hành Quân Không Trạ 2. Máy truyền tin bốc khói. Phi trường PleiKu nhộn nhịp suốt ngày với những chuyến bay hành quân, chuyển quân và di tản. Những chiếc vận tải cơ khổng lồ C130 khi đáp nhả ra những toán quân tăng viện, và khi cất cánh mang theo những người dân di tản về vùng an toàn...

Ngồi trong phòng lái của chiếc phi-cơ chất đầy bom đạn đậu nơi đầu phi-đạo chờ cất cánh. Người lính chiến Không-Quân đã nhìn thấy cảnh đoàn người cúi rạp mình dưới sức thổi như vũ bão của chiếc C130, tắt bật chạy lên phi cơ. Lẫn lộn trong cái hỗn độn và vội vàng kia, là hình ảnh một người con gái với mái tóc rối bời tung bay theo gió, vạt áo dài quần-quai quần lấy bước chân nghiêng ngả trên sân bay... Hình ảnh bi hùng này đã làm cho tâm lòng chai đá của người lính KQ nổi lên nổi xót xa... Anh giờ tay vẫy chào tạm biệt đoàn người trên sân bay, và bấm nút vô tuyến liên lạc với người phi-công vận-tải: "Chúc bạn một chuyến bay an toàn, chúng tôi đang vào trận để cản bước quân thù đây." Rồi anh mỉm môi tổng tay ga, đưa con tàu lao mình vào vùng trời mịt mù khói lửa...

*Ta cũng một lần qua phố núi
Dừng chân đứng ngắm áo em bay
PleiMe buổi nắng vàng hanh đỏ
Vẫn mãi trong ta những tháng ngày.*

*Từ độ hoa mùa chinh chiến nở
Mộng ước ngang trời mây tím dăng
Sách vở cũng chừng như thỏn thức
Chinh nhân biến bước quân hành.*

*Trời đất mịt mù cơn bão lửa
Phượng hồng rũ cánh tả tơi bay
Em đi bụi đỏ vương tà áo
Quán cả theo chân bước đọa đầy.*

*Gặp em buổi nắng tàn phi đạo
Rối bời vạt tóc xỏa tung bay
Ơi người con gái chiều di tản
Trôi dạt về đâu thế cuộc này.*

Giữa tháng Tư năm 1972, phố núi bừng lên, đêm cao nguyên mở hội đón những người lính "Nhảy Dù" đến tăng viện cho chiến trường. Phạm Văn Thặng cùng các bạn đến "Quán Biên Thùy" uống cạn ly rượu giang hồ để đưa tráng sĩ lên đường, băng mình vào nơi gió cát... Sấm sét gầm thét vang trời... Những người lính Bộ Binh, Nhảy Dù, Biệt Động Quân và Không Quân vào trận, quay cuồng trong lửa đạn, phóng tay điểm lên bức tranh sơn-hà những đường nét bi tráng, viết thêm một điệp khúc kiêu hùng cho bản trường ca bất tận của dân tộc...

Hai phi tuần khu trục thuộc KĐ72CT cất cánh khẩn cấp từ phi trường Cù Hanh bay lên giải vây ngọn đồi Charlie. Phi tuần đầu do Thiếu Tá Hồng Khắc San hướng dẫn vào trực thả bom. Phòng không của địch phóng lên đây trời... Dương Huỳnh Kỳ, con thần điều của phi-đoàn Thái Dương 530 bay số 2, lao xuống mục tiêu, trầm mình trong ngọn lửa mịt mù, đốt cháy đám quân cuồng kháu, cuốn theo ngọn âm phong xoáy thủng lòng người.

Phi tuần kế tiếp trên đường bay vào vùng oanh kích để cản đường quân giặc...Chiếc số 1 đã lãnh trọn luồng đạn oanh liệt của kẻ thù, bốc cháy như một bó đuốc khổng lồ...Nhưng người phi công đã kịp bung dù thoát hiểm trước khi nó đâm bổ xuống chân đồi Charlie, cùng với 3 tấn bom xăng đặc bùng lên như ngọn hỏa diệm sơn trong cơn phần nộ chuyển mình thiêu sống đám người cuồng tín.

Khói lửa ngút ngàn...Hồn tử sĩ chập chờn muôn ngả..."Đá vọng phu mọc khắp biên cương." (2) Cả đất trời cũng nhạt nhòa ngẩn lệ, tiếc thương cho người anh hùng nửa đường đứt gánh.



"Hồn tử sĩ gió ù ù thổi"
"Mặt chinh phu trắng dôi dôi soi"
"Chinh phu tử sĩ mấy người"
"Nào ai mặc mặt nào ai gọi hồn." (1)

Kỳ ra đi mang theo cuộc tình không trọn của "người em gái nhỏ PleiKu", và cả mộng ước bình thường của người cha già, chỉ mong có một đứa cháu nội để bồi đắp trước khi cụ về với cụ bà nơi cõi vĩnh hằng cao diệu vợi...Khi Kỳ leo lên chiếc khu-trục cơ chất đầy bom đạn để ra chiến trường, thì cha của Kỳ cũng được Đ/U Hai đưa ra trạm hàng không nơi đầu phi đạo 09 để đáp chuyến bay của hãng Hàng Không Việt Nam từ PleiKu về Cần Thơ. Trong lúc ngồi chờ lên phi cơ, cụ tâm sự cùng Hai Còi: "Tháng tới lên đây làm lễ cưới cho tụi nó...Nhờ trời nếu mọi chuyện đều trôi chảy thì sang năm bác lại lên đón vợ chồng chúng nó bồi con về thăm quê nội..." Nhưng những điều mơ ước của cụ đã bốc thành mây khói theo với bom đạn nổ ngang trời...

Cuối tháng 5 năm mà nghe sao lạnh lạnh...Phạm Văn Thặng một mình lội qua bờ sông định mệnh...Dòng Dakbla sủi bọt gầm lên mộ khúc bi ai...Trời KonTum vùn vù đám mây tang khóc cho một loài chim gãy cánh. Toán Lôi

Hồ của "Chiến Đoàn 2 Xung kích" nhảy xuống bốc xác người lính KQ tuần quốc. Xác Thặng được mang về Sài Gòn để làm lễ an táng... Thiếu Tá Ngô Văn Mai TĐT/TĐ11/BĐQ và Trung Úy Trần Cao Chánh quyền góp anh em một số tiền lớn giao cho Thiếu Úy Phùng Nhi Cầu tháp tùng chiếc khu trục cơ AD5 của phi đoàn 530 bay về SG trao cho gia đình Thặng. Ngày an táng Thặng, Th/Tá Đoàn Phương Hải, người lính vừa trở về từ cõi chết, chống nạng đến đưa tiễn một người bạn đang quay lưng đi vào cõi chết... Có nhìn thấy những người lính Dù và Biệt Động Quân đứng sau quan tài của Thặng, người ta mới cảm nhận được tất cả những ân tình sâu đậm, và nghĩa cử cao đẹp của người lính đối với chiến hữu của họ.

Rồi thì "con gió bụi" cũng qua đi như những đám mưa đông nổi lên và tan biến trong bầu trời vô tận. Nhưng cuộc chiến nào cũng có cái giá của nó mà những người tham dự phải trả. Hàng chục ngàn địch quân đã ngã xuống. Về phía ta, tất cả những đơn vị tham chiến đều bị thiệt hại nặng nề. Tiểu đoàn BĐQ biên phòng phải hy sinh vị tiểu đoàn trưởng anh dũng là Đ/U Bửu Chuyển và hơn một nửa quân số. Thiếu úy Nguyễn Đình Xanh thuộc phi đoàn 530, thoát ra khỏi chiếc khu trục cơ lâm nạn, nhảy dù xuống giữa trận tiền cầm chân quân giặc, để TĐ phó Phan Thái Bình dẫn nửa còn lại từ Polei-Kleng rút về hậu cứ. Tiểu đoàn 11 Dù đã phải bỏ lại người anh cả thân yêu của tiểu đoàn, Trung Tá Nguyễn Đình Bảo, cùng những "kính kha của thời đại" nơi chiến địa. Tiểu đoàn phó Nguyễn Văn Mễ bị trọng thương, Đ/U Đoàn Phương Hải thay quyền của Địch Thân, dẫn anh em rời "vùng đất chết Charlie" dưới cơn mưa pháo của địch. Tiểu đoàn 11BĐQ của Th/Tá Ngô Văn Mai cùng những con mãnh hổ của vùng "rừng núi sinh lầy" cũng cùng chung một định mệnh như những người lính Lôi Hồ của "Chiến Đoàn 2 Xung Kích"... Sư Đoàn 22BB mất đi vị chỉ huy khả kính, Đại Tá Lê Đức Đạt, cùng hàng ngàn tráng sĩ thà chết không bỏ thành, để lại tấm gương trung liệt cho ngàn sau chiêm ngưỡng. Không Đoàn 72CT và các đơn vị tăng phái của Không Đoàn 62CT chưa bao giờ mất nhiều phi-cơ và nhân sự đến như thế. Đại Úy Lê Bình Liêu, Đại Úy Trần Kim Long, Trung Úy Phạm Minh Xuân, Thiếu Úy Nguyễn Đình Xanh, Thiếu Úy Nguyễn Tài Cơ, đã phải rời bỏ những chiếc phi-cơ bốc cháy trên vòm trời lửa đạn trong đường tơ kẽ tóc... Trung Úy Tuấn Bocassa, Trung Úy Xuân tóc đỏ và người cơ phi can đảm trên chiếc trực thăng cấp cứu cuối cùng trong ngày, đã viết một câu chuyện oai hùng đến nghẹt thở mà tưởng chừng như chỉ nghe kể trong những câu chuyện "Cô Tích". Riêng Thiếu Úy Nguyễn Tài Cơ, sau 2 ngày lặn lội trong rừng sâu núi thẳm, áp dụng tất cả những gì đã học được từ bài học "thoát hiểm mưu sinh" để lẩn tránh địch quân đang điên cuồng tìm bắt người phi công lâm nạn. Cuối cùng người phi công trẻ của phi đoàn 530 đã được Jean Paul Vann, cố vấn của Trung Tướng Ngô Du, Tư Lệnh Quân Đoàn 2 đang bay thị sát chiến trường, nhận được tín hiệu, nhào xuống bốc về Pleiku... Sau khi đưa anh về đơn vị, viên cố vấn cao ngạo nhất trong những cố vấn của đồng minh Hoa Kỳ, theo đúng luật giang hồ, đã đứng thẳng người, giơ tay chào người phi công can trường của KLVNCH. Mấy ngày sau, phi cơ của Jean Paul Vann bị bắn nổ tung trong lúc bay qua vùng đóng quân của địch. Jean P. Vann một người trai xứ lạ, quê hương của anh cách xa vùng đất này cả một đại dương ngút ngàn sóng nước. Anh đến đây và chết ở đây như lời nguyện của những dòng sông oan trái. Ngày anh đi, hành trang chẳng có gì để mang theo, ngoài một "khối tình dang dở" của người ở lại... Trong cuộc chiến khốc liệt này, có biết bao nhiêu tráng sĩ, cùng những người lính của QLVNCH đã nhập cuộc trọn vẹn, để góp phần cho cuộc chiến thắng của toàn quân.

*Thái Dương vừa rơi hôm trước
Bàng hoàng còn tưởng cơn mê
Thần Tượng Lạc Long chưa tìm được xác
Bắc Đẩu Sơn Dương chẳng thấy về
Mưa rừng rơi phủ lê thê
Bản đồi cúi mặt chiều tê tái buồn.*

Máu của địch, máu của quân ta đã đổ ra chan hòa khắp nẻo, để tưới bón cho ngàn cây xanh lá, cho khóm Dã Quỳ hoang dại trở sắc vàng tươi. Áp lực của địch quân ban đầu trùm lên cả một vùng núi đồi rực lửa từ Polei Kleng, Tân Cảnh đến Kon Tum, Pleiku đã được những người lính oai hùng của QLVNCH giải tỏa.

Người dân sau một lần tạt bạt di tản, nay lại lần lượt trở về theo tiếng gọi của rừng sâu núi thẳm. Họ trở về để gây

lại cuộc sống đã hơn một lần bị đứt đoạn. Những con đường sau một thời gian vắng bóng, nay lại thấp thoáng những vạt tóc mềm ập ủ bờ vai, những tà áo dài quần quýt bước thân thương, cùng những tiếng giày, tiếng guốc ngập ngừng gõ nhịp trên đường phố...Đoạn đường tuy có ngăn ngủi, nhưng cũng đủ để hồn thơ của khách đa tình dấy lên, hòa điệu theo với cung đàn diễm tuyệt. Hàng quán lại mở ra ân cần mời mọc và lắng nghe tâm tình người khách lạ phương xa...Nhưng ánh mắt long lanh, đắm thắm của "cô hàng" hôm nao; nay trong tia nhìn, trông sao đượm màu đắm chiêu xa vắng. Ngọn đèn khuya vẫn le lói mà như heo hút chập chờn...Chao đảo theo cơn gió lạnh của núi rừng, như ngóng trông, chờ đợi người đi không trở lại. Người đi không trở lại, nhưng người ở lại vẫn đợi vẫn chờ. Niềm thương nỗi nhớ theo ngày tháng chồng chất lên vai, càng lúc càng nặng như những đám mây đen gầm gừ, chầm chậm kéo về tận cuối chân trời.

*Anh đi rồi PleiKu gầy guộc nhớ
Đôi Cù Hanh sương khói phủ lê thê
Bao nhiêu chiều con đường xưa vẫn đợi
Từng mùa mưa lầy lội lối đi về.*

Và rồi tất cả lại được bắt đầu bằng những xây đắp cần cù và nhẫn nại của "người phò núi", như những con dã tràng se cát, để tạo ra cuộc sống, để làm nên cuộc tình...Cho đến ngày như định mệnh đã an bài, một thảm họa khốc liệt khác lại bắt thần chụp xuống vùng núi đồi Tây Nguyên trùng điệp, kéo theo ngọn sóng thần cuồng nộ dâng lên, tràn theo tỉnh lộ 7, phủ trùm lấy KonTum, PleiKu, Phú Bổn...Cuốn trôi tất cả những dấu vết của vùng đất oan nghiệt. Vùng đất một thời được gọi là "**Đất Trích!**".

*Ta vẫn hoài mong từ dạo ấy
Một lần tạ lỗi với tang thương
Với khung trời phủ mờ sương khói
Với những gian truân những đoạn trường.*

Trần Ngọc Nguyên Vũ

Chú thích:

(1) Chinh Phụ Ngâm

(2) Thơ Phạm Ngọc Lư

Dòng Sông Tĩnh Lặng !

(Xin thắp một nén nhang lòng tưởng niệm cố Trung Tá Phi Công Lê Bá Định. Để nhớ lại một thời đã qua...Một đời đã qua!)

Trần Ngọc Nguyên Vũ



"Tịch tịch Lãng Già nguyệt"
"Không không độ hải chu"
Thiền Sư Huệ Sinh



gười khách lữ hành miệt mài đi trên con đường cái quan của đất nước, bắt đầu từ Ải Nam Quan đến mũi Cà Mau. Vượt qua biết bao nhiêu những dòng sông lịch sử, từ Bạch Đằng Giang, Hồng Hà, tới sông Gianh, sông Bến Hải. Qua dòng Thạch Hãn, vượt đỉnh Trường Sơn ngược nguồn lên cao nguyên lần theo những dòng

sông PoKor, Dakbla huyền hoặc. Rồi xuôi Nam tự về 9 dòng Cửu Long Giang cuộn cuộn đổ ra trùng khơi biển cả. Ở mỗi nơi, khách đều dừng chân ngâm ngùi chiêm ngưỡng những dấu tích bí tráng của một thời. Nhưng cảnh vật còn đây mà "Anh Hùng Hào Kiệt" ngày xưa nào đâu thấy...Chỉ thấy sóng nước găm lên khúc độc hành...

...Ông ra chào đời và lớn lên vào "thửa trời đất nổi cơn gió bụi" (1). Lúc thiếu thời, ông miệt mài nấu sủ sôi kinh, rèn luyện bản thân và tạo cho mình một gánh hành trang cần thiết để đi vào cuộc sống...Cũng như bao người trai cùng thế hệ "màu tím hoa sim" với ông, thế hệ của những người đã "...Bao năm mài gươm dưới nguyệt - Mà tưởng nghe hồn thép réo sông sâu." (2) Năm 1958 ông tình nguyện đầu quân vào quân chủng Không Quân, và được huấn luyện để trở thành một phi công. Sau khi tốt nghiệp, ông về phục vụ tại Phi Đoàn 1 Khu Trục (tiền thân của PĐ Phụng Hoàng 514) đồn trú tại căn cứ không quân Biên-Hòa. Là một phi công tài hoa son trẻ và nhiệt tình, ông cùng các bạn đồng lứa ôm trong lòng một hoài bão của những người lấy "Chí làm trai dặm nghìn da ngựa - Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao" (3) làm phương châm cho cuộc sống. Chính những người như ông cùng các bạn đã làm cho ngành Khu-Trục trở thành những đơn vị tác chiến lừng danh của KLVNCH thời bấy giờ.

Hồi mới vào KQ tôi đã nghe danh ông cùng những tên tuổi như Phạm Long Sứ, Võ Xuân Lành, Nguyễn Quang Tri, Lưu Kim Cương, Nguyễn Ngọc Khoa, Nguyễn Văn Bá, Nguyễn Hồng Tuyền, Nguyễn Văn Tường, Ché Văn nghĩa, Ôn Văn Tài, Nguyễn Văn Giang, Lê Văn Thảo, Huỳnh Văn Vui, Nguyễn Quốc Hưng, Nguyễn Quốc Thành, Lê Mộng Hoan, Lê Như Hoàn, Đan Hoài Bửu, Phạm Đình Anh, Lê Phước Cung, Trần Văn Việt, Phạm Đăng Cường, ...nhưng chưa có dịp quen ông cho đến khi đi biệt phái PleiKu, bay cho MAC SOG yểm trợ Chiến Đoàn 2 Xung Kích ở KonTum, và B50 ở Ban Mê Thuột, tôi mới được hân hạnh gặp gỡ và quen biết ông. Tôi gặp ông cũng là do cái "duyên nghiệp" đưa đẩy. Lúc đó ông đang giữ chức vụ Trưởng Phòng Tâm Lý Chiến của căn cứ 92 chiến thuật. Vì cùng là dân KT nên thỉnh thoảng ông hay ghé biệt đội thăm chúng tôi, và chia sẻ những kinh nghiệm bay bổng. Qua những lần gặp gỡ đó, tôi thấy ở ông như đang có ngọn lửa ưu tư bập bùng trong lòng. Tôi vốn là người thích thơ văn, gặp ông cũng là tay sành văn chương thơ phú, cho nên tuy mới gặp mà đã như quen biết tự bao giờ...Thửa ấy vào những ngày mưa dầm gió bắc, ông hay mời chúng tôi đến nhà ông. Có khi cùng ông ăn một bữa cơm thanh đạm gia đình, do bàn tay khéo léo của người vợ hiền sửa soạn. Hay những buổi tối đội mưa ghé thăm ông để được thưởng thức một chén chè đậu đỏ ngọt đậm tình người. Hoặc những buổi chiều mây đông đen kịt kéo về phủ kín cả bầu trời phổ núi, tôi cùng Vũ Công Hiệp, Nguyễn Hoàng Mai, Hoàng Mạnh Dzũng đến thăm ông, cùng ông bàn chuyện thơ văn bên ấm trà sen thơm ngát...Ông là một người hào phóng và lịch duyệt, nói chuyện rất có duyên, hiểu biết nhiều, lại thêm giọng nói trầm ấm, dầm dẫm và lời cuốn làm cho người nghe phải cảm mến. Qua những buổi trà đàm cùng ông, ông thường nói về nghệ thuật uống trà của kẻ sĩ. Ông nói uống trà không cần phải cầu kỳ quá như Trà Đạo của Nhật Bản, hay lối pha trà kiểu cách của người Tàu, nhưng cũng không quá giản dị mà để mất đi cái "lẽ" đối với trà. Uống trà là phải uống được cái hồn trà, cũng như đọc thơ văn hay nghe nhạc là phải cảm nhận được cái hồn của văn thơ và nhạc. Mà hồn văn thơ hay hồn nhạc là gì nếu không phải là tâm tình của tác giả hòa lẫn vào câu thơ, lời văn hay khúc nhạc mong gởi đến người nghe đó sao. Hồn trà cũng vậy, có phải là hồn của người pha trà gởi vào trong ấm trà, bình trà để khi rót ra, tức là rót cả tâm tình của mình vào ly vào tách để mời khách đó hay sao. Cho nên khi uống trà, người uống có thưởng thức được vị trà, và cảm nhận được tâm tình của người pha trà mới gọi là tri âm, tri kỷ...Nghe ông nói dù chưa uống trà nhưng tôi đã thấy đâu đây thoang thoang hương trà đậm tình tri kỷ bốc lên rồi...Trong số những văn nhân thi sỹ Đông Tây kim cổ, ông thích nhất Tô Đông Pha, và Hàn Mặc Tử. Với họ Tô, ông thích cái hào khí của một kẻ sĩ quần lầy bước chân của thi nhân trên những chặng đường đầy ải. Với Hàn Mặc Tử, ông cảm nhận được cái phong thái phiêu diêu, lãng đãng và những nỗi day dứt, thiết tha ẩn sau những cơn đau đớn tột cùng của thân xác thi nhân. Hình như qua cuộc đời thăng trầm đầy những sự đau đớn, oan khuất và đọa đầy của những nhà thơ tài hoa nhất mực ngày xưa này, mà ông đã tìm được chân diện mục của chính mình chẳng...Ông có một lối sống ung dung tự tại...Một lối sống rất thiên trong triết lý "Cư Trần Lạc Đạo" của vua Trần Nhân Tông, vị đệ nhất tổ thiên phái "Trúc Lâm Yên Tử" của Việt nam. Ông đem thiên cả vào trong cuộc chiến để vượt ra khỏi vòng cương tỏa của những chết chóc, của bom nổ đạn bay, để thấy được cái hạnh phúc thật đơn giản của con người, những cảnh trí đẹp tuyệt vời của thiên nhiên. Nó luôn luôn ở ngay bên cạnh mình, không cần phải vọng tâm mong ước; chỉ cần nhận ra nó, và nhìn nó bằng một cái nhìn "bất nhị", và nhất là để biết mỉm cười với thế nhân. Hãy nghe ông tâm sự:

"...Lúc trở vào mục tiêu lần thứ ba, có nhiều va chạm mạnh ở toàn thân phi cơ. Cánh chim lao chao... Tôi trút hết số bom vào mục tiêu đang cháy bùng vỡ toang... Tôi chợt thấy rợn người... Tôi đã xuống quá thấp và hiện ra ở cách độ 1500 bộ... Vách đá trước mắt tôi với nhiều vết đạn dài bay lên như sắp đổ ập lên tôi... Chạm quá rồi...

Tôi phải kéo thật mạnh để tung bóng lên cao. Nhưng nếu cần lái lại bị kẹt vì lý do nào đó... Nếu các định luật gia tốc và thăng tốc không còn đúng nữa ở trong trường hợp này?

Bao sức mạnh trong tôi dồn cả vào đôi tay níu kéo cần lái như chỉ một lần cuối níu kéo định mệnh, níu kéo những giây phút sau cùng của cuộc đời. Tôi cố nhấc bóng khối sắt nặng nhiều tấn đang rung mạnh lên cao... Hôm nay không có trời xanh cao đẹp, nhưng những đám mây xám ngoét kia giờ đây sao lại đẹp dị thường. Các bạn tôi đang tìm tôi trên vùng mây kia.

Những giây phút này chắc tôi không còn có thể đưa họ trở về phương Nam như một "đàn chim Việt". Lòng tôi thanh thản vô cùng. Tôi nhớ rõ trước khi đi, tôi đã ra lệnh tỉ mỉ cho người phi đội phó thay tôi nếu tôi rơi rụng... Họ sẽ trở về an toàn dù có thiếu vắng tôi. Không có gì là quá đắt nếu chỉ một mình tôi phải trả giá cho phi vụ này... Trong phim Le Pont de Toko Ri có ai trở về đâu... Thế mà các bạn tôi sẽ trở về. Chắc chắn họ sẽ trở về... Chấp nhận kiếp sống mây trời là để sống hào hùng và chết oanh liệt...

Chợt một khe núi thoáng hiện bên phải hướng hai giờ. Tôi không cần thấy rõ những gì trong ấy. Bấy nhiêu đó quá đủ giúp tôi vượt khỏi bàn tay tử thần một lần nữa... Thôi tử thần, ta chào mi. Hẹn lần khác nhà.

Tôi vượt lên cao...

Các bạn tôi đang lượn vòng chờ đợi.

Chúng tôi im lặng hướng về Nam, luôn luôn ở đội hình chiến đấu để chờ đợi một cuộc săn đuổi của phi cơ địch. Nhưng rồi lại thoáng hiện chiếc cầu với hai cột cờ.

Lân này thì lại nằm bên cánh tay phải.

Phải, trái? Ai phải, ai trái? Tôi không cần.

Chỉ biết rằng chúng tôi đang trở về toàn vẹn và bây giờ hiện bay trên Huế...

Hầu hết phi cơ bị trúng đạn, nhưng nhạc gió vẫn quay đều. Tôi báo cáo sơ lược cho đài kiểm báo và cho biết đang trên đường về.

Hoàng hôn đẹp.

Sóng biển lấp lánh ánh bạc.

Tôi gỡ nhẹ đôi găng tay để đốt một điếu thuốc nhai nheo được vuốt thẳng. Trời tối dần. Khi đưa điếu thuốc lên môi, tôi chợt thấy bàn tay run run... Vì sung sướng thành công hay vì những phút giây căng thẳng rợn người vừa qua còn vương vấn? Có lẽ hai thứ hoà chung.

Thuốc ngon quá.

Buổi tối, lúc đang sửa soạn cho phi vụ hôm sau, thành tích của tôi được loan truyền trên đài phát thanh Sài Gòn.

Tò mò bắt sang đài Hà Nội, họ đang khoe đã hạ được năm máy bay trong số ba mươi máy bay tiến đánh lúc ban trưa ở cùng một nơi chốn và thời gian mười hai chúng tôi đã đến và trở về.

Tôi mỉm cười...

Lê Bá Định".

Thật là một nụ cười dí dỏm. Nụ cười thoang thoảng hương "Thiên" trong cuộc sống.

...Không phải vô cớ mà từ một Phi Đoàn Phó của phi đoàn Phụng Hoàng 514, một phi đoàn khu-trục lưng danh của Không Lực VNCH, cùng với hàng ngàn giờ bay cá nhân, qua các phi vụ bình Nam phạt Bắc, ông lại thu mình ngồi mai danh ẩn tích trong cái văn phòng nhỏ bé, trên ngọn đồi của căn cứ 92 Chiến Thuật đèo heo hút gió này. Cái văn phòng vốn vẹn chỉ có dăm ba nhân viên, cả Kinh lẫn Thượng, và một người lính văn thư ngày ngày ngồi đợi ông đọc xong giấy tờ từ trên gửi xuống để cho vào sổ lưu...

...Cho đến ngày ông bước ra khỏi cái văn phòng nhỏ bé đó để về làm phi đoàn trưởng phi đoàn "Thái Dương 530", quy tụ những anh-hùng hào-khiet từ các nơi đổ về, hợp cùng với phi đoàn quan sát "Black Cat" (3) của Thiếu Tá Võ Công Minh, các phi đoàn trực thăng "Lạc Long" của Thiếu Tá Lê Văn Bút, và "Sơn Dương" do Thiếu Tá Vĩnh Quốc làm Phi Đoàn Trưởng, cùng các đơn vị kỹ thuật của Thiếu Tá Nguyễn Hữu Sung, tạo nên cái sườn cho Không Đoàn 72 Chiến Thuật, dưới quyền chỉ huy của chiến lược gia lỗi lạc của KQ là Trung Tá Nguyễn Văn Bá, mà chỉ trong một khoảng thời gian ngắn, Không Đoàn tân lập này đã vươn mình như Phù-Đồng Thiên-Vương, lập được nhiều thành tích đáng kể, và đã góp phần vào cuộc chiến thắng lẫy lừng của toàn quân vào mùa Hè năm 72...

...Ông làm Phi-Đoàn Trưởng PD "Thái-Dương 530" chỉ trong một khoảng thời gian ngắn, rồi lên làm liên Đoàn Trưởng LD72 Tác Chiến thay Tr/Tá Trang được chuyển về Nha Trang. Ít lâu sau, tôi cũng rời phi đoàn để lên coi phòng Huấn Luyện Không Đoàn, thay thế Th/Tá Hưng đi làm sĩ quan liên lạc trực thăng bên Hoa Kỳ. Tuy ngồi ở phòng huấn luyện, nhưng tôi vẫn thường xuyên về phi đoàn để chia sẻ cùng anh em những nhọc nhằn, nguy hiểm trong cuộc chiến...Trong khoảng thời gian này, khi bay những phi vụ hành quân, chúng tôi đã nhiều lần phát hiện ra dấu vết của những con đường mòn do địch quân khai phá, xuyên qua vùng núi đồi trùng điệp của miền Tây Nguyên. Có những đoạn rộng thênh thang đủ cho xe tăng và molotova của địch di chuyển. Những phi-tuần trưởng có uy tín của phi đoàn như Nguyễn Văn Huynh, Phạm Văn Thặng, Vũ Công Hiệp, Bạch Diễm Sơn, Hồng Khắc San, Trần Thanh Long, Hoàng Mạnh Dzũng, Nguyễn Hoàng Mai, Lê Thuận Lợi, Vũ Văn Thanh đã nhiều lần viết những bản báo cáo tỹ mỹ gửi lên ông và Trung Tá Bá để trình lên thượng cấp, nhưng không lần nào thấy hồi âm...Riêng chỉ có ông và ông "Bá Chủ" là những người chia sẻ ưu tư cùng chúng tôi. Ông tỏ ý lo ngại không biết đất nước này rồi sẽ đi về đâu...Ông lo ngại cho những người lính trẻ đầy nhiệt tình và lòng quả cảm, sẵn sàng hy sinh cho đại cuộc, đang bị buộc chân, cột tay, dấn thân vào một cuộc chiến không có lối thoát...Ông tâm sự với chúng tôi là chúng ta cần phải làm một cái gì đó để thoát ra khỏi tình trạng này, dành lại quyền làm chủ chiến trường, để sớm đem lại cuộc sống thanh bình cho đất nước. Nếu không thì cuối cùng chúng ta sẽ phải lãnh một hậu quả vô cùng thảm khốc...Câu nói này đã để lại trong tôi những day dứt suốt cả cuộc đời...Và cũng vì câu nói này mà định mệnh đã đẩy tôi cùng Phạm Văn Thặng, Trần Kim Long, Trần Văn Phúc, và Trần Cao Chánh bên BĐQ vào một khúc ngoặt của lịch sử...

...Vào khoảng cuối mùa Xuân năm 1971, Trung Tá Khoa, sếp cũ của tôi hồi ở Đ83, bắt thần bay lên Pleiku để gặp Trung Tá Bá và ông. Không ai biết được chi tiết về cuộc gặp gỡ bí mật của những con người coi núi Thái Sơn nhẹ như chiếc lông hồng này. Buổi trưa hôm đó, tôi được gọi lên trình diện ông và Trung Tá Bá để nhận lệnh thành lập một phi đội đặc nhiệm. Tôi nộp cho ông một danh sách 4 người gồm có tôi cùng Phạm Văn Thặng, Trần Kim Long và Trần Văn Phúc, để ông làm SVL di chuyển.

Sáng sớm hôm sau, khi đất trời còn đang ủ mình trong màn sương lạnh của núi rừng, ông đưa chúng tôi ra tận chỗ

chiếc trực thăng đang quay máy chờ nơi đầu phi đạo 09. Trước khi lên phi cơ, ông nắm chặt tay từng người nói qua sức gió thổi của cánh quạt quay vù vù trên đầu: "Tụi 'Toi' về trong ấy gặp anh Khoa. Công việc chưa biết ra sao, nhưng ở ngoài này 'Moi' và ông Bá chủ sẽ phải gồng mình chờ đợi..." Nghe ông nói tôi lặng người đi như vừa chạm phải một dòng điện...Nhìn vào mắt ông, tôi thấy trong tận cùng sâu thẳm nơi đáy mắt của ông, như đang bốc lên ánh men say của khúc "Tống Biệt Hành." Chúng tôi nhảy lên phi cơ. Chiếc trực thăng bốc mình rời khỏi mặt đất, quay một vòng như để chào tiễn biệt, rồi chúi mũi lao về phía trước. Từ trên chiếc trực thăng nhìn xuống, tôi thấy dáng ông nghiêng ngả trên sân bay, gờ tay vẫy...Tôi thấy lòng mình trùng xuống, qua tiếng động cơ của con tàu, tôi nghe như có tiếng gào thét vọng về từ một dòng sông định mệnh...

...Nhưng ý trời chưa thuận chiều theo lòng người nên mọi chuyện đã không thành. Sau một thời gian nằm chờ tại Tân Sơn Nhất, chúng tôi lại trở về đơn vị cũ. Lúc đi không có rượu Bò Đào, chén Dạ Quang đưa tiễn; lúc về cũng âm thầm như cơn gió thoảng, không để lại dấu vết gì, mà chỉ để lại cái âm hưởng hào hùng của tráng sĩ qua những vần thơ: **"Một nhát dao bay ngàn thừa đẹp - Dù sai hay trúng cũng là dư."** (4) Cũng từ đó, trên vầng trán của ông và của những người trai thời loạn, càng hằn sâu thêm những nếp nhăn ưu tư cho vận nước.

Sau mùa Hè năm 1972, Đại Tá Bá đổi về Phan Rang làm Chỉ Huy Trưởng căn cứ 20 chiến thuật, và ông được điều lên làm Không Đoàn Trưởng KĐ/72/CT. Cùng quãng thời gian này, khi Sư Đoàn 6 KQ được thành lập, dưới quyền chỉ huy của Đại Tá Phạm Ngọc Sang, thì cuộc đời và sự nghiệp của ông lại bung ra như mây như mưa bay khắp bốn phương trời...Nhớ lại ngày nào ông từ cái văn phòng "Tâm Lý Chiến" chật hẹp, đứng lên vươn vai xoải cánh như con phượng hoàng vùng vẫy, tạo ra biết bao nhiêu những huyền thoại, bạch thoại quần lầy bước chân...Nay cái duyên của ông với vùng trời biên trấn cũng đã hết. Ông lại ung dung cùng gia đình ngắt ngưỡng ngồi trên chiếc xe đồ xọc xạch, từ PleiKu xuyên qua Quốc Lộ 19, đánh một vòng ngao du sơn thủy, đắm mình vào với khung cảnh kỳ tú của non xanh, nước biếc, nhuộm thắm tâm hồn người "chinh nhân nghệ sĩ". Rồi qua đèo dốc xuôi Nam về miền biển, ngày ngày chăm lo cho những cánh chim non, đào tạo cho Không Lực VNCH những phi công ưu tú trẻ tuổi, để sau này tung vào cuộc chiến.

Tháng Tư năm 75, lịch sử lại một lần sang trang. Những ưu tư, lo lắng của ông ngày nào như một lời tiên tri nay đã ứng nghiệm. Đời ông cùng với vận mệnh của đất nước lại rẽ vào một khúc ngoặt nghiệt ngã của cuộc bể dâu...Sau mười năm bầm dập trong chốn lao tù, ông bước ra khỏi vũng lầy dẫu bể, trở về với nhân thế để chứng kiến sự phá sản đến tận cùng của quê hương, và của những mảnh đời bất hạnh. Sóng gió âm âm nổi lên cùng những câu hỏi quay cuồng trong đầu... Than vãn ư? Có cần thiết lắm không khi quanh ông đầy những tiếng oán than. Trách móc ư? Trách cái gì và trách ai đây khi tất cả mọi người đang ngụp lặn trong cơn ba đào của cuộc sống. Nhưng đó là cái phong độ hào sảng của một "chinh nhân" trong ông. Nó không cho phép ông được yếu lòng như vậy. Thế còn là một "thi nhân" thì sao? Có lẽ nào ông không có những cảm xúc hay rung động gì sao? Có lẽ nào ông không cảm được hồn của người pha trà đã rót hết tâm tình của mình vào ly trà hội ngộ mừng ông trở về đó hay sao? Và ông đã ngửa cổ uống cạn ly trà tri kỷ, uống cạn cả những ân tình đọng trong đáy mắt của tri âm...Ông trở về như người về trong cõi thơ và nhạc:

*"Ta về như tiếng kêu đồng vọng
Rau mác lên bờ đã trở bông
Cho dẫu ngàn năm em vẫn đứng
Chờ anh như biển vẫn chờ sông
Ta gọi thời gian sau cánh cửa
Nổi mừng ràn rụa mắt ai sầu
Ta nghe như máu ân tình chảy
Từ kiếp nào xưa tương lạc nhau
Ta về dẫu phải đi chân đất
Khắp thế gian này để gặp em
Đau khổ riêng gì nơi gió cát*

Hề nhà, bụi chuối thức thâu đêm" (5)

...Chỉ có thể thôi, và cũng chỉ mới có ngần ấy thôi mà cũng đã đủ để làm cho nước mắt của người bạn đời tuôn ra chan hòa như dòng suối mát, cuốn trôi tất cả những héo úa, mỗi mòn của những tháng năm chờ đợi... Là một kẻ sĩ bất phùng thời, ông ung dung hòa mình vào với dòng đời xuôi ngược, sẵn tay vén ổng thu dọn những đổ nát của xã hội nhân quần:

*Ta về dạy dỗ đàn con trẻ
Đạo lý vương tròn của tổ tiên
Tu bổ ngôi đền thờ Quốc Tổ
Vun bồi công đức thừa Hùng Vương.
Ta về lợp mái nhà loang lỗ
Sửa bức tường nghiêng đắp lại nền
Cuốc xới khu vườn hoang phế cũ
Cho mầm hạt giống mới vươn lên.
Ta về lật quăng thời gian cũ
Đếm bước ngày xưa phủ bụi đường
Ai có vì ta mang hệ lụy
Cúi đầu ta nhận hết đau thương.
Ta về gây lại nông tâm cũ
Dệt nốt cho em tấm lụa vàng
Se kết đường tơ còn dang dở
Cho nàng áo mới đón Xuân sang.*

Ông bắt đầu xây dựng lại cuộc sống cho gia đình. Ông dạy con cái rất nghiêm minh, để sau này các con ông trở thành những người hữu ích cho nhân quần, xã hội. Với bản thân, ông luôn luôn giữ cho mình cái tiết tháo của một kẻ sĩ. Rồi ông lại ung dung nắm tay dìu người bạn đời, cùng nhau cất bước đi cho trọn quãng đường trần...

Suốt cuộc đời ông trong cuộc sống, ông đã trải qua biết bao nhiêu những thăng trầm, lao đao lận đận... Từ một chinh nhân và thi nhân bông bênh theo cơn gió bụi, tới một tha nhân chìm đắm trong cõi vô thường. Cho đến những ngày tháng cuối cùng nơi trần thế, nằm trên giường bệnh, chịu đựng sự hành hạ đau đớn đến tột cùng của thân xác, như để trả hết cái nghiệp của "**Nhân Duyên**" do "**Vô minh và Hành**" gây ra từ vô lượng kiếp. Gột sạch những "**tạp niệm**" tích lũy trong thân tâm. Buông xả những cái "**chấp**" do "**Ái, Thù, Hữu**" bám vào. Ông để lộ ra cái "**Tâm**" thanh khiết và trong suốt của một **hành giả** đã "**chiếu kiến ngũ uẩn giai không**" mà bước ra khỏi vòng "**Sanh, Lão tử**"... Rồi tìm về một dòng sông tĩnh lặng... nơi có con thuyền vượt bến mê, con thuyền "**Bát Nhã**" đưa ông qua bờ, về cõi vĩnh hằng cao diệu vợi.

Trần Ngọc Nguyên Vũ
(Mùa Xuân năm Giáp Ngọ)

Chú thích:

- (1) Chinh Phụ Ngâm
- (2) (4) Thơ Vũ Hoàng Chương
- (3) "Black Cat" sau này đổi thành "Bắc-Đầu" dưới quyền chỉ huy của Th/Tá Võ Ý
- (5) Thơ Tô Thùy Yên

Xin thấp một nén hương lòng để tưởng nhớ đến cố Trung Tá Khu Trục Lê Bá Định (Thái Dương 01) một thời đi mây về gió....

*Trung kiên một lòng vì Tổ Quốc
Sắt son một dạ với Không Gian*

Bay Trên Đất Bắc Lê Bá Định



Phi công "Phú" Lê Bá Định

Tôi đã nhiều lần vượt vùng trời Bến Hải với những chuyến bay ném bom trên đất Bắc. Lần này tôi được chỉ định dẫn dắt mười hai phi cơ tiến đánh một mục tiêu xa hơn những lần trước. Đó là hai trại quân quan trọng nằm trong vùng rừng nơi phía Tây Bắc thành phố Vinh.

Tôi ghi nhớ nhiều về chuyến bay này vì là lần đầu tiên tôi điều khiển hoàn toàn một phi vụ Bắc phạt.

Những lần trước tôi chỉ hướng dẫn một phi tuần bốn phi cơ theo sự điều khiển của phi đội trưởng.

Đối với phi công khu trục, cấp trung uý dù rằng với chức vụ trưởng phòng hành quân phi đoàn, đây là một danh dự và là một hãnh diện nữa khi được lệnh đảm trách một công tác quan trọng như vậy.

Suốt từ lúc được lệnh bay, xuyên qua buổi thuyết trình về phi vụ, tôi đã hỏi rất nhiều, rất kỹ lưỡng vị sĩ quan Quân Báo về các vị trí phòng không địch, cho đến khi đứng lên nhắc lại các phương thức phi hành cùng các đoàn lệnh hành quân cho các chiến hữu cùng bay với tôi, tôi cảm thấy nôn nao vô cùng.

Có thể hơn thế nữa, gần như là một mối lo âu. Không thể là sự lo sợ được đối với một người trẻ tuổi như tôi, đã được rèn luyện trong cái khí thế hiệp sĩ của một phi công khu trục bao lần vùng vẫy trên vùng trời lửa đạn.

Tôi run run đếm những số giây cuối cùng cho các bạn tôi điều chỉnh giờ đúng. Nỗi lo âu ngập tràn. Khẳng định không phải là sự thiếu tự tin. Những người trẻ tuổi thường không sợ sệt trong lý tưởng mà luôn muốn chứng minh khả năng của mình trong khi bay. Khả năng của tôi đang được khảo thí. Một cuộc khảo thí quan trọng vô cùng, vì từ giờ trở đi, những quyết định của tôi, một phi công hai mươi ba tuổi, nếu sai lầm sẽ phải trả bằng giá của sinh mạng tôi và của cả mười một phi công khác mà số tuổi chỉ trên dưới hai mươi.

Tôi đã có nhiều kinh nghiệm trong nghề, lần này tôi sắp sửa thêm một kinh nghiệm nữa mà mãi sau này tôi vẫn thấy thú vị vô cùng. Danh nhân nào đã nói kinh nghiệm là một ông thầy khó tính, bắt ta phải khảo thí trước khi dạy ta.

Tôi đang là thí sinh của cuộc khảo thí kỳ cục đầy hào khí này. Hình ảnh cuốn phim Le Pont de Toko Ri chợt đến bao trùm trong tôi thật rõ ràng linh hoạt như ngày nào tôi mười hai tuổi xin tiền mẹ bốn lần để xem đi xem lại phim này.

Vùng trời Đà Nẵng hôm đó thật thấp và âm u với nhiều mây xám. Đã có lác đác vài hạt mưa rơi.

Các bạn tôi lộ vẻ chán nản và nói “Chán quá! Lại phải hủy bỏ phi vụ”. Chúng tôi có những giới hạn thời tiết tối thiểu để hoạt động. Dù với lòng quả cảm chấp nhận hiểm nguy nhưng chúng tôi đều phải tôn trọng những luật lệ về an phi. Tuy nhiên tôi thản nhiên ra lệnh: “Vẫn cất cánh như đã dự trù”.

Các bạn tôi đều ngạc nhiên và cho là một quyết định khá liều lĩnh. Thật ra tôi đã quyết định ngay từ lúc rời phòng thuyết trình và thậm chí mong một biến chuyển thời tiết khả quan hơn. Tôi nhớ thật rõ các dữ kiện mà sĩ quan khí tượng đã cho biết. Trong trí tôi, cuốn phim Le Pont de Toko Ri đang quay chậm. Tôi ôn lại các lối lượn bay thoát mồ hôi lạnh trong phim.



Có ai ngờ mười mấy năm sau tôi lại đóng vai chính của một cuốn phim oai hùng.

Thời gian trôi qua thật nhanh chóng.

Tôi tưởng chừng như mới hôm qua còn ngồi trên ghế nệm thoải mái trong rạp hát, hồi hộp theo dõi một kiệt tác của nghệ thuật thứ bảy. Để rồi hôm nay ngồi trong phòng lái chật hẹp tù túng, trước mắt là cánh quạt động cơ ào ào rung chuyển quay tròn như cơn gió lốc, như trộn lẫn định mệnh với cuộc đời...

Thế rồi phon phớt dưới chân mây, là đà trên ngọn núi, chúng tôi đem tuyệt kỹ phi hành để khắc phục trắc trở thiên nhiên. Tôi đem hết hiểu biết kinh nghiệm để dẫn dắt mười hai cánh chim lao về Bắc.

Nhìn các bạn tôi chao đi trong mưa gió âm u, lòng tôi se lạnh. Trong gió mưa cuồng loạn các bạn hãy cố gắng lên. Chúng ta còn đến trung tâm một cơn bão khác quay cuồng hơn, đang đe dọa không riêng chúng ta mà cả hàng triệu chiến hữu đang gian khổ dập tắt cơn bão loạn này. Tôi biết trời âm u lắm, đôi cánh nặng vô cùng, các bạn hãy theo tôi đi dẹp tan cái âm u khác đã triền miên từ lâu. Theo tôi cho vững để trút cái nặng nề dưới đôi cánh, xoá tan những áp lực núi đá khác đang đè nén quê hương.

Nhìn xem kìa, bên trái hướng chín giờ, Huế cổ đô thân yêu. Chân mây cao hơn đôi chút rồi. Đừng dùng máy nhiều nhé, nhớ tiết kiệm từng giọt xăng.

Chúng ta còn đi xa lắm, dù mang thêm bình xăng phụ nhưng lúc giao chiến, đôi khi chúng ta phải thả đi cho nhẹ bớt để còn mặc sức vẫy vùng. Máu của cánh chim, máu của chính mình đổ các bạn.

Tôi đang cố gắng giữ hướng Bắc dù cho đôi cánh đang chao mạnh run rẩy từng cơn.

Hãy tin ở tôi, ở tuổi trẻ Việt Nam.

Quảng Trị, Đông Hà, Cửa Việt...

Các bạn thấy Cửa Việt chưa? Cố lên, hãy tra chìa khoá vào cánh cửa Việt Nam đang bị rỉ sét để mở ra cho lịch sử thôi tù túng, đóng khung.

Đừng bay quá xa về phía biển, chúng ta sắp vượt Bến Hải, vĩ tuyến đau thương. Ha ha, chiếc cầu với hai cột cò. Chẳng có ý nghĩa gì với chúng ta.

Các bạn còn nhớ bài Địa Dư vỡ lòng ngày nào?

Nước Việt Nam trải dài từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau. Đâu có ai ngờ là đứt khúc nơi Bến Hải.

Bên cánh trái là giang sơn gấm vóc của giống Tiên Rồng. Dưới cánh phải là Thái Bình Dương đang dâng sóng vỗ về đất nước. Chúng ta cố bay nhanh để sớm quay về, chấp đôi cánh lại cho thanh bình mau áp ủ quê hương...

Vĩnh Linh, Quảng Khê, Đồng Hới...

Tôi đã bay trên miền trời các địa danh đó, đã đem tử thần đến và cũng đã chạm mặt tử thần ở những nơi này. Quê hương tang tóc rồi bời. Những trại quân bị tàn phá, những chiếc cầu gãy gục, những quang cảnh tiêu điều, vết tích lưu lại những lần oanh tạc trước vẫn còn lở lóe bên dưới kia.

Những ai đó còn mê ngủ hay đã kinh hoàng tỉnh giấc trong những tràng bom nổ ầm ầm, dưới những làn phi tiễn như óc? Đừng để cho ảo tưởng bao trùm, hãy lên đây cùng chúng tôi, suốt con đường từ Nam ra Bắc để nhìn rõ bức dư đồ rách nát vì đâu?

Hãy ngồi bên chúng tôi để nhìn rõ quê hương, để biết cái cảm giác của một người bay trên quê hương mà phải nghĩ đây là đất địch.

Đã bao lần tôi muốn xua đuổi ý tưởng đau lòng đó, nhưng bên những sườn núi kia, trong thung lũng nọ, trên bờ biển này, tử thần đang chực chờ lôi kéo chúng tôi bằng lưới đạn giăng trời, để rồi sau cái tan vỡ kinh hoàng của một cánh chim, Thân xác cũng tan tành đưa chúng tôi đến nơi nào không biết, nhưng chắc chắn rằng cho đến lúc đó, chúng tôi chưa tận hưởng được cái khang cường thân thể với những mạch máu căng đầy sinh lực mà cha mẹ tạo thành, chưa mãn nhãn nhìn hết cái đẹp hùng vĩ đất nước của tổ tiên để lại, cũng như chưa tiêu xài hết một phần tuổi trẻ của cuộc đời.

Tôi đưa cả phi đội bay thật thấp để cố tránh tầm rada địch. Trong mũ nghe chỉ còn tiếng rè rè của vô tuyến. Chúng tôi âm thầm bay, không một ai lên tiếng trong lúc này, kể cả đài kiểm soát Sơn Trà. Ngoại trừ khi tôi cần. Tôi biết rằng chúng tôi không cô đơn, vì ở nhà bao con tim đang hồi hộp đợi chờ. Chúng tôi rời phương Nam đã lâu, nơi đó bạn tôi cũng chờ đợi.



Địch? Bạn?

Tại sao lại bắt chúng tôi dùng những từ ngữ ấy?

Tại sao không xóa bỏ những chữ ấy trong tự điển, trong lòng người? Tại sao lại xem chúng ta là kẻ thù để chúng tôi trở nên những người đối địch họ vì chúng ta sắp nhận là kẻ ác của những người thiện để tiêu diệt bất cứ kẻ ác nào muốn giết người thiện.

Từng phần đất quê hương sẽ thêm một lần vỡ tung dưới làn bom nổ. Thân thể mẹ Việt Nam đang bị vi trùng đục khoét, chúng tôi xót xa phải cắt bỏ những ung nhọt đang hoành hành.

Nguyện ước bây giờ là làm sao cho Mẹ bớt đau đớn, hết rên xiết, con cháu Mẹ sớm quây quần bồi dưỡng Mẹ. Mẹ, xin Mẹ cho chúng con thêm một lần chạm vào da thịt thiêng liêng để Mẹ sớm yên lành...

Hà Tĩnh nghèo nàn âm u kia rồi.

Vinh u buồn thảm nào.

Chúng tôi cho vòng máy quay nhanh hơn bắt đầu vượt cao theo hướng Tây Bắc tràn vào.

Mây mù giăng đặc. Tôi cố lượn giữa các tầng mây, dò theo từng chi tiết trên bản đồ mà hầu như đã thuộc kỹ. Tôi không được phạm một sơ xuất nào, một lầm lỗi nào dù nhỏ đến đâu.

Tôi ra thủ lệnh cho các bạn tôi.

Loang loáng trong mây, mười hai hiệp sĩ như những cánh thiên thần đi tìm tử thần trong cái âm u của trời đất. Tôi phải tận dụng yếu tố thời tiết và bất ngờ, nếu không... nếu không thì...

Le Pont de Toko Ri ơi, sao có sự trùng hợp lạ kỳ?

Chỉ khác chẳng không phải chiếc cầu mà là trại quân. Vẫn một thung lũng rợn người với ba mặt núi cao đầy lửa đạn. Vẫn một lối vào duy nhất như lửa vào tử lộ. Vẫn một lối ra hiểm trở, vách đá sừng sững chỉ chút cao xạ. Tôi có cảm tưởng như địch đã biết, đang mỉm cười chờ những cánh thiên thần.

Trời âm u quái đản, bay đến đâu mới nhìn được đến đó. Tầm nhìn xa bị giới hạn tột cùng. Thoáng qua vài lỗ hồng chân mây, xa xa là Thanh Hoá.

Tám phút trước mục tiêu, tôi chợt đổi đường bay về hướng Bắc. Các bạn tôi vẫn đeo sát.

Nhạc gió quay cuồng, tiếng máy thét gào rú mạnh.

Đài kiểm báo Sơn Trà như lo lắng gọi chúng tôi cho biết đang bay lệch mục tiêu ba mươi độ và báo động phi cơ địch được nhìn thấy trong vùng hoạt động. Tôi đáp hiểu, không giải thích lối đánh của tôi.

Tôi lượn quanh trong mây đồ chập chùng, vòng sang hướng Tây mục tiêu rồi chọc thẳng về hướng Nam, tin tưởng hoàn toàn vào tấm bản đồ không ảnh.

Các bạn tôi đã sẵn sàng ở đội hình chiến đấu.

Tôi từ đầu rặng núi vượt ra từ trong mây.



Số một lao vào mục tiêu. Tốc độ tăng nhanh như vũ bão. Áp lực ép mạnh vào người. Làm sao... Làm sao ngay từ giây phút đầu... Le Pont de Toko Ri... Phải, tôi phải cố gắng làm sao cho hai trái bom đầu tiên rơi đúng ngay trên mục tiêu nằm cách nhau non một ngàn thước để đánh dấu cho các bạn tôi nhìn thấy qua đám mây mù. Tôi phải làm sao cho các phi tiền cùng lúc ấy phá vỡ các ổ cao xạ ở vách núi trước mặt ngăn chặn lối ra duy nhất.

Hơn nữa nếu tôi xuống quá thấp để tìm sự chính xác cho làn bom và phi tiền thì lúc vượt lên sẽ quá muộn chỉ trong

vòng một giây đồng hồ tôi sẽ cùng cánh chim dán vào vách đá.

Tôi còn phải lượn lại ít lần nữa, trong lúc các bạn tôi đang oanh tạc, để trút số bom còn lại lên các ổ phòng không hai bên vách núi đang kẹp mục tiêu như chiếc kéo của tử thần đang chờ họ. Tôi còn phải nhắc nhở và theo dõi họ lúc vượt qua vách núi chắn ngang. Tất cả đều tùy thuộc vào ở lúc này.

Tôi lao xuống mục tiêu đang tỏ dần trước mặt...

Bom nổ kinh hoàng, phi tiễn xé rách vùng trời thung lũng. đạn bay loè sáng... Tôi như chết đi trong con người, đắm chìm trong chiến trận. Tôi trở thành máy móc, một công cụ khoa học, một nô lệ kỹ thuật. Phòng không địch giết mình hoạt động. Nhưng trễ quá rồi.



Thời tiết xấu đã giúp chúng tôi tận dụng yếu tố bất ngờ. Các chú không ngờ chúng tôi tiến đánh lúc trời xấu phải không? Nếu trời trong thì với lối phòng thủ chắc ăn như vậy, các chú có thể xoi tác một con ruồi bay qua. Chúng tôi cần vài giây đầu tiên thôi. Đạn phòng không đồ rực nổ tung dày đặc khung trời.

Lúc trở vào mục tiêu lần thứ ba, có nhiều va chạm mạnh ở toàn thân phi cơ. Cánh chim lao chao... Tôi trút hết số bom vào mục tiêu đang cháy bùng vỡ toang... Tôi chợt thấy rợn người... Tôi đã xuống quá thấp và hiện ra ở cách độ 1500 bộ... Vách đá trước mắt tôi với nhiều vết đạn dài bay lên như sắp đổ ập lên tôi... Chậm quá rồi...

Tôi phải kéo thật mạnh để tung bổng lên cao. Nhưng nếu cần lái lại bị kẹt vì lý do nào đó... Nếu các định luật gia tốc và thăng tốc không còn đúng nữa ở trong trường hợp này?

Bao sức mạnh trong tôi dồn cả vào đôi tay nắm kéo cần lái như chỉ một lần cuối nắm kéo định mệnh, nắm kéo những giây phút sau cùng của cuộc đời. Tôi cố nhắc bổng khối sắt nặng nhiều tấn đang rung mạnh lên cao... Hôm nay không có trời xanh cao đẹp, nhưng những đám mây xám ngợt kia giờ đây sao lại đẹp dị thường. Các bạn tôi đang tìm tôi trên vùng mây kia.

Những giây phút này chắc tôi không còn có thể đưa họ trở về phương Nam như một “đàn chim Việt”. Lòng tôi thanh thản vô cùng. Tôi nhớ rõ trước khi đi, tôi đã ra lệnh tử mĩ cho người phi đội phó thay tôi nếu tôi rơi rụng... Họ sẽ trở về an toàn dù có thiếu vắng tôi. Không có gì là quá đắt nếu chỉ một mình tôi phải trả giá cho phi vụ này... Trong phim Le Pont de Toko Ri có ai trở về đâu... Thế mà các bạn tôi sẽ trở về. Chắc chắn họ sẽ trở về... Chấp nhận kiếp sống mây trời là để sống hào hùng và chết oanh liệt...



Chợt một khe núi thoáng hiện bên phải hướng hai giờ. Tôi không cần thấy rõ những gì trong ấy. Bấy nhiêu đó quá đủ giúp tôi vượt khỏi bàn tay tử thần một lần nữa... Thôi tử thần, ta chào mi. Hẹn lần khác nhà.

Tôi vượt lên cao...

Các bạn tôi đang lượn vòng chờ đợi.

Chúng tôi im lặng hướng về Nam, luôn luôn ở đội hình chiến đấu để chờ đợi một cuộc săn đuổi của phi cơ địch. Nhưng rồi lại thoáng hiện chiếc cầu với hai cột cờ.

Lần này thì lại nằm bên cánh tay phải.

Phải, trái? Ai phải, ai trái? Tôi không cần.

Chỉ biết rằng chúng tôi đang trở về toàn vẹn và bây giờ hiện bay trên Huế...

Hầu hết phi cơ bị trúng đạn, nhưng nhạc gió vẫn quay đều. Tôi báo cáo sơ lược cho đài kiểm báo và cho biết đang trên đường về.

Hoàng hôn đẹp.

Sóng biển lấp lánh ánh bạc.

Tôi gỡ nhẹ đôi găng tay để đốt một điếu thuốc nhai nheo được vuốt thẳng.

Trời tối dần. Khi đưa điếu thuốc lên môi, tôi chợt thấy bàn tay run run... Vì sung sướng thành công hay vì những phút giây căng thẳng rộn người vừa qua còn vương vấn? Có lẽ hai thứ hoà chung.

Thuốc ngon quá.

Buổi tối, lúc đang sửa soạn cho phi vụ hôm sau, thành tích của tôi được loan truyền trên đài phát thanh Sài Gòn. Tò mò bắt sang đài Hà Nội, họ đang khoe đã hạ được năm máy bay trong số ba mươi máy bay tiến đánh lúc ban trưa ở cùng một nơi chốn và thời gian mười hai chúng tôi đã đến và trở về.

Tôi mỉm cười...

Lê Bá Định

Chú thích:

Lê Bá Định sinh trưởng tại miền Bắc nhưng theo gia đình di cư vào Nam từ 1954.

Lê Bá Định là một phi công Khu Trục lừng danh của Quân Chung KQVNCH kể cả về khả năng bay bổng và khả năng viết lách.

Lê Bá Định cũng được biết đến như một cấp chỉ huy trẻ cương trực và quả quyết khi là Trung Tá Không Đoàn Trưởng Không Đoàn 72 Chiến Thuật.

Sau 1975, Lê Bá Định trở thành tù nhân cải tạo nhiều năm, nhưng quyết định ở lại Sài Gòn mưu sinh bằng cách kèm dạy Anh Văn.

Ông đã qua đời ngày 04 tháng 02 năm 2014 tại Saigon, Việt Nam. Hưởng Thọ 76 tuổi.

Đường Bay Muôn Thuở!

(Huyền-sử ca những người lính chiến KQVNCH!)

Trần Ngọc Nguyên Vũ

“Chưa bao giờ có một số ít như thế,”
“đã làm được những chuyện phi-thường đến như thế,”
“để đem lại lợi ích cho một số đông đến như thế...”
W. Churchill



Truyện ngắn viết để tôn-vinh người lính của Quân-Lực-Việt-Nam-Cộng-Hòa đã chiến đấu cho lý-tưởng tự-do của dân-tộc. Riêng gởi đến “Hiệp-sỹ say Phượng-Hoàng Lê-Thanh-Hồng-Vân, Đại-Úy Thọ, Đại-Úy Phúc, Trung-Úy Bá, và Thượng-Sỹ Chín/PĐ Tinh-Long 821”...Xin gởi đến những hiền-phụ VN, và những nàng dâu KQ thủy-chung, một đời trọn nghĩa phu-thê...Đặc biệt gởi đến các cháu: Trần Phúc-Hạnh-Thương, Trang Võ Thành-Thái, Trang Võ Hòa-Thanh, Nguyễn-Đức-Quang, cùng thế-hệ đàn sau để nhớ lại cuộc sống bi-hùng của bố mẹ, trong hoàn-cảnh khắc-nghệt của lịch-sử. Thành kính nghiêng mình trước tên tuổi của: Thiếu-Tá Trương-Phùng khu-trục A1. PĐ/518. Trung-Úy Trang-Văn-Thành, Trung-Úy Tào-Thuận, Trung-sỹ nhất Phan-Quốc-Tuấn, Trung Sĩ Nhất Nguyễn Thái-Bình, cùng các hảo-hán Điều-Hành-Viên, cơ-phi, Áp-Tải, xạ-thủ của phi-hành-đoàn Tinh-Long AC119K/PĐ. 821. Các anh...những người lính Không-Quân, đã cùng những chiến-sỹ anh-hùng của QLVNCH viết ‘dòng sử máu’ vào những giây phút cuối cùng của cuộc chiến lên trang quân-sử bi-hùng triền-miên của dân-tộc qua ‘Đường-Bay-Muôn-Thuở’. Tổ-Quốc tri-ân các anh!)



húc lắc cánh ra hiệu cho Bá, người phi-tuần-viên bay ở vị thế số 2 đổi qua đội hình chiến-đầu rồi bấm máy gọi:

- Phi-Long 42 đây 41 gọi.
- Hai nghe năm.
- Mình sẽ làm một cái “low pass” qua đồn quân-cảnh, số hai giữ vị-trí bên trên cánh phải.
- Phi-Long 42 hiểu, vị-trí bên trên cánh phải.

Phúc đẩy “cần hòa-khí”, đưa kim chỉ vòng quay lên 2600RPM, và để “tay ga” ở vị thế tiền oanh-kích, rồi nghiêng cánh 45 độ về bên trái, chúi mũi xuống...Hai chiếc khu-trục cơ nối đuôi nhau lao mình xuống sát mặt xa-lộ nhắm hướng đồn quân-cảnh lướt tới. Xe cộ hai bên đường dạt ra bờ cỏ. Mọi người hoảng-hốt nằm bẹp dí xuống mặt đường. Tiếng động-cơ của hai chiếc AD6 gầm rú như hai con mãnh hổ ở cao-độ thấp làm hai người lính quân-cảnh ngồi thụp xuống, hai tay vòng lên đầu chụp lấy chiếc nón sắt như sợ bị gió cuốn đi mất. Phúc bấm máy liên-lạc với đoàn xe qua tần-số FM:

- Mãng-Xà, Bọn cho họ biết là mình không có sự-vụ-lệnh nhưng có 1600 viên đại-bác 20 ly họ có chịu nhận không.

Cùng lúc đó, Phúc liên-lạc trên tần-số với Bá rồi kéo nhẹ cần lái. Hai chiếc khu-trục vút lên cao để lại 4 vệt khói trắng kéo dài bên cánh như những con rồng uốn khúc. Phúc lật ngửa phi-cơ cùng số hai làm một nửa “vòng số 8” tuyệt đẹp. Nhìn xuống bên dưới, anh thấy đoàn xe của toán Kỹ-Thuật Không-Quân đang nối đuôi nhau rời đồn quân-cảnh chạy về hướng Sài-Gòn. Có tiếng của người trưởng-xa trên tần-số:

- Phi-Long 41 đây Mãng-Xà gọi.

Phúc cười trên tần-số trả lời:

- Mãng-Xà, Phi-Long nghe bạn rất rõ. Mọi chuyện tiến-hành tốt đẹp chứ. Các bạn đừng lo, chúng tôi sẽ hộ-tổng đoàn xe của Mãng-Xà về đến tận cổng “lăng Cha-Cả” Tân-Sơn-Nhất. OK!

- Phi-Long 41, Mãng-Xà nhận rõ. Từ đây về Tân-Sơn-Nhất là phần đất nhà, chúng tôi không dám phiền đến các bạn nữa. Xin vô-cùng cảm-on Phi-Long, các bạn vừa biểu-diễn một đường bay tuyệt-mỹ. Ước gì được mời các “Hiệp-Sỹ Không-Gian” ly thạch chè Hiền-Khánh và tô phở gà Hiền-Vương...Chúng tôi sẽ xử-dụng lộ-trình về Tân-Sơn-Nhất qua ngã Đa-Kao.

Phúc cười trên tần-số:

- Cảm-on hảo-ý của Mãng-Xà. Xin các bạn ăn dùm chúng tôi mỗi người hai tô phở đặc-biệt. Xin chào và hẹn gặp lại...

Có tiếng bấm máy dòn-dập của người giữ máy bên dưới:

- Phi-long đây Mãng-Xà, xin bạn khoan rời tần-số, toàn thể anh em trong đoàn xin mời các bạn ghé câu-lạc-bộ Huỳnh-Hữu-Bạc tối nay để chúng tôi được hân-hạnh diện-kiến và thù-tiếp.

Phúc cảm-động trước tâm chân-tình của những người Không-Quân Kỹ-Thuật, và từ một khoảng-cách vô-hình trên

không...Phúc thấy như mình đang đứng cạnh những người bạn cùng quân-chúng, trao đổi với nhau niềm ưu-tư về đại-cuộc. Anh mỉm cười đáp lại:

- Ô! Nhảm nhò gì ba cái lẽ tẻ đó. Mãng-Xà đừng bận tâm, chúng tôi không dám hứa vì còn phải túc-trực bay đêm nay. Xin Mãng-Xà đừng đợi.

- Không được, đêm nay nhất định chúng tôi phải được hân-hạnh thù-tiếp các bạn theo đúng tinh-thần của người lính chiến Không-Quân.

- OK! Chúng tôi sẽ cố-gắng. Xin chúc các bạn một đêm thật vui...“Mission Accomplished!”.

Tiếng người trưởng-xa bên dưới còn với vọng the

- Xin cảm ơn các “Thần-Điều Đại-Hiệp” một lần nữa...Nhớ đến nghe, chúng tôi sẽ đợi các bạn tới sáng đây.

Phúc bấm máy cười vang rồi cùng số hai đổi qua tần-số Paris báo cáo phi-vụ đã hoàn tất, và đoàn xe đã về đến địa-phận của thành-phố được an-toàn...

Phúc ra hiệu cho số hai vào hợp-đoàn cận-phi. Hai chiếc khu-trục nối đuôi nhau quần-thảo trên không-phận thủ-đô như để đuổi bắt những tia sáng cuối cùng của một ngày dài căng-thẳng, và một nhọc đang chìm dần sau đám mây đen tận cuối chân trời. Anh cho phi-tuần trực-chỉ hướng phi-trường Tân-Sơn-Nhất. Nắng chiều đã tắt...Bóng tối chập-choạng chụp xuống bao trùm cảnh-vật; thành-phố Sài-Gòn vừa lên đèn. Từ trên cao-độ, Phúc phóng tầm mắt nhìn về hướng Biên-Hoà...Phi-trường vẫn còn đang bốc cháy, chiếu hắt lên nền trời xám đen ánh lửa bập-bùng ma-quái, cùng với những cột khói nhấp-nhô như một bầy ngựa-quỷ đang nhảy múa từ chón địa-ngục của trần-gian...Trên xa-lộ, từng đoàn người và xe-cộ đủ loại, vẫn lũ-lược đổ vào các ngã đường thành; bất giác anh để thoát ra một tiếng thở dài...

Trong suốt 20 năm qua, dọc theo với chiều dài của dòng lịch-sử dân-tộc. Các anh đã nối tiếp bước chân của những bậc đàn anh đi trước, lần lượt đứng lên dần thân, hy-sinh tuổi trẻ của mình để bảo-vệ cho cái vùng đất được gọi là “tiền đồn chống cộng của thế-giới tự-do” này. Máu và thân xác của biết bao nhiêu người trai thế-hệ đã đổ xuống để tưới bón, vun-bồi cho mảnh quê-hương bất-hạnh thêm phần màu-mỡ xanh tươi. Đã có bao nhiêu mảnh khăn tang được quấn vội lên đầu những người vợ trẻ, những đứa con thơ...dấu tích của những cuộc chia-lìa mất mát...để đổi lấy cuộc sống an-bình, và tự-do cho người dân miền Nam...Bao nhiêu năm ở trong quân-đội, từng coi những chuyện “vào sinh ra tử” như chuyện đùa...Những người phi-công của quân-lực Việt Nam Cộng-Hòa như các anh, hàng ngày vẫn lạnh-lùng leo lên chiếc quan-tài bay, lao mình vào vùng trời lửa đạn, nhưng chưa lần nào anh phải đối đầu với một hoàn-cảnh pha trộn những tình-huống vừa cay đắng, vừa khôi-hài như lần này...

Từ ở nơi địa-đầu của giới-tuyến...Các anh, những người lính chiến thuộc các quân binh-chúng của quân-lực-Việt Nam Cộng-Hòa đã được lệnh phải rút về...rút mãi...rút mãi chẳng khác nào như những con ốc thu mình vào trong cái vỏ chật hẹp của chính mình, để mặc cho những cơn sóng chính-trị tàn-nhẫn, vô-tình vùi dập...Cho đến một lúc, các anh đã phải dừng lại tự hỏi là đất nước này rồi sẽ đi về đâu...Trong những ngày gần đây, Phúc nhìn thấy căn-cứ Không-Quân Tân-Sơn-Nhất trở nên nhộn-nhip một cách khác thường...Thứ nhộn-nhip pha trộn những hỗn-độn và lo-âu của những quân-nhân và gia-đình thuộc các Sư-Đoàn Không-Quân từ các vùng chiến-thuật đổ về...Hàng ngày báo chí đăng-tải và bình-luận tin-tức về những cuộc “di-tản chiến-thuật”, cùng những lệnh chuyển quân bất-thường trực-tiếp từ ‘Tổng-Thống-Phủ; càng làm cho tinh-thần quân-nhân các cấp giao-động thêm...Rồi Phan-Rang thất-thủ; Trung Tướng Nguyễn Vĩnh-Nghi, Tư-Lệnh chiến-trường cùng Chuẩn-Tướng Phạm-Ngọc-Sang, Tư-Lệnh SD6/ Không-Quân đã bị rơi vào tay địch trong lúc quân tàn lực tận...

Mấy ngày trước đây, mọi người đã được nghe chính Tổng-Thống, Thủ-Tướng và Đại-Tướng Tổng Tham-Mưu-Trưởng Quân-Đội lên đài truyền-hình nói chuyện với dân-chúng...Rồi Tổng-Thống tuyên-bố từ chức và trao quyền lãnh-đạo đất nước lại cho vị Phó Tổng-Thống già nua, và sức khỏe đang suy yếu. Anh không thể ngờ được là những người lãnh-đạo tối-thượng của đất nước lại có thể cam tâm quay lưng chỗi bỏ nhiệm-vụ của mình trong lúc Tổ-Quốc lâm nguy như vậy...Đâu rồi những vần thơ đầy lời hào-khí của người xưa: “Trống Tràng-Thành lung

lay bóng nguyệt – Khói Cam-tuyền mờ mịt thức mây – Chín tầng gương báu trao tay - Nửa đêm truyền hịch rạng ngày xuất chinh...” Đất nước này không thiếu cái dũng-cảm hào-hùng của những: Trần-Quốc-Toản, Phạm-Ngũ-Lão, Trần-Bình-Trọng, Nguyễn-Biêu, Nguyễn-Phi-Khanh, Nguyễn-Trãi, Lê-Lai, Hoàng-Diệu, Võ-Tánh, Bùi-Thị-Xuân, Nguyễn-Thái-Học, Phạm-Hồng-Thái, Phạm-Phú-Quốc, Nguyễn Đình-Bảo, Phạm Văn-Thắng, Ngô-Quang-Trưởng, Phạm-Văn-Phú, Trần văn Hai, Nguyễn Khoa-Nam, Lê văn-Hung, Hồ-Ngọc-Cần...Mà chỉ thiếu những người biết xử-dụng, và điều-hợp những cái hào-hùng dũng-cảm đó để lèo lái con thuyền quốc-gia dân-tộc qua con phong-ba bão-táp như Ngô-Quyền, Đinh-Bộ-Lĩnh, Lý-Thường-Kiệt, Trần-Hung-Đạo, Lê-Lợi, Quang-Trung Nguyễn-Huệ đã làm...Vó ngựa trường-chinh đời Lý còn để lại bao dấu tích kinh hồn bên kia miền địa-đầu quan-ải của Bắc phương...Lời thề tại hội-nghị Diên-Hồng còn âm-ý tận đáy con tim của giòng giống con Hồng cháu Lạc...Tiếng trống Hạ-Hồi vẫn còn vang dội trong lòng của những người dân Việt, mỗi độ Xuân về tung-bừng kỷ-niệm lễ hội Đống-Đa...Mà sao lá “cờ vàng ba sọc đỏ” đang ngạo-nghe tung bay trên Cổ-Thành Quảng-Trị đã phải cuốn lại mang đi...

Hàng ngày, Phúc đã chứng-kiến cảnh từng đoàn xe “bus” của Hoa-Kỳ dẫn đầu bởi những chiếc xe “Jeep” mở đường của Quân-Cảnh hỗn-hợp Việt-Mỹ, chờ đủ các hạng người từ bên ngoài căn-cứ vào “D.A.O” qua cổng phi-cảng dân-sự, để đưa những người được coi như là có liên-hệ với “đồng-minh Hoa-Kỳ” thoát ra khỏi Việt Nam...Anh cũng bắt gặp một số những khuôn mặt quen-thuộc ngồi trong xe... Nhưng đáp lại là những tia mắt ngỗ-ngang lẫn tránh, và những cánh tay đưa lên không phải để vẫy chào đưa-tiến mà là để che dấu...Anh không trách họ, mà chỉ lắc đầu mỉm cười chua chát...Các cư-xá trong căn-cứ không còn một chỗ trống. Người ta phải xử-dụng cả các hangar để làm nơi tạm trú...Bãi đậu chật cứng, chứa đủ loại phi-cơ...gây trở-ngại không ít cho việc di-chuyển.

Cả tuần nay, tinh-thần Phúc lúc nào cũng căng-thẳng. Một phần vì gia-đình, vợ anh mới sanh đứa con gái đầu lòng chưa đầy hai tháng. Một phần vì khi bay những phi-vụ bất-thường, anh cảm thấy như có một cái gì không ổn ở đằng sau...Như chiều nay, chiều ngày 28 tháng Tư năm 1975, anh được phòng hành-quân-chiến-cuộc Sư-Đoàn 5 Không-Quân điều-động cất cánh khẩn-cấp. Lên trời mới nhận thêm chi-tiết từ Tướng Tư-Lệnh Sư-Đoàn 3 Không-Quân là hộ-tổng đoàn xe của nhóm chuyên-viên kỹ-thuật vừa hoàn-thành nhiệm-vụ phá-hủy căn-cứ Không-Quân Biên-Hòa về Tân-Sơn-Nhất. Phi-vụ hộ-tổng này không có phi-cơ quan-sát hướng-dẫn trên vùng như thường-lệ. Anh phải liên-lạc trực-tiếp với trưởng-xa danh-hiệu là Mãng-Xà trên tần-số FM. Từ trên cao-độ của vòng chờ, anh thấy phi-trường Biên-Hòa đắm chìm trong biển lửa...Trong khi bên ngoài căn-cứ, dân chúng túa ra đường, gồng-gánh dắt diu nhau, chạy ngược xuôi như một đàn kiến vỡ tổ, anh thấy tim mình đau nhói...Anh nghe thấy tiếng Bá nghẹn-ngào trên tần-số: “ Gia-đình tôi đang ở dưới đó...” Anh cảm-thông được tâm-tình của người bạn đồng-ngũ qua câu nói, và trong một giây quyết-định, anh tạm nhường quyền dẫn phi-tuần cho người phi-công số hai của mình... Và hai chiếc khu-trục-cơ đã cùng gầm rú, bay lượn nhiều vòng ở cao-độ thật thấp dưới bầu trời âm-đạm, như để gọi đến những người bên dưới một lời chào gần-riết...Bám sát theo bên cánh chiếc phi-cơ của Bá, Phúc có cảm-tưởng như mình nghe được tiếng gào thét thê-lương của người phi-công khu-trục trẻ tuổi, đang bắt-lực nhìn thắm-cảnh trước mắt chụp lên đầu những người thân của mình trong những giây phút cuối-cùng của một cuộc chiến sắp tàn...

Tình-huống chung quanh mình đã vậy, nay nghe Mãng-Xà vui mừng gọi trên máy là đã về đến “vùng đất nhà”, và gọi lời cảm-on đến những “Hiệp-Sỹ Không-Gian”, anh thấy tim mình se thắt... Từ Biên-Hoà về Sài-Gòn, từ trước đến giờ, có chỗ nào là vùng đất của địch đâu...Khoảng-cách chưa đầy 30 cây số theo đường chim bay này, anh và các bạn đã từng đi về nhiều lần, ngày cũng như đêm, kể từ lúc người bạn đời của anh còn là “Một Người Ai-Mộ Không-Quân”...Và cầu Bình-Triệu, cầu Bình-Lợi, xa-lộ Đại-Hàn, xa-lộ Biên-Hoà, quán “Con Gà Quay” Thủ-Đức, quán thịt rừng Tân-Vạn dường như vẫn còn vang-vọng đâu đây tiếng cười nói thâu đêm suốt sáng của đám bạn bè “Giang-Hồ Quen Thói Vẫy Vùng – Gươm đàn nửa gánh giang-sơn một chèo” (1)

không phân biệt tuổi-tác và cấp-bậc thuộc đủ các quân binh-chủng; những người mà chỉ mới nhắc đến tên thôi là đã thấy lòng ngất-ngây như say men rượu; như: Phong say, Đan-Hoài-Bửu, Lê-Thanh-Hồng-Vân, Ân Cọp, Minh, Phạm văn-Thắng, Tự, Ân đen, Phùng, Sơn, Khôi, Du, Hùng, Hai Còi, Lợi, Mai râu, Phúc, Long, Xuân, Thọ, Khanh, Dương, Bản... của Không-Quân; Thủy, Năng, Hoàng-Phổ, Quách-Thường, Đức, Ngô, Hải, Liêm, Phong, Chánh, Cầu, Hậu, Song, Bình, Quán, Thại, Ý, Long... của Biệt-Đông-Quân; Bảo, Lạc, Thanh, Chi, Chiêu, Liệt, Lô, Ngọc, Bình, Hải, Mễ,... của Nhảy Dù; Ban, Hậu, Hạ, Hải, Vũ... của Hải-Quân; Minh, Vũ, Hoàng ... của Thủy-Quân-Lục-Chiến; Nguyễn-Son, Triều, Thông, Tự, Hùng, Thọ, Khiển... của Biệt-Kích; Tám Soi, Yên, Lâm, Bảo... của Bộ-Binh, cùng những người bạn ngoài dân-sự như: Liêu, “Nho Saxophone” Đà-Nẵng; Thường PleiKu; Sáng Nha-Trang; Minh Đà-Lạt, Hai Càn-Thơ; Năm Sài-Gòn; Tư Đâu Nành Châu-Đốc, và còn nhiều những tên tuổi ngang-tàng, hào-sảng khác nữa, mà mỗi lần có dịp, là một lần gặp-gỡ để các anh “xả-láng cuộc đời” cho tình nghĩa giang-hồ, đồng-ngũ... Rồi những buổi sáng tinh sương, cúi rạp mình, phóng xe trên xa-lộ từ Sài-Gòn xuống Biên-Hoà để vào phi-đoàn cho kịp giờ cất cánh cho một phi-vụ bao vùng, yểm-trợ quân bạn ở một tiền-đồn hẻo-lánh ngoài biên-giới... Hoặc những buổi trưa hực lửa nắng hè, ngồi ép mình trong chiếc xe đồ hiệu “traction” đời cũ, chỉ có 5 chỗ ngồi, mà người tài-xế đã đặt thêm một tấm ván gỗ ở giữa để làm ghế, cố nhét cho đủ 12 hành-khách, để xin bà con cô bác thông-cảm cho thêm tiền “xăng nhót”, đang chạy với tốc lực 120 cây số một giờ mà anh vẫn còn thấy chậm, chỉ sợ không kịp về cho đúng giờ hẹn với người tình... Và những buổi chiều lộng gió, sau những lúc đùa bỡn với tử-thần ngoài chiến trận, trở về thành-phố đón người yêu ra xa-lộ, ngồi trong chiếc quán vắng, cạnh một gốc dừa lá ngon, tận hưởng những giây phút riêng tư qua làn không-khí mát rượi, trong lành, ngát thơm mùi hương đồng cỏ nội... Đến đêm về, dừng lại ở một nơi nào đó có những ánh đèn màu mờ-ảo, có điệu nhạc bồng trầm quán-quýt bước chân... để ngây-ngất với những đụng chạm nồng-nàn trên làn môi mềm mại ngọt, và vòng tay êm-dịu của người yêu cùng diu nhau trên lối mộng... Cuộc sống có vội-vã, có những hiểm-nguy bất-trắc, nhưng vẫn còn một quãng trống của thời-gian để lấp đầy những hẹn-hò, chờ đợi cho một cuộc tình vừa chớm nở... Rồi thì những tháng năm luân-chuyển đơn-vị phục-vụ các nơi, xuyên qua vùng trời mịt mù khói lửa của quê-hương... Tuy có xa cách, nhưng khoảng không-gian giữa Sài-Gòn và những miền đất đồn-trú, dù ở chỗ nào đi chăng nữa, thì cũng chỉ là cái gạch nối không dài lắm, cho anh thỉnh-thoảng có dịp tháp-tùng một chuyến bay của “Hàng-Không Việt Nam”, hay của các phi-hành-đoàn bạn... để bắt-chợt trở về như một món quà nhỏ tuyệt-vời mang đến cho người yêu trong những lần gặp-gỡ không hẹn trước...

Bây giờ thì đã hết. Chỉ một khoảng-cách ngắn-ngủi, mà anh thấy dài như chiều dài của một chiến-tuyến khốc-liệt... Nhìn xung-quanh, thấy bạn mà ngỡ là quân thù... Cảnh-tượng đoàn xe của các chuyên-viên vũ-khí Không-Quân từ Biên-Hòa về Sài-Gòn bị đồn Quân-Cảnh gác xa-lộ chặn lại, vì không có sự-vụ-lệnh di-chuyển, để anh và Bá phải “biểu-dương lực-lượng”... Một cuộc biểu-dương bất cân-xúng... Phúc không trách những người lính quân-cảnh, vì họ cũng chỉ là những người lính thi-hành nhiệm-vụ qua lệnh của cấp trên, mà chính những người ra lệnh cho họ giờ đây cũng chẳng biết sẽ nhận được những lệnh gì nữa của cấp cao hơn... Rồi thì như có một cái gì thật mĩa-mai ập tới, mà trong một thoáng, anh cảm thấy uy-danh của người phi-công khu-trục bị chà đạp, lòng anh bỗng dưng chùng hẫ xuống như vừa lãnh trọn cú hút tàn-bạo của con lốc xoáy trên không... Anh và bạn-bè vẫn còn đang sẵn-sàng hy-sinh, chiến-đấu để bảo-vệ tài-sản và đất-đai của dân-chúng kia mà... Nghĩ đến đây Phúc mỉm cười chua chát, để thấy rằng chỗ vùng-vẫy của những “Hiệp-Sỹ Không-Gian” chỉ là khoảng trời cao rộng, ngút-ngàn mây với gió, chứ không phải ở dưới vùng đất bụi mù kia...

Phúc cho phi-cơ vào chỗ đậu theo sự hướng-dẫn của Thịnh, người trung-sỹ phi-đạo. Anh với tay tắt máy, tháo giây nịt an-toàn trên người, và cởi nón bay rồi leo ra khỏi phòng lái. Dưới ánh sáng chói lòa từ đèn pha 1500 watts trên sân bay, bên chiếc xe xăng đậu cạnh phi-cơ, anh ký tên vào sổ kiểm-tra kỹ-thuật, trao đổi một vài câu với Thịnh... rồi chia tay cùng Bá, phóng xe về cư-xá. Dạ-Thảo đang ôm con đứng đợi nơi cửa. Vừa thấy chồng, nàng vui mừng nói nhanh theo hơi thở đứt quãng:

- Anh... Hồi nãy phi-trường bị thả bom, em sợ muốn chết, vừa lo cho con, vừa nghĩ đến anh không biết có sao không.

Phúc dựng xe rồi dìu vợ vào nhà cười nói với nàng:

- Chắc chắn là anh không sao rồi. Chỉ lo cho em và con thôi...

Rồi anh trầm giọng nói:

- Em ạ! Anh thấy tình-hình nguy-kịch lắm rồi, căn-cứ Không-Quân Biên-Hòa đã được phá-hủy bằng chất nổ hồi chiều, bây giờ vẫn còn đang cháy. Dân chúng đổ dồn về thành-phố còn đang kẹt cứng ngoài xa-lộ. Quảng đường từ Biên-Hòa về Sài-Gòn qua ngã xa-lộ Đại-Hàn hoàn-toàn bỏ trống...Anh nghĩ đêm nay thế nào tụi nó cũng pháo vào Tân-Son-Nhất. Thôi để anh đưa em và con ra ngoài, về nhà ba má ở tạm rồi tính sau, chứ ở trong này nguy-hiêm lắm.

Thân hình Dạ-Thảo hơi rung lên trong vòng tay cứng rắn của Phúc, nàng ôm chặt con vào ngực giọng thảng-thốt:

- Không, em sẽ ở đây với anh. Giờ phút này làm sao mà em xa anh được. Nếu có chuyện gì...thì cho mẹ con em cùng chịu với anh.

Phúc chợt thấy lòng mình mềm lại qua câu nói tha-thiết, chân-thành của người bạn đời. Chàng cảm-động cúi xuống hôn nhanh lên đôi môi nồng ấm của vợ, rồi nói:

- Thôi được để chút nữa tính. Cho anh bông con một chút, ngồi trong máy bay trên trời mà nhớ con và em đến phát điên lên được.

Dạ-Thảo âu-yếm trao con cho Phúc rồi nhìn chồng mỉm cười tình-tử nói:

- Có thật là nhớ em hay nhớ ai đó...

Phúc đỡ bé Hạnh-Thương trên tay vợ rồi ghé sát vào tai nàng thì-thâm:

- Đừng nói với ai nha. Anh nhớ cô Dạ-Thảo của anh đó mà.

Dạ-Thảo đỏ hồng đôi má, nàng đẩy nhẹ Phúc ra. giọng nũng-nịu:

- Ư ư...anh chỉ nói nịnh em thôi...Rồi nàng nhìn Phúc dịu-dàng nói: Anh bông con một chút xong đặt con vào nôi cho nó ngủ, rồi đi rửa mặt thay áo, để em sửa soạn dọn cơm nghe...

Phúc cười sung-sướng, xoa nhẹ ngón tay lên cặp má phúng-phính mịn-màng như cánh hồng nhung của bé Hạnh-Thương. Bông con trên tay, anh như quên tất cả những muộn-phiền căng-thẳng của một ngày dài tưởng chừng như vô-tận... Nhìn cặp mắt nhắm nghiền thật vô-tư, và chiếc miệng chúm-chím nhỏ sús, thơm tho như một búp hoàng-lan vừa hé nụ, đang nhấp-nhấp như còn thòm thềm dòng sữa mẹ của con, anh nựng:

- À...âu...u...u...Chó cưng của bố nè...Cái mặt đáng ghét này giống mẹ như đúc nè...Mau lớn rồi bố chở con đi chơi bằng máy bay khu-trục.

Nghe Phúc nựng con, Dạ-Thảo phì cười, nhắc chồng:

- Anh...Con vừa mới bú no, anh đừng lắc con nhiều quá, coi chừng con nó bị ói sữa đó... Hồi trưa chị Thanh ghé chơi, có cho trái bầu và bó ngò gai. Em nấu món canh bầu với giò sống, và tôm để vô rang sả ớt với thịt ba-dọi. Những món ăn mà anh vẫn thích đó... À, lúc nãy chú Vân đến cho em biết phi-trường bị A-37 thả bom; chú nói hình như bọn Việt-Cộng lấy máy bay từ các phi-trường Phù-Cát, Phan-Rang hay Đà-Nẵng bay về thì phải. Chú phải ghé phi-đoàn coi phi-lệnh rồi về đây ăn cơm với vợ chồng mình. Chắc chú ấy cũng sắp tới.

Nghe giọng nói ngọt-ngào, sang-cả, gó-ghém những tình-tự, săn-sóc triu-mến của vợ, Phúc thật sự thấy mình đang ngập lặn trong biển yêu-đương dưới mái ấm gia-đình nhỏ bé của mình...Dù rằng trong hoàn-cảnh hiện tại, anh linh-cảm thấy nó rất mỏng-manh. Phúc nhìn vợ và con, lòng dạt-dào thương-cảm...Kể từ ngày quen biết Dạ-Thảo cho đến khi thành vợ chồng rồi có con; qua mọi tình-huống, dù khó-khăn đến đâu, lúc nào anh cũng thấy nàng bình-tĩnh, can-đảm đối đầu với mọi chuyện một cách thật nhẹ-nhàng và uyển-chuyển...Nàng như một cái phao cho anh bám lấy trong những giây phút mệt mỏi giữa cơn sóng gió của dòng đời. Dạ-Thảo dịu-hiền, và mềm-mòng như một cành trúc trước trận cuồng-phong, giông-bão...Anh đặt con vào chiếc nôi cạnh bàn ăn, vừa lúc đó thì Vân bước vào nhà. Chưa kịp chào hỏi gì cả thì Vân đã liến-thoảng nói:

- Sao, anh hai, hạ được mấy phi-cơ địch. Hồi chiều em vừa “taxi” vào ụ đậu thì nghe tiếng bom nổ, ngược nhìn lên em thấy mấy chiếc A-37 đang lượn trên trời rồi bay về hướng Bắc. Có một phi-tuần F5E bay lên truy-cản nhưng chắc là không kịp. Em nghĩ anh đang bao vùng, chắc gặp tụi nó.

Phúc cười nhìn người em vợ bay bên C7 nói:

- Tuy A1 chậm hơn A-37 một chút, nhưng nếu có cao-độ và ưu-thế thì vẫn hạ được nó như thường. Chú biết

không, Hải-Quân Trung-Úy Hartman, và Đại-Úy Johnson bay AD6 mà hạ MIG của Việt-Cộng đấy nhé. Thật ra thì hồi chiều bọn anh đang làm vòng chờ ở phía núi Châu-Thới, anh có thấy một hợp-đoàn 4 chiếc A-37 đang bay về hướng Bắc ở cao-độ thấp. Lúc đó bọn anh chưa biết đó là phi-tuần đã dội bom Tân-Sơn-Nhất, khi nghe được Paris thông-báo trên “tần số guard”, thì đã quá trễ, chứ nếu biết trước thì tụi nó cũng tiêu-tùng với bọn anh rồi.

Dạ-Thảo vừa bầy đồ ăn lên bàn vừa nói:

- Khiếp, lính tráng có khác. Chuyện quan-trọng như thế mà nghe mấy ông nói với nhau cứ như là chuyện đùa. Thời chú vào rửa tay đi rồi còn ăn cơm chứ chị đói lắm rồi đó.

Vân vừa bước vào nhà trong vừa cười nói:

- Lấy chồng lính, lại là dân tác-chiến, chị phải tập cho quen với những cá-tính đặc-biệt của họ chứ. Rồi như cao hứng, Đạt nhái lại mấy câu trong bài thơ “Mẫu tím hoa sim” của Hữu-Loan: “Lấy chồng đời chiến binh - Mấy người đi trở lại - Mà lỡ khi mình...về muộn...thì...”

Nghe Vân nghe-ngao ngâm thơ, pha chút giễu-cợt, Dạ-Thảo cười ngắt lời em:

- Chú là dân đại-học Phú-Thọ mà cứ mở miệng là thơ với văn, đáng lẽ hồi đó chú phải học Văn-Khoa mới đúng.

Vân bước ra cười nói:

- Học ban gì thì cũng vậy thôi. Thời buổi bây giờ là thời của những “đôi giày bay bết bùn đất hành-quân...” (2) và những tà “áo tím diêm tô đời nữ-sinh...” (3) mà chị.

- Chú nói chuyện ngang cứ như cua. Đôi giày bay của chú làm sao mà bết bùn đất hành-quân được.

Vân cười nheo mắt nhìn Phúc nói:

- Hi...hi...Truyện này ly-kỳ lắm, khi nào rảnh để anh hai kể cho chị nghe tại sao.

Cả ba người cùng cười rồi ngồi vào bàn ăn...Bữa cơm gia-đình tuy đơn-sơ nhưng diễn ra thật thân-mật và ấm-cúng.

Vân vừa ăn vừa hít hà khen:

- Trời ơi...món canh bầu giò sống, đi với rau ngò gai thái nhỏ sợi, thêm chút tiêu hột, quện với nhau tạo thành một hương-vị tuyệt-hảo. Anh hai, mai một giải-ngũ, mình chung nhau mở một quán ăn. Chị làm đầu bếp, em rửa chén, anh hai trông cháu...

Dạ-Thảo vừa xới cơm cho Phúc, vừa cười nhìn em nói:

- Chú tính vậy cũng gọn đấy. Chị đề-nghị chú lãnh thêm phần quảng-cáo cho quán ăn luôn thể...Thế còn ai đứng bán hàng đây...Ồ! Hay là mình để dành chân bán hàng cho “tà áo tím” của “Thím Vân tương-lai”...

Vân nhìn chị cười một cách vô-tư lự:

- Hi hi...tính em bộp-chộp, chả có cô nào để mắt, nên khó kiếm vợ. Chắc phải nhờ anh chị làm cố-vấn...

Cả ba người cùng cất tiếng cười ròn-rã như để tạm quên đi những hiểm-nguy bất-trắc đang rình-rập họ tại một khúc ngoặt nào đó trên quãng đường đời vô-định...Trong bữa ăn, Phúc kể lại chi-tiết phi-vụ hộ-tổng đoàn xe của Không-Quân từ Biên-Hòa về Sài-Gòn cho mọi người nghe. Bằng một giọng nói trầm ảm, và lối kể chuyện hoạt-bát, lôi-cuốn của mình, Phúc như kéo mọi người vào trong câu chuyện. Dạ-Thảo chống đũa, say-đắm nhìn chồng như quên cả ăn uống, thỉnh-thoảng lại chớp mắt biểu-lộ sự cảm-phục của nàng. Còn Vân thì luôn miệng phụ-họa với anh rể:

- Anh hai, nghe anh kể mà em thấy tay chân mình ngứa ngáy, chỉ tiếc là chiếc C7 của em nó chậm như một con bò sữa, không nhào lộn được...Nói nhỏ thôi đấy nha, ông Phi-Đoàn-Trưởng của em mà nghe được, ông đổi em về “vùng 6 chiến-thuật” thì bẻ gáo hết...À, cho mọi người biết là em đã làm đơn xin hoán-chuyển qua F5. Đơn đã lên đến Tham-Mưu Phó Hành-Quân, khối Đắc-Trách Khu-Trực trên Bộ-Tư-Lệnh.

Phúc cười nhìn người em vợ vui tính rồi nói:

- Vậy thì anh chúc chú sớm đạt được ý-nguyện. Thật ra thì mỗi loại máy bay đều có những khả-năng và ưu-điểm riêng của nó, và loại nào cũng cần cho mình cả... Còn chiếc A1 của bọn anh thì cũng già lắm rồi, và đã được xếp vào loại phải đình-động. Anh nghe nói nó sẽ được thay thế bằng loại A-10 tốt tân hơn.

Vân liền-thoảng nói :

- Anh hai thấy...liệu A-10 có thể địch lại F5 không?

Phúc nheo mắt nhìn Vân rồi âu-yếm quay qua Dạ-Thảo cười tùm-tum:

- Cái đó cũng còn tùy...người “lái phi-công” nữa chứ. Có phải vậy không em.

Dạ-Thảo tình-tứ liếc mắt nhìn chồng cười nói:

- Thôi ăn đi kéo canh nguội hết rồi kìa...Cứ lo nói chuyện mãi. Còn chú Vân khi nào bay F5 thì cho chị tháp-tùng

theo thử xem sao. Chị được bay AD5 rồi đó nghe.

Cả ba cùng cất tiếng cười vang. Một bầu không-khí ấm cúng gia-đình đang quán lấy đôi vợ chồng trẻ. Phúc nhắc đến cái hẹn của người trưởng-toán kỹ-thuật không-quân hồi chiều. Vân đề-nghị:

- Tối nay em sẽ đưa chị và cháu qua cư-xá của phi-đoàn em ở, vì tụi em có đào một cái hầm trú-ẩn rất kiên-cố để tránh pháo-kích cho những phi-hành-đoàn ứng trực. Em đã sửa-soạn đầy-đủ mọi thứ cho chị và cháu bé rồi. Như vậy đêm nay anh có thể yên-trí trực tại biệt-đội, nếu có chuyện gì xảy ra thì đã có em. Em có tấm thẻ đi trong giờ giới-nghiêm của “Phòng 7” Bộ TTM cấp. Anh có thể ghé qua chung vui với họ một chút để khỏi phụ lòng tri-ký...

Phúc âu-yếm nhìn Dạ-Thảo nói:

- Không được, giờ phút này anh đâu còn lòng dạ nào mà nghĩ đến chuyện nhậu nhẹt; mà nếu phải có một bữa tiệc rượu thì chỉ có “tiệc rượu hợp-cầm đêm tân-hôn” thôi, có phải vậy không em.

Dạ-Thảo ửng hồng đôi má, liếc mắt nhìn chồng nói:

- Anh kia...lúc nào cũng nói giỡn được.

Phúc hạ thấp giọng nói:

- Anh nói đùa đó thôi. Thật ra thì anh đang lo không biết tính sao, anh linh-cảm thấy dường như có một cái gì đó sẽ xảy ra đêm nay. Anh không muốn rời em và con trong lúc này. Bây giờ có chú Vân thì cũng đỡ lo...Chút nữa đưa em và con vào phi-đoàn của chú Vân xong anh phải về phòng trực của biệt-đội để túc-trực bay đêm.

Dạ-Thảo ngược mắt ngập-ngừng hỏi em:

- Vào đó có tiện không em. Hay là...cứ để chị và cháu ở đây cũng được.

Vân cười trấn-an chị:

- Chị đừng lo, trong phi-đoàn em đưa nào cũng hâm-mộ chương-trình “Đọc truyện ban đêm” của chị. Nhiều “ông con” còn mê “hoảng” giọng nói liêu-trai của bà chị xướng-ngôn-viên Dạ-Thảo. Nay gặp mặt thần-tượng, chắc tụi nó mừng hết bay luôn.

Dạ-Thảo mỉm cười nhìn chồng nói:

- Chắc họ sẽ thất-vọng mất, vì bây giờ chị chỉ còn biết đọc kinh cầu-nguyện thôi.

Vân nheo mắt nhìn Phúc nói:

- Thế mới nát lòng “người trai khỏi lửa” (4) Còn cảnh nào đẹp và bi-hùng hơn cảnh: “Em ngồi xoa tóc trong hầm tối - Đọc tiếng kinh cầu như đọc thơ.” (5) Phải không anh hai?

Phúc cười vỗ vai người em vợ lém-lỉnh:

- Nhờ cậu tỷ, cậu bay C7 mà lại đòi “nghênh-cản” khu-trực. Thôi để anh tổng ga dọt trước cho cậu đỡ tốn xăng, tốn đạn.

Dạ-Thảo sung-sướng nhìn chồng và em nói:

- Anh em các ông sao mà hợp nhau thế. Kể tung người hứng cứ như là chơi bóng chuyền vậy.

Vân nhìn chị cười nói:

- Ô, thế chị không biết à, thì cùng xuất-thân từ “lò huẩn-nhục” Nha-Trang ra mà. Tuy khác ngành khác khóa, nhưng chung một chìa mà. Phải không anh hai.

Cả ba người cùng cất tiếng cười ròn-rã. Dạ-Thảo cảm thấy thương chồng và em hơn. Nàng vẫn thầm cảm-phục cái phong-độ hào-sảng của những người lính chiến Không-Quân dù là ở ngành nào. Nhiệm-vụ của họ có khó-khăn và nguy-hiêm, nhưng cuộc sống của họ thật bình-dị và cởi-mở, không hình-thức, câu-nệ. Đôi khi có pha trộn những nét dí-dỏm, khinh-bạc vào cuộc đời. Ngày xưa...kể từ ngày mới quen nhau, cho đến khi làm vợ Phúc, nàng đã dần-dần khám phá ra những cá-tính khác biệt như những đường nét khó hiểu trong một bức tranh lập-thể của người phi-công khu-trực trẻ tuổi này...Mới tiếp-xúc thì tưởng như là một người rụt-rẻ nhút-nhát, nhưng lại rất sôi-nổi và lãng-mạn trong tình yêu...Bề ngoài trông thật là-lướt và bay-bướm, nhưng bên trong lại tiềm-ẩn một tấm lòng rất chung-tình và gắn-bó với gia-đình, và nhất là...rất hào-hùng, nghĩa-khí ngoài chiến trận. Những khi gần chàng, nàng thấy như được bao-bọc và che-chở. Cuộc sống lứa-đôi của nàng và Phúc, đôi khi cũng có những đổi-hòn bóng gió, nhưng chỉ là một thoáng mây bay...Đề rồi với những lo-âu, chờ đợi hàng ngày qua những phi-vụ hiểm-nghèo của người lính chiến Không-Quân, đã làm mềm lòng người vợ trẻ. Bởi vì: “Mỗi lần không-yếm cho quân bạn - Là một lần đi khó hẹn về...” (6) Cho nên, nó đã không chừa cho nàng một chỗ trống nào trong trái tim mình để chứa chất thêm những giận-hờn, trách móc...Dạ-Thảo nhìn em nói:

- Thôi để chị đi dọn-dẹp rồi còn soạn vài thứ cần-thiết cho cháu.

Vân cười nhìn chị nhanh-nhau nói:

- Để em rửa chén và thu dọn cho. Chị biết không, rửa chén, dọn-dẹp nhà cửa và...đi bay là nghề của chàng mà. Chị cứ việc lo cho cháu.

Phúc sung-sướng nhìn cảnh đầm-ấm của gia-đình. Anh vẫn cầu mong ơn trên che trở sao cho nó không bị sút mẻ, cho dù bất cứ trong hoàn-cảnh nào. Phúc hôn vợ và con rồi dặn:

- Có chuyện gì thì anh sẽ về đón em và con, đừng chạy đi đâu cả nghe không.

- Vâng, anh đừng lo, với lại còn có chú Vân nữa mà.

Vân cũng nói:

- Không sao đâu anh hai. Có gì em sẽ gọi điện-thoại tới anh ngay.

Phúc từ-giã vợ con và Vân rồi lên xe chạy về biệt-đội. Khi đi ngang qua khu gia-binh anh thấy hàng quán ồn-ào, đèn đuốc sáng trưng. Người ta đang tụ-tập ăn uống để nghe ngóng, bàn-luận tình-hình trong sự lo-âu và chờ đợi. Anh mỉm cười ngừng xe lại bên lề đường. Ngẩng mặt nhìn trời...rồi hít một hơi dài làn không-khí mát lạnh của đêm vào buồng phổi. Giờ này, trong muôn triệu những vì sao lấp-lánh trên vòm trời, anh chợt thấy một ngôi sao nhỏ ly-ty rụng xuống, quét một vệt sáng mỏng như sợi chỉ trên không, rồi biến mất vào với màn đêm vô cùng tận của vũ-trụ...Có tiếng gọi từ bên trong một quán ăn vọng ra:

- Ê! Phúc Cháy.

Phúc nhìn vào, anh thấy Phùng đang đứng dậy cầm ly rượu giờ tay vẫy:

- Vào đây làm một ly với anh em. Tao với thằng “Thọ Điền” vừa ghé biệt-đội nhưng không thấy mày, nên ra đây lai-rai chút đỉnh rồi trở lại. Tụi tao cũng mới tới được khoảng 10 phút. Tao có để xe lại biệt-đội để mày biết là có tao đến.

Phúc tắt máy, dựng xe bước vào. Anh thấy Thọ, “Người Hùng Phòng-Thủ” căn-cứ Tân-Sơn-Nhất hồi Tết Mậu-Thân cũng đang ở trong đó, đứng dậy cười nói oang-oang:

- Sao bạn, cơm nước gì chưa? Làm thêm một tô cháo và ly “mã-huyết-tửu” để chút nữa lên trời cho ấm bụng. Cho bạn biết, thứ “mã-huyết-tửu” này còn hay hơn sức ngựa “Xích-Thố” của Lữ-Bộ đời Tam Quốc bên Tàu, uống vào tha hồ “hí...và dí...Việt-Cộng”. Bảo-đảm là không biết mệt...

Phúc cười cảm-ơn Thọ rồi quay qua nói với Phùng:

- Mới ăn cơm xong, nhậu gì nổi. Tưởng ông xuống Bình-Thủy sáng nay rồi chứ.

Phùng ngửa cổ uống cạn ly rượu, lấy tay áo chùi miệng rồi nói:

- Tao có vài chuyện quan-trọng cần phải làm nên xin ở lại ngày mai mới xuống. Thằng số hai của mày nhờ tao trực thế nó, để nó về lo cho vợ con di-tản theo chuyến bay 12 giờ đêm nay. Còn vợ con mày sao, chừng nào đi?

Phúc nhìn Phùng ngập-ngừng nói:

- Chắc là ở lại. Cô nàng không chịu đi một mình. Nếu có chuyện gì thì cùng đi một lượt.

Phùng vỗ vai Phúc nói:

- Tao phục bà xã mày đó. Vậy mới ngon. Vợ con tao cũng vậy, cứ nhất-định phải có tao mới chịu đi. Thôi tụi mình về biệt-đội tao có chuyện cần bàn với mày. Rồi quay qua Thọ, Phùng nói tiếp:

- Mày cứ tự-nhiên ở đây lai-rai...Nhưng từ từ thôi nghe ông bạn, coi chừng phóng ngựa lạc qua khu “Ngã Ba...bên ngoài vòng đai” là phe ta mất một “tay nhậu giang-hồ” thứ thiệt đó. Tiền bạc tính xong xuôi cả rồi. Tao về trước trực bay với thằng Phúc.

Thọ cười híp mắt nhìn người phi-công hào-hoa luôn-luôn “xử đẹp” với anh em rồn-ràng nói:

- Hà...hà...Không sao, mày đừng lo. Tao ở đây đợi mấy thằng bạn bên Nhảy-Dù qua. Bọn nó cũng sắp tới. Tối nay tụi mày cứ ngủ kỹ...Đã có thằng “Thọ Điền” này phi “ngựa sắt” tuần-phòng ngoài vòng-đai phi-trường...Trên không là vùng trời của tụi mày, dưới đất là lãnh-địa của dân phòng-thủ bọn tao mà. Hà...hà...

Phùng ngửa mặt cười vang, theo Phúc ra xe rồi leo lên yên sau ngồi ôm bụng Phúc. Phúc rồ máy phóng xe lao ra đường. Khi đi ngang qua khu nhà dành cho đại-diện ủy-ban liên-hợp của Việt-Cộng bên kia vòng rào kẽm gai, Phùng chồm lên nói vào tai Phúc:

- Đ. M... Mày biết không. Nếu có chuyện gì xảy ra, tao sẽ để một quả “500 lbs” vào đây cho mấy thằng “cà-chón” này về châu “ông cố ngoại Sít-Ta-Lin” của chúng nó luôn.

Phúc cười nói vọng ra sau:

- Đừng nóng ông. Chuyện đâu còn đó. Ba cái thằng các-ké này đâu đáng kể. Tính sổ tụi nó lúc nào mà không được Phùng hét vào tai Phúc:

- Nóng cái con c... Mỗi lần đi ngang đây là tao muốn phóng uế lên đầu tụi nó rồi. Đánh đấm kiểu gì mà lại nuôi báo-cô mấy thằng giặc ngay trong nhà mình. Thật là lãng nhách. Đêm nay lỡ mà bọn nó pháo-kích, tránh sao khỏi có bọn “đặc-công cà-chớn” này làm ăng-ten chỉ-điểm.

Phúc cười vang, rồ tay ga lạng xe vào sát hàng rào. Phùng ôm cứng eo ếch Phúc la lớn:

- Từ từ chứ chú em, mày quăng tao xuống đường mương bây giờ.

Cả hai cùng cất tiếng cười ròn rã như muốn phá thủng màn đêm huyền-bí bao trùm chung quanh họ...

Phúc còn đang nằm mơ-mơ màng-màng, chưa dỗ xong giấc ngủ, thì có những tiếng nổ chát-chúa liên-tục vang lên muốn long màng óc, làm anh bật dậy lăn mình xuống khỏi giường. Một tiếng rít như xé rách màn đêm tiếp theo bay ngang qua căn nhà của biệt-đội. Phúc vừa xỏ chân vào giày vừa nghe tiếng Phùng hét lên trong bóng tối:

- Phúc! Dậy mau, mình bị tụi nó pháo bằng hỏa-tiễn 122 ly.

Tiếng chuông điện-thoại reo inh-ỏi, cùng với tiếng còi báo-động hụ lên từng chập ở bên ngoài, như tiếng réo gọi của tử-thần. Phùng chụp tấm bản-đồ hành-quân, bấm đèn “pin” để soi cho Phúc ghi hiệu-lệnh cất cánh. Phúc nói vội vào tai Phùng:

- Hiện tại có hai phi-cơ, một A1H và một A1G đã sẵn sàng, trang bị bom nổ 250 lbs, hỏa-tiễn công phá và đại-bác 20 ly, “full load”. Mình lên trời làm việc với thằng Tinh-Long trên tần số UHF 233.8. OK!

Phùng gật đầu nói nhanh:

- OK! UHF 233.8. Mày bay “lead” thì lấy chiếc AD6, còn chiếc AD5 để tao bay số hai cho.

Cả hai cùng phóng mình ra cửa leo lên chiếc xe “jeep” dân-sự của Phùng chạy ra bãi đậu phi-cơ. Thịnh cùng một người cơ-trưởng nữa từ chỗ ẩn nấp chạy vụt ra, leo lên phụ Phúc và Phùng cài khóa giây dù. Thịnh ghé vào tai Phúc hét lên:

- Tụi nó pháo từ nhiều hướng. Đại-Úy cẩn-thận.

Đường Bay Muôn Thưở

Phúc gạt đầu gối ngón tay cái ra hiệu sẵn-sàng mở máy. Thịnh nhanh nhẹn trườn mình tuột xuống bên hông phi-cơ, bấm nút dân “máy tiếp điện” đã được gắn vào thân tàu từ trước. Tiếng động-cơ nổ ròn. Phúc tắt đèn pha trên máy bay, bấm máy liên-lạc với Phùng để thử vô-tuyến. Hai chiếc khu-trục A1 nối đuôi nhau lăm-lý di-chuyển trong đêm tối như hai bóng ma không-lò chạy trên “phi-đạo di-chuyển”. Từng loạt hỏa-tiễn 122 ly vụt ngang qua đầu và những tiếng nổ chát-chúa dội lên khắp nơi. Phúc bấm máy liên-lạc với đài kiểm-soát xin cất cánh khẩn-cấp. Hai chiếc khu-trục so hàng đậu nơi đầu “phi-đạo cất cánh”. Một trái hỏa-tiễn rớt bên lề sân bay, gần hai chiếc phi-cơ trang bị đầy bom đạn... Ánh lửa nháng lên làm Phúc lóa mắt, rồi một tiếng nổ bật tung đất đá, phá vỡ bầu không-khí, làm chấn-động lồng ngực. Mồ hôi trên trán Phúc rịn ra, anh cảm thấy như có một luồng điện cao thế chạy luôn qua xương sống... Tiếng Phùng hét lên qua ống nghe của nón bay:

- Lên lẹ đi Phúc. Mình sẽ cất cánh hợp-đoàn. Tao theo mày bên cánh trái. Đ.M... Chắc tụi nó thấy mình.

Mặt Phúc đanh lại, anh mím môi tổng ga. Chiếc phi-cơ chồm lên lao về phía trước... Với trên hai ngàn giờ bay, Phúc đã nhiều lần cất cánh khẩn-cấp ban đêm khi căn-cứ bị pháo-kích, nhưng chưa lần nào anh thấy đầu óc mình căng-thẳng như lần này. Trong một giây, anh thầm cầu-nguyện Chúa, Trời, Phật, Tổ-Tiên che chở cho anh và Phùng cất cánh được an-toàn... Và nếu anh phải lãnh một trái 122 ly của địch trên phi-đạo bây giờ, thì xin cho vợ con anh được bình-an, vô-sự...

Phúc kéo nhẹ cần lái, chiếc AD6 bốc mình lên khỏi mặt phi-đạo. Anh nâng cần gấp bánh lái, rồi lấy cao độ về bên phải. Phúc bấm máy liên-lạc với Phùng. Nhìn qua cánh trái trong đêm tối, Phúc thấy ánh đèn trên phi-cơ của Phùng nhấp nháy bám sát bên cánh. Anh mỉm cười tiếp-tục lên cao độ bình-phi, rồi gọi số hai chuyển qua tần số UHF liên-lạc với Tinh-Long.

- Tinh-Long đây Phi-Long gọi. Bạn nghe rõ không, trả lời.

- Tinh-Long nghe Phi-Long năm trên năm (5/5). Chúng tôi vừa theo dõi bạn cất cánh; mừng bạn đã lên trời được an-toàn. Hiện tại Tinh-Long đang ở hướng 11 giờ của bạn. Cao độ 2,000 bộ. Tụi nó đặt pháo từ hướng Phú-Lâm,

Hốc-Môn, An-Nhon và Gò-Vấp. Xin lưu-ý Phi-Long là có trục-thăng võ-trang ở trên vùng, cao-độ 1,000 bộ.

- Phi-Long thấy các bạn rồi. Chúng tôi đang ở cao-độ 3,000 bộ. Chúng tôi có bom nổ 250 cân, hỏa-tiến công phá, và đại bác 20 ly. Xin bạn cho một trái sáng. Chúng tôi sẽ vào vùng làm việc.

- Chúng tôi không có trái sáng. Khi nào bạn sẵn-sàng Tinh-Long sẽ vào vòng bắn, và xạ-kích để xác-định mục-tiêu cho bạn.

Phúc nghĩ thầm: “Chết mẹ! Không có trái sáng làm sao đánh bom cho chính-xác. Khu-trục chứ đâu phải AC119. Một người bay phi-cụ, một người xác-định tọa-độ.” Tuy-nhiên anh tin vào kinh-nghiệm và khả-năng của mình cũng như của Phùng. Anh gọi số hai ra đội-hình chiến-đấu rồi liên-lạc với Tinh-Long để xác-định lại vị-trí:

- OK! Chúng tôi đợi bạn trên vòng chờ ở 3,000 bộ.

Nhiều ánh lửa ở dưới vút lên từ hướng 9 giờ bên cánh trái của Phúc. Anh la lớn trên tần-số:

- Tinh-Long chúng đang pháo đó bạn thấy không. Có phòng-không bắn lên.

- Chúng tôi thấy rồi. Tinh-Long sẽ vào vòng bắn trước.

Chiếc AC119K nghiêng cánh làm một vòng tròn 360 độ trên cao-độ 2,000 bộ. Đạn từ những khẩu đại-liên 6 nòng và đại-bác 20 ly trên thân tàu nhả xuống, gầm rú chẳng khác gì như một con “Rồng” đang phun lửa, làm sáng rực cả một vùng dưới đất. Có tiếng Tinh-Long trên tần-số:

- Phi-Long bạn thấy không, có nhiều bóng người chạy ra từ bụi cây bên dưới.

Phúc bấm máy cười trả lời:

- Thấy rõ! Tinh-Long bắn tuyệt đẹp. Bạn vừa châm ngòi khai-mạc cho đêm hoa-đăng mùa Hạ...OK! Chúng tôi nhận ra mục-tiêu rồi. Bây giờ tới phiên Phi-Long vào “làm việc”. “Phi-Long hai” mình sẽ đánh từng trái một.

Tiếng Phùng chìm xuống:

- Nghe rõ. Đ.M... tụi này chắc là được “bác và đảng” cho “chích nước cà-cuống”. Chết đến đít mà vẫn còn cay-cú, liều mạng. Mày vào trước, tao sẽ bao sau. Cần thận nghe Phúc, đừng “hot” quá để rơi vào “vertigo”.

Phúc mỉm cười cảm-động khi nghe thấy lời nhắn-nhủ gói-ghém những lo-âu chăm-sóc của người phi-công đàn anh. Phúc ước-lượng khoảng-cách mục-tiêu, nghiêng cánh, ấn nhẹ cần lái cho phi-cơ chúi xuống, rồi bấm nút thả một trái bom bên cánh phải; anh liếc mắt qua bảng phi-cụ, kiểm-soát thật nhanh đường chân trời, và cao-độ-kế rồi kéo mũi phi-cơ lên để lấy cao-độ. Tiếng Tinh-Long trên tần-số:

- Rất đẹp. Bạn đánh đúng chỗ rồi đó.

Có tiếng của Phùng trên tần-số:

- Phi-Long 2 vào vùng.

Tiếp theo đó là những ánh lửa nháng lên từ bên dưới, và những tiếng nổ liên-hồi như sấm động. Tiếng Tinh-Long hét lên như muốn vỡ màng tang qua ống nghe trong nón bay:

- “Phi-Long hai” thả bom như để. Bạn đánh trúng chỗ tập-trung của địch rồi đó. Chúng tôi ghi nhận có nhiều tiếng nổ phụ bên dưới.

Tiếng Phùng cười nhẹ trên tần-số:

- Chỉ là chuyện nhỏ...Cảm ơn bạn quá khen.

Sau luồng đạn phủ đầu của Tinh-Long và hai trái bom của Phi-Long thả xuống mục-tiêu, tiếng pháo-kích im bật. Địch quân bị rối loạn trước đòn trả đũa chính-xác và khủng-khiếp của những người lính chiến Không-Quân. Chiếc AC119K của Tinh-Long cùng phi-tuần khu-trục của Phúc và Phùng ngưng xạ-kích, làm vòng chờ trên cao-độ. Bầu trời tối đen. Một thứ bóng tối âm-u, ma-quái, đầy dẫy những cạm-bẫy, đang rình-rập những người chiến-sỹ Không-Quân quả-cảm. Những chiếc phi-cơ trang bị đầy bom đạn, lâm-lý bay lượn như những con dơi khổng-lò chao muỗi trên không. Xuyên qua màn đêm, Phúc thấy bên dưới nhấp-nháy ánh đèn khi mờ khi tỏ, phát ra từ những ngôi nhà rải-rác cạnh các khu vườn, thửa ruộng...Bất giác trong một giây, anh thầm nguyện-cầu sao cho bom đạn đừng rơi trúng vào nhà dân chúng. Có tiếng Tinh-Long trên tần-số:

- Nghe giọng quen quen xin hỏi Phi-Long là những ai đó.

Phúc bấm máy trả lời:

- “Papa-Charlie” số một, và “Tango-Papa” số hai.

Có tiếng Tinh-Long cười reo lên thân-mật:

- Thì ra là Đại-Úy “Phúc Cháy” và Thiếu-Tá Trương-Phùng hỗn-danh “Hiệp-Sỹ-Say”. Toàn những “Đại-Cao-Thủ võ-lâm” không. Phen này chắc tụi nó tới số. Trưa hôm qua đang nhậu với anh em, chưa “tới độ” mà quay ra đã thấy Thiếu-Tá cùng Đại-Úy “Hai còi” và Đại-Úy Liêu đi đâu mất tiêu, chỉ còn Thiếu-Tá “Mai râu” ở lại “thủ thành”, làm thằng Chín (7) tìm mấy ông quá cỡ. Nó cũng bay trên này và đang lo cho mấy con “gà cồ” phía sau. Tiếng Phùng nổi lên:

- Phải thằng “Tango-Charlie” đó không. Đ. M... Mày không thả trái sáng làm “hiệp-sỹ-say” trở thành “hiệp-sỹ mù nghe gió kiêu”. Hôm qua lo nhậu, tao quên “thỉnh” mày lá bùa. Có nó giờ này cũng đỡ. Cho tao nói chuyện với thằng Chín chút coi.

Có tiếng cười ngát-nguỡng vang lên trên tần-số qua màn đêm:

- Hà...hà... Đứng năm! “Thành Cầm-Bốt” đây. Có cả thằng Tào-Thuận trên này nữa. “Ông” khỏi cần bùa, chỉ cần thọc-lét cho “thằng em nó” nghe răng cười là “đạn thù” khó lòng chạm tới “long thể”. Chút nữa về đáp, tụi này sẽ xuống kho vũ-khí, lấy đèn ông hai trái “flares” sống làm đồ nhậu.

Tiếng Thuận cười gằn:

- Hừ...ừm...hừm... Đ. M... Khỏi cần thọc lét, nhìn tụi nó thọc pháo-bông ở dưới cũng đủ thấy nhột bàn tọa rồi. Có tiếng của Chín chen vào trên tần-số:

- “Charlie” đây Thiếu-Tá. Cám-ơn Thiếu-Tá về bữa nhậu hôm qua. Hai “ông thầy” em, cùng Thiếu-Tá và Đại-Úy bay như để... “Thằng em” nhìn xuống mà thấy lòng ngát-ngây... Chẳng khác nào: “Bắn cháy xe tăng như uống rượu - Mà tưởng rằng...em rót chén mời...” (7) Hà...hà...Thấy đa...aaa... hết sức.

Phùng bấm máy cười vang trên tần-số:

- Ôn nghĩa mẹ gì, Thấy bạn bè ngát-nguỡng là tao “dzui” rồi. Đ.M...Mày thương mấy câu thơ này ở đâu vậy “Chín.” (8)

- Hà...hà...”Thằng em” mượn đỡ của một “Đại-Hiệp” bên “Biệt-Kích 81” trong trận giải-tỏa Bình-Long kỳ trước...

Những tiếng cười nói đùa giỡn với tử-thần của các hảo-hán AC119, và khu-trục vang lên, xuyên thủng qua màn đêm u-uất đang phủ trùm lên bầu trời thủ-đô...Giờ này, trong muôn ngàn hiểm-nguy, bất-trắc đang chờ đợi; họ, những con người vốn có một cuộc sống thật “bình-thường” hàng ngày, vẫn thường chia xẻ cùng người thân và bè bạn những lo-ngại hãi-hùng của chiến trận; giờ đây, đã vượt ra khỏi mảnh không-gian bốn chiều hiện-hữu, để bước vào một vùng không-gian vô-hình khác vừa hé mở giữa hai lần ranh sinh-tử của cuộc đời; để biến thể, trở thành những con người “phi-thường”, tung-hoành trong lửa đạn, bay truy-lùng và tiêu-diệt pháo địch trong đêm tối...Tiếng cười đùa chưa dứt, thì một loạt hoả-tiên bên dưới lại nháng lên từ nhiều phía, phóng tới-tấp về hướng phi-trường, cùng với những tia đạn tưới lên không-trung như một tấm lưới sắt rục lửa, bủa vây lấy thân tàu của những “Hiệp-Sỹ Không-Gian”...

Mặc dầu không có trái sáng, nhưng những phi-công dày-dạn chiến-trường của KLVNCH đã thay phiên nhau phóng xuống đầu địch những tràng đạn và bom thật chính-xác...Trên cao-độ trong đêm tối, Phúc thấy địch-quân lúc-nhúc như những con chuột đồng từ những lùm cây, bò đất theo ánh lửa của bom đạn chui ra...Từng trái bom, luồng đạn trút xuống...những xác người tung lên...Trực-thăng võ-trang bay bao vùng ở cao-độ thấp, nhả đạn vào những tấm bia thịt ngu-xuẩn, đang điên-cuồng như những con thiêu-thân lao mình vào ngọn lửa...Đạn phòng-không liên-tục tưới lên đạn kín cả một mảnh trời...Mỗi một phút trôi qua, Phúc có cảm-tưởng như mình đang ngụp lặn trong một “vũng thời-gian” mênh-mông sâu thẳm...Từng xó thịt trên người anh co cứng lại. Đầu óc như căng nứt ra, miệng khô chát...khi nhìn thấy những luồng đạn như những tia chớp vút qua trước mặt. Trời mờ mờ sáng...Thứ ánh sáng còn đục ngầu, ướt sũng sương đêm, nhưng cũng đủ giúp cho các phi-công trên cao nhìn địch rõ hơn. Những vật-cụ hóa-trang đã lộ hình làm mờ cho những tràng đại-liên, đại-bác và bom nổ...Không chịu nổi phi-pháo của Không-Quân, địch khựng lại và tháo lui. Mức-độ pháo-kích giảm dần rồi ngưng hẳn. Nhìn về hướng phi-trường, Phúc thấy có ánh lửa bập-bùng, và những cột khói bốc lên. Anh nghĩ đến vợ con mà thấy lòng cồn cào như lửa đốt...Phúc liên-lạc với Tinh-Long:

- Tinh-Long, Phi-Long đã thả hết bom, chỉ còn đại-bác 20 ly.

Vừa lúc đó có tiếng gọi dồn-dập của một phi-tuần khu-trục vang lên hòa lẫn cùng với tia sáng đầu tiên của vầng

thái-dương vừa ló dạng khỏi đám mây ở cuối chân trời:

- Tinh-Long đây Phụng-Hoàng gọi, bạn nghe rõ không trả lời.

Có tiếng trả lời mừng rỡ của Tinh-Long:

- Tinh-Long nghe Phụng-Hoàng năm trên năm. Chúng tôi đang làm vòng chờ trên trục PhúLâm - TânSơnNhất - PhúLâm. Cao-độ 2,000 bộ. Xin bạn cho biết vị-trí.

Tiếng trả lời rộn-ràng của người phi-tuần-trưởng phi-tuần Phụng-Hoàng:

- Phụng-Hoàng gồm hai A1, trang bị 16 trái “250 lbs” cùng “hoả-tiến công phá”, và “đại-bác 20 ly”. Cất cánh từ Bình-Thủy lên làm việc với bạn. Hiện tại chúng tôi đang bay ngang Bến-Lức. Cao độ 5,000 bộ.

Mọi người trên vùng nghe tiếng phi-tuần Phụng-Hoàng trên tần-số đều thấy lòng bùng dậy như đang nghe một khúc nhạc quân-hành của đoàn “không-ky” trôi lên... Các anh vừa trải qua những giờ phút căng-thẳng, dằng-dai trong đêm... Giờ có thêm một phi-tuần lên vùng, các anh thấy như được tiếp thêm nguồn sinh-lực... Phúc bấm máy gọi:

- Phụng-Hoàng, đây Phi-Long gọi. Chúng tôi đã thả hết bom. Đợi các bạn lên vùng rồi sẽ về đáp.

Có tiếng “Phụng-Hoàng hai”, hỏi trên tần-số:

- Phải “Phúc Cháy” đó không. Thụy đây. Có lệnh di-chuyển biệt-đội về Cần-Thơ hôm nay. Nếu còn đủ xăng, tụi mày có thể về đáp Bình-Thủy cho được an-toàn.

- “Negative.” Tụi tao phải đáp Tân-Sơn-Nhất trước.

- OK, hiểu. Mày về đáp Tân-Sơn-Nhất. Nhưng... phải cẩn-thận đó nha.

Phúc cảm-động trước lời nhắn-nhủ chân-tình của Thụy, người bạn thân đã cùng anh trải qua biết bao nhiêu hiểm-nguy trong những phi-vụ ngặt-nghèo trên vùng trời Tây-Nguyên của mùa Hè đỏ lửa ngày nào... Anh bấm máy nói lời cảm-ơn Thụy rồi liên-lạc với Tinh-Long.

- Tinh-Long, Phi-Long về đáp. Đồ xăng và trang bị bom đạn xong tụi này sẽ lên tiếp với bạn.

- Đã có Phụng-Hoàng trên vùng, Phi-Long cứ việc về nghỉ dưỡng-sức. Mình sẽ gặp lại sau.

Có tiếng của Phùng nhắc-nhở:

- Tinh-Long và Phụng-Hoàng cẩn-thận đó nghe... Tao còn nguyên chai “VSOP”, đợi tụi mày xuống uống mừng chiến-thắng.

Có tiếng cười ròn-rã của người phi-tuần-trưởng phi-tuần Phụng-Hoàng:

- Hà... hà ... “Án Đen” đây. Chỉ cần nghe tiếng của “Hiệp-Sỹ-say” thôi, thì tuy: “Rượu chưa rót, mà đã thấy lòng say ngất-ngưỡng...” rồi. Hà... hà... Tụi mày cứ về đáp, ngủ cho lại sức. Có thêm một phi-tuần nữa của thằng “Sơn Đ...” và thằng Vân cũng sắp tới... “Hiệp-Sỹ-Say”, nhớ để dành cho tao vài ly cognac “xúc miệng” để ăn sáng...

- Có ngay, tao còn nợ mày chai “Ông Già Chổng Gậy”, và chai rượu “Đậu-Nành” lần trước. Kỳ này gặp, mình sẽ thanh-toán luôn một thể.

Phúc cho phi-cơ xuống cao-độ, rời tần-số Paris, rồi lấy hướng về phi-trường. Phùng vào vị-trí cận-phi bên cánh phải, Phúc gọi đài kiểm-soát:

- Đài kiểm-soát Sài-Gòn đây Phi-Long gọi. Bạn nghe rõ không, trả lời.

- Phi-Long, Sài-Gòn nghe bạn năm trên năm.

- Phi-Long thi-hành phi-vụ xong, xin hạ cánh. Nhờ bạn “check” dùm coi mấy đám cháy ở vào chỗ nào được không.

- Sài-Gòn nghe rõ. Phi-Long hạ cánh phi-đạo 25, tầm nhìn xa 5 dặm, gió lặng... Hiện tại chúng tôi đang ở dưới hầm nên không “check” cho bạn được.

Tiếng Phùng giận-dữ hét lên trên tần-số:

- Đ.M... Bạn ở dưới hầm thì làm sao bạn điều-khiển cho phi-cơ cất cánh và hạ cánh.

Có tiếng ngập-ngừng của người “kiểm-thính-viên” của đài-kiểm-soát:

- ...Chúng tôi có... sơ-đồ phi-trường ở dưới hầm.

Phúc phì cười rồi nói:

- Được rồi, chúng tôi đang vào vòng cận-tiến phi-đạo. Bạn ráng thức đừng ngủ gục và đừng cho phi-cơ nào cất cánh ngược chiều. OK...

Hai chiếc khu-trục A1 trên đường bay vào hướng phi-đạo. Nhìn sang bên cánh phải của mình, Phúc thấy phi-cơ của Phùng còn hai trái bom. Anh ra dấu cho Phùng rồi gọi trên tần-số:

- “Phi-Long hai” còn hai trái bom bên cánh trái. Minh sẽ lên vùng lại để giải-tỏa.

Tiếng Phùng thúc-dục trên tần-số:

- Mày cứ về đáp, để tao lên vùng trở lại nhập bọn với phi-tuần của thằng “Án đen” được rồi. Không sao đâu, mày cứ việc về trước lo cho vợ con, tao sẽ về sau. Nhớ chờ tao ở biệt-đội. OK!

Nói xong Phùng ra dấu rời hợp-đoàn. Phúc mỉm cười lắc đầu nhìn chiếc A1G của Phùng làm một vòng queo thật gắt, với 90 độ nghiêng, đưa bụng ngang đường chân trời để lộ hai trái bom còn dính trên cánh, lấy hướng bay về Phú-Lâm...

Trong số bạn đồng-ngũ, Phúc vẫn nể và coi Phùng như bậc đàn anh của mình...Bạn bè trong đơn-vị biết rất ít về gia-cảnh của Phùng; mọi người chỉ biết anh là một người rất mực hào-phóng...Là một phi-tuần-trưởng khu-trục đầy kinh-nghiệm, anh luôn-luôn xông-xáo gánh vác những công việc khó-khăn và nguy-hiểm...Những phi-công trẻ mới ra trường, về phi-đoàn bay xác-định hành-quân với Phùng, đều mến phục anh qua cung-cách ngang-tàng và phong-độ hào-sảng của một “người Không-Quân”. Trong nhiệm-vụ, ở trên trời, anh gắn-bó với các phi-tuần-viên qua những giây phút hiểm-nghèo; khi xuống đất, anh chia-sẻ với họ trách-nhiệm của người phi-công khu-trục, cùng những ưu-tư về thân-phận con người trong cuộc chiến...và ở ngoài đời, anh buông thả theo với nghĩa-tình giang-hồ bằng-hữu...Anh thường nói: “Tụi mày biết không, với từng này giờ bay, tao có thể đổi về ngồi ở một chỗ nào đó an-toàn hơn, để được gần-gũi với gia-đình, vợ con...Nhưng cuộc chiến này không cho phép tao làm chuyện đó. Mỗi lần đến gõ cửa nhà một đồng-đội vừa hy-sinh, để nhìn thấy những gương mặt kinh-hoàng, những giọt nước mắt đau khô của người vợ trẻ, của bà mẹ già nua, những tia nhìn ngơ-ngác của đàn trẻ thơ...tao thấy như chính tim mình bị lãnh một viên đạn của kẻ thù... Tao phải sát cánh cùng tụi mày...” Phúc lắc đầu xua đuổi những ý-nghĩ tiếp nối. Anh cho phi-cơ bay trên phi-đạo rồi làm một cú queo gắt vào vòng đáp...

Chiếc khu-trục-cơ AD6 hạ cánh nhẹ-nhàng trên phi-đạo. Phúc thận-trọng cho phi-cơ di-chuyển trên sân bay để tránh những miếng pháo vương-vãi khắp nơi...Về đến ụ đậu của biệt-đội, không thấy Thịnh ra đón phi-cơ, Phúc tắt máy rồi nhìn lên trời. Anh thấy chiếc AC119K của Tinh-Long đang bay ở cao độ thấp, xối-xả nhả đạn xuống phía ngoài vòng-đại phi-trường, dọc theo chiều phi-đạo

“ 07-25”, từ hướng Hóc-Môn vòng về khu Gò-Vấp, cùng với hai chiếc khu-trục A1 của phi-tuần Phụng-Hoàng, đang nhào lộn trên không như những con diều-hâu vô môi, thay phiên nhau trút bom xuống...Đạn phòng-không tưới lên tới-tấp...Nghe tiếng bom đạn ầm-ì vọng lại, và những cột lửa cuộn-cuộn bốc lên, Phúc thấy bồn-chồn trong dạ, linh-tính như báo cho Phúc biết là sẽ có chuyện gì khủng-khiếp lắm xảy ra...Anh mệt mỏi đưa mắt nhìn một lượt khung-cảnh điêu-tàn, đổ-nát xung quanh...Ngôn-ngang đó đây, những chiếc phi-cơ trúng đạn sụm xuống, những mái “hangar” lung nóc, những hố đạn cày nền xi-măng bắn lên tung tóe...Bên kia dãy nhà của cư-xá có nhiều đám khói tản mát bay lên...Một chiếc xe xăng phóng tới đậu sát phi-cơ của Phúc. Người tài-xế để nguyên máy nổ. Thịnh từ trên xe nhảy xuống, kéo hai “con chóc” chặn bánh phi-cơ, rồi leo lên cánh chiếc AD6, ôm lấy vai Phúc nói nhanh:

- Đêm qua nằm ngoài này bị tụi nó pháo rát quá, tụi và thằng “Nghiep rồ” phải chạy về ụ-cát của biệt-đội để nấp. Vừa thấy phi-cơ đáp, tụi theo xe xăng của nó chạy ra đây...Đại-Úy ơi! Ông biết gì không. Tụi vừa nghe trên “máy” của xe xăng, có tin báo về phòng hành-quân chiến-cuộc là phi-cơ của Thiệu-Tá Phùng mới bị bắn rơi gần đài Radar Phú-Lâm. Không thấy phi-công nhảy dù...Hiện giờ thì tụi nó đang tấn-công phía vòng đại phi-trường...

Trong một thoáng, Phúc cảm thấy như có một luồng lãnh-khí từ cõi âm nổi lên, thổi luồn từ chân lên tới đầu mình...Gương mặt anh co rúm lại...Anh ngồi bất-động, không có phản-ứng gì sau câu nói của Thịnh; hình ảnh của Phùng thoáng hiện trước mắt anh rồi bay vút vào khoảng không như một tia chớp...Và như một cái máy, anh ngửa mặt nhìn lên trời. Miệng Phúc há hốc, mắt trợn-trùng như không tin những gì đang xảy ra... Bên cạnh anh, người trung-sỹ phi-đạo cũng đứng chết trân trên cánh phi-cơ, một tay nắm chặt thành tàu, một tay bấu lấy vai anh...cả hai cùng nhìn chiếc AC119K vừa hứng trọn luồng đạn thù-nghịch của địch. Một tia sáng lóe lên bên hông...Cánh phi-

cơ bị gãy gập rời khỏi thân tàu, lạng xuống như một con diều đứt giây. Có bóng người bắn ra...Chiếc phi-cơ bốc cháy, chao-đảo trên không, rồi bùng lên và rụng xuống như một quả cầu lửa...Phúc bàng-hoàng trước sự-kiện xảy ra quá bất-ngờ, quá nhanh, quá hùng-tráng, và quá tàn-khốc...rồi vụt biến mất như một kẽ nứt giữa hai vùng không-gian khác chiều âm, dương vừa được khép lại...Phúc gục đầu xuống, hai vai anh rung lên từng nhịp như những nhịp đạn đại-bác 20 ly nhà về phía quân-thù...Thịnh lay vai Phúc cuồng-quýt gọi:

- Đại-Úy...Đại-Úy...Ông có sao không?

Phúc ngẩng mặt, mắt đỏ hoe, nhìn Thịnh lắc đầu. Anh mím môi, chống tay đu mình ra khỏi phòng lái. Phúc nắm tay Thịnh như để gởi lời cảm-ơn tới người bạn cùng đơn-vị qua sự quan-tâm, chăm-sóc của anh đối với mình...Rồi Phúc xốc lại chiếc áo bay, chụm hai chân, đứng thẳng người, cắn chặt vành môi đến bật máu, quắc mắt nhìn lên khoảng không-gian hun-hút xa thẳm...đưa tay chào vĩnh-biệt những chiến-hữu vừa mới đây đã cùng anh chia-sẻ những giây phút nhọc-nhàn, nguy-hiểm nhất của một đời người...

Trên bầu trời vằn-vũ đám mây tang của một ngày vừa thức giấc...Những chiếc khu-trục cơ còn lại đang gầm thét, vẫy vùng bay lượn, như để tiễn đưa những con đại-bàng đã rời đàn, xoải cánh bay về vùng trời miền-viễn, nơi cõi vĩnh-hằng cao diệu-vợi...

Phúc nhảy xuống đất, nhìn chiếc xe “jeep” của Phùng nằm chơ-vơ trên tấm vỉ sắt “psp” cạnh phi-đạo; anh chợt nghĩ đến vợ con của Phùng, và những gia-đình của phi-hành-đoàn trên chiếc AC119 vừa bốc cháy...mà thấy lòng mình hụt-hẫng, xót-xa...Anh quay qua thấy Nghiệp, người trưởng-xa nhiên-liệu, sắc mặt nhợt-nhạt, đang đứng nhìn anh trân-trối...Rồi bất thân, Nghiệp chụp lấy tay anh lắc mạnh, nghẹn-ngào nói:

- Khủng-khiếp quá Đại-Úy ơi! Suốt cuộc đời lính của tôi, chưa bao giờ tôi chứng-kiến một cảnh nào kinh-hoàng, dữ-dội, bi-thương, và hùng-tráng như lần này... Rồi không dẫn được cơn xúc-động, Nghiệp gào lên: “- Các anh đã chết để cho mọi người được sống...” và quy xuống, ôm chân Phúc khóc tức tưởi...

Phúc đứng lặng người trước luồng tình-cảm quá mãnh-liệt đang cuộn-cuộn dâng lên trong lòng người lính trẻ. Anh mím môi, cắn chặt răng để ngăn dòng nước mắt đang chực trào ra...Phúc đưa tay nâng Nghiệp dậy, và bóp mạnh vai anh như cảm-thông với những xúc-động chân-thành phát xuất tận đáy lòng của người bạn cùng chung mẫu cờ sắc áo với mình, rồi vỗ vai Nghiệp, giọng trầm xuống, phảng-phất âm-điệu se buồn:

- Mày lo đồ xăng đi, đợi tụi nó lắp bom đạn xong tao sẽ lên tiếp...

Nghiệp hốt-hoảng tròn mắt nhìn Phúc nói:

- Không được đâu Đại-Úy ơi. Phòng-hành-quân-chiến-cuộc mới ra lệnh chỉ đồ xăng cho những phi-cơ bay xuống Cần-Thơ thôi, với lại Thủ-Tướng vừa lên đài-phát-thanh kêu gọi quân-đội ngưng bắn, để đón “người anh em bên kia”...

Phúc nắm vai Nghiệp lắc mạnh:

- Mày vừa nói gì vậy.

- Chúng mình bị cha “Minh”, và cha “Mẫu” bán đứng cho giặc rồi ông ơi. Đại-Úy lên xe đi, tôi đưa ông về biệt-đội...Rồi còn về thăm bà-xã nữa chứ. Bả gặp ông giờ này chắc là sẽ mừng lắm đó...Hồi đêm, đạn pháo-kích trúng khu cư-xá của nữ quân-nhân, không biết...có ai bị gì không.

Ngồi trên chiếc xe-xăng, Phúc điếng người hỏi Nghiệp:

- Vợ con tao ở gần đó. Khu cư-xá của phi-đoàn C7 có sao không?

Nghiệp nhìn Phúc, cười như mếu:

- Chắc là không sao đâu Đại-Úy.

Phúc nổi nóng hét lên:

- Mày có ở đó đâu mà biết là không sao.

Rồi thấy mình lớn tiếng với Nghiệp một cách vô-lý, Phúc nắm cánh tay Nghiệp lắc mạnh như để thăm xin lỗi...Nghiệp vẫn mím cười như mếu. Giọng nói gói-ghé âm-điệu nhần-nhục, chịu-đựng:

- Chắc là không sao đâu Đại-Úy.

Trong một thoáng, Phúc chợt thấy lòng rung động; anh quay qua nhìn Nghiệp, ánh mắt như bị phủ mờ đi bởi tâm-

tình u-uẩn của người hạ-sỹ-quan nhiên-liệu đang dần trải, bung ra như một tấm màng nhện quấn lấy mình... Trong cuộc chiến tàn-khốc này, có lẽ...chỉ có những con người thường-xuyên cận kề với những giây phút hiểm-nghèo, mới bắt được và chia-xẻ với nhau những luồng tình-cảm vô-hình lằng-đằng vây quanh họ...Phúc cắn nhẹ vành môi, giọng nói như chìm vào một cõi mênh-mông xa vắng:

- Tao cũng hy-vọng là không sao...Mày có biết gia-đình của Thiếu-Tá Phùng, và các gia-đình của phi-hành-đoàn Tinh-Long hiện giờ đang ở đâu không?

Nghiệp mím môi, chớp cặp mắt đỏ hoe nhìn Phúc lắc đầu...

Từ giả Nghiệp, Phúc phóng xe như bay về khu cư-xá C7. Tới nơi, anh đứng lặng người trước khung-cảnh hoang-tàn đổ-nát...như một bãi chiến-trường. Một trái 122 ly chưa nổ nằm ngay cạnh căn hầm trú-ẩn. Anh dựng xe nhón-nhác nhìn quanh, rồi chạy xuống hầm. Một cảnh-tượng bừa-bãi, ngổn-ngang trước mắt. Vài chiếc ghế bô nằm nghiêng-ngả trong góc hầm...Phúc biến sắc, tim đập mạnh khi thấy bó tã của con có vết chân của ai dẫm lên lấm đầy đất. Anh cúi xuống nhặt lấy, nhét vào túi áo bay rồi vội-vã lên khỏi hầm. Một người bạn của Vân từ trong phi-đoàn chạy tới đưa cho Phúc một tờ giấy nói:

- Anh Phúc, thằng Vân nhờ em đưa tờ giấy này cho anh. Nó chờ cháu với chị ra ngoài đêm hôm qua rồi. Thật là hú vía. Nhờ chị cầu-nguyện ơn trên che-chở, nên trái 122 ly rớt ngay cửa hầm mà không nổ.

Phúc nhìn trái hỏa-tiến nằm im-lìm trên mặt đất như một con cá mập bị mắc cạn mà thấy lạnh gáy. Anh mở tờ giấy ra đọc: “Anh hai, em đưa chị và cháu về nhà ba má. Ở trong này nguy-hiểm quá. Em có gọi qua biệt-đội nhưng anh đã đi bay. Hẹn gặp anh sau. Không sao đâu. Mọi người đều bình-an, vô-sự. Chị đang cầu xin ‘Đức Mẹ’ và ‘Đức Quan-Thế-Âm Bồ-Tát’ che-chở cho anh đó. – Vân.” Phúc gấp tờ giấy áp vào ngực, mà tưởng như mình đang ôm Dạ-Thảo và bé Hạnh-Thương trong vòng tay...Anh quỳ xuống đất, ngửa mặt lên trời, rồi chấp tay thăm cảm-on Trời, Phật, Chúa, Đức Mẹ đã che-chở cho vợ con anh được bình-yên vô-sự...

Phúc loạng-choạng đứng dậy, ngoảnh mặt nhìn căn hầm một lần chót, rồi lên xe phóng về phía liên-đoàn-phòng-thủ kiểm Thọ. Anh tính nhờ Thọ chở ra ngoài căn-cứ tìm vợ con. Không thấy Thọ, Phúc vòng qua phi-đạo để về biệt-đội. Dọc đường anh gặp mấy chiếc khu-trục đang di-chuyển ra sân bay...Dẫn đầu là chiếc của Thiếu-Tá Huynh. Huynh thấy Phúc thì cho phi-cơ ngừng lại, thò tay ra ngoắc...Phúc dựng xe bên cạnh tường của căn nhà vòm, rồi leo lên cánh chiếc AD6 đang nổ máy. Sức gió thổi ngược chiều cuốn tung mái tóc rối bù, anh bám chặt lấy thành tàu, ghé sát tai nghe Huynh hét lên như át cả tiếng động-cơ:

- Đ.M...Thủ-Tướng ra lệnh quân-đội buông súng đầu hàng giặc rồi. Tụi mình bay xuống Bình-Thủy. Xuống đó tao sẽ xin một chiếc C47 về đón gia-đình những ai còn kẹt lại sau. Bây giờ mày lên chiếc AD5 của thằng Sang và thằng Hiền, ngồi “blue room” xuống Bình-Thủy. OK.

Nghe Huynh nói, Phúc thấy lòng mình chai lại; như một cái máy, anh theo đà nhảy xuống khỏi cánh máy bay, ra xe lấy chìa khóa, rồi chạy lại leo lên chiếc AD5 của Sang và Hiền...Cánh cửa khung-phòng “blue room” phía sau của chiếc AD5 vừa bật lên, Phúc leo vào, anh bỗng khựng lại vì bên trong chất đầy người. Anh liếc qua thấy có Sơn, Liêu, “Hai-còi”, Lộc, Cơ, Thuận...và nhiều người khác nữa...Phúc còn đang ngập-ngừng thì “Hai-còi” thò tay nắm vai áo kéo anh lộn nhào vào bên trong, rồi đóng cửa lại...Tiếng động-cơ gầm rú dữ-dội, chiếc AD5 rung lên như bị xúc-động mạnh trước giờ ly-biệt, rồi chồm lên lăn bánh trên mảnh phi-đạo thân yêu, và bốc mình rời khỏi mặt đất, mang theo những con người ra đi để làm lại lịch-sử...

Phúc thấy hai tai mình ù đi, đầu óc choáng-váng vì âm-thanh chát-chúa của động-cơ...Anh mệt mỏi thả người dựa lưng vào Hai. Phúc bỗng cảm thấy một bàn tay ấm-áp bóp nhẹ vai mình như để truyền thêm nguồn sinh-lực cho người phi-công đang kiệt sức...Rồi bên tai Phúc có tiếng thì-thầm của Hai: “Tao nghe tin Thiếu-Tá Phùng, và bọn thằng Thành, thằng Thuận bị rớt rồi. Mừng cho mày về được an-toàn.” Phúc im-lặng không trả lời...Một giòng nước mắt nóng hổi lăn dài trên má anh...như lăn theo cả những cảm-hồn, oan-khuất của người lính chiến bị bức-tử...Những người lính chiến hiên-ngang, từng coi giặc-cộng như loài cỏ rác, cuối cùng đã thua cuộc chỉ vì bị

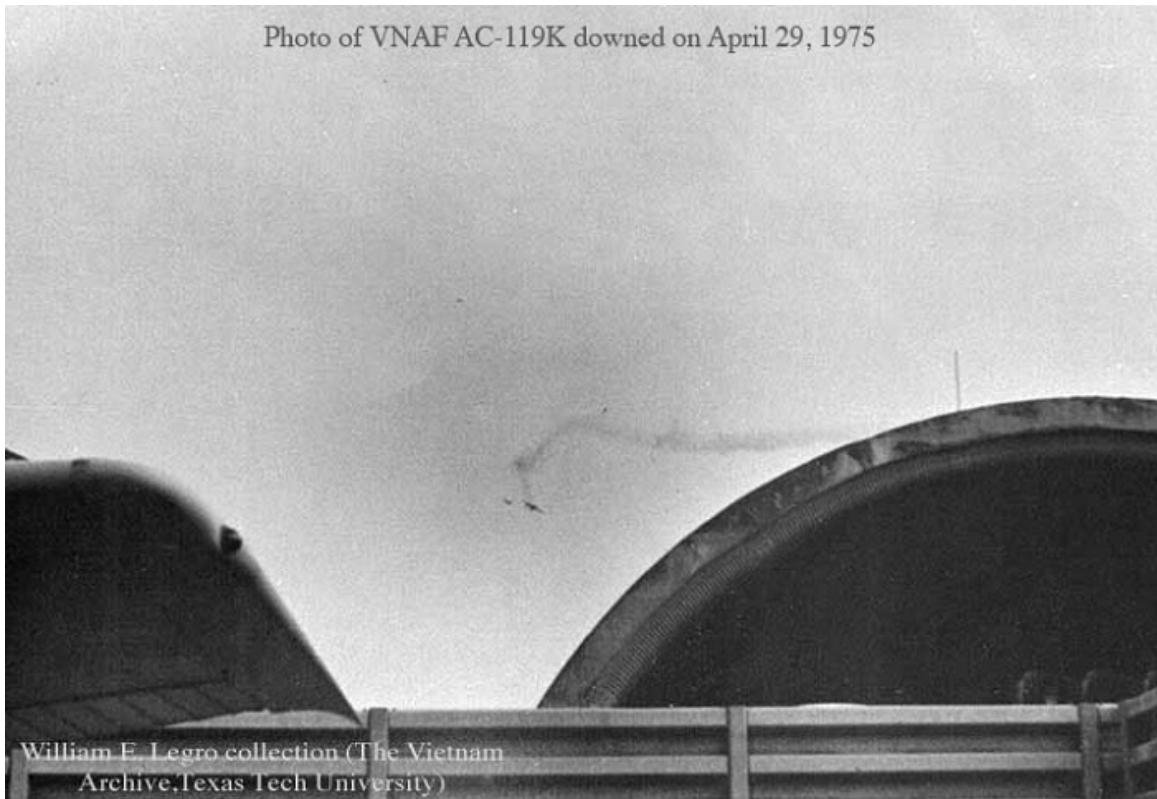
“phản-bội”, cùng với những mưu-đồ chính-trị xảo-quyệt và bản thủ trối tay, cản bước... Bao nhiêu năm vẫy-vùng trên bầu trời cao rộng, bao nhiêu lần đi, về từ cõi tử-sinh cùng với các chiến-hữu, và con tàu thân-yêu... chưa lần nào anh để ý đến cái khoang trống sau chiếc ghế bay... Đến đây giờ, những người “Hiệp-Sỹ-Không-Gian” bị bắt buộc phải xếp cánh, đã phải nằm ép mình trên cái sàn tàu lạnh ngắt như một chiếc “quan-tài bay” vô tri-giác này...

Phúc cảm thấy toàn thân mình đau nhừ, đôi môi khô rát, cuống họng đắng chát... sau những giờ phút căng-thẳng, dòn-dập suốt một ngày một đêm không chợp mắt... Anh muốn đuổi thẳng chân, nhưng chân anh đứng phải người con gái ngồi trước mặt, anh vội co chân về... Người con gái đưa mắt nhìn anh, nở một nụ cười như mếu... Phi-cơ đang lấy cao-độ bình-phi. Tiếng động-cơ âm-ý như một thanh-âm huyền-hoặc quái-dị, “thôi-miên” đưa Phúc vào một “chiều thời-gian” của mộng-mị chập-chờn.... Anh nghĩ đến bố mẹ, đến những người thân, đến Dạ-Thảo, đến bé Hạnh-Thương, đến bạn bè... Trong cơn mê mơ-hồ thăng-thốt, qua khung cửa kính trên trần phi-cơ, Phúc (9) thấy những cụm mây trời hiền-hòa lững-lờ trôi theo con tàu... Và thấp-thoảng trong những đám mây trắng bông-bềnh giạt-dờ trên không, anh bỗng thấy Phùng, Thành, Thuận, cùng các hảo-hán điều-hành-viên, áp-tải, vô-tuyến, cơ-phi, xạ-thủ của chiếc AC119K vừa bốc cháy giữa vòm trời lửa đạn của quê-hương, lần-lượt hiện ra trong những bộ phi-bào bê-bết máu, nét mặt tươi-cười, giờ tay vẫy chào tiễn-biệt... Văng-vẳng bên tai, anh nghe tiếng của những người bạn cùng quân-chúng nói với theo: “Chúc các bạn ra đi được an-toàn... Đã có chúng tôi ở lại cản đường quân giặc. Nhớ lo chu-toàn đại-cuộc...”

Trần Ngọc Nguyên Vũ
(Tháng Tư oan-nghiệt!)

Chú-Thích:

- (1) Kiêu của Nguyễn-Du
- (2) “Mầu Tím Hoa Sim” của Hữu-Loan: “Đôi giày đinh bết bùn đất hành-quân...”
- (3) “Hoa trắng thời cài trên áo tím” Thơ Kiên-Giang.
- (4) “Mầu Tím Hoa Sim” của Hữu-Loan
- (5) “Gởi em... Cô gái Bình-Long”. Bài thơ của một chiến-sỹ “Biệt-Kích 81” đã hy-sinh ngoài chiến-địa. Một người bạn anh đã tìm được bài thơ này trên thân thể bê-bết máu của anh.
- (6) Thơ Hà-Huyền-Chi.
- (7) “Gởi em... Cô gái Bình-Long”. Thơ của một “Biệt-Kích 81”.
- (8) Thượng-Sỹ Chín. là người đã nhảy dù ra khỏi chiếc AC119K/P.Đ 821 bị bắn rơi sáng ngày 29 tháng Tư năm 1975, nên đã thoát hiểm. Người viết không biết anh và gia-đình hiện nay đang ở đâu.
- (9) Đại-Úy Phúc: Người trở về từ cõi chết. Sáng ngày 29 tháng Tư năm 1975 anh phải theo đơn vị rút về Vùng 4 chiến thuật và đã thất lạc vợ con. Từ Bình-Thủy anh và các bạn đã chống lại lệnh đầu hàng cộng-sản của tân T/T, và bay qua UtaPao TháiLan, rồi vào tị-nạn tại Hoa-Kỳ. Sau 9 năm 10 tháng sống trong đơi chờ, mong nhớ, cuối cùng vợ con anh đã được đoàn-tụ trên miền đất tự-do. Bé Hạnh-Thương đã học thành tài, và giờ là một nữ Dược-Sỹ.



...Và thấp-thoáng trong những đám mây trắng bông-bềnh giạt-dờ trên không, anh bỗng thấy Phùng, Thành, Thuận, cùng các hảo-hán điều-hành-viên, áp-tải, vô-tuyến, cơ-phi, xạ-thủ của chiếc AC119K vừa bốc cháy giữa vòm trời lửa đạn của quê-hương, lần-lượt hiện ra trong những bộ phi-bào bê-bết máu, nét mặt tươi-cười, gơ tay vẫy chào tiễn-biệt...Văng-vẳng bên tai, anh nghe tiếng của những người bạn cùng quân-chúng nói với theo: *“Chúc các bạn ra đi được an-toàn...Đã có chúng tôi ở lại cản đường quân giặc. Nhớ lo chu-toàn đại-cuộc...”*

Khóc Người Pleiku !

Trần Ngọc Nguyên Vũ



hận được tin báo cho ngày họp mặt sắp tới chưa được bao lâu thì lại nhận ngay được tin một người bạn vừa già từ cõi thế....Lòng tôi chùng hẳn xuống, và chợt thấy đời người như cơn lốc - Cuối cùng rồi cũng sẽ phôi pha...

...Anh Phan Đắc Huê khóa 63A/SVSQKQ, chỉ số Hoa-Tiêu Khu-Trục. Từng phục vụ ở các Phi Đoàn Phi-Long 518, Phượng-Hoàng 514 ở Biên-Hòa, và đơn vị tác chiến cuối cùng của anh là Phi-Đoàn Thái-Dương 530 đồn trú tại phi-trường Cù-Hanh trên PleiKu.

Không hiểu do cái "Duyên" nào đưa anh đến với chiếc phi cơ AD6, vì trông anh người ta chỉ tưởng đến một "Ông giáo" đạo mạo hiền lành chứ không thể nào lại là một người lính chiến được... Nhớ khi xưa anh gắn bó, và chia xẻ những nhọc nhằn nguy hiểm cùng với anh em...Trên trời anh vẫy vùng ngang dọc, vật lộn với tử thần. Xuống đất anh hiền như cục đất. Anh không bon chen, mà cũng chẳng màng danh phận...Anh nhìn dòng đời cuộn cuộn chảy bằng con mắt thật bình thản, và lúc nào trên môi cũng sẵn sàng nở một nụ cười...Chị Huê, người bạn đời của anh là một người đàn bà nhu mì, đôn hậu, chất phác và giản dị, luôn luôn kín đáo dịu dàng đứng bên anh. Ở chị, người ta không thấy dấu vết của phấn son, nhưng đôi má chị lúc nào cũng hồng lên khi anh thủ thỉ với chị những lời lẽ yêu thương chia xẻ. Chị cũng chẳng quản thân cò lặn lội bồng con vượt suối băng rừng theo anh đi trấn thủ lưu đồn nơi vùng trời biên-giới...Niềm vui của chị là chiều chiều ôm con tựa cửa trông chồng trở về sau những chuyến bay hiểm nghèo...Và mỗi lần khi thấy hai chiếc Khu-Trục từ cuối chân trời mịt mù sương khói, song hành lao về hướng phi đạo thì đôi mắt chị lại sáng lên, chị vội vã bế con vào bếp coi lại nồi cơm vừa chín tới, bớt ngọn lửa hồng cho nồi canh rau đang sôi, trở khúc cá chiên trên chảo đợi anh về...Rồi người phi công oai hùng ấy sau khi ký tên vào quyển sổ kiểm-tra kỹ-thuật, trao đổi vài câu với anh em phi-đạo về mấy lỗ đạn quanh thân tàu, rồi cùng người phi tuần viên vào phòng hành quân giải-trình phi-vụ, phân tích lợi hại về những đường bay nhào lộn nghệt thờ ngoài chiến trường vừa qua...xong anh vỗ vai khích lệ người bạn trẻ, một tay khoác khẩu súng Colt45 lên vai, một tay xách tám ván ép, lững thững đi về cư xá...để khi gặp vợ anh hí hửng khoe:



- Anh vừa xin ông Hà Thuyên bên kiến tạo được tám ván ép, để ngày mai anh đóng cho em và con chiếc ghế kê ngoài cửa ngời hóng gió cho mát nghe.

Bữa cơm chiều hôm đó, trong căn nhà nhỏ trên ngọn đồi của khu cư xá, người ta nghe được những tiếng cười khúc khích của cặp vợ chồng đang ngập chìm trong biển yêu thương, hạnh phúc, và tiếng nói bi bô của bé bập bẹ gọi Mẹ gọi Cha...Rồi đêm về, khi mọi vật đều chìm đắm trong màn sương rừng khí núi, thì văng vẳng đâu đây một giọng ru con nã nê nổi lên:

- Âu O...Chàng đi cho thiếp theo cùng - Đấng cay thiếp chịu nhọc nhằn thiếp cam...

Tiếng ru đó chắc hẳn cũng đã hơn một lần làm cháy lòng người nghe.

Ở PleiKu, nơi vùng đất nghiệt ngã này, nhiều đêm anh cùng các bạn nắm tay nhau vây quanh ngọn lửa bập bùng, cất cao giọng hát:

"Xin nhận nơi này làm quê hương dầu cho khó thương"

"Xin nhận nơi này làm quê hương dầu cho điêu tàn"

"Khi mùa mưa về bùn lem nhem lấm trên gót chân."

"Xin nhận nơi này làm quê hương dầu cho chiến tranh"

"Xin nhận nơi này làm quê hương dầu cho thanh bình"

"Khi mùa mưa về bùn lem nhem lấm trên gót chân"

Đối với những người khác, bài hát này có thể chỉ là những lời tâm-tình cho một đêm họp mặt. Nhưng với anh thì đó là một lời thề...Cho đến một ngày đứng trước cảnh "Quốc phá gia vong", nhìn mọi người tất bật rời bỏ vùng đất oan nghiệt kia để ra đi, thì anh đã thực hiện trọn vẹn lời thề của mình...Anh không thể bỏ vùng đất ấy, bởi vì máu của anh và đồng bạn đã đổ xuống để vun bồi, tưới bón cho rừng cây xanh lá, cho những ngọn suối, dòng sông, xuôi chảy ngọt ngào...

Không như *"Câu chuyện của một dòng sông"*, nếu Herman Hesse đã bỏ ra biết bao nhiêu thời giờ, qua bao nhiêu ngày tháng để nhào nặn ra một người Bà La Môn đi từ cuộc đời một tu sĩ, đến cuộc sống của một con buôn, một dân chơi rồi mới trở thành một người chèo đò chuyên chở những tâm-tư của dòng sông; thì anh Phan Đắc Huệ, người đã hơn một lần cùng các bạn quỳ gối, giơ tay đón nhận ngọn đuốc của tiền nhân, cúi đầu nghe những lời uy thác của Hồn-Thiên-Sông-Núi...Để rồi sau những tháng năm dài miệt mài trong khói lửa, xả thân bảo vệ cho lý-tưởng tự-do của dân-tộc...thì có lẽ nào anh lại không nghe được tiếng kêu gào, rên siết của những dòng sông đang quần quai chảy trên quê hương mình, và quên lời uy thác năm xưa...Cũng kể từ đó, anh trở thành người lái đò chèo con thuyền tâm-sự xuôi ngược trên dòng sông đời vô định để chờ tri-kỷ. Rồi thì vào những đêm trăng huyền hoặc, anh chắt đầy trăng, neo thuyền nơi đầu gành, nơi cuối bãi để đợi, để chờ người đi biên-biệt, đi mãi quên về...Hết mùa Xuân này lại đến mùa Xuân khác, thuyền trăng đã bao lần kịp về nơi bến mộng, nhưng người thơ nào thấy...Tâm tình u-uẩn của anh chỉ còn biết gửi vào mây, vào gió cùng với ánh trăng xanh...

Tháng Chạp năm nay trời se lạnh

Nụ đào ngơ ngác đứng chờ Xuân

Bình rượu ngày xưa còn nguyên đầy

Đem ra mang cất đã bao lần.

Bằng hữu mỗi người xa mỗi ngả

Dòng xưa bến cũ vẫn đắm chiêu

Đợi chuyến đò ngang nào ghé lại

Chỉ thấy mây bay với nắng chiều.



Cho đến một ngày rồi anh cũng phải bỏ lại những dòng sông, bỏ lại con thuyền nơi bến đợi, bến chờ để ra đi...chuyến đi cuối cùng của một đời người...

...Ngày xưa anh đã từng chia xẻ ngọt bùi với vợ con, và cùng anh em tung hoành trong bão lửa - Trên hai vai nặng trĩu gánh sơn-hà. Bây giờ anh ra đi, hành trang chẳng có gì ngoài một phiến băng tâm tình khiết và trong suốt. Anh ra đi chẳng còn gì vay trả - Nợ tang bồng thôi cũng bỏ xuôi tay...

...Anh Huê ơi! Đêm nay ở cõi vô hình xa vắng đó - Ai là người đứng đón anh nơi cuối con đường nhạt nhòa mưa sương...Chắc chắn sẽ có chị Huê và rất nhiều người nữa, những người mà ngày xưa đã hơn một lần cùng anh chung lưng sát cánh đó anh Huê. Họ sẽ đợi anh đến rồi cùng anh chị leo lên những chiếc Khu-Trục cơ AD5, AD6 cất cánh bay vút về cõi vĩnh hằng cao diệu vợi...

Xin được một lần giơ tay chào vĩnh biệt...The Last Real Fighters!

Trần Ngọc Nguyên Vũ

Lần Xuôi Biên Tài !



(Gởi về Tr/Úy hoa-tiêu khu-trục Nguyễn-Đình-Xanh, “Hiệp-Sĩ Say” Đ/U Lê Bình-Liêu, hai trong số “53 Thái-Dương chi bảo” và những tráng-sĩ Khu-Trục, Trục-Thăng và Quan-Sát của “vùng đất trích” PleiKu. Để tưởng nhớ cố Th/Tá Bưu-Chuyển Tiểu-Đoàn-Trưởng, và những chiến-sĩ anh-hùng của TĐ/62 BĐQ biên phòng đã hy-sinh trên chiến trường Tây-Nguyên vào mùa Hè năm 1972. Thân thương gởi về Chánh, Hậu, Phong, Bình, Quán, Song và những người hùng mũ nâu của Pleiku ngày nào.)

Trần Ngọc Nguyên Vũ

*Ai đi Lệ-Khánh chiều sương ấy
Đường về miền Bắc chẳng về xuôi.*



anh ghì nhẹ người yêu trong vòng tay rồi thì thâm vào tai nàng:

- Thôi để anh về, ngày mai anh phải bay sớm.

Phượng ôm chặt lấy Xanh rồi gục đầu vào ngực chàng, nói giọng lo lắng:

- Anh ơi! Sao...tự dưng em thấy sợ quá à!

Xanh cười vuốt tóc người người yêu, giọng nhẹ nhàng:

- Em tôi hôm nay sao nhõng nhẽo thế. Em sợ gì nào?

- Hồi hôm em nằm mơ.

- Em mơ thấy gì, nói anh nghe đi? A! để anh đoán xem nào. Ngày cưới chúng mình, có một đoàn phi-cơ khu-trục, trực thăng, và quan-sát bay trên trời để rước dâu, rồi cả tỉnh PleiKu đổ ra xem, khen cô dâu và chú rể thật là xứng đôi vừa lứa đúng không.

Phượng đắm nhẹ vào ngực Xanh nói:

- Anh kỳ quá à, chọc em hoài. Em nằm mơ thiệt đó. Em mơ thấy mặt trời tự nhiên rớt xuống chân núi, rồi trời đất tối xầm lại. Em giật mình tỉnh dậy, vẫn còn tưởng như thật.

Xanh nâng mặt người yêu lên, triu mến nhìn vào đôi mắt buồn vời vợi của nàng, giọng vỗ về an ủi:

- Mông mị là do mình hay xuy nghĩ vẩn vơ mà ra, nhưng để anh thử giải mộng cho em nghe xem nào. Này nhé! Nhà em ở gần chân núi, mặt trời là Thái-Dương, tức là chân mạng của phi-đoàn anh; mặt trời rớt xuống chân núi ứng vào điềm nhà em sắp có rể là một phi-công của phi-đoàn 530 Thái-Dương. Không tin em cứ hỏi ba má xem có phải vậy không.

Phượng cầu vào vai chàng, nói giọng hờn dỗi:

- Anh lúc nào cũng đồn được. Em hông nói chuyện với anh nữa đâu.

Xanh âu yếm bẹo má Phượng cười:

- Thôi mà...cho anh xin lỗi, đừng giận anh nha. Trưa mai đi bay về, anh ra xin ba má đưa em vào đồn điền trà của bác Tám, chúng mình đi săn.

Phượng phụng phịu nói:

- Em không thích đi săn. Bắn mấy con thú, em thấy tội chúng quá à.

Xanh cười ôm vai Phượng nói:

- Em tôi hiền hơn “ Ma Soeur ”. Em không thích đi săn thì thôi, mình sẽ đi lượm hạt cà phê cắt chồn.

Nói xong anh đặt nhẹ lên đôi môi mọng của nàng một nụ hôn. Phượng ửng hồng đôi má, đẩy nhẹ chàng ra, khẽ kêu lên:

- Anh...Có ai thấy kìa!

Xanh cười sung sướng, ngẩng vẻ mặt then thùng của người yêu, rồi bước ra cửa. Sau lưng anh, mơ hồ có tiếng gọi thảng thốt của Phượng với theo, như muốn níu chân anh lại.

...Trên đường lên phi-đoàn, Xanh nhìn về phía cuối phi-đạo 09, cạnh trạm hàng không dân sự, anh thấy nhiều hợp đoàn trực thăng đang quay máy, sửa soạn cất cánh. Tiếng động cơ gầm rú phá tan bầu không khí tĩnh-mịch buổi ban mai nơi vùng trời phố núi. Nhìn đồng hồ thấy mới hơn sáu giờ sáng, Xanh lẩm bẩm: “Hôm nay chắc có đựng độ lớn”...Chiều hôm qua, Trung-Tá Bá, Không-Đoàn Trưởng Không-Đoàn 72 chiến-thuật cho tập hợp các nhân viên phi-hành, trong một buổi họp bất thường, để nghe phòng quân báo thuyết-trình về tình-hình chiến sự; các anh được biết mấy ngày nay, Tây Nguyên đang bị áp lực nặng nề của địch. Địch dốc toàn lực tung vào cuộc chiến một số quân đông đảo có xe tăng T54, và đại pháo yểm trợ, để công hãm BenHet và Polei-Kleng (Lệ-Khánh), hai tiền đồn quan trọng của vùng biên-thùy. Vừa vào đến phi-đoàn, Xanh nghe tiếng người sĩ-quan trực gọi:

- Ê Xanh, Đại-Úy Liêu đang cần một phi-tuần viên, phi-vụ khẩn cấp, máy bay không?

Xanh nhận lời ngay:

- OK! Để tao bay.

Liêu từ trong phòng hành-quân bước ra, tay cầm tấm bản đồ, nói với Xanh:

- Lệ-Khánh bị đựng nặng, mình lên gấp, làm việc với thằng “Bắc-Đầu”.

Xanh lấy bút chì lân tinh khoanh tròn vị trí của căn cứ Polei-kleng trên bản đồ, ghi vội hướng bay và tần-số làm việc. Liêu nói tiếp:

- Mình có Rocket và bom Napalm. Tao bay chiếc trang bị Rocket, còn mày bay chiếc trang bị bom Napalm. Ráng nung vài con cua sắt đem về làm đồ nhậu nghe mày.

Xanh nhe răng cười:

- Bay với “Hiệp-Sĩ Say” thì chắc chắn là sẽ không thiếu đồ nhậu rồi. Mai mốt tới ngày đám cưới tui, ông đừng làm thằng em này thất vọng đó nghe.

Liêu cười nhìn Xanh nói:

- Mày không cần phải nhắc. Mấy hôm trước tao với thằng “Trung mọi” theo tụi thằng “Hùng Chùa”, thằng “Tuấn Bokassa”, và thằng “Xuân tóc đỏ” vào buôn thượng đặt mấy hũ rượu cần để mừng “trai anh-hùng” với “gái thuyền-quyên” vùng đất trích rồi. Tới hôm đó cho mày “oắc cần câu” luôn. Nói xong Liêu thân mật vỗ vai Xanh nói:

- Cần thận nghe chú mày. Tao muốn sớm được bông một chú “Thái-Dương nhí” đó nghe.

Xanh cười trả lời giọng hào-sảng:

- Ông đừng lo, tôi có số được quý hơn phù trợ. Lần trước bay chung với Thiếu tá Hà và Thiếu tá Thanh, tôi bị bắn rớt; nhảy dù ra, nhìn lên thấy hai chiếc khu-trục bay ngược chiều, làm một vòng đai lửa bằng đại bác 20ly, để bảo vệ bãi đáp cho trực thăng nhào xuống vớt lên, trước khi bọn V.C ập tới. Trông thật đã con mắt. Đứng giữa nơi trận địa, mà tôi cứ tưởng như mình là một tài tử chính, đang đóng một đoạn phim chiến tranh.

Cả hai ông phi-công khu-trục của phi-đoàn 530 cùng cất tiếng cười vang rồi lừng-lững xách nón bay ra phi-đạo. Hai người cơ-trưởng nhanh nhẹn leo lên cánh máy bay, phụ các anh cột giây dù, rồi theo sườn phi-cơ tuột xuống để quay máy. Lửa từ đầu máy hai chiếc khu-trục cơ phụt ra, tiếng máy rú lên. Người cơ-trưởng kéo tám trụ cản từ hai bánh xe ra, hai chiếc phi cơ lăm-lỳ di chuyển trên phi-đạo. Liều liên-lạc với đài kiểm soát:



- Pleiku đài, đây Thái Dương 21, hai phi cơ. Xin cất cánh, phi-vụ khẩn cấp.

- Thái-Dương 21, PleiKu hiểu. Cất cánh khẩn cấp phi đạo 27, gió lặng, tầm nhìn xa 5 dặm. Sau khi cất cánh, bạn lấy cao độ về hướng phải.

- Thái-Dương nhận bạn 5/5.

Hai chiếc phi-cơ đậu song song trên phi-đạo cất cánh. Liều ra hiệu cho Xanh, từ phòng lái của chiếc phi-cơ bên cạnh, Xanh bình tĩnh gạt đầu. Hai chiếc phi-cơ phóng về phía trước, rồi cùng bốc mình lên khỏi mặt đất như hai con Phượng-Hoàng xoải cánh bay vào vùng trời đông bão.

Hai chiếc khu-trục A1 trang bị đầy bom đạn, trong đội hình cận phi, lao mình xuyên mây hướng về phía Polei-Kleng. Bám sát bên cánh phải của Liều, Xanh nghe trên tần-số FM tiếng quân bạn, tiếng của phi-cơ quan-sát, lẫn lộn cùng với tiếng đại bác vọng lên qua ống nghe trong nón bay như tiếng réo gọi của tử thần...

Xanh chợt cảm thấy rung động khi nghe tiếng vị Tiểu-Đoàn-Trưởng tiểu-đoàn 62 Biệt-Động-Quân biên phòng, yêu cầu phi-cơ quan-sát cho oanh kích ngay trên hầm chỉ huy của ông... Ông tình nguyện ở lại cản đường quân giặc, và chết theo đồn đê cho đồng đội của ông có đủ thời giờ cùng gia đình mở đường máu rút ra khỏi căn cứ... Dòng sông PoKor lờ mờ hiện ra bên dưới qua màn sương mù buổi sáng của vùng núi rừng Tây-Nguyên. Căn

cứ Poley-Kleng đang quần quai, gằm thét như một con mãnh hổ bị thương. Khói lửa ngùn ngụt bốc lên theo với luồng hào-khí ngất trời của những tráng-sĩ chôn biên cương...

Liêu ra hiệu cho Xanh đổi ra hợp đoàn chiến đấu, rồi liên-lạc với phi-cơ quan-sát để xác định vị-trí. Người quan-sát-viên cho Liêu và Xanh biết quân bạn đang rút ra khỏi căn cứ, và hướng dẫn Thái-Dương oanh-kích ngay trên tiền đồn. Liêu liên-lạc với Xanh, điều chỉnh lại cao độ, chúm mũi phi-cơ lao xuống, làm một vòng quay 360 độ, rồi phóng ra hai dàn hỏa tiễn công phá. Những trái hoả-tiễn cày lên mặt đất đá một luồng đạn đạo như cơn địa chấn, làm rung chuyển cả núi rừng, xác địch bắn tung theo với những tàn cây gãy vụn. Đạn phòng không từ bên dưới phóng lên tới tấp. Tiếng Liêu dòn dập trên tần-số:

- Thái-Dương 22 coi chừng phòng không từ hướng phải. Có hai xe tăng ở cạnh bờn xăng nơi đầu phi-đạo.



Xanh mím môi lật ngược phi-cơ, lao đầu xuống thấp sát ngọn cây, rồi bấm nút thả hai trái bom Napalm một lúc. Một cuộn lửa bùng ra, phủ trùm lên hai chiếc tăng T54 được nguy trang bằng những cành cây cạnh bờn xăng, gây ra những tiếng nổ long trời lở đất. Xanh tiếp tục giữ phi-cơ ở cao độ 25 thước dọc theo phi-đạo, bay qua bãi mìn ngoài tiền đồn, rồi kéo mũi phi-cơ thẳng đứng phóng vọt lên. Đạn 12ly7, cùng với 37ly đạn chéo hai bên cánh con chim sắt như những lần sét ngoằn ngoèo trong cơn dông bão. Bỗng Xanh nghe thấy những tiếng nổ lụp bụp, phi-cơ rung lên dữ dội, khói đen bốc ra mù mịt che kín cả bảng phi-cụ trong phòng lái, rồi một ngọn lửa từ đầu máy bốc ra. Trong khoảnh khắc, Xanh cảm thấy người nóng rát, anh vớ tay để giựt dây dù nhưng không nắm được chốt giựt. Xanh thấy mắt mình cay xè vì khói. Thẳng thốt qua nón bay, anh nghe tiếng Liêu la lớn: “- Số hai nhảy dù ngay, phi-cơ mày đang bốc cháy”. Xanh cảm thấy ngộp thở, không trả lời được... Trong một thoáng vô vọng, Xanh khẽ kêu lên: “- Chứa ơi cứu con!” Bỗng bàn tay Xanh nắm được chốt giựt, anh kéo mạnh con chốt. Một tiếng nổ

chất chứa phát ra, anh cảm thấy người bị bắn tung lên, quay lộn nhiều vòng, rồi ngất đi vì sức ép quá mạnh của lực “G”...



...Khi tỉnh dậy, Xanh thấy mình đang đong đưa theo cánh dù. Anh nhìn xuống bên dưới, Liêu đang tung hoành, nhào lộn dọc theo sân bay của căn cứ Polei-Kleng. Bất chấp màn lưới phòng không dày đặc của địch bủa vây quanh thân tàu. Người phi-tuần trưởng gan lỳ, và dũng cảm của phi-đoàn Thái-Dương 530, vẫn bình tĩnh nhả từng tràng hỏa-tiễn công phá, và đại-bác 20ly vào đám V.C từ hàng rào căn cứ tràn vào để đón bắt cánh dù của người phi-công lâm nạn...

Trong giây phút nguy khốn, Xanh thấy được hỏa lực dũng mãnh của con tàu, và lòng can-đảm tuyệt vời của người phi-công đàn anh. Trong một giây, Xanh cầu xin ơn trên che chở cho Liêu được an toàn...Ngước mắt nhìn lên, thấy bông hoa dù lỗ chỗ những lỗ đạn, Xanh có cảm tưởng như cánh dù rơi quá chậm; anh kéo dây, cố điều khiển cho cánh dù bay về hướng sông PoKor. Vừa vượt qua khỏi bãi mìn, dù rơi xuống khu rừng rậm. Cánh dù vướng vào ngọn cây cao khoảng 30-40 thước. Sức nặng của thân hình Xanh theo dây dù giựt ngược lên, đập mạnh vào cành cây, làm Xanh cảm thấy toàn thân đau nhói. Bỗng Xanh nghe một tiếng hô to: “ – Đưa tay lên!” Xanh cảm thấy lạnh người...Còn đang lúng lẳng trên cành cây, Xanh trông thấy lưng của một tên cán binh Việt Cộng (V.C), nhưng hắn không thấy anh. Xanh vội mở khóa an toàn dây dù, rồi cho người rơi xuống đất. Nghe tiếng động, tên V.C nổ một tràng AK. Xanh không biết hắn bắn mình hay bắn ai. Lẫn với tiếng đạn, Xanh nghe thấy nhiều tiếng quát tháo xung quanh. Anh khom người, vừa bò vừa chạy xa tên V.C và những tiếng quát tháo. Anh không rõ là mình đã đi được bao xa...Bỗng một hợp đoàn 2 chiếc UH1 bay ào ngang qua đầu Xanh. Xanh nhìn lên vừa kịp thấy người xạ thủ của chiếc “gun” đang nhào nửa người ra khỏi thân tàu để tìm kiếm, nhưng anh ta không nhìn thấy Xanh. Hai chiếc UH1 quần thảo trên đầu ngọn tre cách chỗ Xanh đứng khoảng 100 thước. Xanh đoán họ đang ở trên vị trí của chiếc dù anh bỏ lại hồi nãy. Bỗng Xanh nhìn thấy một tên V.C cách anh khoảng 50 thước, đang kê khẩu AK lên cành cây bắn xối xả lên hai chiếc UH1. Một chiếc trúng đạn, dầu từ đầu máy phun tóe ra. Xanh nhìn thấy những tia dầu óng ánh đọng trên lá cây, chiếc trực thăng trúng đạn tròn-trành, chập-choạng lạng ra khỏi vùng. Chiếc còn lại vẫn tiếp tục bay quanh chiếc dù. Sức gió từ hai cánh quạt khổng lồ của con tàu cấp cứu thổi xuống, tạo ra một trận cuồng phong cuốn tung cả một khoảng rừng...Một luồng cảm-xúc mãnh liệt nổi lên, trong một giây, Xanh như quên hẳn hoàn-cảnh nghiệt-ngã của mình. Tất cả mọi thứ đều mờ đi, trước mắt anh, chỉ còn lại

con tàu dũng mãnh đang chập-chờn nghiêng-ngả trong cơn bão lửa chập-chùng, và hình ảnh hào-hùng của những tráng-sĩ trên phi-cơ, vì nghĩa quên mình, bất chấp những luồng đạn thù nghịch, chẳng chịt như mạng lưới, bủa vây quanh thân tàu...

Hào-khí của người phi-công lâm nạn bùng lên, Xanh rút cây P38 đeo bên hông, hướng về phía tên V.C bắn liên tiếp mấy phát nhưng không trúng hấn ta. Xanh chỉ còn 2 viên đạn trong súng. Anh quyết định không bắn nữa, vì có bắn cũng vô ích. Khẩu súng cá nhân nhỏ bé này không phải là thứ vũ-khí xử-dụng ngoài chiến trường... Xanh nghĩ phi-hành-đoàn của chiếc UH1 không thể cứu Xanh được, vì họ không thấy anh, và họ đang lọt vào ổ phục kích của địch. Xanh quyết định không dùng đạn flare để báo cho phi-hành-đoàn của chiếc trực thăng cấp cứu biết vị-trí của mình; vì anh biết, khi thấy đạn Flare bắn lên chiếc trực thăng này sẽ bay đến thả giầy xuống để bốc anh lên, và như vậy nhất định họ sẽ bị phòng không địch bắn rớt.

Trong một giây quyết định, Xanh rời bỏ chiếc UH1 và chạy về hướng Nam... Khoảng 30 phút sau, Xanh ra khỏi khu rừng tre và đến một bãi rẫy hoang. Nhìn về phía trước, không xa chỗ Xanh đứng, anh thấy một cái chòi lá. Trong chòi lúc nhúc một nhóm cán binh V.C với mấy khẩu pháo 37ly, và 57ly. Những khẩu pháo này được phủ cỏ khô để ngụy trang, chỉ chừa họng súng đen ngòm chia ra ngoài, chỗ Xanh đang ẩn núp. Nhìn về phía Bắc và Tây Bắc, Xanh thấy V.C đông như kiến, tản mác khắp nơi trên một bãi trống hoang rộng, mở ra một khoảng không-gian chập-chùng đồi núi, nối tiếp nhau chạy dài đến tận chân trời. Xanh cảm thấy thân thể mình mỗi như không thể đi thêm được nữa. Anh đảo mắt nhìn quanh, rồi chui vào một bụi rậm, hy vọng núp ở đây đợi đêm đến sẽ đi tiếp...

Từ lúc nhảy dù ra khỏi chiếc phi-cơ bốc cháy trên vòm trời lửa đạn đến giờ, đầu óc Xanh lúc nào cũng căng thẳng. Xanh ngồi tựa lưng vào một tảng đá, định bụng là nhắm mắt nghỉ giây lát để lấy lại sức, nhưng rồi anh thiếp đi lúc nào không biết; trong cơn mê mơ hồ thảng thốt, Xanh thấy Phụng đầu tóc rối bù, chạy ào đến, gục đầu vào ngực anh giọng nức nở: “- Anh ơi! Em thấy sợ quá à...” Xanh ôm chặt lấy Phụng, rồi âu yếm vuốt tóc nàng nói: “- Em đừng sợ, anh về với em rồi nè”... Một luồng gió lạnh thổi rít lên xuyên qua cành cây kẽ lá, Xanh rùng mình tỉnh dậy. Nhìn quanh, anh chỉ thấy những dây leo hoang dại quấn lấy mình. Xanh sờ lên vai, thấy vai áo mình dính máu. Lúc bấy giờ Xanh mới để ý đến vết thương trên đầu đang rỉ máu rơi xuống ướt đầm vai anh. Xanh cởi chiếc khăn quàng cổ bằng giải lụa màu tím hoa sim, mà Phụng khâu tặng anh trong ngày lễ hỏi để buộc vết thương. Màu tím hoa sim là màu của một tình yêu lãng-mạn, nhưng cũng là màu của tử biệt, chia ly. Nghĩ đến người vợ chưa cưới, Xanh thấy tim mình như thắt lại:

*“Em đâu quê nhà chong mắt đợi
Hôn theo mây trắng ra sa trường
Thôi em yêu chi ta thêm tội
Vô duyên xui rơi lược vỡ gương
Ngày về hôn lễ hay tang lễ
Hoặc ngày ta nhắm mắt tay buông
Thôi em chớ liêu thân cô phụ
Chiến trường đầy những nỗi đoạn trường
Nơi đất lạnh trăm dòng sông Dịch
Kính-Kha nhìn quanh cả vạn muôn
Há chỉ mình ta xuôi biên tái
“Nhất khứ bất phục phản” là thường.” (*)*

Ngồi nghỉ một lát, Xanh cảm thấy trong người khỏe lại, anh lấy chiếc máy vô-tuyến cầm tay trong túi áo lưới phi-hành ra, bật nút rồi ghé sát miệng chuyên tín-hiệu “May day May day!”... Một luồng sóng vô-tuyến cực mạnh phát ra; qua máy, Xanh nghe tiếng người phi-công Mỹ báo cho bộ chỉ huy hành quân của họ để đến cứu Xanh, vì họ đã nhận được tín-hiệu cấp cứu của anh. Một phút sau, người phi-công bạn nói chuyện trực tiếp với Xanh:

- Thái-Dương, tôi đã nhận được tín-hiệu của bạn. Cứ tiếp tục chuyển tín hiệu, tôi sẽ bay đến bốc bạn trong vòng vài phút nữa.

Từ trong bụi cây nhìn ra, Xanh thấy chiếc trực thăng Cobra của Lục-Quân Mỹ đang lao về phía anh ẩn nấp. Người phi công tiếp tục đàm-thoại với Xanh để giữ tín-hiệu cho khỏi bị thất lạc. Anh ta cũng cho Xanh biết vì địa điểm phát tuyến của Xanh là nơi đóng quân của V.C, nên anh ta sẽ bắt thân đáp xuống thật nhanh để bốc Xanh. Xanh mừng rỡ khi thấy chiếc trực thăng đang bay về chỗ mình đứng...

Thình lình, một tiếng quát lạnh lùng và khô khan sau lưng Xanh nổi lên: “- Đưa tay lên!”. Xanh giật người, và cảm thấy như có một luồng lãnh khí chạy luồn qua xương sống, anh đứng im không nhúc nhích. Anh nghĩ chúng chỉ giả vờ la hét chứ chúng không nhìn thấy anh. Lại thêm 2, 3 tiếng la nữa sát mang tai Xanh: "Đưa tay lên!" Xanh ngoảnh đầu lại thấy một đám cán binh V.C chĩa đầu súng AK về phía anh. Một tên V.C hung hãn ấn mạnh đầu súng vào lưng anh. Xanh bình tĩnh đưa hai tay lên khỏi đầu. Tên V.C hần học quát lên hỏi một cách thô-lỗ:

- Mày có súng trong người không?

Xanh trả lời:

- Không! Chỉ có súng nhỏ đeo ở ngang hông thôi.

Một tên V.C khác cũng vừa bước tới. Hắn hùng hổ lục soát khắp người Xanh, rồi thẳng tay nện cho anh một báng súng vào sau gáy. Xanh cảm thấy choáng váng, lảo đảo như muốn té xuống. Anh bậm môi gồng cứng hai chân để đứng thẳng người trước bọn cán binh rừng rú, và thô bạo. Chiếc máy cấp cứu vẫn còn nằm trên mặt đất. Tiếng của người phi-công Mỹ dồn dập phát ra hỏi Xanh: "Thái-Dương! Bạn đang ở đâu?" Tên V.C đầu tiên nhặt cái máy lên. Thằng thứ hai bảo tắt nó đi kéo máy bay đến đánh. Chúng loay hoay mãi mà không biết làm sao để tắt. Chúng đưa cho Xanh và bảo anh tắt. Xanh cầm lấy cái máy nói: “- Phải bẻ cây này (cần anten) thì cái máy sẽ không dùng được”, rồi anh bẻ gãy cần anten và tắt nút điều chỉnh. Xanh cảm thấy lòng mình đau nhói, vì đây là vật hộ thân cuối cùng có thể cứu Xanh thoát khỏi tay địch, bây giờ anh phải bẻ nó đi, chẳng khác nào anh bẻ gãy một phương-tiện duy nhất để liên-lạc với thế giới bên ngoài. Chiếc trực thăng không liên-lạc được với Xanh cũng đã bỏ đi. Xanh nghe tiếng động cơ càng lúc càng xa dần theo khoảng cách...

Xanh thấy lòng mình hụt hẫng. Thế là hết! Anh tự hỏi không biết những người bạn trên những chiếc khu-trục, và trực thăng cấp cứu vừa qua có nhìn thấy anh bị bắt hay không? Phần anh, anh nhìn thấy họ rất rõ...và anh cũng thấy được sự hy-sinh cao cả, và gắn bó của tình đồng đội, qua những hành động can-trường và hào-sảng của họ. Anh thầm nói: “- Xin cảm ơn các bạn! Cảm ơn các đại-hiệp, những anh-hùng hảo-hán nơi biên-cương quan-tái chốn sa trường...Xin vĩnh biệt em! Vĩnh biệt người yêu bé nhỏ của anh. Hôm nay anh đành lỗi hẹn, nhưng anh sẽ trở về, cho dù...rất muộn.”

Trời đã về chiều. Buổi chiều Tây Nguyên ngày 9 tháng 5 năm 1972, từng tảng mây đen từ đỉnh Trường-Sơn lặng lẽ kéo về, chụp xuống vùng núi rừng sâu thẳm một bầu không khí ảm-đạm, thê-lương. Xanh ngẩng mặt nhìn lên khoảng không-gian mịt mù sương khói, như muốn gọi một cánh chim trời bạt gió nào đó, nhưng biết gọi ai bây giờ. Danh-hiệu nào giờ này bắt được tần-số thầm lặng của anh. “- Oi những Lạc-Long, Sơn-Dương, Thần-Tượng, KingBee, Bắc-Đầu...Các bạn có nghe Thái-Dương gọi không, trả lời?” Tiếng gọi thầm lặng mà sao nghe như vang dội cả một bầu trời tang tóc...

*“Chiều hôm bắc tay làm loa gọi
Gọi ai nơi viễn xứ sa trường
Gọi ai giữa sơn cùng thủy tận
Ai người thiên cổ chốn biên-cương.” (*)*

Giờ này, giữa chốn rừng sâu núi thẳm, không còn một danh-hiệu nào đáp lại tiếng gọi thầm lặng của Xanh cả, mà chỉ có Hồn-Thiên-Sông-Núi đang lần khuất đầu đây để lắng nghe, để vỗ về và che chở cho đứa con yêu của đất nước...

Những tiếng quát tháo của bọn cán binh kéo Xanh về với thực tại. Chúng bắt Xanh lột giấy ra. Một tên bẻ quặt hai cánh tay Xanh về phía sau và trói lại. Một tên thúc báng súng vào lưng Xanh bắt anh đi theo chúng. Xanh lặng lẽ nhắc đôi chân trần bước đi theo lệnh của hai tên V.C. Mỗi bước đi của anh, là một bước dẫm lên những đau đớn, tủi nhục...Bất giác Xanh để thoát ra một tiếng thở dài...Kể từ giờ phút này, Xanh phải đương đầu với một cuộc chiến mới, một cuộc chiến đơn độc, và tàn khốc gấp trăm ngàn lần cuộc chiến anh vừa tham dự. Đó là “Cuộc chiến với chính bản thân mình”. Kẻ thù của anh bây giờ không phải là những tên cán binh V.C cuồng tín và khát máu nữa; mà là lòng tự-kỷ, sự kiên-trì và sức chịu đựng của anh. Anh không thể đầu hàng nghịch cảnh. Bằng mọi cách anh phải đứng vững. Anh phải đứng thẳng, đứng cao như một loài chim mang huyền-thoại của vàng Thái-Dương chói lọi: “Phượng-Hoàng gầy cánh mòn nanh vuốt – Đầu thể vùi chung với kiếp gà”. Anh không thể gục ngã. Anh phải sống để tìm cách trở về đền bù lại cho người thân những mất mát, những nỗi lo sợ kinh hoàng. Nhất là Phượng, người con gái còn nồng thơm mùi vị tinh-khiết thánh-thiện của cuộc đời, người vợ sắp cưới của anh, chưa một lần được hưởng hạnh-phúc vui vầy sum họp, đã phải mòn mỏi đợi chờ trong cách biệt chia ly...

Anh phải sống! Cuộc sống mới bắt đầu bằng cuộc hành-trình đầy gian khổ, dưới sự quản thúc và hành hạ tàn-bạo của lũ người vô nhân tính, trên con đường...xuôi biên tái.

...Ngày tháng vẫn lạnh lùng trôi theo với những cơn mưa rừng dai dẳng, dăng kín bầu trời phổ núi, và người con gái đang độ tuổi xuân thì vẫn khép mình trong niềm thương nỗi nhớ, day dứt khôn nguôi:

*Anh đi rồi PleiKu gầy guộc nhớ
Đôi Cù-Hanh sương khói phủ lê thê
Bao nhiêu chiều con đường xưa vẫn đợi
Từng mùa mưa lầy lội lối đi về.*

...Nhưng đất trời dường như cũng rung động trước tâm lòng chung thủy của kẻ đợi chờ, nên đã ra tay nối lại cuộc tình vừa đứt đoạn của trai anh hùng với gái thuyền quyên trong thời ly loạn...Để rồi vào một ngày mà cả một vùng núi đồi trùng điệp của miền Tây-Nguyên đất Việt bỗng rực lên ánh vàng chói lọi của những khóm dã-quỳ đua nở, lót đường cho đứa con yêu của đất nước đang lừng lững bước ra từ cõi chết...Người phi-công bị bắn rớt máy bay, nhảy dù ra và sa vào tay địch ngày nào, đã trở về đúng như lời anh hứa cùng người yêu. Ngày đi, anh khẳng khái ngâm câu:

*“Trích ly bôi hề! Vũ Long-Tuyên”
“Hoành chính sáo hề! Chỉ hồ huyết” (*)*

Và cùng các chiến hữu của KĐ72/CT nâng ly uống nửa chén rượu tiễn, rồi lạnh lùng quay lưng vượt dòng sông định-mệnh...

Ngày anh về, cả Sư-Đoàn 6 Không-Quân hân-hoan chào đón người tráng-sĩ năm xưa. Lần này anh đã hiên-ngang ngựa cổ uống cạn chén thề còn dang dở, và uống cạn luôn cả một hồ-trường, để đem tâm hồn nằm nghe cô dâu tâm-tĩnh thủ thi:

*“Xin vì chàng thay bào cởi giáp
Xin vì chàng rũ lớp phong sương
Vì chàng tay chuốc chén vàng*

Vì chàng điểm phấn đeo hương nãi nùng.
 Dỡ khăn lệ chàng trông từng tấm
 Đọc thơ sầu chàng thấm từng câu
 Câu vui đối với câu sầu
 Rượu khà cùng kể trước sau mọi lời.
 Sẽ rót vui lần lần đôi chén
 Sẽ ca dần lên lên đôi liên
 Liên-ngâm đối-ẩm từng phen
 Cùng chàng lại kết mối duyên đến già.
 Cho bỏ lúc sầu xa cách nhớ
 Giữ gìn nhau vui thừa thanh bình
 Ngâm nga mong gởi chữ tình
 Đường này âu hãn tài lành trượng phu!” (*)



Đại Tá Phạm Ngọc Sang Tư Lệnh SD6KQ Chúc
 mừng Tráng Sĩ và Giai Nhân trong ngày cưới.

Đêm hôm đó, người phi-công trẻ của phi-đoàn Thái-Dương 530 đã ôm chặt cô dâu trong vòng tay, như để san xẻ hết những đau thương buồn tủi của nàng qua những tháng ngày mỏi mòn mong đợi... Rồi diu người yêu bước vào đêm huyền-thoại của ca-dao: “Cái đêm hôm đó đêm gì – Bóng trắng lồng bóng trà-mi chập-chùng”...

Sáng hôm sau, cặp vợ chồng trẻ ngồi tựa vai nhau, nhìn đôi vành khuyên trên cành liễu lú lo trở khúc nhạc tình... Người vợ đắm đuối nhìn gương mặt phong sương của chồng, rồi nhẹ nâng bình trà rót ra tách. Người chồng đỡ tách trà từ đôi bàn tay ngà ngọc của nàng, đưa lên miệng nhấp ngụm trà thơm ngát hương sen, như muốn uống hết cả những ân tình trong đáy mắt giai nhân, rồi cất giọng hào-sảng ngâm câu:

“Ta hồ trượng-phu đương như thị!” ()*

Và bắt đầu kể cho người vợ mới cưới nghe câu chuyện bi hùng của tráng-sĩ trên đoạn đường xuôi biên tái, cùng những tháng ngày đọa đầy của con Phượng-Hoàng gầy cánh bị cầm chân trong chốn địa-ngục của trần-gian...(**)

Trần Ngọc Nguyên Vũ

(Một thời ly-loạn.)

Chú-thích:

(*) Thơ Phạm Ngọc Lư

(**) Những chuyện anh kể cho người vợ mới cưới của mình nghe, tưởng chừng như chỉ xảy ra qua những huyền thoại trong chuyện cổ tích, làm tăng thêm lòng cảm phục và hãnh diện của người vợ trẻ đối với trượng phu của mình...

“...Sau mấy ngày đi bộ xuyên qua quặng rừng già đầy đặc để ra Bắc, Xanh được nhập chung với một toán tù binh khác. trong toán này có một Phi Công bay trực thăng Cobra của Kỳ Binh Hoa Kỳ. Người Phi Công này bị thương nặng, đã kiệt sức và không đi nổi nữa. Những tên cán binh quát tháo bắt anh đứng dậy đi tiếp, nhưng người Phi Công thất thế này vẫn nằm bất động như bỏ mặc cho số phận...Nhìn thấy người bạn đồng hành của mình như vậy, và mặc dù Xanh cũng đang bị những vết thương hành hạ, nhưng anh vẫn chạy tới cúi xuống xúc người thương binh dậy, rồi rót vào tai anh những lời êm dịu: “- Ráng đứng lên đi anh. Tôi không công nổ anh nhưng anh có thể dựa người vào tôi và tôi sẽ dìu anh đi.” Mấy tên cán binh Việt Cộng thấy Xanh đang giúp đỡ người phi công bị thương liền chạy đến chìa súng vào hai người rồi quát lên giọng thô lỗ; “- Thằng kia bỏ nó xuống. Mày không được giúp nó, để cho nó tự đứng lên đi nghe không.” Thấy vẻ hung hăng của mấy tên cán binh, người thương binh thều thào nói với Xanh: “ Thôi anh để mặc tôi kéo tụi nó lại hành hạ anh đó.” Bất chấp những lời đe dọa của bọn cán binh, anh mím môi cố xúc người phi công lên, để anh tựa người vào vai mình rồi quắc mắt nhìn bọn cán binh nói: “- Anh ta đã kiệt sức rồi, không thể tự đi được nữa. Tôi phải giúp anh ta, nếu các anh không bằng lòng thì hãy bắn tôi đi.” Thần khí của người phi công thất thế toát ra theo lời nói và ánh mắt làm bọn cán binh chùn lại. Sau cùng chúng đành để cho Xanh giúp đỡ người bạn đồng hành của mình. Người phi công trực thăng Cobra ráng mở đôi mắt lơ lơ một mõi của mình nhìn thân hình gầy gò còm cõi của người phi công khu trục rồi ứa nước mắt vì cảm động, và cảm phục phong độ hào sảng đậm chất tình người của Xanh. Hành động hào hùng và can đảm của Xanh đã kích thích và đem lại niềm tin cho người phi công trực thăng Cobra để anh vượt qua được khúc ngoặt nghiệt ngã của cuộc đời...

...Rồi qua những ngày tháng sống trong chốn lao tù của VC. Thịnh thoảng lại có một tên cán bộ đến để tra vấn Xanh. Người này tự xưng là con trai của Lưu Trọng Lư, một nhà thơ nổi tiếng thời tiền chiến. Người này muốn Xanh trả lời những câu hỏi theo ý của hắn và đổi lại là Xanh sẽ được hưởng một quy chế đặc biệt, nhưng Xanh đã từ chối. Để đến ngày trở về, Xanh đã ngẩng đầu hãnh diện là mình đã thắng trong cuộc chiến thứ hai; cuộc chiến chống lại lòng tự kỷ, sự hèn nhát và yếu đuối của con người bằng một thứ vũ khí đặc biệt. Đó là sự kiên trì và lòng dũng cảm của người Lính VNCH.”

Một Thoảng Mây Bay!

Trần Ngọc Nguyên Vũ

*Ai về cho gởi chút mây bay
Một chút sương rơi phút cuối ngày
Một chút men đời thay rượu đắng
Một chút...cho lòng thêm đắm say.*



Trung ngồi đợi Trúc ở phòng đợi của khách-sạn, thỉnh thoảng chàng lại ngược mắt nhìn chiếc đồng hồ treo trên tường. Đã hơn một tiếng rồi mà vẫn chưa thấy Trúc đến. Trung bắt đầu cảm thấy bồn-chồn, không biết là đã có chuyện gì xảy ra... Trước khi đi, Trúc có gọi điện-thoại cho chàng, nói chỉ khoảng nửa tiếng là tới. Vì từ chỗ Trúc ở đến khách-sạn này chỉ mất có 15 phút xe buýt, cộng thêm khoảng thời-gian 10 phút đợi xe, có trễ lắm thì cũng khoảng 45 phút là cùng. Trung ngập-ngừng nghĩ hay là... Trúc đã đổi ý. Mặc dù mới biết Trúc chưa đầy một tuần lễ mà chàng có cảm-tưởng như hai người đã quen nhau từ lâu lắm rồi...

...Trung nhớ lại lần đầu tiên gặp Trúc trong đêm văn-nghệ do các sinh-viên Việt Nam của trường Trúc tổ-chức để chào mừng phái-đoàn, Trung đã bị thu-hút ngay bởi dáng dấp thanh-thoát, sang-cả, và nhất là lối nói chuyện lôi-cuốn của cô xướng-ngôn-viên điều-khiển chương-trình. Đêm hôm đó, Trung được ban tổ-chức mời lên nói chuyện với các sinh-viên và kiều bào. Đề tài nói chuyện của chàng là: **“Đem Tâm-Tình Nói Chuyện Với Lịch-Sử.”** Với tư-cách là người đại-diện cho ban tổ-chức, Trúc đã đến gặp Trung để thảo-luận với chàng một vài chi-tiết quan-trọng, trong đó có những câu hỏi của nhóm sinh-viên thiên tả. Trúc cũng tỏ ý ngại rằng có thể vì những đụng chạm về chính-trị sẽ làm cho bầu không khí của đêm họp mặt mất vui, và nhất là nàng muốn dành cho mọi người trong phái-đoàn những giờ phút thật thoải-mái trong thời-gian thăm viếng xứ sở này. Nhìn gương mặt lo âu của Trúc, Trung mỉm cười trấn-an nàng: - Xin cô nói với ban tổ-chức là không sao đâu, chính chúng tôi cũng muốn có dịp được đối-chất với các anh chị em sinh-viên thiên tả quá khích, để khơi lại nguồn tình-cảm dân-tộc đang bị cái chủ-thuyết không tưởng của Cộng-Sản đốt cháy dần trong lòng họ. Rồi với một tia mắt thật dịu-dàng, chàng nhìn Trúc mỉm cười hóm-hỉnh nói: - Với lại khi nào tình-hình trở nên nghiêm-trọng, thì bắt quả tôi chỉ việc trao lại máy vi-âm cho cô xướng-ngôn-viên điều khiển chương-trình là mọi chuyện sẽ được giải quyết êm đẹp ngay thôi, có phải thế không? Trúc chớp mắt cảm-động qua câu nói bóng-gió xa-xôi của Trung, và hình như...có một cái gì thật khó giải-thích đang len-lén dâng lên trong lòng, tự-nhiên nàng cảm thấy yên tâm trước sự bình-tĩnh và tự tin của Trung. Khi Trúc giới-thiệu Trung với khán-giả thì ngay từ phút đầu, Trung đã chinh-phục được cảm-tình của mọi người qua phong-cách, và giọng nói truyền-cảm của chàng. Những lời tâm-tình của Trung thoát ra như mũi dao nhọn xoáy vào tim người nghe. Những ngăn cách, e-dè ban đầu tự-nhiên biến mất, mà còn lại, chỉ là một màng lưới tình-cảm vô hình bông-bềnh lãng-đăng vây quanh. Bầu không-khí trong hội-trường có lúc như chìm hẳn xuống theo với luồng tình-cảm u-uẩn của diễn-giả, có lúc sôi động bùng lên như một dòng thác đang cuộn-cuộn chảy, với những tràng pháo tay cổ-vỗ tưởng như bất tận của mọi người. Chương-trình được kéo dài thêm cả tiếng đồng hồ so với thời gian đã ấn-định trước mà mọi người vẫn còn thấy luyến-tiếc chưa muốn chia tay. Trúc cảm-động khi thấy các sinh-viên trẻ ân cần nắm tay Trung nói: **“- Xin cảm ơn anh đã cho chúng em cơ-hội để hiểu rõ các anh hơn.”** Trung nhìn họ bằng tia mắt thông-cảm và nói: **“- Tất cả mới chỉ là bắt đầu cho một cuộc hành-trình trên con đường thiên-lý diệu vợi, chúng ta cần phải có thời-gian và ý-chí để tiếp tục đi trên con đường**

này. Dân-tộc đang mong chờ ở sự trưởng-thành nơi các bạn đó.” Sau đêm văn-ngệ, đáng lẽ Trung cùng các bạn trong phái-đoàn lên đường đi thăm viếng những thành phố khác như chương-trình đã sắp đặt trước. Nhưng sáng hôm khởi-hành, Trung thành linh ngả bệnh, nên đành phải ở lại để vào bệnh-viện. Cũng từ hôm đó, Trúc đã tới thăm Trung như một người em gái chăm sóc người anh trai của mình. Trúc ân-cần, mềm-mòng và hiền-địu. Nhưng qua cử-chỉ và lời nói, ở nàng vẫn toát ra một cái gì đó thật là đoan-trang, khiến cho người đối diện vừa cảm mến lại vừa nể phục. Trong những ngày nằm trên giường bệnh, mỗi lần Trúc đến thăm, là mỗi lần Trung cảm thấy như mình vừa được uống thêm một liều thuốc tiên. Chiều hôm qua, Trung đã rời nhà thương để về lại khách-sạn, và sáng nay, Trúc hẹn đến đón chàng về thăm nơi Trúc ở...

...Trung lắc đầu xua đuổi những ý-nghĩ tiếp nối. Chàng với tách cà-phê đã nguội trên bàn, ngửa cổ uống cạn. Trung hơi nhăn mặt vì chất đắng của cà-phê đọng trên lưỡi. Chàng chu miệng liếm môi rồi đến quầy quản-lý hỏi cô tiếp-viên của khách-sạn xem có ai gọi điện-thoại đến không. Cô tiếp-viên như thông-cảm được sự chờ đợi của chàng nên nở một nụ cười thật tươi trả lời:

- Dạ thưa ông, cho đến bây giờ thì vẫn chưa có ai gọi đến cả, khi nào có người gọi đến, thì chúng tôi sẽ thông-báo cho ông biết ngay ạ.

Trung cảm ơn cô tiếp-viên rồi chợt nhớ ra rằng đây là lần thứ tư trong vòng một tiếng đồng hồ chàng đã hỏi cô ta cùng một câu hỏi. Trung cảm thấy hơi ngượng nên phân trần với cô ta:

- Thưa cô tôi thành-thật xin lỗi là đã làm phiền cô, nhưng chả là vì tôi có hẹn với một người bạn ở xa đến thăm nên...

Không kịp để cho Trung nói hết câu, cô tiếp-viên của quầy quản-lý khách-sạn đã mỉm cười nheo mắt chỉ tay ra phía cửa, di-dôm nói với chàng:

- Thưa ông hình như người bạn của ông đã đến rồi thì phải.

Trung quay đầu trở lại nhìn, chàng xuýt nữa bật lên tiếng kêu vì vừa thấy Trúc nơi khung cửa kính. Chàng chạy vội ra đón Trúc, quên cả cảm-ơn cô tiếp-viên xinh xắn và bất-thiệp.

Người gác cửa khách-sạn đỡ chiếc giỏ mây trên tay Trúc, trong khi nàng cởi tấm khăn quàng cổ, phủi những hạt mưa bụi lấm tẩm bám trên tóc. Trung lặng người đứng nhìn Trúc quên cả chào hỏi. Trúc đưa tay vuốt nhẹ mái tóc dài óng mượt ra phía sau rồi nhìn Trung cười hỏi:

- Anh Trung đợi có lâu lắm không? Anh cho Trúc xin lỗi nhé, đáng lẽ Trúc đã đến sớm hơn, nhưng tối hôm qua nghe tin-tức thời-tiết trên đài truyền hình, thấy nói là trưa nay tuyết bắt đầu rơi, và sẽ có một trận bão tuyết lớn sắp tới, cho nên trên đường đi, Trúc đã ghé lại siêu-thị gần nhà để mua một vài thứ cần thiết. Không ngờ người ta đưa nhau đi chợ đông khủng-khiếp luôn, chắc là để phòng hờ cho trận bão tuyết sắp đến, nên phải mất đến gần một tiếng đồng hồ Trúc mới ra khỏi quầy hàng trả tiền đó, thành ra tới trễ, làm anh phải đợi lâu.

Trung đứng ngẩn người nghe Trúc nói một hơi, giọng nói líu-lo như tiếng chim quyên. Trung như quên tất cả, chàng đỡ lời Trúc bằng một câu nói đùa:

- Ô có gì đâu, thật ra thì...tôi cũng chưa có đủ thời giờ để thưởng-thức tới ly cà-phê thứ tư của khách-sạn này. Tôi vừa khám phá ra là cà-phê ở đây thật thơm ngon và đậm-đà.

Trúc cười tươi đáp lời Trung:

- Thôi mà...anh cho Trúc xin lỗi một lần nữa nghe. Lần đầu tiên mời khách tới nhà mà lại trễ hẹn thì quả là có lỗi lớn lắm.

Trung nói mau:

- Không đâu, xin Trúc đừng nói vậy, thật ra thì người có lỗi chính là tôi, vì tôi đã làm Trúc phải vất vả cả buổi sáng nay mà.

Trúc bật cười qua lời nói chuyện hóm-hỉnh của Trung:

- Anh Trung nói chuyện thật là khéo, chắc chả có ai giận anh được đâu nhỉ.

Cả hai cùng cười, Trung nói:

- Thôi chúng mình đi chứ.

Trúc gật đầu đáp:

- Dạ.

Trung rung động vì tiếng dạ nhẹ-nhàng như hơi gió thu của Trúc. Chàng cảm thấy trong cái âm-thanh mơ hồ, thoang thoang kia, như ngấm chứa đựng một cái gì thật là nồng-nàn và ấm-cúng. Trung cúi xuống xách chiếc giỏ mây cho Trúc, rồi hai người bước ra khỏi khách-sạn. Người gác cửa cúi đầu thật thấp chào chàng và Trúc. Trung móc túi lấy tờ năm trăm Yen dúi vào tay anh ta. Anh ta lại cúi rạp người xuống chào và nói lời cảm ơn. Trúc nhìn Trung cười tùm-tùm rồi khẽ nói:

- Anh Trung ơi, ở đây người ta không có lệ cho tiền Típ đâu, lần sau anh khỏi phải bận tâm về vấn đề này nhé.

Trung cười theo rồi nghiêng đầu nói bên tai Trúc:

- Thật ra thì không phải tôi cho anh ta tiền típ đâu, mà chỉ là muốn cảm ơn anh ta đã đón Trúc ở ngoài cửa đấy thôi.

Trúc cười ròn:

- Thôi, Trúc chịu thua anh rồi đó.

Hai người cùng cất tiếng cười vang trước sự ngạc-nhiên của người gác cửa. Anh ta tuy chẳng hiểu Trung và Trúc nói gì nhưng cũng vui vẻ cười theo.

Vừa ra khỏi khách-sạn, Trung bất chợt nhận ra một khung cảnh tuyệt-vời trước mắt. Trên trời, từng tầng mây trắng đục nặng nề trôi thật thấp, và loáng thoáng trong không gian, những sợi mưa mỏng manh tựa hồ như sương khói, bay trước mặt, đậu lên da thịt vừa đủ cho chàng một cảm-giác như đang được bàn tay của người tình mon trớn. Trung đưa tay kéo cao cổ áo. Chàng khẽ kêu lên:

- Ô! Thật là tuyệt-diệu.

Trúc đi bên cạnh, ngược mặt hỏi Trung:

- Anh nói gì cơ?

Trung ngất ngây vì câu hỏi của Trúc, và cảm thấy như mình đang bị cuốn hút vào một thế-giới của ảo-giác pha trộn lẫn âm-thanh và cảnh vật; chàng trả lời Trúc, giọng nói tan loãng vào với khoảng không:

- Trúc có thấy gì không, những hạt mưa bụi bay trong không-gian chẳng khác nào như...

Trung chợt ngưng ở đó vì bỗng nhớ ra là đang đi bên cạnh Trúc ngoài đường phố. Trúc bật cười vì cử-chỉ của Trung, nằng hời giọng tỉnh ngộ:

- Anh Trung đang làm thơ đấy à?

Trung hơi lúng túng, cất giọng xa vắng:

- Thật ra thì tôi đang bị xúc-động bởi khung cảnh trước mắt mình, vì đã từ lâu lắm rồi, hôm nay mới lại được thưởng-thức cảnh mưa bụi bay...

Trúc đi sát bên Trung, giọng cảm-động:

- Vâng, nghe anh nói Trúc cũng cảm lây được cái đẹp của thời-tiết đó. Thật ra thì...vì đời sống bận rộn hàng ngày, nên nhiều khi con người đã vô tình bỏ mất đi những cái đẹp ngay trước mắt mình. Đó cũng là một thiếu sót lớn trong cuộc sống, có phải thế không anh?

Trung mỉm cười thích thú vì sự nhận-xét của Trúc. Chàng muốn nói một lời để chia sẻ cái cảm- nghĩ sâu-sắc của nàng thì một chiếc xe buýt đã chạy tới, và ngừng bên lề đường. Cửa xe vừa mở, hành khách trên xe ào xuống như con nước lũ, làm Trung phải kéo Trúc lui lại để tránh. Trúc ngả hẳn người về phía Trung. Sự đụng chạm bất ngờ làm Trúc lúng túng, gương mặt hồng lên, nàng đưa tay vuốt mấy sợi tóc lòa xòa trước mắt, cười nói với Trung:

- Đó anh thấy chưa. Ở đây mọi người ai cũng lo chạy đua với thời gian; họ sẽ chẳng bao giờ chịu ngừng lại cả đâu, dù chỉ là trong một khoảnh-khắc để thưởng-thức mưa bụi bay...

Trung bật cười vì câu nói đượm mùi triết-lý về nhân-sinh-quan trong cuộc sống của cô sinh viên trẻ và vui tính này. Chàng theo Trúc lên xe. Trúc bỏ tiền vé cho hai người vào chiếc hộp đựng tiền bên cạnh người tài-xế, rồi chỉ vào chiếc ghế trống duy nhất còn lại nói với Trung:

- Anh Trung ngồi đi.

Trung lịch-sự nhường cho Trúc, nhưng Trúc vừa cười vừa nói:

- Anh Trung ơi, ở bên này đàn ông Nhật họ không nhường phụ-nữ đâu, anh đừng ngại.

Rồi nàng nheo mắt nhìn Trung nói tiếp:

- Với lại anh đừng quên rằng anh đang là khách, và Trúc là hướng-dẫn-viên đấy nhé. Nhập gia phải tùy tục mà, anh không nhớ sao.

Trung cảm thấy vui lây trước sự hoạt-bát và vui tươi của Trúc. Rồi như có một mãnh-lực vô hình nào đó thúc đẩy, Trung ngoan ngoãn ngồi xuống như một cậu học trò nhỏ nghe lời cô giáo của mình. Trúc đứng bên cạnh, một tay vịn vào thành ghế, một tay chỉ ra phía ngoài giải-thích cho Trung nghe phong-cảnh, chẳng khác nào như một cô hướng-dẫn-viên du-lịch chuyên nghiệp. Khi xe quẹo vào con đường nhỏ dẫn tới một khu rừng, Trúc nói với Trung:

- Anh Trung thấy khu rừng trước mặt đó không? Thật ra thì đó là công-viên của thành phố, nó chia ranh giới giữa thành phố với khu ngoại-ô. Công-viên này nổi tiếng là đẹp. Anh có thấy những cội anh-đào mọc dọc theo con suối đó không? Về mùa Xuân hoa đào nở trông đẹp tuyệt-vời. Mỗi lần gió thổi là hàng ngàn cánh hoa bay lá tả theo gió, chẳng khác nào như những bông hoa tuyết của mùa Đông cả...

Trúc chợt ngưng lại, hai gò má ửng hồng, cúi đầu nhìn xuống. Nàng vừa nhận ra là Trung đang đăm-đuối nhìn nàng. Giọng Trúc nhỏ lại, nàng hỏi Trung:

- Anh Trung...có thấy gì bên ngoài không?

Trung nghe Trúc đổi giọng, chàng cảm thấy ngượng vì đã tỏ cử chỉ hơi sỗ-sàng đối với Trúc, và như để thảm tạ lỗi cho cử-chỉ vừa rồi, chàng cười nhẹ nhàng nói với Trúc:

- Ô! Tôi thật là vô phép. Chỉ vì nghe Trúc nói hay quá nên quên cả nhìn cảnh vật...Với lại Trúc nói hay như thế thì người ta chỉ cần nghe thôi cũng đủ tưởng-tượng ra mọi cảnh trí rồi đâu cần phải nhìn nữa. Trúc cười lấy lại sự tự nhiên ban đầu, nàng nghiêng đầu nhìn Trung nói:

- Ô, nếu vậy thì Trúc chả dám nói nữa đâu; sợ lại làm ngưng đọng dòng tư-tưởng của một nhà thơ.

Nghe giọng nói đượm vẻ hồn dỗi nhẹ nhàng của Trúc, Trung cảm thấy một niềm vui lâng lâng dâng lên trong lòng...Chàng nhìn Trúc nói bằng một giọng thân-mật:

- Tôi thành thật xin lỗi Trúc nhé. Chính ra thì tôi vừa nghe, vừa nhìn và nhớ tất cả những gì Trúc mới nói đó.

Trúc chớp mắt cảm-động vì câu nói của Trung, nàng nói nhanh:

- Anh Trung, Trúc chỉ nói đùa thôi mà, chứ Trúc không có ý giận anh đâu.

Vừa lúc đó thì chiếc xe buýt ngừng lại. Trúc nhìn ra cửa xe rồi giục Trung:

- Ô, tới rồi đó anh, mình xuống đây đi.

Trung đứng dậy xách chiếc giỏ mây rồi theo Trúc bước xuống xe. Trúc đưa tay chỉ về phía trước nói với Trung:

- Anh Trung thấy cây cầu phía trước không. Qua khỏi con sông nhỏ này, rồi đi thêm khoảng vài chục thước lên ngọn đồi phía tay phải là tới chỗ Trúc ở đó.

Trung nhìn theo hướng tay của Trúc chỉ. Cả một khung cảnh kỳ-tú hiện ra trước mắt chàng. Một cây cầu gỗ sơn đỏ bắc ngang qua bờ sông. Dưới chân cầu, một cây Tùng cổ-thụ đứng lẩn khuất với những cành liễu ủ rũ. Trên sông, một cặp bạch nga đang thả mình trôi theo dòng nước lạnh lặn-tấn gợn sóng theo làn gió nhẹ. Dọc theo bên kia bờ sông, rải rác những mảnh vườn, ruộng, những mái nhà thấp thoáng ẩn mình dưới hàng thông cao vút. Đó đây, vài ngọn khói lam bốc lên từ cột khói sau nóc nhà, tỏa mùi thơm thoang thoang trong không-gian. Xa xa là dải núi xanh xám trải dài đến tận chân trời. Từ trên đỉnh núi, những tầng mây trắng đục đọng lại, đổ xuống lưng chừng, trông như những ngọn thác đang chảy. Trung buộc miệng kêu lên:

- Trời hỡi! Khung cảnh ở đây đẹp quá, chẳng khác nào như chốn thiên-thai nơi trần-thế cả.

Trúc nheo mắt cười, nhìn Trung nói:

- Anh Trung nói hơi quá đấy nhé, vì cảnh tuy có vẻ giống, nhưng lại thiếu những nàng Tiên xinh đẹp nên vẫn chưa có thể gọi là thiên-thai được đâu. Có phải vậy không?

Trung cười nhìn Trúc bằng tia mắt hóm-hỉnh nói:

- Theo tôi nghĩ thì...đâu cần phải có những nàng Tiên, mà chỉ cần có một nàng Tiên ở thì cũng quá đủ để gọi nơi đó là thiên-thai rồi. Trúc có đồng ý với tôi như vậy không?

Trúc cười theo đuôi mắt nói:

- Vâng, nếu chỉ có một nàng Tiên, thì nàng Tiên này đúng là bị trời đẩy xuống trần-gian rồi, đâu còn được ở thiên-thai nữa.

Cả hai cùng cất tiếng cười ròn rã. Hai người đi qua khỏi chiếc cầu, đến một ngôi nhà xung quanh có hàng rào trồng bằng loại thông trúc-bách-diệp. Một chiếc cổng gỗ cao, có mái che, hai đầu uốn cong theo lối kiến-trúc cổ-truyền. Trúc đẩy cánh cổng được khép hờ, rồi mời Trung vào trong sân. Từ cổng chính dẫn đến ngôi nhà là lối đi được lát bằng những phiến đá xanh nhẵn bóng. Dọc theo hai bên của lối đi là hai hàng cây anh-đào được trồng thẳng lối; những cành cây khô gầy trụi lá, vươn lên trên nền trời xám đục, đan vào nhau trông như một tấm lưới. Căn nhà đã cũ, nhưng trông vững-chãi như một ngôi chùa cổ. Những chiếc cột gỗ to bằng cả một người ôm, màu gỗ đã lên nước bóng loáng, chứng tỏ căn nhà đã được xây cất từ lâu lắm rồi. Bên hông nhà, một con đường nhỏ lát gạch bát-tràng dẫn tới một cái ao khá rộng. Ở giữa ao là ngôi thủy-đỉnh lợp ngói đỏ, nổi với bờ ao bằng một cây cầu tre. Trên mặt ao, loáng thoáng những mảng bèo tấm lẫn lộn với những cọng sen, cọng súng, nhô lên khỏi mặt nước trông như những chiếc cọc lưới của thuyền chài cắm trên sông. Chung quanh bờ ao, hàng cây dương-liễu đứng rù như đang thì thầm với những khóm thủy-trúc dưới nước. Một con hạc xám co chân, rù cánh đứng trên

một phiến đá cạnh bờ ao, nghiêng đầu chăm-chú đợi con mồi dưới nước. Bên hông nhà, là một khu vườn trồng đủ các loại cây mà Trung không biết tên. Phía cuối khu vườn là những bụi thanh-trúc mọc dày, thân cao vút, ngả nghiêng theo gió thổi. Một tảng đá lớn nhô ra, được đẽo gọt thành một hòn non bộ, và một khe suối nhỏ từ bên trong vách đá róc rách chảy men theo những đám rêu xanh xám. Trung lặng người đứng nhìn cảnh vật xung quanh. Chẳng có cảm-giác như mình đang lạc vào một cảnh nào đó trong câu truyện thần tiên. Có tiếng Trúc trên thềm nhà vọng xuống:

- Anh Trung vào nhà đi không kéo lạnh. Để lát nữa Trúc sẽ dẫn anh đi coi vườn.

Trung giật mình nhìn lên, chừa ngượng nói với Trúc:

- Ngôi nhà này đẹp quá. Xin lỗi là chưa được phép của chủ nhân mà đã nhìn trộm phong-cảnh.

Trúc cười:

- Xin nói trước là căn nhà này không phải của Trúc đâu đấy nhé. Nhưng mà mời anh vào trong đã.

Trung bước lên thềm nhà. Ngoài thềm, Trúc đã để sẵn đôi dép bằng vải. Trung cởi giày, xỏ chân vào đôi dép rồi theo Trúc vào trong nhà. Trúc tháo khăn quàng cổ nói với Trung:

- Anh đưa áo choàng để Trúc cất cho.

Trung cởi chiếc áo khoác ngoài ra đưa cho Trúc rồi nói:

- Thật là ngoài sự tưởng-tượng của tôi.

Trúc cười, liền-thoảng nói:

- Anh cho Trúc năm phút vào trong cất áo rồi ra ngay. Xin anh cứ tự-nhiên nghe.

Trung gật đầu đáp lại:

- Vâng, xin Trúc cứ tự-nhiên.

Trúc vào trong rồi, còn lại một mình, Trung có dịp qua-sát kỹ xung quanh. Căn phòng được bài-trí một cách đơn-giản, nhưng trông thật là thanh-thoát, chứng tỏ chủ nhân phải là một người có óc thẩm-mỹ rất cao mới đạt đến trình-độ trung-bầy nghệ-thuật như vậy. Phòng khá rộng, sàn nhà được lát bằng loại gỗ quý, nước gỗ đã lên màu nhẵn bóng như mặt đá cẩm-thạch. Giữa nhà, một chiếc lò sưởi lớn xây bằng đá xanh, để trống bốn mặt. Bên trong lò sưởi, lửa cháy kêu lách-tách tỏa hơi ấm khắp gian phòng. Trước lò sưởi, phía nhìn ra cửa chính, được dựng một cái giá bằng gỗ mun đen nhánh, có ba nấc, trên gác một thanh kiếm dài và hai cây đoản kiếm của các hiệp-sỹ thời cổ, làm tăng thêm vẻ uy-nghiêm của căn phòng. Phía bên trái lò sưởi, một chiếc bục gỗ cao được lau chùi bóng loáng, trên đặt một cây đàn Koto chạm trổ rất công-phu. Đằng trước chiếc bục, có kê một chiếc bàn hình chữ nhật, chân thấp, khảm xà-cừ. Chung quanh bàn trên sàn nhà, được trải những tấm thảm dày dùng để ngồi. Trên tường, phía đối diện với cửa ra vào, có treo hai bức đại cổ họa. Một bức vẽ một hiệp-sỹ đang ở trong tư thế rút kiếm, còn bức kia vẽ một thiếu nữ mặc kimono tay cầm chiếc giỏ mây đi giữa rừng hoa anh-đào. Nét vẽ mạnh và xuất thần, làm Trung có cảm-tưởng như những hình ảnh trong tranh đang chuyển-động theo ánh mắt của chàng. Bên phía tay phải, lên một bậc là dãy hành lang dài. Dọc theo hành lang, có những khung cửa sổ được ghép bằng những thanh tre màu vàng nhạt. Ở dưới mỗi khung cửa sổ, có kê một chiếc bàn tre, bên trên bày những chậu cây cảnh được cắt tỉa tỉ-mỉ...Trung còn đang say-sưa nhìn ngắm thì có tiếng của Trúc ở đằng sau làm chàng giật mình quay lại. Trung ngẩn người ra nhìn Trúc rực-rỡ trong bộ đồ kimono màu tím nhạt, lấm tấm điểm những cánh hoa anh-đào màu trắng, tay bưng một khay trà...Rồi như không dần được sự xúc-động, Trung khẽ kêu lên:

- Trời hỡi! Nếu không phải là biết trước, thì tôi đã lầm Trúc với một cô gái Nhật nào đó rồi. Thật ra thì phải nói là một nàng tiên Nhật Bản mới đúng.

Trúc đặt khay trà xuống bàn, cười tươi, cúi người, xuôi tay chụm lên đầu gối, chào Trung theo kiểu Nhật. Rồi cất giọng liền-thoảng nói:

- Cảm ơn anh đã quá khen. Ngày thường Trúc ít khi mặc kimono lắm, chỉ khi nào có khách quý mới lấy ra mặc đó. Nhưng mà mời anh lại bàn ngồi xơi nước đã.

Trung bước lại bàn. Chàng lúng-túng ngồi xuống. Trúc cười tủm-tím nhìn Trung ngược-ngập xoay trở một cách khó khăn trên chiếc gối nệm. Trúc nâng tà áo, quỳ xuống ngồi thật gọn gàng, rồi nàng nhẹ nhàng cầm bình trà lên rót nước mời Trung:

- Anh Trung biết gì không, bộ đồ pha trà thì của Nhật, nhưng trà thì lại là trà sen từ Việt Nam mang qua đó nghe.

Trung cười đỡ ly trà trên tay Trúc rồi nói:

- Thế này thì... không khéo mai một toàn thể dân Nhật đều đòi uống trà sen của Việt Nam hết mất.

Trúc cười vô-tư trả lời:

- Ô, anh nhầm rồi. Người Nhật nổi tiếng là cứng đầu nhất thế-giới đó. Họ sẽ chẳng bao giờ theo ai đâu.

Trung cười theo ánh mắt, nhìn Trúc hóm-hỉnh nói:

- Biết đâu đấy. Với lại theo tôi nghĩ thì...có cứng như đá cũng phải mềm chứ đừng nói là dân Nhật.

Trúc cúi đầu, hai gò má ửng hồng vì câu nói bóng gió của Trung. Nàng nói lảng:

- Ô! Để Trúc kể anh nghe lai-lịch của ngôi nhà này nhé. Anh biết không, căn nhà này nguyên là của ông cố của cô bạn học cùng trường với Trúc để lại cho anh em cô ấy đó. Ngày xưa, ông cụ là một quan đại-thần dưới triều Minh-Trị Thiên-Hoàng. Tất cả đồ đạc trong căn nhà này đều được giữ nguyên vẹn không thay đổi gì cả. Kể cả những thanh kiếm của cụ ông và cây đàn Koto của cụ bà. Nhà có tất cả là sáu phòng, ba phòng ngủ, và phòng đọc sách chia thành bốn góc. Ở giữa là khu vườn cảnh. Chỗ này là phòng khách, có dãy hành lang ăn thông xuống khu nhà bếp và phòng ăn. Phía bên kia khu vườn ở sau nhà, là căn nhà của vợ chồng người quản-gia gia của gia-đình. Hai ông bà cụ có nhiệm-vụ chăm sóc nhà cửa, và cắt tỉa vườn tược, nên trông mới được khang- trang như vậy đó.

Trung ngồi yên lặng nghe Trúc kể. Âm-thanh nhẹ nhàng, thanh thoát của nàng quyện vào với ánh lửa đang nhảy múa trong lò sưởi, chẳng khác nào như một khúc luân-vũ tuyệt-vời. Qua một thoáng mơ hồ, Trung cảm thấy như mình đang cùng Trúc đi ngược lại với dòng thời-gian theo câu truyện. Trung cất giọng xa-xôi:

- Nghe Trúc kể, tôi thấy như mình đang được đóng một cuốn phim...nhưng làm sao mà Trúc lại thuê được căn nhà này?

Trúc cười nhẹ, giọng mơ-màng:

- Thật ra thì...không phải là Trúc thuê đâu, mà là có duyên được ở đây mới đúng. Chẳng là hồi mới ở bên nhà qua, Trúc chưa tìm được chỗ ở, và như anh biết đó, nhà cửa ở đây rất đắt và khó kiếm, nên Trúc phải ở tạm nhà của một anh sinh-viên Việt Nam đã qua đây trước. Nhưng...nhà chỉ có độc nhất một căn phòng, nên rất là bất tiện. Anh ấy phải dùng tấm vải căng lên để ngăn đôi căn phòng cho mỗi người một nửa. Cũng may anh ấy là người tốt và tế-nhị, nên gần như là anh ta đã nhường cả căn phòng cho Trúc ở, chỉ đi về khi nào cần. Phần nhiều anh ấy ở cả ngày trong thư-viện. Đang lúc bối rối chưa biết tính sao, thì tình cờ Trúc gặp Xuyên-Đảo, và cô ta mời Trúc về nhà chơi. Nghe Trúc kể tình cảnh của mình, cô ta nhất định bắt Trúc phải dọn về ở với cô ta trong căn nhà này. Vì nhà chỉ có hai anh em học ở đây, còn gia-đình cô ta thì ở trên một hòn đảo khác. Thấy cô ta là người hiếu-khách, nên Trúc đã dọn về đây ở chung với anh em cô ta, tới nay cũng được hơn hai năm rồi...

Trung ngắt ngang lời Trúc:

- Thế...cái anh bạn sinh-viên Việt Nam đó còn ở đây không?

Trúc nghiêng đầu nhìn Trung cười, cất giọng hóm-hỉnh nói:

- Còn chứ, thỉnh thoảng anh ấy vẫn ghé thăm Trúc đó.

Nghe Trúc nói, tự nhiên Trung cảm thấy như có một cái gì đè nặng trong lòng. Chàng nhìn Trúc thật lâu, muốn nói một lời gì đó mà âm-thanh không thoát ra được. Trúc cúi đầu lẩn tránh tia nhìn của Trung. Rồi nàng đổi lại thế ngồi, cất giọng liên-thoảng nói:

- Buồn cười lắm, anh Trung biết không. Nhà chỉ có ba người mà hầu như chả bao giờ gặp mặt đầy đủ cả. Khi Trúc đi học về thì tới phiên cô ta đi, tới khi Trúc đi thì anh cô ta về, cứ như là cây đèn kéo quân ấy thôi.. Họa hồn lắm là vào những ngày cuối tuần mới tập hợp đầy đủ để ăn với nhau một bữa cơm gia-đình. Nhưng được cái là hai ông bà quản-gia rất tốt, họ coi Trúc như người thân, nên nhiều khi Trúc có cảm-tưởng là mình được chăm sóc như là ở nhà với mẹ vậy đó. Hôm nay hai ông bà sửa-soạn đãi anh một bữa cơm thuần-tuý Nhật Bản đấy. Để chút nữa Trúc giới-thiệu anh với hai người nghe...Còn hai anh em Xuyên-Đào thì vừa về thăm gia-đình, qua Tết mới lên lại, nên anh không có dịp gặp họ lần này đâu.

Nói đến đây Trúc chợt ngưng lại, chụm hai tay vào nhau rồi nghiêng đầu nheo mắt nhìn Trung nói tiếp bằng một giọng tinh-ngịch:

- Ô! Tiếc quá, giá mà Xuyên-Đào có mặt ở đây thì nhất định là Trúc sẽ giới-thiệu cô ta với anh. Anh Trung mà gặp Xuyên-Đào thì anh sẽ thích ngay đó. Cô nàng đẹp và dễ thương lắm. Các cậu trong trường ai cũng muốn làm quen với cô ta hết đó.

Trung ngồi nghe Trúc nói mà hồn như để mãi tận đâu đâu...Nhìn vẻ mặt thẫn-thờ của Trung, Trúc khẽ hỏi:

- Chắc là anh Trung thấy đói bụng rồi hả? Để Trúc xuống nhà bếp xem hai ông bà đã sửa-soạn xong chưa nhé.

Trung cười gượng rồi hỏi Trúc:

- Ô, thế cái anh bạn sinh-viên Việt Nam tốt bụng của Trúc tên là gì nhỉ?

Trúc chợt phì cười vì câu hỏi có vẻ hơi lạc đề của Trung. Nàng nghiêng đầu nhìn Trung, rồi trả lời bằng một giọng trêu chọc:

- Ô, anh ấy cũng tên là Trung giống như anh đó. Mà tại sao anh lại hỏi tên anh ta . Bộ anh muốn Trúc giới-thiệu hả?

Trung cười buồn, giọng xa vắng:

- Không, tôi chỉ hỏi vậy thôi.

Rồi Trung hạ thấp giọng, nói tiếp:

- Với lại...

Trung chợt ngưng ở đó. Nghe giọng nói ngập-ngừng của Trung, Trúc chợt hiểu. Một thoáng rung-động động trên môi. Trúc để rơi tia nhìn long-lanh trong mắt Trung, rồi nàng cúi đầu nói nhẹ:

- Ô anh Trung cho Trúc xin lỗi nhé, Trúc chỉ nói đùa thôi mà.

Trung lặng người đi theo với âm-thanh thoang-thoảng của Trúc. Chàng cảm thấy hối-hận là đã để lộ tình-cảm của mình với Trúc. Và để đánh tan bầu không khí nặng nề đang bao quanh, Trung xoay người, sửa lại thế ngồi, nâng ly nước lên ngang mặt như người dâng lễ trước ban thờ, cúi đầu ra vẻ trịnh-trọng nói:

- Xin mời Trúc uống ly trà tạ lỗi của tôi.

Trúc bỗng phá lên cười vì điệu-bộ và giọng nói khô-hài của Trung. Nàng liên-thoảng nói với Trung:

- Anh Trung định biểu-diễn kiểu uống trà theo lối Ấn-Độ đấy à?

Rồi Trúc hồn-nhiên nói tiếp:

- Ô, để Trúc chỉ anh cách uống trà của người Nhật nghe.

Nói xong Trúc với ly trà để lên lòng bàn tay trái, tay phải đỡ ly trà, rồi xoay nhẹ một vòng, và nâng ly trà lên ngang đôi môi mọng đỏ, đưa mắt nhìn Trung mỉm cười. Trung ngẩn người, để rơi ánh mắt lạc thần trên khuôn mặt tuyết-vời của Trúc. Chàng chợt bắt gặp một tia nhìn triu-mến thấp thoáng qua làn khói mờ ảo của hơi nước trà sen thơm ngát. Bỗng dưng, Trung có cảm-tưởng như mình đang ngồi thưởng-lâm một bức cổ họa vô giá của nhà danh họa Yamamoto của Nhật Bản. Có tiếng động từ phía hành lang vọng tới làm hai người giật mình như vừa thoát ra khỏi cơn trường mộng. Trúc cùng Trung đứng lên. Từ trên hành lang, hai vợ chồng ông lão tươi cười cúi gặp người chào Trung. Trúc giới-thiệu Trung với hai người. Ông cụ tay cầm bầu rượu saké bước xuống thêm đưa cho Trúc, rồi nhìn Trung nói một tràng tiếng Nhật với chàng. Trúc đỡ bầu rượu để lên bàn, rồi nâng tươi cười dịch lại cho Trung nghe:

- Ông cụ nói là cụ đã tiếp đón rất nhiều khách đến viếng căn nhà này. Nhưng đây là lần đầu tiên hai cụ được hân-hạnh đãi khách một bữa ăn thuần-túy Nhật Bản trong căn nhà này đó.

Trung cũng cúi gặp người chào hai cụ. Chàng nói rất lấy làm hân-hạnh, và vô cùng cảm-động trước lòng hiếu khách của hai cụ. Trúc dịch lại những lời Trung nói, giọng nằng lú lo như tiếng chim hót. Hai ông bà cười vui vẻ. Ông cụ chỉ bầu rượu trên bàn nhìn Trúc nói. Trúc dịch lại cho Trung nghe:

- Cụ nói đây là loại rượu đặc biệt nhà làm. Rượu được cất ủ cả mấy chục năm rồi, chỉ khi nào có khách quý mới lấy ra dùng thôi.

Rồi Trúc lấy tay bụm miệng cười khúc-khích, liếc mắt nhìn Trung thấp giọng nói tiếp:

- Cụ nói là loại rượu này ngon và bổ, đàn ông dùng thì...rất tốt. Cụ biểu anh bầu rượu này để làm quà đấy.

Trung bỗng cảm thấy một chút ngượng-ngùng, mặt hơi đỏ lên trước sự tinh nghịch hồn-nhiên của Trúc. Chàng lúng-túng hướng về phía ông cụ, xuôi tay cúi đầu thật thấp nói câu cảm ơn bằng tiếng Nhật mà Trúc mới dạy chàng trước đây. Ông cụ đang hai tay ôm lấy vai Trung, cất giọng cười sáng-khoái, tỏ vẻ rất hài-lòng về phong-thái của chàng. Rồi cụ đưa tay mời hai người qua phòng ăn.

Bữa cơm gia-đình diễn ra thật vui vẻ. Mới đầu mọi người còn giữ-gìn ý tứ, nhưng qua đến bình rượu saké thứ hai thì khoảng cách chủ, khách tự nhiên biến mất. Cụ ông luôn miệng giục Trung cạn chén, cụ bà thì luôn tay rót rượu cho hai người, còn Trúc thì luôn miệng xử dụng một lúc cả hai thứ ngôn-ngữ thật lưu-loát, làm cho bầu không khí trong bữa ăn trở nên thân-mật và náo-nhiệt hẳn lên.

Bên ngoài, loáng thoáng những bông tuyết trắng nõn nhẹ như tơ, lững-lờ rơi trong không-gian, làm tăng thêm phần ấm cúng cho căn phòng. Ông cụ với tay múc cho Trung một chén canh đậu hũ nóng hổi còn bốc khói, rồi nói một hơi. Trung ngồi chăm chú lắng nghe. Trúc mỉm cười dịch lại cho chàng:

- Cụ nói món canh đậu hũ này người Nhật gọi là món **“*Tương-Tư Chúc*.”** Nó được nấu bằng đậu hũ chua với nước dùng gà, nấm rơm, và lá chanh khô. Gia-vị thì tùy theo khẩu-vị của từng người mà thêm hoặc bớt.

Trung có vẻ thích thú, chàng hỏi lại:

- Tại sao lại gọi là Tương-Tư Chúc?

Nghe Trúc dịch lại, ông cụ tỏ vẻ hùng chí, ngửa cổ uống cạn chén saké, Khả một tiếng thật dài, đưa cặp mắt nhắm nheo triu-mến nhìn cụ bà, rồi cất giọng khàn-khàn kể:

- Ngày xưa, ngày xưa...Ở vào một thời xa xưa lắm. Có một cặp vợ chồng trẻ sống với nhau rất là hạnh-phúc. Cả hai vợ chồng đều hiền lành và hay giúp đỡ người khác, nên dân chúng trong vùng ai ai cũng mến phục. Một hôm người chồng dặn vợ ở nhà làm đậu hũ đợi anh về, rồi anh đeo chiếc gùi và cung tên lên vai, đi lên núi để săn bắn và hái nấm. Vì ham săn đuổi con mồi, anh tiến sâu mãi vào trong núi. Đến khi chụp được con mồi thì trời cũng đã tối, anh đành phải tìm một cái hang để ở tạm qua đêm. Không ngờ đêm hôm đó trời nổi cơn bão tuyết kéo dài nhiều ngày, nên anh bị kẹt ở trong núi không về được. Ở nhà, người vợ lo lắng chờ chồng. Đến ngày thứ ba bão vẫn chưa tan, nàng bèn quyết định gom thêm quần áo ấm rồi lên núi để tìm chồng. Nhưng nửa đường, vì tuyết quá nhiều nên nàng bị hụt chân và kẹt ở giữa hai phiến đá không nhấc chân lên nổi, rồi cuối cùng chết gục vì lạnh. Tới khi hết cơn bão, người chồng lần xuống núi, giữa đường anh gặp người vợ nằm chết bên khe núi, hai tay còn ôm bộ quần áo ấm của mình. Anh ôm xác vợ khóc lóc thảm thiết, rồi mang xác vợ về chôn ở bên cạnh nhà. Anh khắc một tấm bia đá hàng chữ **“Mạc Tương-Tư hiền-thê chi mộ.”** Vì đi vắng lâu ngày nên nhà chẳng có gì để ăn, ngoài ít đậu hũ đã lên men, và có vị chua. Nhưng vì đó là món ăn duy nhất của vợ mình làm, nên anh lấy đậu hũ chua nấu cùng với nấm, và con gà rừng thành một món canh có mùi vị rất ngon. Anh dùng canh đó để cúng người vợ bạc mệnh. Rồi từ đó, mỗi lần làm đậu hũ anh lại nhớ đến vợ, nên để cho đậu hũ trở nên thật chua mới đem ra ăn. Sau này dân làng bắt chước anh dùng đậu hũ chua để nấu canh, và cũng từ đó món canh đậu hũ chua trở thành một món ăn thông-dụng trong dân gian. Rồi để tưởng nhớ đến người đàn bà trẻ đẹp và hiền-thục, thường hay giúp đỡ họ, mỗi năm đến ngày giỗ của nàng, thì dân làng lại bảo nhau nấu món canh đậu hũ chua mang đến cúng trước mộ của ân-nhân, và họ lấy tên nàng đặt cho món canh đó là **“Tương-Tư Chúc.”**

Ông cụ kể xong nâng chén rượu mời Trung. Trung nâng chén ngửa cổ uống cạn một hơi đáp lễ, rồi chàng liếc mắt nhìn Trúc nói:

- Câu chuyện tuy bình-dị nhưng thật là cảm-động. Cụ kể truyện thật là hay, người dịch lại càng hay hơn nữa, làm người ăn cảm thấy bất tương-tư chúc như được nếm thêm hương-vị đậm-đà của tình người.

Trúc dịch lại những lời Trung nói cho hai cụ nghe. Cụ bà đưa mắt đắm đuối nhìn cụ ông như để thâm cảm ơn người chồng già nua của mình vẫn còn đủ phong-độ để đưa mình trở về với khung trời nhật nhòa những hình ảnh của một thời son trẻ. Cụ ông thì ra vẻ thích lắm, đưa mắt nhìn Trung cất tiếng cười sáng-khoái như đã gặp được tri-kỷ, rồi giục cụ bà rót thêm rượu. Trúc nghiêng đầu, che tay nói vào tai Trung:

- Anh Trung ơi, ông cụ quý anh lắm nên mới kể chuyện cho anh nghe đó, chứ Trúc ở đây đã hơn hai năm rồi mà chưa bao giờ được nghe cụ kể chuyện cả.

Trung cười, hai tay nâng chén rượu hướng về phía cụ ông mời. Ông cụ gật gù rồi ngửa cổ uống cạn chén rượu. Uống xong, cụ đặt chén xuống bàn, khuynh tay, hướng về phía cụ bà nói huyền-thuyền. Thỉnh thoảng cụ bà lại liếc mắt nhìn Trung và Trúc cười tủm-tim. Trung nhìn hai người nói chuyện với nhau coi có vẻ tương-đắc lắm, loáng thoáng chàng nghe thấy hai người nhắc đến tên Thủy-Trúc và Xuyên-Đảo. Trung quay sang hỏi nhỏ Trúc. Gương mặt Trúc hồng lên, nàng liếc mắt nhìn Trung cười chum-chím, rồi trả lời một cách lơ lửng:

- À, hai cụ khen anh đấy mà. Hai cụ nói là nếu các cụ có con trai, thì các cụ sẽ cho nó học lái máy bay khu-trục giống như anh đó.

Trung nhìn Trúc khẽ lắc đầu cười nói:

- Trúc thật là lí-lắc lắm đấy nhé. Nếu tôi mà có một cô em gái lí-lắc như vậy thì cô ta sẽ bị phạt tối ngày mất.

Trúc trùn vai, le lưỡi, lắc đầu cười nói giọng tinh nghịch:

- Eo ôi, nếu vậy thì chắc là chả có cô nào dám làm em của anh đâu nhì.

Trung cười, đặt chén rượu xuống bàn, nghiêng đầu nói với Trúc:

- Tôi chỉ nói đùa thôi, chứ thật ra thì Trúc tẻ-nhị và khéo léo lắm đó.
Trúc nheo mắt nhìn Trung cười:

- Anh Trung ơi, Trúc nghĩ là anh uống hơi nhiều saké nên đoán sai rồi đó. Chứ thật ra thì trong số mấy anh chị em trong nhà, Trúc vẫn thường bị mẹ chê là đứa vô tâm vô tứ nhất nhà đấy anh biết không.

Trung cười nghiêng ngả, nói qua hơi rượu:

- Ô, nếu vậy thì sau này có dịp gặp bác gái, Trúc cho phép tôi được làm luật-sư biện hộ cho Trúc nghe.

Trúc cười giọng trêu chọc:

- Trúc nghĩ là không được đâu, vì bà cụ nổi tiếng là vị quan tòa khó nhất thế-giới đó.

Cả hai người nhìn nhau cười ròn-rã. Hai ông bà không biết Trúc và Trung nói gì nhưng cũng cất tiếng cười theo. Nhìn những nụ cười hồn-nhiên, đôn-hậu, trên hai khuôn mặt già nua điểm những nét nhăn-nheo của cuộc đời, và tia mắt long-lanh tươi trẻ của Trúc, Trung thấy lòng mình tự nhiên ấm lại. Trong một thoáng mơ hồ, qua tiềm-thức, Trung có cảm-tưởng dường như là...chàng đã sống ở đây tự thuở nào...

Bên ngoài tuyết đã bắt đầu rơi nhiều. Những bông tuyết to rơi nhanh, phủ trắng xóa cả không-gian. Hai ông bà cụ cũng đã về nghỉ. Căn nhà rộng chỉ còn lại hai người. Trúc châm thêm bình trà nóng, và cho thêm củi vào trong lò sưởi, rồi nhìn ra ngoài trời, chép miệng nói giọng nuối-tiếc:

- Rõ thật là chán. Trúc định ăn xong sẽ dẫn anh đi một vòng thăm thành phố thì trời lại đổ tuyết.

Trung vội đỡ lời Trúc:

- Không sao đâu, Trúc đừng bận tâm về điều đó. Tôi nghĩ rằng...mình ở nhà thưởng-thức tuyết rơi có lẽ còn thú-vị hơn là đi ra ngoài. Trúc có đồng ý như vậy không.

Trúc nhìn Trung mỉm cười hóm-hỉnh nói:

- Trúc biết là thế nào anh cũng nói câu đó.

Rồi nàng nheo mắt nhìn Trung nói tiếp:

- Ô, anh đợi Trúc một chút nghe.

Nói xong Trúc vào trong. Một lúc sau nàng mang ra cây đàn Tây-ban-cầm đưa cho Trung nói liên-thoảng:

- Ngồi ngắm tuyết rơi mà thiếu thơ và nhạc thì vẫn chưa gọi là đủ, có phải vậy không anh? Đó là Trúc mượn ý của cụ Tản-Đà đấy nhé.

Trung đỡ cây đàn trên tay Trúc, lắc đầu cười. Trúc rót thêm nước ra ly. Nhìn ly trà bốc khói, những sợi khói mỏng-manh bay tản-mác rồi tan biến vào khoảng không. Trúc xuống giọng:

- Chóng thật anh Trung nhỉ! Mới đây mà đã tới ngày về rồi. Chỉ tiếc rằng chuyến đi này anh chưa được thăm nhiều nơi thôi. Biết đến bao giờ anh mới trở lại nơi này một lần nữa.

Trung nhìn Trúc cất giọng xa vắng:

- Đi nhiều hay đi ít thì cũng chỉ là một chuyến đi. Trong khoảng thời gian nào đó của một đời người, có chuyến đi nào mà không vương mang ít nhiều kỷ-niệm. Và lại biết đâu trong cái rủi...người ta lại chẳng gặp được cái may.

Trúc cúi đầu cảm-động. Một luồng tình-cảm vô hình tự nhiên xâm chiếm tâm-hồn nàng. Trúc nhìn Trung nói giọng run run:

- Anh Trung còn nhớ đêm văn-nghe vừa qua không? Trúc thích nhất bài nói chuyện của anh, nó gói-ghim một tâm-tình vừa

lãng-mạn lại vừa hùng-tráng. Hình như là...hầu hết những người lính nào của thời loạn, cũng đều mang trong lòng một tâm-tư như vậy có phải thế không anh?

Trung nhìn Trúc, yên lặng một lát rồi nói:

- Cũng không hẳn là như vậy. Đôi khi ngoại cảnh ảnh-hưởng đến tình-cảm trong lòng của con người, và lúc đó thì con người chỉ là môi-trường truyền đạt tình-cảm của mình qua ngoại cảnh mà thôi.

Trúc chớp mắt nhìn Trung, giọng nói của nàng chùng hẳn xuống:

- Anh Trung, từ hôm biết anh đến giờ, Trúc thấy dường như...anh có một tâm-sự gì uẩn-khuất lắm phải không?

Trung cười, giọng nói thật nhẹ:

- Thật ra thì không phải là tôi có tâm-sự gì buồn đâu, mà chỉ là vì qua cái tình-cảm sâu đậm trong lòng mình, Trúc đã cảm-thông được với cái đau buồn, u-uất của quê-hương mình qua ngoại cảnh đó thôi.

Trúc lặng người vì câu nói của Trung. Nàng cúi đầu im-lặng như muốn giữ mãi cái âm-thanh u-uẩn kia, không để cho nó tan loãng đi...rồi Trúc ngẩng đầu, chớp mắt nhìn Trung nói:

- Ô, anh Trung biết không. Trúc rất thích bài thơ Làng Tôi của Yên-Thao mà anh trình bày đêm hôm đó, nhất là đoạn cuối. Anh ngâm lại cho Trúc nghe nhé.

Trung cười nhẹ, với cây đàn cầm lên tay. Chàng chợt thấy hàng chữ nhỏ khắc rất tinh-vi trên mặt đàn:

Thương mến tặng Đào Thủy-Trúc

Cô em gái lí-lắc của anh.

Đào Trọng-Thủy.

Trung hơi ngỡ ngợ, chàng ngập-ngừng định hỏi Trúc nhưng lại thôi. Trung so dây đàn, dạo một cung la thứ, rồi cất giọng ngâm:

***...Anh pháo binh ơi!
Đã đến giờ chưa nhỉ
Mà sao tôi nghe như trại giặc tan-tành.
Anh rút cho khéo nhé!
Kéo lại nhằm nhà tôi
Nhà tôi ở cuối thôn đồi
Có dàn hoa Lý có người tôi yêu.***

Âm-thanh thoát ra từ cây đàn, cùng với giọng ngâm vời-vọi của Trung quấn lấy nhau, như một luồng vi-ba xoáy vào tâm-hồn Trúc. Nàng chợt cúi đầu, đưa tay bịt mắt, như để ngăn một tiếng nấc đang muốn thoát ra. Rồi ngẩng đầu lên, lau vội đôi bờ mi thấm ướt, e-lệ mỉm cười nhìn Trung, giọng đượm buồn:

- Anh Trung...cho Trúc xin lỗi nghe. Chỉ vì đoạn thơ anh vừa ngâm đã làm Trúc xúc-động khi nghĩ đến...người anh của Trúc đó thôi.

Trung nhìn lại những dòng chữ khắc trên cây đàn rồi ngập-ngừng hỏi Trúc:

- Xin lỗi Trúc nhé, tôi...không có ý tò-mò, nhưng có phải...anh Thủy của Trúc là Thủy Biệt-Động-Quân đó không?

Trúc tròn mắt ngạc nhiên lộ vẻ vui mừng. Nàng khẽ reo lên hỏi lại:

- Dạ phải, thế ra anh quen với anh Thủy em hả?

Trung cười buồn, gật đầu tâm-sự:

- Vâng, tôi với Thủy là bạn, phải nói là tri-kỷ mới đúng. Trước khi quen Thủy, tôi đã nghe tiếng anh từ lâu. Sau này biết anh rồi thì tôi lại càng cảm-phục anh hơn... Là một sinh-viên năm thứ ba trường luật, mang bốn đẳng huyền-đai Thái-Cực-Đạo, với tính tình nghệ-sỹ và hào-hiệp, anh tình-nguyên đi lính để hiến mình cho lý-tưởng của dân-tộc. Thủy chính là một biểu-tượng cho những gì mà người ta gọi là tài-hoa son-trẻ của thế-hệ này.

Trúc cảm thấy tự nhiên như có một động-lực vô hình nào đó đang kéo nàng lại gần với Trung hơn. Nàng đưa mắt nhìn Trung một cách triu-mến, cất giọng thân-mật hỏi:

- Thế anh quen với anh Thủy em từ bao giờ?

Trung dường như cũng nhận được dòng tình-cảm đặc biệt của Trúc, anh nhìn nàng cất giọng xót-xa, chia sẻ:

- Cũng mới có mấy năm nay thôi. Hồi đó anh và Thủy quen nhau cũng là do một sự tình-cờ run rủi. Anh đang bay một phi-vụ yểm-trợ tiếp cận cho quân bạn thì bị phòng-không địch bắn trúng. Phi cơ của anh bị bốc cháy nên phải nhảy dù để thoát ra ngoài. Đơn-vị của Thủy đóng ở gần đó, và Thủy đã huy-động một đại-đội bảo-vệ cho cánh dù đáp xuống được an-toàn. Hôm đó anh bị thương nặng, và bị ngất xỉu khi dù còn đang lơ lửng trên không nên không hay biết gì cả. Cho đến khi Thủy vào thăm anh trong quân-y-viện, và kể lại nên anh mới biết. Thế là từ hôm đó, anh và Thủy trở nên đôi bạn thân. Thủy vẫn thường nói là khi nào có dịp, sẽ dẫn anh về thăm mẹ và gia-đình... Nhưng rồi cái dịp đó đã chẳng bao giờ đến với anh cả. Thủy là một tiểu-đoàn-trưởng trẻ tuổi, tài ba và gan dạ nhất của binh-chủng Biệt-Động-Quân đó em có biết không.

Câu truyện của Trung vừa kể như khơi dậy mối tâm-tư ấp-ủ trong lòng Trúc từ bao lâu nay. Nàng ném ánh mắt u-buồn ra ngoài khung cửa, giọng mênh-mang, xa-vắng:

- Vâng, trong gia-đình, anh Thủy là một người con có hiếu, một người anh độ-lượng, bao-dung, và vui tính. Ngày xưa, mỗi lần anh về phép là cả nhà lúc nào cũng vui như Tết. Nghiêm-ngệ như mẹ mà cũng cười nói luôn miệng. Anh đi rồi... thì cả nhà lại buồn. Cuộc sống dường như là thiếu mất một cái gì. Kể từ khi ba qua đời, thì mẹ và chúng em coi anh như cột trụ của gia-đình. Ngày em sắp sửa du-học, anh hứa sẽ về chơi với em một tuần, và sẽ dẫn em đi mua sắm đủ thứ. Nhưng rồi tới hôm em đi thì... anh lại không về được. Bạn bè và gia-đình đều có mặt để tiễn đưa em, nhưng chỉ thiếu mình anh... Em linh cảm như có chuyện gì không hay sẽ xảy đến cho anh, và em đã ôm mẹ khóc như chưa bao giờ được khóc, rồi em ước gì mình có phép lạ mang được anh về... Tới giờ lên máy bay, thì có một người lính vội vàng chạy đến đưa cho em cây đàn này và một lá thư. Trong thư anh viết chúc em học chóng thành-tài, đợi đến ngày về, anh sẽ đền bù bằng cách dẫn cả tiểu-đoàn của anh ra đón em. Anh dặn em giữ cây đàn này cẩn thận để sau này có dịp anh sẽ mượn lại. Những lời anh viết trong thư là cố tình để làm cho em vui, nhưng sao em thấy... chẳng khác nào như những lời trời-trăn của một người thân sắp xa lìa cõi thế. Rồi trong suốt chuyến bay... qua giấc ngủ chập-chờn, những hàng chữ trong lá thư của anh cứ nhảy múa trong đầu em như những viên đạn thù nghịch réo gọi ngoài chiến trường... Em qua đây chưa được hai ngày thì nhận được điện-tín bên nhà báo tin là anh đã hy-sinh ngoài mặt trận. Ngày anh gởi cây đàn này cho em, thì cũng chính là ngày anh vĩnh-viễn ra đi không một lời từ giả gia-đình, bè bạn... và cả đứa em gái ở phương xa...

Kể đến đây Trúc không ngăn được cơn xúc-động. Nàng nấc lên, ôm mặt gục xuống bàn khóc nức nở... Những sợi tóc mây tủi-hờn nghiêng-ngả, rơi phủ lên đôi bờ vai mềm rung động. Trong một thoáng, Trung cảm thấy thời-gian như ngưng đọng trên đôi môi tê dại. Chàng lặng người, ngồi bất động trước một luồng tình-cảm quá mãnh-liệt đang chụp lên thân hình mảnh-mai của người con gái trước mặt... Ngoài trời tuyết đổ dồn-dập... Từng mảng tuyết trắng xóa bay toí-tả trong không-gian, phủ kín cành cây, mái nhà, mặt đất... phủ kín cả tâm-tình của người con gái xa quê-hương...

Chiếc xe ca chở hành-khách chạy chậm lại rồi ngừng bên lề đường. Mọi người theo nhau đi xuống. Trung lững-thững kéo chiếc va-li bước vào trong phòng đợi của phi-cảng. Khung cửa kính vừa mở, Trung sững-sờ để rơi chiếc va-li xuống chân, đứng bất động. Trước mặt chàng, Trúc ôm bó hoa đứng mím cười chờ đợi. Trung tròn mắt nhìn, chung quanh chàng mọi thứ đều như mờ đi, mà chỉ còn vóc dáng của Trúc ở đó như một ngôi sao trời lấp-lánh, với tà áo lụa Hà-Đông, chiếc áo khoác ngắn bằng dạ đen làm nổi bật màu mỡ gà mềm mại, và mái tóc xõa buông xuôi theo bờ vai, áp ủ khuôn mặt diễm-

kiều...Trung có cảm tưởng như chàng đang ở trong một giấc mơ...

- Anh Trung!

Tiếng gọi của Trúc kéo Trung về thực tại. Chàng mỉm cười tiến lại phía Trúc, cất giọng mừng rỡ hỏi:

- Trúc, em ra đây từ bao giờ vậy?

Trúc cười, nhìn Trung nói:

- Cũng không lâu lắm đâu. Em chưa được thưởng-thức tới ly cà-phê thứ hai thì anh tới. Chắc tại cà-phê ở đây không được ngon và đậm đà cho lắm thì phải.

Trung bật cười vì câu nói dí-dỏm của Trúc. Chàng nhớ lại câu nói của mình hôm đợi Trúc ở khách-sạn. Trung nhìn Trúc nói đùa:

- Chết thật! Không khéo mai một chúng mình đều trở thành những chuyên-viên thử cà-phê thượng-thặng hết mất.

Trúc cười theo, nàng trao bó hoa cho Trung rồi trịnh-trọng nói:

- Anh Trung, đáng lẽ ra anh phải nhận được nhiều hoa tặng như những anh em khác của phái-đoàn trong thời-gian thăm viếng xứ sở này. Nhưng anh lại kẹt ở đây. Thôi thì...nhân dịp ngày về, anh cho Trúc gửi bó hoa này coi như là đền bù lại vậy nhé.

Trung đỡ bó hoa trên tay Trúc, cất giọng cảm-động nói:

- Trúc biết không. Thật ra thì nhiều khi một bó hoa còn quý gấp trăm ngàn lần cả một vườn hoa nữa đó.

Trúc chớp mắt nhìn Trung cười khẽ nhắc:

- Anh lại làm thủ-tục lên phi-cơ đi kéo trễ.

Trung cúi xuống kéo chiếc va-li, cùng Trúc tiến lại quầy vé làm thủ-tục cần thiết. Cô tiếp-viên hàng-không xinh-xắn và bất-thiệp trao lại vé lên phi-cơ và chiếu-khán cho Trung rồi cười tươi chúc chàng một chuyến bay an-toàn và thoải-mái. Hai người bước ra phòng chờ ngồi đợi. Trúc nhìn đồng hồ nói với Trung:

- Chỉ còn có ít phút nữa là anh sẽ rời nơi này rồi. Mai này...không biết Trúc còn có dịp đón tiếp anh ở đây nữa không!

Trung để tia nhìn của mình thật lâu trong mắt Trúc. Chàng nói nhanh:

- Sau này khi nào Trúc học xong trở về nước, Trúc có cho anh ra đón Trúc không?

Trúc lẩn tránh tia nhìn của Trung, giọng nói mềm nhũn:

- Em cũng không biết nữa. Thôi thì...hãy cứ để cái gì phải đến nó sẽ đến. Em sợ những ước-vọng cho tương lai lắm. Bởi vì những cái gì mình có ngày hôm nay, thì chẳng biết rằng...ngày mai mình có còn giữ được nó hay không.

Trung cắn môi, giữ một khoảng yên lặng dài, đủ để cho âm-thanh tiếc-nuối gậm nhấm tâm-hồn mình, rồi cất giọng thoáng đượm một chút hờn dỗi:

- Có lẽ Trúc nói đúng đó, tất cả những gì đang xảy ra bây giờ, thì đến ngày mai, có chăng chỉ còn là kỷ-niệm.

Trúc cúi đầu, giọng xót-xa:

- Vâng, em nghĩ rằng dù là vui hay buồn, thì kỷ-niệm bao giờ cũng vẫn còn ở đó, như những vết khắc hằn sâu trong đá, chẳng khi nào phai nhạt cả.

Có tiếng nhắc nhở hành-khách đã tới giờ lên máy bay qua máy phóng thanh. Trung đứng dậy, thở mạnh, nhìn Trúc cất giọng cứng rắn nói:

- Thôi anh đi, Chúc em ở lại học chóng thành tài.

Trúc hốt-hoảng ngẩng mặt, chớp mắt nhìn Trung. Đôi môi mềm run rẩy, để thoát ra những âm-thanh u-uất, hờn tủi:

- Vâng anh đi...Xin giữ-gìn cẩn thận. Khi nào về đến Tokyo thì gọi cho em.

Trung mím môi, cúi đầu ngập-ngừng muốn nói...rồi bỗng ngẩng mặt quay lưng cất bước. Phía sau chàng, mơ hồ như có tiếng nấc nghẹn xoáy mạnh qua tim. Trung quay đầu lại, chợt thấy lòng se-thắt. Chỉ một khoảng cách ngắn-ngủi mà sao xa rời tâm tay với. Trước mắt chàng, Trúc đứng đó, nhạt-nhòa, nghiêng-ngả, cô-đơn vẫy tay chào buồn tiễn-biệt...

...Phi-cơ đang lấy cao độ bình-phi. Trung ngồi nhìn qua khung cửa sổ, bên dưới, tất cả chỉ còn là một hình ảnh nhạt mờ, thấp-thoáng ẩn hiện qua những đám mây bay...

Trần Ngọc Nguyên Vũ
(Vùng trời kỷ-niệm)

Nhỏ Cả Khung Trời Mây Trắng Bay!

(Những đoán khúc mùa Đông. Thân kính gửi về “Thần Phong Nguyễn Ngọc-Khoa”, Trung-Tá Lê Bá-Định, Đại-Tá Nguyễn Văn-Bá. Đại Tá. Hoàng Thanh Nhã cùng những người mà tên tuổi đã đi vào huyền-thoại trong quân-sử. Thân thương gửi đến các bạn khóa 63A/SVSQKQ.).

TrầnNgọcNguyễnVũ



hiều nay, một buổi chiều Đông buốt giá. Con bão tuyết cuối mùa kéo về phủ kín cả bầu trời phỏ núi. Ngồi bên lò sưởi nhìn ngọn lửa hồng bập bùng nhẩy múa, như những bước luân vũ diu trôi về một vùng dĩ vãng xa xăm nào đó... Rồi những hình ảnh nhạt nhòa của ngày xưa, cứ ẩn hiện trong đầu tôi như những bông hoa tuyết đang quay cuồng theo từng cơn gió giạt bên ngoài. Hình ảnh hào-hùng của những người bạn đồng-minh, đồng ngũ chợt đến, chợt đi qua đời tôi như bóng mây, nhưng tất cả đều để lại trong tôi những kỷ-niệm với những dấu vết sâu đậm không bao giờ phai nhạt. Mà kỷ-niệm thì bao giờ cũng bắt đầu từ một khoảng thời-gian và trong một khoảng không-gian nào đó của con người, và trong cuộc đời của chúng ta, trải qua suốt một thời chinh chiến, đã có biết bao nhiêu là dấu vết được ghi khắc trong lòng, biết chọn một dấu vết nào để dần trải tâm-tình... Thôi thì... cứ chọn cái thửa ban đầu của lần nhập cuộc, để góp thêm một điệp-khúc bi hùng cho “bản trường thiên anh hùng ca” bất hủ trong quân sử...



Khóa 63A! Thẻ hệ “màu tím hoa sim”

Sinh ra và lớn lên trong thời ly loạn, thế-hệ của chúng tôi đã được hun đúc bằng những luồng hào-khí ngút trời của tiền nhân để lại trên những trang chiến sử, và những hình ảnh bi hùng lãng-mạn của các chinh nhân, chinh phụ qua áng văn chương thơ nhạc tuyệt vời của dân-tộc...Đến ngày mà cả thành phố SàiGòn đều rung động bởi tiếng nổ long trời lở đất, tiếp theo là những tiếng rơi vỡ loảng soảng của những tấm kiếng bể nát, khi chiếc phản lực cơ F 102 của đồng minh vượt bức tường âm thanh ở cao độ thấp, và tất cả mọi người đều ngẩng cổ trở mắt nhìn những chiếc F86 thuộc phi-đội Lôi-Hổ của Không-Lực "Trung Hoa Quốc Gia" vẽ một bông hoa lan đẹp tuyệt vời trên nền trời xanh thẳm trong ngày đại-hội Không-Quân của Quân-Lực VNCH thừa nào... Thì tất cả những gì được ấp ủ trong lòng từ lâu, đã sủi bọt và bùng lên như nồi nước sôi bật tung nắp, dẫn chúng tôi đến gặp nhau ở Lăng Cha Cả trước cổng Phi-Long của phi-trường Tân Sơn Nhất, để được khảo sát và tuyển chọn đưa ra Nha-Trang...

Nha-Trang! Tháng Giêng năm 1963 đó. Cái mốc của nơi chốn và thời gian đã in dấu chân hồ hải của những người trai thuộc thế-hệ “màu tím hoa sim” từ các nẻo đường đất nước tụ về...Kể trước người sau, quỳ gối dưới ánh nến lung-linh trong gian vũ-đình-trường cao rộng, giơ tay thốt lên một lời thề cho “Tổ-Quốc, Danh-Dự và Trách-Nhiệm”, và sau đó đã khoác lên mình bộ áo của những người được mang danh là Người Lính Không Quân của quân lực VNCH... Rồi chia tay nhau bung tỏa ra khắp bốn phương trời, mỗi người gánh trên vai một định-mệnh riêng biệt của đời mình, cùng với định-mệnh khắc-nghiệt chung của dân-tộc. Khóa 63A có những người trai giạt dào tình-cảm, những người lính đầy tính nhân bản biết mỉm cười ngạo mạn ngoài chiến trường, và biết xót xa cho kiếp hồng nhan bạc phận nơi hậu tuyến. Những tên tuổi như Bùi Đại Giang, Nguyễn Hoàng Dự, Nguyễn Long Đăng, Phạm văn Thặng, Bùi Ngọc Bình, Sử Ngọc Cả, Lê Vàng, Nguyễn Thành Tri, Nguyễn Phúc Hưng, Nghiêm Ngọc Ân, Tạ Thượng Tứ, Ngô Đức Cửu, Vũ văn Cẩn, Nguyễn Quý An, Nguyễn Quốc Đạt, Trần văn Nghiêm, Phan Hiền Tính, Trần Thanh Liêm, Huỳnh Hải Hổ, Lê Văn Bút, Huỳnh Văn Bông, Ng. Văn Thân, Không Hữu Trí, Trần Phi, Nguyễn Ngọc Bình, Hà văn Đảng, Trần (Nguyễn) Phước Hội, Nguyễn Hữu Sung, Nguyễn Văn Ve-Chai, Ngô Văn Kim, Lý Bùng...và còn biết bao nhiêu người nữa đã làm cho chiếc áo lính trở thành biểu tượng của sự hy-sinh, một nếp sống hào hùng và lãng mạn...

...Các anh, những người trai thế-hệ, bước vào cuộc lữ khi dòng sử mới vừa được mở ra...Âm ảm như ngọn trường giang loạn sóng, cùng với cơn mưa gào gió thét kinh hoàng... và dòng cuồng lưu cuộn cuộn chảy, xô giạt mọi vật theo lớp mây ngàn bạt đỉnh, chẻ đôi hai bờ Nam - Bắc...Anh-hùng hào-kiệt một thời quay cuồng trong cơn lốc xoáy, phóng tay điểm lên “bức tranh sơn hà” những đường nét bi tráng, rồi theo trang sử từ từ khép lại...Bỏ sau lưng cho đời cả một khung trời mây trắng bay...

Bây giờ thì đã hơn nửa thế kỷ trôi qua; dù rằng cái khoảng thời gian của một phần đời người đã mất, có làm phai nhạt đi ít nhiều những màu sắc trong cuộc sống, nhưng trong tôi vẫn áp ủ hình ảnh những người bạn ban đầu của một lần gặp gỡ...

Các anh Lính Không Quân khóa 63A ơi! Đến bao giờ thì chúng ta sẽ cùng nhau trở về vùng trời quê-hương yêu dấu bằng những chuyến bay chất đầy Hào-Khí Của Tiền-Nhân? Và của những người đang:

...bao năm mài gương dưới nguyệt

Mà tưởng nghe hồn thép réo sông sâu...(1)

Biệt Đoàn 83! Đơn vị đầu đời:

Biệt Đoàn 83! Cái tên nghe vừa bí mật lại vừa hào hùng và lãng mạn. Nhưng chiếc áo không làm nên thầy tu, một cái tên không tự nó tạo ra huyền thoại mà là do những người mà phong độ và việc làm của họ đã đi vào huyền thoại tạo nên...những cái tên như Cò Trắng: Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Thanh Vân, Lưu Kim Cương, Nguyễn Ngọc

Khoa, Nguyễn Văn Tâm. Thần Phong: Nguyễn Văn Tường, Huỳnh Văn Vui, Nguyễn Huy Cương, Nguyễn Thế Tế, Nguyễn V. Quý, Nguyễn Quốc Phiên, Trần Bá Hợi, Nguyễn Quốc Thành. Nguyễn Ngọc Thức. ..Long Mã: Hồ Bảo Định, Nguyễn Văn Nghĩa, Nguyễn Văn Hiếu, Nguyễn Quý An, Nguyễn Văn Thắng, Phạm Công Khanh...Queen Bee Trương Văn Vinh....Những người chằng quản ngày đêm đã âm thầm bay sâu vào vùng đất địch để thi hành những công tác cực kỳ khó khăn và nguy hiểm...Những công việc họ làm tưởng chừng như chỉ được nghe kể trong những câu chuyện thần thoại...Họ chính là những người đã viết ra một pho "huyền sử" được mang tên là "Biệt Đoàn 83".



Hồi còn ở ngoài dân sự, tôi thường hay ghé phòng đọc sách của Trung Tâm Văn Hoá Việt Mỹ ở góc đường Lê Lợi - Nguyễn Huệ để mượn những tạp chí có bài viết đăng hình ảnh của KQVNCH. Tôi say mê nhìn ngắm chiếc áo bay đen có thêu tám huy hiệu "Thần Phong" và ước ao sau này mình được mặc nó...Khi ra nhập KQ và được huấn luyện để trở thành một phi công khu trục, rồi được chuyển về BD83, tôi tưởng mình đang nằm mơ...nhưng giấc mơ ấy đã trở thành sự thật...

Cất tờ sự-vụ-lệnh trong túi áo bay, tôi chạy xe vào căn cứ Tân-Sơn-Nhất. Tới chiếc cổng có rào cản quần bằng giây kẽm gai chắn ngang, tôi dừng xe lại. Một người lính từ trong chiếc chòi canh cũ kỹ thò đầu ra hỏi: - Thiếu Úy muốn gặp ai. Tôi nói với anh ta là tôi vào trình diện đơn-vị trưởng. Anh lính gác bước vội ra, đứng thẳng người nện gót giày kêu đánh cốp một cái, giơ tay chào tôi, rồi chạy lại kéo rào cản cười nói: - Dạ Thiếu Úy cứ đi thẳng, văn phòng ông ở trong hangar phía tay trái. Tôi cảm ơn người lính trẻ rồi từ từ chạy xe vào. Dọc đường, nhìn về phía tay mặt, tôi thấy rải rác những chiếc AD6, hai bên cánh nặng trĩu bom đạn và hỏa tiễn, nằm phơi mình trong ánh nắng. Tôi dừng xe lại, ngắm nhìn những "con chiến mã" mà tôi sắp sửa được cưỡi nó, mà như ngửi thấy mùi vị của chiến tranh phảng phất đâu đây. Nhìn đồng hồ tay thấy chỉ 11:15, tôi sợ mình đến trễ, nên vội phóng xe vào hangar. Vừa dựng xe xong, còn đang ngơ ngáo nhìn quanh không biết phòng của sếp ở đâu, thì một ông Đại-Úy trông trẻ măng, mặc bộ đồ bay đen, trên ngực áo đeo tám huy-hiệu "Thần Phong", bên tay áo thêm một cái "badge" nhỏ thêu hình chiếc AD6, dưới có đề chữ "83rd SAG", cùng khẩu "P38" đeo xệ bên hông, trông thật "gồ ghề, oai-phong lẫm-liệt" từ trong bước ra. Tôi đứng nghiêm giơ tay chào. Ông không chào lại mà khoác tay nói:

- Lần sau khỏi chào nghe, tôi là Thành, mới về hả?

- Dạ...

Ông vỗ vai tôi thân mật nói:

- Ở đây mọi người gọi tôi là “Thành Cóc”, “nick name” của cậu là gì?

- Dạ “Cà Chớn”.

Ông phì cười để lộ ra hàm răng khểnh trông thật có duyên:

- Hi hi...trông cậu đẹp trai hiền lành thế này sao lại lấy cái tên khó nghe "dzậy".

- Dạ, tại “mấy thằng bạn cà chớn” dưới miệt Biên-Hòa thấy em đẹp trai hơn tụi nó, nên tụi nó ganh, và đặt cho em cái “nick” này để ém tài.

- Hà hà...cậu đầu nghe cũng được lắm. Để mai mốt có dịp, tôi giới thiệu cậu với “Không quân tứ quái”. Mà cậu biết họ là những ai không.

- Dạ em mới về nước, chỉ nghe đại danh: “Nhất Luyện, nhì Phiên, tam An, tứ Hợi”, nhưng chưa được hân hạnh diện kiến.

Ông lại cười hi...hi...giục tôi lên xe:

- Thôi được rồi, lên xe đi, mình đi ăn trưa. Hôm nay câu lạc bộ đóng cửa, mình ra ngoài ăn.

Tôi ngập ngừng nói với ông là tôi chưa trình ký SVL chuyển chuyên. Ông cười nói:

- Đi bay hết cả rồi. Ăn trưa về tôi dẫn cậu vào gặp sếp và đi lãnh đồ trang bị cá nhân.

Tôi leo lên chiếc xe “Jeep” mui trần, theo ông đi ăn trưa, quên luôn vụ gặp đơn vị trưởng. Khi chạy ngang qua cổng của biệt đoàn, ông ngừng xe ngoắc một anh lính phòng thủ lại hỏi:

- Ăn uống gì chưa?

- Dạ rồi Đại-Úy. Em vừa xuống ca trực.

- Tốt, vậy cậu đi theo coi dùm cái xe cho tụi này ăn trưa.

Anh lính trẻ cười toe toét nhảy lên ngồi băng sau. Ông chạy xe thẳng ra cổng Phi-Long, hai người lính quân cảnh đứng nghiêm giờ tay chào theo đúng “quân phong quân kỷ”. Tôi liếc nhìn ông bằng tia mắt thần phục, rồi ngả người gác chân lên thành xe, và cảm thấy hãnh-diện mỗi khi có người quay qua nhìn chúng tôi. Buổi trưa hôm ấy, ông bao tôi một châu ăn trưa tại nhà hàng Maxim, trên đường Tự-Do. Đó là kỷ-niệm đầu đời của một người lính sau khi trải qua những ngày tháng rèn luyện ở quân trường, rồi trường bay, để được lột xác từ một anh chàng “bạch diện thư sinh” thành một “người lính chiến.” Tôi quen ông “Thành Cóc” cũng kể từ ngày đó...

Những ngày tháng sau này, cuộc đời bay bổng của tôi dính liền với ông Thành cóc cùng những phi công gạo cội của đơn vị như Nguyễn Ngọc-Thức, Nguyễn Quý Chấn, Lê Mộng-Hoan, Lê Phước-Cung, Trần Văn Việt, Phan Khôi, Thái Phương Thủy, Trần Mạnh-Khôi, Huỳnh Thanh-Minh, Tạ Thương-Tứ, Trần Thanh-Liêm, Nguyễn Đăng Huân, Nguyễn Hữu Thuyết, Vũ Ngô Dzũng, Hồ Đình Chi, Sứ Ngọc Cả, Bùi Đức Nhân, Nguyễn Công Bắc, Lê Hải, Thanh, và một người không phải là dân không-quân nhưng lại rất gắn bó với KQ, đó là ông "Cò Quận 5 Tr/Tá Lê Ngọc Trụ", theo với định-mệnh thăng trầm trong cuộc chiến, cho đến ngày Biệt-Đoàn giải tán...Sau này mỗi khi cầm khúc bánh mì leo lên chiếc phi cơ chất đầy bom đạn, nghĩ đến bữa ăn trưa thịnh-soạn tại nhà hàng Maxim ngày nào (mặc dù là ông ký sổ), tôi lại thấy băng khuâng...Tôi ngửa mặt nhìn trời, như muốn gởi theo những đám mây trắng đang lững lờ trôi một lời cảm ơn đến ông "Thành Cóc".

Về biệt đoàn một thời gian ngắn tôi đã nhận ra là đơn vị này quả là có nhiều "kỳ nhân, dị khách". Ngoài ông "Thành cóc" và "không quân tứ quái" ra phải kể đến "hắc công tử" Trần Mạnh Khôi và "bạch công tử" Lê Mộng Hoan. Nhị vị công tử này tuy không "đốt tiền nấu trứng để khoe mình giàu" như các "Công tử Bạc Liêu" ngày xưa nhưng cũng nhất mực hào hoa, "thay đào đổi xế" như thay áo. Riêng "Bạch Công Tử", ngoài vẻ "hào hoa phong nhã" của một người lính ra, người còn có tài "chơi chữ" không thua gì các bậc "tiền bối" như Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du ngày xưa cả. Đặc biệt trong giới "làng xoa" Lê Công Tử đã "nhân cách hóa" các con bài "mạt chược" một cách tài tình, đọc lên nghe rất "sexy" quyến rũ. Chẳng hạn như khi bốc được con "bạch bản", người bèn lật ngửa con bài để nằm tô hô trên bàn rồi than: - Khiếp, xui bỏ bu! Đúng là "láng coóng như con bạch bản". Hoặc mó được con "phát xòi" người phán: - Kinh thiệt, sờ thấy rậm rạp cứ như sờ phải chùm "thuốc lào Bà Cả Nghi", hay vớ được con "hồng trung" người bèn xỏ nho: - có thể chứ, nắm đúng được cây gậy của "Hong bang chủ" đây rồi. Mùn cun nhá! Tiếng "cây gậy" trong câu này lấy ý từ câu về trong dân gian "Của anh như cây gậy thẳng ăn mỳ - Bạ đâu cũng thọc có ngày gãy cây". Nhưng câu nói "đắc ý" nhất của "Lê Công Tử" phải là câu "Nhờ anh tí". Câu này khi vừa được công tử sáng tác đã phổ biến và lan chuyễn rất nhanh trong giang hồ khắp bốn vùng chiến thuật. Phe ta hồi đó thích câu này kể gì. Nhưng câu "nhờ anh tí" phải nói theo giọng miền Bắc với "thỏ âm" sang cả của "người Hà Nội trước 54" thì nghe mới đã. Còn nếu nói theo giọng miền Nam hay miền Trung thì... "nhờ anh tí...ì..." nghe không được "mát tai" cho lắm.

..Nói về "huyền thoại" của "Không Quân Tứ Quái" thời bấy giờ thì phải kể đến "Nhị quái Nguyễn Quốc Phiên" và "Tứ Quái Trần Bá Hợi" là hai người nổi nhất. "Nhị Quái Nguyễn Quốc Phiên" hồn danh là "Phiên Rách", nhưng người chỉ rách trong "bàn xoa", còn ngoài đời người giàu hơn cả Thạch Sùng, Vương Mãng ở bên Tàu. Với số tài sản khiêm nhường này, Người có thể mua đứt con phố Lê Lợi để mở tiệm cũng còn được. "Tứ Quái Trần Bá Hợi" còn kinh hơn. Người mang một cái tên nặng ngàn cân trên vai: "Hội Voi!" "Mỹ danh" này anh em dựa theo câu thành ngữ "trăm voi chẳng được bát nước sáo". Trần quái hiệp nói chuyện rất có duyên lại có số "đào hoa" và thích chơi "phong lan" Đà Lạt. Trong nhà người luôn luôn có hai "giò lan" quanh năm trở bông thơm ngát... Chỉ tiếc là hai "quái hiệp" không gắn bó với anh em được lâu. Còn nhớ hôm chia tay, anh em tổ chức một bữa tiệc từ biệt, "Tứ Quái Trần Bá Hợi" bật khóc nức nở, người "khóc như thiếu nữ vu quy nhật"...Anh em tưởng người không muốn rời Biệt Đoàn nên xúm lại khuyên nhủ, nhưng khuyên thế nào cũng không nguôi, nên mọi người đành ngậm ngùi đưa hai "quái hiệp" sang sông để về với "Air VietNam" bay "Boing 727"...Ông "Phiên rách" và ông "Hội voi" ời, tuy tôi và hai ông không có duyên đi trọn quãng đường chông gai trong cuộc chiến, nhưng hình ảnh hào hùng của những người trai thuộc "thế hệ màu tím hoa sim" ngày nào đã một thời là "thần tượng" của người "lính trẻ" như tôi khi mới về Biệt Đoàn. Sau này mỗi khi đậu sau chiếc phi cơ 727 của hãng hàng không Việt Nam nơi đầu phi đạo để chờ cất cánh bay vào vùng trời lửa đạn, tôi lại nghe văng vẳng trên tần số có tiếng cô ca sỹ nào đó hát bài "Em về với người" của Mạc Thế Nhân, tiếng ca nức nở xoáy vào lòng người nghe: "- Người ấy và tôi...chung trời...cách nhau mấy đời!"...Tam Quái Nguyễn Ngọc An sau khi hiến dâng "một cánh tay thân" cho đại cuộc, đã gác kiếm từ giã giang hồ về sống cuộc đời "mây ngàn hạc nội", thỉnh thoảng ghé thăm anh em kể chuyện "ngày trở về" của "người thương binh". Còn "Đại Quái" hồn danh "Mụ Luyến" thì vẫn nặng nợ trần ai, chưa ngộ được "chân lý" "đời là bể khổ" nên vẫn dấn thân vào cuộc "gió tanh mưa máu" cho đến khi người bị Thiếu Hiệp "Luân Trục Thăng" một đàn em xa lắc chưa có tiếng tăm, hạ đo ván trong cuộc tranh giải "diễn giả xuất sắc" do trường "Chi

huy tham mưu trung cấp KQ. Nha Trang" tổ chức, bây giờ người mới chịu "xếp tàn y lại để dành hơi". Cũng kể từ đó "huyền thoại KQ Tử Quái" được khép lại. Sau này trên "Giang Hồ" nếu có ai đó còn nhắc đến, thì cũng chỉ là đề "tôn vinh" những người "Lính Không Quân" một thời vẫy vùng ngang dọc...

Ở Biệt Đoàn thì "Dị khách" cũng nhiều và "Kỳ Nhân" cũng không hiếm. Trong số những người mà phong độ và việc làm của họ đã "đi sâu vào lòng người" phải kể đến bốn vị "Biệt Đội Trưởng biệt đội Khu Trục" trong "Đoàn Phi Công Tây Tiến" của Biệt Đoàn 83, thay phiên dẫn anh em đi hành quân ngoại biên vùng Tây Bắc của dãy Trường Sơn Lào - Việt. Đó là Đại Úy Huỳnh Văn Vui, Đại Úy Nguyễn Quốc Thành, Trung Úy Nguyễn Ngọc Thúc, và Trung Úy Lê Mộng Hoan... Bốn ông "Thần Phong" này mỗi ông mỗi vẻ mười phần vẹn mười... Ông Vui "vua mồn cun", gió nào ông cũng ngã vài ba ván "tui tui toàn hàng không hoa lá" nên trong túi lúc nào cũng rung rinh bạc tiền. Rượu uống nguyên chai "ông già chống gậy" cũng chưa thấy thấm. Mỗi buổi chiều sau những phi vụ hành quân, ông cầm quyền sổ đi điểm danh các hội viên trong làng nhậu, tên nào "rách" quá ông cho "nhậu free", anh em ai cũng quý mến ông. Ông Thành cóc vua "bay đêm" chống pháo kích, rất ít khi ngủ nhà. Vào phòng trực gặp ông nói chuyện, tên nào đang ngái ngủ cũng phải "ngổng cổ" dậy nghe... Khi có "phi vụ hiểm nghèo" khẩn cấp ông cần nhờ đến, anh em tranh nhau nhận "bay" thế cho ông. Ông Thúc, vua "bonsai", thích chơi cây cảnh và sưu tầm các loài "kỳ hoa dị thảo". Trong túi áo bay lúc nào người cũng thủ một lọ "linh đan", anh em ai "bay" nhiều cảm thấy mệt mỏi, người cho một viên ngậm là khỏe liền. Lê công tử, "vua đầu hót", dân Chu Văn An chính gốc "trường Bưởi" Hà Nội, nói chuyện rất có duyên, bạn cùng lớp Chu Văn An với cò "Trần Minh Công", một nhân vật "huyền thoại" trong "làng cò" của miền Nam thời bấy giờ. Lê công tử vừa là một cao thủ trong làng "bay", lại vừa là người "văn võ song toàn", nhưng chỉ tiếc là đường chỉ tay "danh vọng" của người hơi ngắn nên chưa bốc lên được. Thầy bói nói số người chỉ phát về hậu vận nên đành ở ẩn như "Ngọa Long Tiên Sinh" để chờ thời... Tuy nhiên nếu nói về "dị khách" thì phải kể đến một nhân vật mà diện mạo trông thật "cổ quái" và hành tung cực kỳ bí mật... hàng ngày người ngồi một mình trên chiếc L20 như "Cao Biền" cuôi điều giấy, bay lượn trên vòm trời cao rộng để tìm kiếm và chấm tọa độ những nơi đóng quân và chôn dấu vũ khí của địch. Người mà mới chỉ nghe nhắc đến tên thôi, cũng đủ làm xanh mặt, nổi da gà, sồn tóc gáy những cao thủ của "giang hồ hai đạo hắc bạch." Đó là "đại ca Hùng ông nhỏ" Biệt Đội Trưởng biệt đội "Trắc Giác" của biệt đoàn. Tôi là lính mới thuộc lớp đàn em xa lắc, lại khác ngành, nên rất ít có dịp được hầu chuyện và tâm tình cùng người...

Trong đám "cù lũ nhí" chúng tôi, người đáng nể nhất phải kể đến "Thiếu Hiệp Tạ Thượng Tứ". "Tạ thiếu hiệp" với bộ ria mép kiểu "Clark Gable" luôn luôn được cắt tỉa và tô điểm công phu; tuy bề ngoài trông rất "lạnh lùng", gương mặt lúc nào cũng "nghiêm và buồn", và rất ít khi cười, nhưng bên trong ẩn giấu một trái tim đầm chất tình người, và một tấm lòng giạt dào tình cảm. Đối với các bạn đồng ngũ người xử rất "ngọt", luôn luôn để ý giúp đỡ một cách tận tình những ai gặp khó khăn trong công việc. Còn nhớ khi ở trường bay Whiting Field, Pensacola, người đã cứu nhiều khoá sinh có thể bị loại vì thiếu khả năng bay nhào lộn, trong số đó có Phạm Văn Thặng. Trong lúc bay với thầy, Tứ đã học được "bí quyết" do thầy truyền lại là khi nhào lộn, điều quan trọng nhất là phải giữ "hòn bi" của đồng hồ "cân bằng vị thế phi cơ" nằm ở giữa hai lần kẻ ngang dọc bằng cách kèm "rudder và aileron" không để nó chạy lộn xộn như "Tôn Ngộ Không" được. Nhờ "tuyệt chiêu" này mà Thặng và một số khoá sinh khác không những "thoát nạn" mà sau này còn trở thành những tay bay nhào lộn cừ khôi trong KQ. Cũng cần nói là muốn trở thành một phi công "Khu Trục" oanh kích hay nghênh cản, thì phải bay nhào lộn thật nhuần, tay nào nhất đèn, lạng quạng làm một cái "loop" trông méo mó, nhăn nhoe như miệng núi "Hàm Rồng" trên Pleiku, hoặc "Roll" một cái mà mất vài ngàn bộ thì sẽ được thầy cho chuyển ngành để tránh hậu hoạn... Riêng tôi, tôi còn nhớ mãi một buổi trưa nào trời "Sài Gòn có lá me bay và mưa rơi lất phất", anh vào phòng nghỉ của nhân viên phi hành dựng tôi dậy đưa tôi đến thăm "một người". Sau khi thả tôi xuống "điểm hẹn", anh không nói một lời, chỉ nhếch miệng cười nhẹ, nụ cười khinh bạc cổ hữu, rồi lạnh lùng quay lưng, phóng xe về trực thế cho tôi suốt buổi chiều hôm đó. Anh Tứ ơi, việc làm tế nhị cùng với phong độ hào sảng của anh tuy "chỉ là chuyện nhỏ" như anh vẫn thường nói, nhưng dù chỉ là một chuyện nhỏ thôi cũng đủ để cho tôi nhớ đến suốt đời... Mùa hè năm 75, anh ngụp lặn theo với dòng sinh mệnh của lịch sử... Trải qua mười một năm trôi cuộc đời dâu bể với non sông khi đại cuộc không thành, chịu đựng biết bao nhiêu những gian khổ cực hình như để trả cái "nợ ba sinh" cho đồng bạn, nhưng anh vẫn ngạo nghễ mỉm cười coi đó "chỉ là chuyện nhỏ"...

Tôi cũng còn nhớ mãi hôm đứng làm mẫu cho họa sỹ Trọng Nội, trong lúc đợi người họa sỹ tài hoa này điểm vài nét chấm phá cuối cùng trên bức tranh của Phan Khôi...Nhìn bức hình người "Phi Công" mặc bộ đồ "G Suit", tay ôm chiếc nón bay có gắn ống dưỡng khí, trên lưng đeo bộ dây buộc dù, và khẩu súng giắt bên cạnh sườn, tôi thật sự cảm thấy hãnh diện và tự hào về những người bạn của mình...Nét vẽ xuất thần và sống động của Trọng Nội đã làm toát ra vẻ đẹp kiêu hùng của người "Hiệp Sỹ không gian"...Hồi đó Trung Tá Lưu Kim Cương cho mời Họa Sỹ Trọng Nội, một họa sỹ nổi tiếng về môn vẽ truyền thần vào Biệt Đoàn để vẽ cho mỗi người một bức "Chân dung người Phi Công" thời chiến, với đầy đủ bộ lẹ, rồi chụp hình thu nhỏ lại treo trên tường của câu lạc bộ "Mùa Hoa Phượng", mà ông "Hội voi" gọi là "Kỳ lân Cáo". (*)

"Mùa Hoa Phượng" cái tên nghe thật "thơ và nhạc" là một câu lạc bộ sang trọng của Biệt Đoàn thời bấy giờ. Nội thất được trưng bày, phối hợp một cách hài hòa theo một cung cách tân kỳ. Những chậu cây, giỏ hoa, giấy leo bên trong và ngoài được bày đặt và cắt tỉa kỹ lưỡng, tạo nên một khung cảnh thơ mộng và ấm cúng. Bàn ghế, ly tách, bát đĩa đều được mua từ Hồng Kông, Đài Loan, và Nhật Bản, cộng thêm một thực đơn phong phú với những món ăn khoái khẩu thay đổi hàng ngày do đích thân "cựu hoa khôi Đà Lạt" đứng ra coi sóc như: Canh của đồng nấu với rau đay và mướp, cà pháo muối xối đi với "mắm tôm xanh" chanh ớt, đậu hũ nhồi "nấm, thịt heo xay" chiên giòn, canh chua cá bông lau đi với cá kho tộ, hay canh riêu cá chép nấu với "thì là" đi với cá rô chiên, đặc biệt các món tráng miệng như kem, bánh ngọt do nhà hàng Givral cung cấp đã đạt đúng "tiêu chuẩn" của "Cụ Tản Đà" ngày xưa là: "Đồ ăn ngon mà bát đĩa không ngon thì cũng không ngon. Đồ ăn ngon, bát đĩa ngon mà chỗ ngồi không ngon thì cũng không ngon. Đồ ăn ngon, bát đĩa ngon, chỗ ngồi ngon mà người cùng ngồi ăn không ngon thì cũng chưa gọi là ngon!" Tiêu chuẩn này kể từ khi Cụ đặt ra rất ít người theo được...Nhưng "Mùa Hoa Phượng" đã làm vừa lòng Cụ Đồ khó tính nhất nước này...Hãy thử tưởng tượng vào một buổi trưa nào "Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát - Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông" đến thăm..."Người Phi Công" trẻ trong bộ đồ bay đen, trên ngực áo gắn tấm huy hiệu "Thần Phong" và chiếc khăn quàng "màu tím hoa sim" thắt chéo trên cổ, mái tóc lòa xoà phủ trên trán. Kín đáo che dấu sự mệt mỏi trên khuôn mặt phong trần một cách rất nghệ sỹ và đáng yêu của người "Lính không quân" vừa vật lộn với tử thần ngoài chiến trận trở về, sánh vai cùng "cô bạn gái" ngập ngừng đi theo tà áo dài quần quýt bước chân son như những đám mây bông bồng bênh nâng gót ngọc bước vào quán. Bầu không khí mát rượi như trời Thu Đà Lạt bên trong đã đánh tan đi cái nóng bên ngoài...Rồi người Phi Công trẻ nghiêng mình, lịch sự kéo ghế cho cô bạn gái ngồi...Rồi thì đồ ăn thức uống được mang ra bốc hơi thơm phức, quện cùng với tiếng cười giọng nói của đôi bạn quân vào nhau như đôi chim uyên mùa cánh...Đứng trước cảnh này thì đèn Cụ Tản Đà sống dậy cũng phải kêu lên là "ngon quá"... "quá ngon!"...

Nhưng "Mùa Hoa Phượng" cũng là một cái tên của "định mệnh", nó không luôn luôn là những buổi trưa hè lộng gió với tiếng ve kêu ru hồn người khách lữ, mà nó còn ẩn dấu cả "một trời mệnh mang" phủ kín tâm tình u uẩn của người "Lính chiến"...Anh Phan Khôi ơi! Mỗi ngày nào tôi và anh còn đứng chờ người họa sỹ vẽ hình đây mà, sao hôm nay anh đã vội bỏ người thân, bỏ con tàu bè bạn, bỏ lại sau lưng cả một khung trời mây tím dang...Tôi mở cửa bước vào quán, chọn một chỗ ngồi nơi góc phòng. Qua khung cửa kính nhìn ra ngoài, tôi thấy những chiếc phi cơ nhạ nhòa đi chuyển trước mắt mà tưởng như có Phan Khôi ngồi trong đó...Cô tiếp viên quen thuộc đặt tờ thực đơn lên bàn đơn đã hỏi tôi: "- Hôm nay Thiều Úy dùng gì ạ" Tôi ngược mắt nhìn cô mà như nhìn vào cõi hư vô...Thấy cặp mắt đỏ hoe của tôi, cô tiếp viên khựng lại như đã hiểu, rồi luống cuống cúi đầu nói như hơi gió thoảng: "Em xin lỗi!"...Ngày Biệt Đoàn giải tán, câu lạc bộ "Mùa Hoa Phượng" như những bông "Phượng hồng rũ cánh tả tơi bay" theo với những cơn bão lửa của một thời ly loạn..

Tôi cũng còn nhớ rất rõ những lần theo ông "Thành cóc" đi biệt phái "Nakhorn Phanom" trên Bắc Thái... Với những buổi chiều ngồi trong chiếc quán lá trên gành đá, mà "Lê công tử" gọi là "Hoàng Hạc Lâu" cạnh bờ sông Mekong. Bên kia bờ là buôn Takhet của vương quốc Lào, với những cuộn khói lam chiều ảo huyền bốc ra từ những chiếc lò đất, quện hương thơm ngào ngạt, lan tỏa trong không-gian như đưa hồn tráng-sĩ về nhập thể cùng với "Phù-Dung Tiên-Tử". Tôi thấy ông ném tia nhìn khinh bạc xuống dòng sông, nơi có những tấm thân trần nỏn nà của các cô "Nòng Sáo" đang nô đùa trong lòng nước bạc, để chia xẻ cùng anh em những nỗi âu lo về chuyến

vượt biên ban đêm... Và những đêm trăng mờ huyền hoặc, chúng mình cùng xuyên mây vượt đỉnh Trường-Son Tây, qua thung lũng Trường-Son Đông, bay sâu vào vùng đất địch. Từ trên cao độ nghe vắng vắng bên tai những âm thoại vô tuyến khi mờ khi tỏ, chập chờn như tiếng gọi của "hồn ma bóng quế" nơi cõi vô hình nào đó vọng về: "Hồng...Hà...Hồng Hà...đây Sao...đỏ...gọi! ...Sao...đỏ...Sao...đỏ...đây Hồng...Hà...gọi..." (**) Và nhìn những tia đạn lửa vút lên như những “ngôi sao băng ngược” mà thấy lạnh người, để khi về đáp, còn mang theo những âm thanh và hình ảnh hãi hùng vào trong giấc ngủ liêu-trai...

...Tôi cũng không thể nào quên được những giây phút lằng lằng, cùng ông, và "hắc công tử" Trần Mạnh Khôi ngồi dưới ánh đèn mầu bên ly rượu, thả hồn vào tiếng nhạc, rồi đưa bước chân bồng bềnh theo tấm thân mềm mại của kiều-nữ giai-nhân, để quên đi những nỗi nhọc-nhằn, nguy-hiểm sau những chuyến bay vật lộn với tử-thần ngoài chiến trận...Nửa khuya trước khi ra về, ông gọi chị “Tài-Pán” đem quyển sổ dây cộm cho chúng mình ký tên, và dành cái vinh dự được trả tiền cho anh Khoa (Đen) và “Ông Cò Quận 5” dạo ấy.

Rồi một buổi trưa nào buồn hiu hắt, với những đám mây nặng trĩu tâm-tình của vùng núi đồi trầm lặng, trên sân bay Cam-Ly, chúng ta cùng ghé vai khiêng chiếc quan tài của người trai anh dũng đã hy-sinh, Tr/Úy Trương Văn Đông đó ông nhớ không; người phi-công khu-trục quê ở Đơn Dương vừa được thiên táng giữa vòm trời lửa đạn, để trả lại những kỷ vật của anh về với vòng tay ấp ủ ngàn đời của "Mẹ Việt Nam" yêu dấu...

Và làm sao tôi quên được lần ông Tường (Mực) dẫn anh em ra “nằm vali, trái nệm” tại phi-trường Đà-Nẵng, vào thời kỳ biến động miền Trung. Tôi bay số hai cho Tr/Úy Việt, trong phi-vụ “tuần phòng võ trang” trên bầu trời Đà-Nẵng. Đang bay thì bị hai chiếc phản lực F8 Crusader của Thủy-Quân Lục-Chiến Hoa-Kỳ bay lên nghênh cản, ép chúng tôi phải bay ra biển...Việt nhất định đòi ăn thua đủ, anh đập "rudder" ra hiệu cho tôi vào "combat trail", ông thần này thuộc dân “Pensacola”, trông làm lý và rất “Hot”. Tôi hồi hộp lạng ra "trail", tay run run lên nòng 4 khẩu đại bác 20mm, sẵn sàng theo lệnh "leader"...Nhưng chưa đầy 30 giây sau đó, chúng tôi được Panama chuyển một mật lệnh kêu chúng tôi phải về đáp gấp...thật là hú vía! Sau khi đáp, tôi thay bộ đồ bay định ra phở ăn tô “bún bò xóm mả” cho ấm bụng, nhưng phi-trường ở trong tình trạng “cắm trại” nên không ra công được. Còn đang đứng xó rợ thì gặp Tr/Úy Dục, trưởng phòng An-Ninh KQ Đà Nẵng, tôi dựa hơi, kêu Dục chở ra phở. Khi trở về, vừa vào đến căn cứ, tôi thấy cả biệt đội đang quay máy sửa soạn cất cánh. Tôi hoảng hồn phóng lên chiếc phi-cơ còn lại, mặc nguyên bộ đồ dân sự, chân đi dép cao xu, để đầu trần, bay theo ông Tường về Tân-Son-Nhất. Khi vào cận-phi bên cánh phải, ông quay qua nhìn tôi, cặp mắt trợn trừng như muốn tóe lửa. Lần đó tưởng thế nào cũng bị lãnh củ, nhưng thấy ông không nói gì tôi mừng húm. Ông Tường ơi! Có phải vì muốn phạt tôi, mà trong lúc bay về SàiGòn ông đã cho phi-tuần bình phi ở cao độ 12,000 bộ, làm tôi lạnh teo...

...Tôi cũng còn nhớ “những kiện hàng bất đắc dĩ” được bí mật đem vào phi-trường NKP...Nửa đêm hôm ấy, Huỳnh Thanh-Minh cùng Lê Phước-Cung, Tạ Th. Tứ và Việt dựng anh em dậy để “luận chuyện giang-hồ...” Rồi trên đường về, khi bay ngang thị trấn Savanakheth để vào “in bound” không phận nhà, bốn chiếc khu-trục AD5 sơn màu rằn-ri, không cờ hiệu, do "bạch công tử" Lê Mộng Hoan dẫn đầu bị một phi-tuần 2 chiếc F102 Delta Wing của người bạn đồng-minh, không biết cất cánh từ đâu, bay lên nghênh cản. Dẫn độ phe ta một đoạn đường...Và những lời xin lỗi của “Trung-Tâm Kiểm-Bảo Tiger” cho sự nhầm lẫn “chết người” này.

...Tôi cũng còn nhớ đến cái chết tức tưởi của Tr/Tá Tuấn, khi chiếc xe jeep của ông đậu trước nhà bị gài lựu đạn nổ tung. Mang theo những bí ẩn không bao giờ được bạch hóa trên trang quân sử.

Và làm sao tôi quên được lúc chia tay cùng các anh em phi đạo, kỹ thuật, phòng thủ, của đơn vị, những người đã chia sẻ cùng tôi những cảm xúc vui buồn, những nỗi nhọc nhằn nguy hiểm của người "Lính" trong thời chiến. Trước hôm lên đường ra Đà Nẵng, tôi bồi ngùi nhìn lại những chiếc phi cơ đã bao lần cùng tôi đi về trên quãng đường sinh tử, bây giờ đã được tháo gỡ bom đạn. Huy hiệu "Thần Phong" cũng đã được cạo đi, lòng tôi quặn thắt...Khi đi ngang qua phòng hành quân của "Biệt Đoàn" chân tôi như khựng lại...Còn nhớ cách đây chưa đầy 3

năm, tôi bước vào căn phòng này với một tâm trạng cực kỳ vui sướng và hân hoan. Tôi đeo khẩu P38 mới toanh vừa lãnh trong kho vũ khí ra, vào trình diện Đại Úy Khoa (Đen) và được ông trao cho khẩu "Browning". Nhận khẩu súng nhỏ như chiếc bật lửa zippo từ tay ông, tôi có cảm tưởng như mình vừa nhận thanh "đoản kiếm" của một "Samurai", biểu tượng cho tinh thần "danh dự" của người "Hiệp Sĩ". Thanh kiếm chỉ dùng để "tự sát"...Tôi ngáp ngừng gõ cửa vào chào ông "Tâm râu" lúc này đang xử lý chức vụ Trưởng Phòng Hành Quân của Biệt Đoàn thay Trung Tá Khoa để làm thủ tục bàn giao quân dụng và đóng cửa đơn vị. Ông bắt tay tôi rồi mở ngăn kéo lấy ra khẩu "Browning" mới còn nguyên trong hộp và một hộp đạn đưa cho tôi rồi nói: "- Đây là khẩu súng cuối cùng của Biệt Đoàn, Hà giữ lấy làm kỷ niệm. Bay bỗng cẩn thận nghe. Chúc Hà gặp nhiều may mắn. Hy vọng có ngày gặp lại." Cầm khẩu súng trong tay, tôi cảm động đến lặng người. Tôi đứng nghiêm mình giờ tay chào ông một lần cuối. Nhìn ông tôi thấy tận cùng nơi đáy mắt của ông đang cuộn cuộn nổi lên cơn "ba đào ly biệt", và bên tai tôi lời thơ của Thâm Tâm như hơi gió lạnh bốc theo: "Đưa người ta không đưa qua sông - Sao có tiếng sóng ở trong lòng"...Tôi quay lưng loạng choạng bước ra khỏi phòng.

Ông "Tâm râu" ơi, kể từ buổi chia tay hôm ấy, tôi chưa lần nào gặp lại ông, và cũng không bao giờ còn có dịp gặp lại ông nữa, nhưng tôi sẽ không bao giờ quên được "đôi mắt buồn u uẩn" của "cò trắng" Nguyễn Văn Tâm, người phi công thuộc thế hệ "màu tím hoa sim" của một thời chinh chiến...

Tôi không được vinh hạnh dự buổi lễ chào cờ ngày thành lập đơn vị, nhưng cũng đã may mắn được cùng các bậc đàn anh và bạn bè trong Biệt Đoàn đi chung một quãng đường đầy chông gai theo với những trang quân sử...Ngày Biệt Đoàn giải tán, anh em phân tán mỗi người mỗi ngả. Một toán theo ông "Tường mực" đi Hoa Kỳ xuyên huân F5. Một nhóm theo ông Vui về Bình Thủy. Số còn lại gồm 8 người theo ông "Thành cóc" ra Đà Nẵng sát nhập vào Phi Đoàn "Phi Hổ" 516, Phi Đoàn trưởng là Đại Úy Nguyễn Văn Vượng. Phi Đoàn "Phi Hổ 516" vốn là thối thân của "Phi Đoàn 2 Khu Trục" đồn trú tại Nha Trang, đã từng được chỉ huy bởi những nhân vật "thượng thặng" của KQ như Phạm Lòng Sừ, Võ Xuân Lành...Nhưng chỉ một tuần sau thì Đại Úy Nguyễn Quốc Thành và Trung Úy Lê Phước Cung có Công Điện gọi về trình diện Đại Tá Lưu Kim Cương ở Sài Gòn. Như vậy nhóm "The last Samurai" chúng tôi chỉ còn lại 6 người, hàng ngày cùng các anh em Phi Hổ thi hành những phi vụ hành quân yểm trợ cho Quân Đoàn 1 Quân Khu 1. Thỉnh thoảng theo "Biệt Đội trưởng Lê Mộng Hoan" đi "Tây Tiến", nhưng cũng kể từ ngày đó thì "Ai đi Tây Tiến chiều sương ấy - Đường về Đà Nẵng chẳng về xuôi."...Riêng Trung Tá Nguyễn Ngọc Khoa đã chọn cho mình một con đường riêng biệt. Ông lui về Đà Lạt, ngày ngày xới đất trồng khoai, sông cuộc đời ẩn dật của một "Đại Trượng Phu" bất phùng thời...Đại Sứ Martin lên Đà Lạt tìm ông, trao cho ông một danh sách 10 người, tên ông đứng đầu sổ, thuộc loại "tối nguy hiểm" mà phủ Tổng Thống đang đặc biệt lưu tâm theo dõi. Ông mỉm cười khinh mạn cảm ơn viên Đại Sứ Hoa Kỳ... Xin được nghiêng mình chiêm ngưỡng luồng hào khí ngút trời của Tráng Sĩ.

Đúng như lời tiên đoán của ông thầy bói mù ở "Lăng Ông Bà Chiểu" hôm nào, kể từ khi rời Biệt Đoàn, số "Bạch Công Tử" lên như điều gặp gió. Trước hết người gặp lại "tri kỷ" Trần Minh Công. Trần Đại Hiệp hiện đang là "Cảnh Sát Trưởng" Đà Nẵng và là cánh tay mặt của "Giám Đốc CSTP" Võ Lương, người nắm trong tay số phận của các "Đại tài phiệt" Đà Thành. Ông Cò đãi bạn rất hậu, còn hơn cả "Lưu Bị đãi Khổng Minh". Hôm anh em gặp nhau, ông Cò dẫn Công tử cùng cả bọn ra "quán nhà" tọa lạc bên bờ sông Hàn. Đây là một quán ăn nổi tiếng nhất Đà Thành, do "Ba Quy", tay đầu bếp trứ danh từ thời Tây còn sót lại lo việc nấu nướng. Chủ quán đích thân đứng ra đón tiếp nhân viên phục vụ khách quý...Trước khi ra về "Ông Chủ người Việt gốc Hoa" này còn thông thêm một lời mời cho những lần sau chắc như đinh đóng cột. Thế là từ đó cứ hai ngày một "tiểu yến", ba ngày lại một "đại yến". Khi thì "consommé froid", "tôm hùm hấp ướp lạnh" đi với "Bordeau" trắng. Lúc thì "gratinet" dứt lò, "Chateaux Brian" cuốn mỡ chà đi với "Cordons Rouge". Hôm thì "súp măng cua", "sườn trườn non xông khói" đi với "Rheum Antigua" 12 năm. Lâu lâu lại có "thực đơn" đặc biệt như "Thịt Thầy trăm tuổi hầm thuốc Bắc" đi với "Mai quế Lộ" ngâm "bạch sâm" Cao Ly..Anh em đi theo "Bạch Công Tử" ăn uống một nghỉ...Cung "huynh đệ" của "Lê Công Tử" đã phát thì số "đào hoa" của người cũng phát theo...Vào một buổi chiều bầu trời Đà Nẵng nhạt nhòa trong cơn mưa bụi, chuyến Boeing 727 "Đà Nẵng - Sài Gòn" do trưởng phi cơ Trần Văn Hiền điều khiển, trước khi cất cánh đã phát giác ra là thiếu mất một nữ "tiếp viên" xinh đẹp nhất trong đoàn. Đại Tá Hiền hoảng hồn báo cho

Trung Úy Dục trưởng phòng an ninh KQ Đà Nẵng. Trung Úy Dục liên lạc với Thiếu Tá Lâm Đôn. Th/Tá Đôn tung cảnh sát đã chiến lược soát khắp thành phố, nhưng cũng không tìm ra dấu vết của "Nàng Tiên vừa hạ giới"... "Nàng Tiên ấy xuống dương trần một chiều mưa bay nhiều - Và vì thương đời Lính, thương kiếp sống phong sương..." nên nàng đã bỏ "Thiên đình" để đi theo tiếng gọi của con tim... Khi Tiên đã yêu thì Trời cũng phải bó tay... Tôi hôm đó "Lê Công Tử" huy động anh em biến dãy cư xá độc thân thành khu "Tứ Cẩm Thành" của "Lê Triều", và đêm hoa đăng đã bùng lên trong ánh mắt của giai nhân để bắt đầu cho một "cuộc tình lãng mạn" nhất thế kỷ...

Cuộc sống của con người sở dĩ tồn tại được là nhờ vào cái "định luật bất quân bình" của trời đất. Nếu có đêm thì phải có ngày, có hợp thì phải có tan như những đám mây trời "tán - tụ". Mới ngày nào tôi còn nhờ cô "hàng xóm" may tấm huy hiệu "Phi Hổ" lên ngực áo bay, thế mà hôm nay đã phải tiễn anh em lên đường đi "xuyên huấn A37". Tôi nghĩ thầm trong đầu: "- Lại xuyên huấn! Không biết còn bao nhiêu phi đoàn phải đi xuyên huấn nữa đây?" Ngày chia tay Tứ đến gặp tôi, vẫn với gương mặt "nghiêm và buồn", nhưng lần này tôi biết Tứ "buồn" thật sự. Anh nắm chặt tay tôi như để gỡ gắm một lời ủy thác của người trai thế hệ... Rồi cũng đến lượt tôi phải rời nơi này để ra đi, không phải đi "xuyên huấn", mà để xoải cánh bay về một "phương trời mịt mù sương khói" khác. Bỏ lại vùng trời miền hỏa tuyến với những đám mây nặng trĩu tâm tình níu kéo bước chân của "Chinh Nhân", bỏ lại phố phường Đà Nẵng với những "buổi trưa nào mưa về che lối - Làn hẹn hò vội vã đón đưa", và bỏ lại "Con đường nằm nghe đêm buồn kẻ lẻ - Chuyện những lần bay... bay mãi không về"...

Tết Mậu-Thân! Vùng trời hỏa tuyến:

...Hàng năm cứ mỗi độ Xuân về, lòng tôi lại dấy lên những kỷ-niệm bi thảm khó quên của ngày đầu Xuân năm ấy, ngày đầu Xuân của cái Tết Mậu-Thân với tiếng bom đạn nổ vang trời thay cho tiếng pháo...

...6 giờ sáng ngày Mồng Một Tết, tôi cùng Nguyễn-Du thi-hành phi-vụ tuần-thám võ-trang "Đà-Nẵng Quảng-Ngãi Đà-Nẵng". Chúng tôi cất cánh sớm hơn giờ dự trù, hy-vọng về đáp sớm để còn bay một phi-vụ không-hành về Sài-Gòn ăn Tết với gia-đình. Khi vừa lên cao độ bình-phi thì chúng tôi phát hiện một đoàn người từ hướng núi tiến ra bờ sông Hàn, và như đang định bơi qua sông để vào Đà-Nẵng. Mới đầu chúng tôi tưởng là dân chúng đi trải hội Tết, nên bay xuống thật thấp để làm một cú "bay thấp" chúc Tết mừng Xuân. Nhưng vừa xuống khoảng 100 thước thì ở dưới bắn lên tới tấp. Chúng tôi hoảng hồn phóng vút lên lấy cao độ, rồi báo cáo về Panama là có một đoàn quân Cộng-Sản đang vượt sông Hàn để vào Đà-Nẵng. Panama không dám quyết định, yêu cầu chúng tôi làm vòng chờ trên cao độ đợi xin lệnh quân-đoàn I. Đoàn người ở dưới biết là đã bị lộ nên ào hết xuống sông để qua bờ bên kia. Nguyễn Du tính nóng như lửa, hối thúc tôi phải hành động ngay, vì nếu để đám quân này qua được bờ sông thì chúng sẽ lẫn vào nhà dân chúng, và tình thế sẽ trở nên rất nguy hiểm. Hai chiếc khu-trục A1 cùng song hành lao xuống thật thấp, oanh-kích trực xạ vào đoàn quân Cộng-Sản... Từng chùm hỏa tiễn từ hai chiếc khu-trục cơ phóng vụt ra, cây tan mặt đất... Xác người vỡ nát, thịt xương bắn tung lên. Những viên đại-bác 20ly công phá, xuyên thủng những tấm bia thịt đang ngụp lặn giữa dòng sông... Xác địch nổi lên bèn như xác quân Mãn-Thanh, mặt nước đỏ ngầu như nước sông Hồng mùa Xuân năm Kỷ-Dậu... Chỉ trong khoảng thời-gian chưa đầy 15 phút, hai chiếc khu-trục A1 đã trút hết hỏa-tiến và đại-bác 20ly, tiêu diệt gần một nửa số người trong đoàn quân xung-kích của địch. Đám người còn lại quay đầu chạy ngược vào phía núi... Lúc đó thì Panama mới liên-lạc cho biết lệnh Quân-Đoàn là phải ngăn chặn đoàn quân này bằng mọi giá. Chúng tôi cho Panama biết là phi-vụ đã hoàn tất. Trên vùng cũng vừa có Thiên-Phong 11 của PD 110 tiếp-tục công việc theo dõi, và một phi-tuần Phi-Hổ của Đoàn-Toại và Trịnh Đức-Tự cũng vừa lên kíp để thay thế cho chúng tôi về đáp...



Khi về đến phi-đoàn chúng tôi thấy toàn bộ chỉ-huy của KĐ41 chiến-thuật cùng Phi-Đoàn-Trưởng, Phi-Đoàn Phó, Trưởng Phòng Hành-Quân và các nhân-viên phi-hành của PĐ516 đều có mặt đầy đủ... Chỉ thiếu có mấy viên cố-vân Hoa-Kỳ. Đặc biệt có quý phu-nhân của Trung-Tá Tư-Lệnh KĐ, Thiếu-Tá Liên-Đoàn-Trưởng LĐ41/Tác-Chiến cùng Đại-Uý Phi-Đoàn-Trưởng PĐ516 tíu tíu sắp bánh chung, giò chả và kẹo mứt trên bàn để mời những người lính chiến KQ ăn Tết tại chỗ. Tiếng chuông điện thoại reo tới tập, và trên bảng phi-lệnh chỉ chỉt những phi-vụ chờ cất cánh. Lệnh cấm trại 100% được ban hành, lúc bấy giờ chúng tôi mới biết là Việt-Cộng tổng công-kích toàn lãnh thổ miền Nam Việt Nam...

Rồi đến ngày Mùng Ba Tết...Tôi còn nhớ rất rõ hình ảnh chiếc L19/PĐ110 của Th/Úy Dương Như Chót và Tr/Úy Nguyễn Tuấn-Dị từ trên cao lạng xuống như một chiếc lá rơi, đáp trên phi-đạo, lao về phía tôi, rồi một cánh tay thò ra chụp lấy tôi kéo thốc lên. Chiếc phi-cơ quay đầu 180 độ, hai bánh xe cà trên mặt nhựa đến tóe khói và muốn bốc lửa...Chiếc L19 phóng tới bốc mình lên, mang theo người phi-công khu-trục bị bắn gãy cánh, vừa làm crashed ngay đầu sân bay của phi-trường Quảng-Ngãi, trước những con mắt lạc thần của đám quân cuồng khẩu...

Những ngày đầu Xuân của cái Tết Mậu-Thân năm ấy, trong một hoàn cảnh rất tình cờ, mà Nguyễn Du và tôi đã cứu được thành phố Đà-Nẵng thoát khỏi thảm họa do đám người cuồng tín gây ra như ở Huế và các thành phố khác...Sau này khi đang ở PleiKu, tôi nghe tin Nguyễn Du cùng Trịnh Đức Tự đã lần lượt hy-sinh, tôi chỉ biết cúi đầu thấp một nén nhang lòng, để tưởng nhớ đến những tri-kỷ không được cùng nhau đi trọn một đoạn đường ...

Thủy Táng!

Tôi cũng không thể nào quên được chuyến bay "định mệnh" cùng với Trần Đình Thiệt trong một phi vụ "tuần thám võ trang" ban đêm...Vì thời tiết xấu, chúng tôi phải xuyên mây dề lên cao độ. Khi ra khỏi trần mây và bình phi ở 2500 bộ, tôi mất liên lạc với Thiệt. Tôi gọi về đài kiểm soát Đà Nẵng thì đài cho biết là sau khi cất cánh chưa nghe Phi Hổ báo cáo rời tần số. Tôi gọi đài kiểm báo Panama thì được Panama cho biết là chưa nhận được tín hiệu vô

tuyến nào từ Phi Hồ 41...Tôi hoảng hồn nhờ Panama gọi về phòng "Hành Quân Chiến Cuộc" của Không Đoàn 41CT báo cho họ biết là chúng tôi đã mất liên lạc với PH41, và PH42 tiếp tục ở trên vùng để đợi và tìm kiếm...Tôi một mình lang thang trên bầu trời hoang lạnh, dưới ánh trăng thượng tuần mờ nhạt ẩn hiện sau những đám mây đen...Tôi làm vòng chờ theo lộ trình Đà Nẵng - Hội An - Điện Bàn - Đà Nẵng, và dùng tất cả các tần số được trang bị như VHF, UHF, FM để gọi Thiết nhưng đều không nhận được âm thanh phản hồi...Nhìn xuống bên dưới, tôi không nhận ra được một dấu vết nào của chiếc phi cơ lâm nạn, mà chỉ thấy cả một bờ cát dài đang quần quai nằm nghe trùng dương gào thét...

Thời tiết càng lúc càng xấu, trần mây xuống thấp hơn, tôi đành phải rời vùng về đáp. Tôi taxi về bãi đậu mà thấy lòng hụt hẫng như vừa đánh mất một cái gì thật quý giá...Mới chỉ cách một khoảng thời gian ngắn ngủi trước đây thôi, bên tai tôi còn nghe giọng nói trầm ấm, như vỗ về dẫn dò của người bạn cùng khoá vang lên trong nón bay: "Cẩn thận nghe Hà, mình sẽ bay IFR để xuyên mây, sau khi ra khỏi trần mây, mình sẽ tập hợp ở phía Đông Bắc Sơn Trà..." Cả đêm hôm ấy, hình ảnh của Thiết cứ nhật nhòa hiện ra trước mắt tôi qua giấc ngủ chập chờn...

Khoảng một tuần sau, vào một buổi sáng mưa dầm gió bắc, có một ông lão thuyền chài đến cổng Phi Trường xin vào gặp Trung Tá Khánh, Tư Lệnh KĐ41 để cho ông biết là đêm ấy cụ thấy một chiếc phi cơ đâm xuống biển. Được tin này Trg/Tá Khánh lập tức liên lạc với Hải Quân Đà Nẵng cho đội người nhái lặn xuống để tìm kiếm, và họ đã thấy chiếc AD6 nằm cắm đầu dưới đáy biển ở độ sâu 20 thước. Da thịt của Thiết đã bị những loài thủy tộc rĩa hết chỉ còn trơ lại bộ xương...Mọi người còn chưa hết bàng hoàng về sự ra đi của Thiết thì bên phi đoàn Trực Thăng UH1 lại liên tiếp xảy ra hai tai nạn chết người một cách bí mật. Cả hai phi cơ gặp nạn đều chung một trường hợp là phi cơ bị tắt máy đâm bổ xuống đất khi đang trên đà lấy cao độ, khiến phi công không đủ thời giờ báo cáo và làm những động tác cần thiết để thoát hiểm. KĐ41CT lập tức cho đình chỉ các phi vụ hành quân cũng như huấn luyện để kiểm soát lại toàn bộ số phi cơ còn lại. Đồng thời phòng An Ninh KQ Đà Nẵng cũng kết hợp với Liên Đoàn 41KT để điều tra tìm nguyên nhân. Không phải chờ đợi lâu, các nhân viên An Ninh đã khám phá và bắt giữ toàn bộ tổ đặc công VC được gài vào LĐ41KT để thi hành công tác phá hoại. Tổ trưởng của toán đặc công này là một Trung Sĩ Thuộc LĐ41KT, người Quận Điện Bàn thuộc tỉnh Quảng Nam. Trong khi lấy khẩu cung, tên tổ trưởng khai là chúng được lệnh cho đường vào bình xăng của phi cơ. Đường không tan trong dung dịch xăng và đọng lại ở đầu ống dẫn xăng vào ổ máy. Sau khi cất cánh, xăng không được bơm vào ổ máy nên phi cơ bị tắt máy trong lúc bay lên để lấy cao độ...Nhờ được khám phá và chặn đứng kịp thời nên KĐ41CT đã tránh được những tai nạn thảm khốc sau này do toán đặc công gây ra.

Kể từ đêm Thiết ra đi, tôi thường ra bờ biển Mỹ Khê vào mỗi buổi chiều sau những phi vụ hành quân để thăm Thiết. Ngồi một mình trên gành đá nghe tiếng sóng vỗ rì rào mà tưởng như đang nghe Thiết tâm sự với tôi...Anh Thiết ơi, xuất thân từ "lò luyện thép Thiếu Sinh Quân" và là một phi tuần trưởng khu trục dạn dày chiến trận, đã bao lần thần nhiên ra vào nơi chốn tử sinh, sao anh lại kết liễu đời mình một cách âm thầm và oan nghiệt như thế này hả anh...Một con sóng lớn ập tới đập vào gành đá cuốn theo cơn gió lạnh như một luồng âm phong từ đáy biển thổi lên bắn tung bọt nước. Biển đang giận dữ gầm thét...từng tảng mây đen từ dãy Trường Sơn ùn ùn kéo về...Trời nổi cơn giông. Nhìn lên đỉnh đèo tôi thấy một cánh chim lạc đàn đang miệt mài xoải cánh bay theo với ráng chiều...Tôi thì thầm nói với Thiết: "Thôi nhé anh Thiết, xin vĩnh biệt anh! Và xin nguyện cầu cho anh cùng những phi hành đoàn trực thăng đêm nay về đáp thật an toàn nơi cội vĩnh hằng cao diệu vợi!"

Biên Hoà Vùng Trời Xứ Buổi!

...Kể từ ngày rời Biệt-Đoàn 83, tôi bắt đầu dần thân vào con “đường gió bụi”, với những lần thuyên chuyển như cánh chim di tới mùa, xoải cánh ngược xuôi khắp 4 vùng chiến-thuật.

Còn nhớ sau Tết Mậu-Thân một thời gian, vào khoảng đầu năm 69, tôi gánh hai cái “chiến thương bội tình”, khăn

gói quả mướp, giã từ miền hòa-tuyến, lên đường xuôi Nam về vùng trời xứ Bưởi, trình diện Th/Tá Hoàng Thanh-Nhã. Ông sếp mới của tôi gốc Đà-Lạt, khổ người mảnh mai, ăn nói nhỏ nhẹ, dáng điệu từ tốn như một tiểu thư khuê-các. Nếu ông không mặc bộ đồ bay cùng khẩu P38 đeo xệ bên hông, thì người ta khó có thể ngờ ông là chỉ huy trưởng một đơn vị tác chiến lừng danh của KQVNCH...Phi-đoàn “Phượng-Hoàng 514”, vốn là thối thân của “Đệ Nhất Phi-Đoàn Khu-Trực” của không-lực, với những nhân vật mà mới chỉ nghe nhắc đến tên thôi, cũng đủ làm khiếp vía “giang hồ hai đạo Hắc Bạch”, như Nguyễn Quang Tri, Nguyễn Văn Long, Phạm Phú-Quốc, Nguyễn văn Cừ, Lê Bá-Định, Lê Văn-Thảo...

Về Biên-Hòa tôi gặp lại ông “Tường Mực”. Lúc này ông đã là “Tur Lệnh Phó” của sư đoàn 3KQ, nhưng trông ông vẫn xuề-xòa và chí tình như xưa. Ông thường hay ghé ngang phi đoàn bốc tôi đi ăn sáng. Gặp ông tôi nhắc lại chuyện cũ, ông vỗ vai tôi cười, trên má hằn lên hai núm đồng tiền trông có duyên chi lạ. Ông cất giọng khàn khàn nói: “- Chú mày ba gai tổ mẹ!”

Đổi về đây một thời gian, tôi thấy thương cái vùng đất hiền hòa mà phải chịu một định-mệnh khắt khe của cuộc chiến này. Biên Hòa! Vùng đất vừa chua vừa ngọt như những trái “bưởi thanh”, “bưởi ổi”. Nơi có con sông bên lở bên bồi, cùng những chuyên đồ ngang của các cô gái mặc áo bà ba, với giọng hò u-uẩn và đôi mắt buồn vời-vời như đám mây trời lơ lững, oằn vai mang nặng những “mảnh tình không trọn” của một thời ly loạn...



Giang-sơn nào anh hùng nấy...Ở Biên-Hòa cũng có đầy đủ những “Kỳ-Nhân Dị Khách” của KQ, những người đã từng lấy máu mình tô đậm từng nét chữ của đơn vị như Nguyễn Đình Danh, Lê Văn-Thảo (Nâu), Hiệp-sĩ Say Nguyễn Văn Phong, Lê Như-Hoàn, Phạm Đình Anh, Lê Quốc-Hùng, Phạm Đăng-Cường, Đan Hoài-Bửu, Nguyễn Tiến-Thành, Nguyễn Quan Vĩnh (Kều) hồn danh “Spider man”, Cao Minh Châu (trắng), Lê Thanh Hồng-Vân, Nguyễn Quốc-Hưng (Phê), Đàm Thượng-Vũ, Nguyễn Đạm-Thuyền, Nguyễn Đình-Lộc, Kiếm Khách Lê-Hải, Lập

(Thanh Lan), Quang “Cao bồi” (Quái-Khách PB.Quang, vua đánh lộn, được giới giang-hồ xưng tụng là “Ông Thần Đĩa”. Tên nào vô phúc đụng phải Phạm Quái Khách thì chỉ có từ bị thương nhẹ cho đến bị thương nặng), Phạm Văn Thặng (Fulro), Mai (Râu), Hoàng Mạnh Dzũng, Vũ Văn Thanh, Bạch Diễm-Son, Lê Thuận Lợi, Trương-Phùng, Ân Đen, Sơn (Đi), Trần Thố-Vinh, Nguyễn Ngọc Lành, Đào Văn-Lập, Ân Cọp, và Tám Soi (một Quái-Kiệt từ Bộ Binh biệt phái qua KQ)...“Đại Hiệp Tám Soi” mang trong người một bản hồ sơ “lý lịch cá nhân” cực kỳ bí mật. Có người nói ông là “gián điệp tam trùng của CIA”, làm việc với cả ba phía “CIA, KGB, và sở tình báo trung ương của Trung Cộng”, lại có tin cho ông là “nhân viên chìm của “Phủ Tổng Thống” được gài vào KQ để theo dõi đám “phi công Khu Trục. Riêng tôi, tôi thấy ông là một người “hào phóng”, đối xử với “Giang hồ” rất có tình có nghĩa. Ông chơi thân với những tay “cự phách” trong giới Không Quân Biên Hoà như: “Phi Đoàn Phò” Đan Hoài Bửu, “Trường Phòng Hành Quân” Lê Thanh Hồng Vân, và “Hiệp Sỹ Say” Nguyễn Văn Phong...Tôi quen “anh Tám” cũng là do tình cờ. Hồi mới về Biên Hòa, vào mỗi buổi chiều, buồn buồn tôi hay quá giang mấy tên bạn có xe về Sài Gòn. Một lần đang ngồi sau chiếc xe Honda đợi để qua cầu, nhìn sang bên cạnh tôi thấy một ông Thiếu Tá bộ binh trên chiếc xe Jeep. Thấy tôi nhìn, ông gãi tay vẩy như mời tôi qua. Tôi vỗ vai cảm ơn từ giả “tên bạn Honda” rồi nhảy lên ngồi chung với ông. Chỉ mới trên quãng đường chưa đầy 30 cây số của buổi chiều hôm ấy, mà tôi với ông tưởng như đã quen nhau từ bao giờ. Cũng kể từ đó, mỗi chiều ông thường ghé phi đoàn rủ tôi về Sài Gòn, và sáng hôm sau lên BH sớm cho kịp phi vụ đầu tiên trong ngày. Có lần tôi làm mất chiếc xe Jeep của ông, ông vò đầu bứt tai nói: “- thằng em, mày hại tao rồi!” Nhưng khi thấy tôi tỏ vẻ quá lo lắng, ông lại quay ra an ủi tôi: “- Thôi được rồi để tao tính” Chỉ mấy ngày sau đã thấy ông lái chiếc xe Jeep mới toanh đến rủ tôi đi ăn sáng. Tuổi tôi vốn kỵ VC nên thường bị phòng không địch bắn hạ. Mỗi lần thoát nạn trở về tôi lại lãnh thêm một khẩu P38 mới. Tôi biếu ông một cây, ông thích lắm, và bao tôi ăn nhậu “mút mùa lệ thủy”...Một Quái-Kiệt” nữa của PD518 là Đ/Úy Phạm Ngọc-Hà “Đệ Ngũ đẳng huyền-đại Nhu-Đạo”, người đã tay không hạ 5 tên “cướp cạn” có dao găm, mẫu tấu, và súng trong một đêm trăng mờ huyền ảo tại một quán nước bên bờ kinh cạnh xa lộ BH, khi người đang cùng “cô bạn gái” ngồi ngắm trăng “kể chuyện tâm tình” đã để lại cho tôi nhiều kỷ-niệm khó quên. Phạm Đại-Hiệp ngoài những chiến tích lẫy lừng được ghi trong quân-sử, còn có những hành tung cực kỳ bí-mật ngoài đời, biến hóa khôn lường, chẳng khác gì những nhân vật thần-thoại trong truyện “1001 đêm của Ả-Rập”. Tên của anh và tôi giống y chang, chỉ khác cái họ, nên anh thường gọi tôi bằng cái tên nghe thật thân thương: “Hà ta!” Ý chừng anh muốn dụ tôi nhập băng với anh chăng??? Mỗi lần nghe anh gọi như vậy thì tôi lại “nể” anh.

...Nhưng dường như giữa tôi và anh đã có những sợi dây ràng buộc vô hình nào đó trong một phần của cuộc sống. Tất cả đều là những chuyện thật tình cờ, coi như cái “duyên giang-hồ” trong tình đồng đội. Tôi còn nhớ một lần vì mãi gò một ván bài “Triple Mùn”, xem chút nữa là trễ giờ TOT. Nhìn đồng hồ chỉ còn 20 phút, tôi hoảng hồn vội vội tẩm bản đồ rồi cùng Tr/Úy Điền phóng ra ngoài bãi đậu. Vừa mở máy xong, tôi tổng mạnh tay ga, chiếc phi cơ nhôm đít, quạt tung bình nước lạnh đổ vỡ tung toé, và thổi bay mấy người anh em cơ trưởng đứng gần đó. Cứ thế tôi phóng ra phi-đạo xin cất cánh. Lên trời gặp ông “FAC vui tính” lại là bạn cùng khoá, Đại Úy Đinh Trần Chính và “phi công” N V. Tiên vừa tìm ra một “Hot Target”. Sau khi đánh dấu mục-tiêu ông phán: “- Phụng-Hoàng 41, bạn cứ phang ngay vào ổ con chuồn chuồn đó cho tôi, coi chừng phòng không.” Phán xong ông và ông Tiên lạng ra xa cho chắc ăn, rồi làm vòng chờ nhìn chúng tôi “làm việc”. Tôi và Điền nhập cuộc, vào vòng bắn, nhào lộn, quay cuồng trong khói lửa một hồi, vừa “đi” rốc két vừa “táp-pi” bom nổ...FAC khen rồi rút. Kết quả ghi nhận là mục tiêu hoàn toàn bị phá hủy, và có nhiều tiếng nổ phụ. Khi về đáp, vừa leo ra khỏi phi-cơ, tôi thấy anh em phi-đạo chạy tới vây lấy hai chiếc khu-trục. Tôi giật mình tưởng anh em ra “đòi nợ máu”. Nhưng khi nhìn thấy mọi người ngược mắt đếm những lỗ đạn quanh thân tàu, có người lấy tay xoa những vết đạn như đang ve vuốt “vết thương” của người tình, tôi thấy lòng mình chùng xuống. Tôi khoác vai một anh lính trẻ đứng cạnh nói:

- Hồi này bận quá, cho tôi gửi lời xin lỗi anh em nghe.

Anh lính cười nói:

- Đ/Úy và Tr/Úy đi bay hành quân bị lãnh đạn, không bị sút mẻ gì, mà còn về đáp an toàn là tụi này mừng rồi. Nhảm nhò gì ba cái lễ tề đó. Có điều...bữa nay anh em không được uống nước lạnh. Hi...hi...

- Thôi để chiều nay tôi mời anh em ra quán thịt rừng Tân-Vạn để tạ lỗi. Minh uống “Ông già chống gậy” thay cho nước lạnh, chịu không.

Anh lính cười toe, rồi kể cho tôi nghe chuyện Đ/Uý Phạm Ngọc Hà “đỏ vỏ ốc” cho tôi:

- Hồi nãy Đ/U đi khoảng 20 phút thì ông Hà bên 518 về đáp, chưa kịp về phi-đoàn đã bị Tr/Tá Hoài lôi lên văn phòng “xát xà bông” tới tằm mặt mũi. Tội nghiệp lúc ông đi ra, trông xiêu vẹo như “gà mắc dây thung”.

Tôi cười bóp chặt vai anh nói:

- Chiều nay tôi sẽ mời ông đi luôn để uống “ly rượu tạ lỗi”.

Về tới phi-đoàn, sau khi ghi “chiến tích” trên sổ trực của PĐ và cùng Tr/Uý Điền giải trình phi-vụ xong, tôi vào gặp “Sếp” trình bày tự sự, rồi xin ông “yểm trợ” chút đỉnh cho bữa nhậu sắp tới. Ông nghe xong ngồi ngả người ra ghế, nhìn tôi cười, trông “hiền như Bụt”:

- Anh em phi-đạo làm việc rất cực nhọc, cậu không nên làm như vậy. Thôi được rồi, bữa nhậu chiều nay để tôi lo, tôi sẽ kéo ông Hoài đi luôn thể.

Nghe ông nói kéo “Ông Hoài đi luôn thể”, tôi giật mình... Nhưng cũng đành cảm ơn ông, miệng nở một nụ cười như mếu...

...Tôi nằm nhà thương Cộng-Hòa được ít lâu thì một “biến cố” quan trọng xảy đến với tôi. Nhà thương CH ngày ấy, đất hẹp người đông, nên sĩ-quan cấp úy cứ 4 ông “share” một phòng. Phòng tôi nằm thuộc hạng sang, khách hàng toàn thứ dữ. Tôi nằm giường dưới. Bên trên, một Đại-Hiệp Biệt-Động-Quân mang “Hồng Đại VoViNam”, để lại cặp giò ngoài chiến địa. Giường đối diện, tầng trên một ông Trung Úy Dù trẻ măng, đầu quấn băng trắng xóa chằng chịt, đã hiên ngang hiến hai con mắt cho đại-cuộc, được giang-hồ phong tặng tước hiệu “Sir. Hiệp Sĩ Mù”. Tầng dưới là giang-sơn của ông Chuẩn Úy Bộ-Binh họ Tạ, vừa hạ san chưa đầy một tháng, dẫn trung-đội đi hành quân, đập phải mìn bẫy, không thiệt hại gì nhiều, chỉ mất có “hai hòn” nơi hạ bộ. Cô y-tá xinh đẹp mỗi khi đến thay băng, thường gọi ông là “Tạ Công Công” (2). Hôm tôi nhập phòng, mọi người trong phòng đón tôi bằng những cử chỉ đầy ấp tình chiến hữu, làm ấm lòng người thương binh. “Hiệp sĩ mù” nói với tôi:

- Hồi còn hai con mắt, tôi đọc “Buồn Vui Phi-Trường” của Dương Hùng Cường, và thích nhất nhân vật “Pi Lốt Thái Bình”. Anh là dân KQ, nay tuy nằm cùng phòng mà lại không được thấy mặt, vậy tôi tặng anh cái mỹ hiệu này gọi là để nhớ lại một thời...xin đừng từ chối.

Tôi cười cảm động, nói với anh là tôi thì OK, chỉ sợ ông “Triệu, Pilot Thái Bình chánh hiệu con nai vàng” ông ấy kiện, thì chỉ có nước bán chiếc xe đạp đi mà đền. Sir. “Hiệp-Sĩ Mù” cất giọng cười sảng khoái. Thế là trên giang-hồ tôi có thêm một cái tên mới. Một buổi trưa, tôi đang nằm mơ mơ màng màng nghĩ đến ngày xuất viện thì nghe tiếng “Tạ Công Công” khẽ gọi:

- Ê “Pi-Lốt Thái Bình”, có người đẹp tới thăm kìa.

Tôi còn ngái ngủ vẫn quay lưng ra ngoài. Tôi nghe một giọng nói thanh thoát của người con gái nhẹ nhàng cất lên:

- Dạ, xin lỗi đây có phải là phòng Đ/U Hà không ạ.

Tiếng “Tạ Công Công” eo eo đáp lại:

- Ông nằm bên kia kia.

Tôi nhòm người dậy nhìn ra ngoài. Một người con gái trẻ đẹp, tay xách giỏ trái cây, đứng bên khung cửa. Tà áo lụa mỏng manh, phất phơ theo gió thổi, quần lầy đôi chân dài tròn lẳn, xuyên qua ánh nắng, để lộ một thân hình bốc lửa như bức tượng thần Vệ Nữ. Bốn mắt nhìn nhau sao thấy ngỡ ngàng... Thì ra cô làm tôi với người bạn trai của cô là Đại-Úy Phạm Ngọc Hà. Nhìn bộ điệu lính quýnh của người con gái, tôi thấy mình phải làm một cái gì để gỡ cái thế rối này cho nàng. Tôi đưa tay chỉ chiếc ghế cạnh chiếc bàn bên đầu giường, rồi cười nói:

- Vâng, tôi là Hà PD514, bạn của Đ/U Hà bên 518. Mời cô ngồi chơi. Xin lỗi cô là...

Mặt người con gái hơi hồng lên, nàng ngập ngừng nói:

- Dạ em là Liên. Nghe các anh Lê Thanh Hồng-Vân và Phạm Văn-Thắng nói là anh Hà năm Cộng-Hòa, em cứ tưởng là Hà bạn em, nên...

Hiệp-Sĩ Mù từ giường bên ngồi dậy nói chỗ xuống:

- Thì Hà nào cũng là Hà cả. Tôi từng biết nhiều cuộc gặp gỡ tình cờ, nhưng chưa thấy trường hợp nào kỳ thú như lần này. Cảm ơn cô Liên đã đến thăm anh Hà và chúng tôi. Cô Liên biết không, nằm ở đây hàng ngày nhìn ra ngoài hành lang, tuy không thấy gì, nhưng chỉ nghe giọng nói, tiếng cười vui tươi vọng tới, cũng đủ thấy ấm lòng...

Có lẽ hình ảnh bi hùng của những người lính trước mắt, và câu nói như mũi dao nhọn xoáy vào tim của “Hiệp-Sĩ Mù”, đã làm mềm lòng người em gái hậu phương, nên Liên ngồi xuống, sắp trái cây lên bàn mời chúng tôi. Rồi mỗi người góp một câu khiến bầu không khí trong phòng vui nhộn hẳn lên. Liên lấy lại sự vui tươi ban đầu, cười nói líu lo thăm hỏi từng người. Nhìn Liên đi lại trong phòng, tà áo dài quần quýt gót chân, tôi thấy như cả ngàn cánh phượng hồng tung bay trong gió...

Rồi tôi xuất viện, Sếp cho nghỉ hai tuần dưỡng bệnh. Trong hai tuần lễ này, ngày nào Liên cũng về Sài-Gòn thăm tôi. Chúng tôi hưởng trọn vẹn những “ngày vui qua mau”.

Nhưng rồi hai tuần nghỉ phép cũng như cơn gió thoảng...Hết phép trở về Biên-Hòa, tôi lại tiếp tục cuộc đời của một “chính nhân”, và tôi không còn gặp lại Liên nữa. Người con gái đã đến và đi qua đời tôi như một giấc chiêm-trai, nhưng đã để lại cho tôi những hương-vị tuyệt-vời, ngọt ngào thoáng thoáng như mùi thơm hoa bưởi của một cuộc tình thoáng qua trong thời chiến...Có những điều bí-ẩn trong cuộc sống mà chúng ta không hiểu nổi; người con gái mà sau này tôi chọn làm người bạn đời của mình cho đến bây giờ, cũng tên Liên.

Ngày tôi rời Biên-Hòa để đi “trấn thủ lưu đồn”, thì cái “duyên đồng-đội” của tôi và anh cũng chấp cánh bay xa. Anh Phạm Ngọc Hà ơi! Kể từ ngày đó, tôi không có dịp gặp lại anh, nhưng tôi vẫn theo dõi những chiến tích lẫy lừng của anh ngoài trận địa. Bây giờ xin anh cho tôi được gọi anh bằng cái tên “Hà ta!” thân thương ngày nào nhé. Gọi nó để nhớ đến người bạn đã một thời cùng nhau tung hoành trong khói lửa.

Chén rượu giang-hồ đậm tình tri-kỷ:

Đối với những người lính chiến như chúng tôi, dù ở đơn-vị hay cấp bậc nào đi chăng nữa, thì cuộc sống cũng vô cùng bấp-bênh và ngắn ngủi. Mới chỉ buổi sáng đây thôi, còn thấy anh ồn ào cùng chúng bạn, để đến đêm về, ở một nơi nào đó có ánh đèn mờ ảo như muốn che dấu những nỗi kinh hoàng trong lửa đạn, đã thấy bùng lên câu

thor: “Đêm trắng-sĩ qua sông lần vĩnh biệt - Tưởng đang còn tiệc rượu lúc tàn canh”. Cho nên dù chỉ là một lần gặp gỡ tình cờ, cũng sẽ đem lại cho chúng tôi những kỷ-niệm chập-chùng khó quên... Còn nhớ một lần tôi cùng Thặng (Fulro), Long (lãng quăng), và Phúc (cháy), theo anh Khoa (Đen) đến dự đêm dạ vũ “Mây bốn phương trời” tại câu lạc bộ Huỳnh Hữu-Bạc trong căn cứ KQ Tân-Sơn-Nhất. Trong đêm vui này, ngoài những nhân vật quyền cao chức trọng trong chính quyền, các vị tướng lĩnh Việt Mỹ ra, còn có một số “phi-công nghênh cản” từ hàng-không mẫu-hạm Midway ngoài Thái Bình Dương cũng được mời về tham dự. Vừa bước vào phòng đã thấy ông Hưng (phệ) chạy ra đón. Rồi ông dẫn chúng tôi lại ngồi cùng bàn với những “người khách quý đặc biệt” này. Tất cả đều đứng lên trong khi ông Hưng giới thiệu: “Đây là những hoa-tiêu F4C thuộc không-đoàn nghênh cản của hạm đội số 7.” Rồi quay qua chúng tôi, ông nói với họ: “Còn đây là những phi-công khu-trục A1 của KLVNCH.” Chúng tôi trao đổi với nhau những tia nhìn đầy thiện cảm, cùng những cái xiết tay chặt chẽ thân tình như đã quen nhau tự thừa nào... Một ông Đại-Úy trẻ măng, mặc bộ đồ bay màu cam, nắm tay tôi nói:

- Chúng tôi được nghe rất nhiều huyền-thoại về các bạn, những phi-công can đảm, chiến đấu hào hùng trong những điều kiện cực kỳ khó khăn và nguy-hiểm. Đêm nay được gặp, thật là vinh hạnh.

Tôi bóp chặt tay anh cười nói:

- Chúng tôi cũng rất ngưỡng mộ các bạn, những “MiG Killer” của Hải-Không-Quân Hoa-Kỳ, hàng ngày vẫn bình thân “Đạp sóng đại-duyên lướt gió ngàn”, quần thảo với phi-cơ và hỏa-tiến địch trên vòm trời lửa đạn.

Rồi những giọng cười như con lốc xoáy, bốc lên theo hơi rượu của những con người mà mới chỉ một lần đầu gặp gỡ, đã thấy “mến nhau qua phong độ, trọng nhau vì tài”. Anh Khoa (Đen) hai tay xách hai chai Martel cổ lùn lừng lững đi tới để tiếp viện phe ta, anh cất giọng hào-sảng nói:

- Đêm nay các cậu phải uống cho thật say đó nghe.

Tôi tiếp lời anh:

*Say như trắng sĩ say hào khí
Tươi rượu không trung gột chiến bào
Trượng phu cất tiếng cười vang dội
Bầu trời rung chuyển cả trắng sao.*

Anh ngửa mặt cười sảng-khoái, rồi mở chai rót rượu. Thặng (Fulro) với tay bấm nút chai soda, tưới những tia nước sủi bọt trắng xóa vào những chiếc ly thủy tinh. Tôi cười nói với Thặng:

- Rót nữa đi bạn : “Rót cho rượu tuôn như suối dòn thác đổ - Đã tiền đưa đầu mà nói trường-đình”. Phải vậy không.

Tất cả đều nâng ly, ngửa cổ uống cạn ly rượu giang-hồ, và nhìn nhau bằng những tia nhìn long lanh qua ánh mắt, rồi cùng cất tiếng cười vang, át cả giọng hát nức nở của Lan-Ngọc vừa cất lên trong một bản nhạc tình diễm ảo... Đêm nay còn có thứ ngôn-ngữ nào diễn tả nổi tấm chân tình của tri-kỷ, và còn có men rượu nào sánh được với “men hào-khí” của chinh nhân... Bởi vì: “Ngày mai vào trận ai nào biết - Trắng-sĩ quay cuồng bom đạn rơi”...

Anh Khoa thân kính! Đã lâu lắm rồi, kể từ đêm tao ngộ với những cánh chim trời phiêu bạt tự về cùng anh luận chuyện “binh đao” lần đó, chúng mình chưa một lần gặp lại nhau, nhưng em vẫn nhớ cái dáng dấp hiên-ngang quen thuộc thừa nào của “người Hiệp-Sĩ cô đơn lạc nẻo dòng đời...” khi anh cùng Th/Sĩ N.V.Nhất đáp chiếc “Tiền Phong 01” xuống Pleiku vào một buổi sáng mù sương, để gặp T/Tá Lê Bá Định và Tr/Tá Nguyễn văn Bá. Cuộc

gặp gỡ bí-mật của những con người “Coi núi Thái-Son nhẹ như chiếc lông hồng” tuy thật ngán ngủ, nhưng cũng đủ làm “ngiênêng ngả cả giải giang-hà dưới gót chân”...

PleiKu! Thung lũng của Tử Thần:

...Lịch-sử của cuộc chiến là một bức tranh khổng lồ, mà mỗi người trong chúng ta chỉ có thể nhìn nó từ một góc cạnh rất nhỏ trong cuộc đời của mình. Có những góc cạnh mà người đứng nhìn tưởng như mình đang lạc vào một “chiều không-gian” khác biệt nào đó, để bất chợt bắt gặp một bông lan rừng nhô ra từ khe đá rong rêu, chênh vênh bên gềnh thác... Cũng từ cái góc cạnh đặc biệt này, niềm hoài-niệm đã đưa tôi trở lại với PleiKu vào một buổi chiều âm u sương khói...



Đồn BenHet! Mịt mù lửa đạn!

...Tôi quên thế nào được hình ảnh chiếc H34/PĐ219 của Đại/Úy Nguyễn văn Thắng chở toán Lôi-Hổ của Tr/Úy Thọ thuộc CĐ2XK/B15, lừng-lừng từ trên không như một con quái điều khổng lồ lao vào cơn bão lửa... Rồi anh Nghĩa (già), cùng các tráng-sĩ Lôi-Hổ từ trong lòng phi-cơ phóng ra. Anh Nghĩa vội vã tháo dây dù cho tôi, trong lúc toán biệt kích Lôi-Hổ bung ra làm vòng đai bảo vệ cho bãi đáp, để anh Nghĩa vác tôi lên vai chạy dưới làn mưa đạn của quân thù tại chiến trường Benhet ngày nào...



Charlie! Mùa hè năm 1972.

Charlie! Một địa danh mà vừa mới đọc lên người ta đã thấy khói lửa ngùn ngụt bốc lên phủ trùm cả một vùng núi đồi huyền hoặc... Nơi đây cũng đã hơn một lần đón nhận âm thanh tắc nghẹn trên tần-số của Th/Tá Hồng Khắc San, người phi-tuần trưởng gan lỳ của phi-tuần Thái Dương 51, khi chiếc số 2 của anh, Thiếu-Úy Dương Huỳnh-Kỳ, trầm mình trong biển lửa mịt mù theo với dàn bom napalm hai bên cánh, và thân xác người phi công tài hoa son trẻ của phi đoàn 530 đã được "hỏa táng" ngay dưới chân của đỉnh Charlie... Cùng trong khoảng thời-gian và không-gian đó, một cánh dù bung nở, mang theo người phi-công của phi-tuần kế tiếp, Thái-Dương 61, từ chiếc phi-cơ bốc cháy trên vòm trời lửa đạn, nhảy xuống để tiễn Dương Huỳnh Kỳ, và “Anh Năm Nguyễn Đình Bảo”, cùng những “Tráng-Sĩ” của TĐ11 Dù đã qua sông, một đoạn đường... Anh Bảo ơi! Định mệnh nào đã đưa đẩy tôi chiều nay đến đây tiễn đưa anh cùng các bạn trong hoàn cảnh khắc nghiệt của lịch-sử này. Hôm đơn vị anh và tiểu đoàn của Nguyễn (sông) Lô dừng chân ở PleiKu, tôi không về kịp để được cùng anh, và các bạn cạn ly rượu giang-hồ... Sau này gặp Đoàn Phương-Hải “chống nạng gỗ” trong ngày tang lễ của “Thặng Fulro” ở Sài Gòn, Hải nhắc đến “đêm Phương Hoàng” trên PleiKu, tôi nghe mà thấy nhói trong tim. Còn nhớ hồi Tết Mậu-Thân... Tôi làm sao quên được gương mặt phong trần của ông “Đại-Úy Nhảy Dù Nguyễn Đình Bảo” trong bộ quân phục sắc mùi thuốc súng, ngồi bên ghế phải của chiếc khu-trục cơ AD5; rồi chúng mình cùng đội mưa, xuyên mây lên cao độ, từ Đà Nẵng bay về Sài Gòn trong lúc mọi phương tiện vận chuyển ngày hôm ấy đều bị đình trệ. Thâm thoát thể mà đã hơn 4 năm. Trong 4 năm qua chúng ta đã thấy bao nhiêu là đổi thay, và mất mát trong cuộc chiến. Cho đến hôm nay thì tôi đã mất anh và mất thêm một số bạn bè... Để:

Chiều nay giữa muôn trùng lửa đạn

*Tiến các anh đi một đoạn đường
Nơi chốn vô hình xa vắng đó
Ai người đứng đón dưới mưa sương.*



Vâng, các anh đi rồi, không biết đêm nay có ai đứng đón các anh nơi cuối con đường ướt đầm mưa sương ở một cõi vô hình nào đó...Còn tôi thì ở lại với cánh dù treo trên ngọn cây cao, đợi chờ một phép màu xảy đến. Rồi chiếc UH1/PĐ229 của Tr/Úy Tuấn (Bocassa), Tr/Úy Xuân (tóc đỏ) bay tới, nghiêng ngả như con thuyền ngập lặn trong cơn phong ba bão táp giữa biển khơi, thả cuộn dây thừng cho tôi nắm lấy...Khoảng cách giữa sự sống và sự chết chỉ cách nhau chưa đầy một gang tay, mà sao tôi thấy nó dài như cả vạn dặm đường...Trong giây phút tưởng chừng như tuyệt vọng đó, thì một phép lạ chợt đến. Người cơ-phi xạ-thủ dũng-cảm của phi-hành-đoàn trực-thăng cấp cứu, từ trong khoang tàu hiện ra như một “Thiên Thần”, leo xuống chiếc thang dây lơ lửng giữa trời, thòng cánh tay rắn chắc cho tôi nắm lấy, và chúng tôi cùng đồng đưa theo lửa đạn, trước cặp mắt ngơ ngác của tử thần...Rồi cứ thế, chiếc phi-cơ “cứu tử” đưa tôi về căn cứ Võ-Định, nơi có đơn-vị tiền phương của Lữ-Đoàn 2 Dù trấn đóng. Sau khi thả tôi nằm trên tấm poncho dưới đất, các anh, những “Hiệp-Sĩ không-gian” của vùng trời biên trấn lại lạnh lùng quay lưng cất cánh, không để cho tôi có dịp gởi đến các anh một lời chào tạm biệt. Anh Tuấn (Bocassa), anh Xuân (tóc đỏ) và anh Cơ Phi tôi không biết tên ời. Hôm nay xin các anh nhận nơi đây lời cảm ơn chân thành của tôi dù rằng rất muộn nhưng vẫn đầy ấp chân tình này nhé.

... Tôi quên thế nào được những cử chỉ vỗ về, chăm sóc của những người bạn đồng ngũ ngoài chiến trường chiều hôm ấy. Th/Tá Phạm-Bính, PĐT/PĐ215, đã rót những liều thuốc tê vào tai tôi: “Ráng một chút nghe cung, sắp xong rồi.” khi anh nắm chặt lấy hai cánh tay tôi cho Bác-Sĩ Hiệp, người y-sĩ trẻ của binh chủng nhảy dù, khâu sống vết thương trên trán. Trong cơn mê mơ hồ thảng thốt, tôi nghe có tiếng cười đùa trao đổi giữa Th/Tá Huỳnh Hải-Hồ/PĐ235, người đang đề hai chân tôi, và vị Bác-Sĩ trẻ về vết thương chỉ cách con mắt chưa đầy hai đốt ngón tay của tôi.

...Rồi những ngày chinh chiến qua đi...Đã có biết bao nhiêu người bạn lạnh lùng quay lưng vượt “dòng sông định

mệnh”, để lại cho đời những luyến tiếc nhớ thương, và cũng có biết bao nhiêu người bạn mới chỉ nghe danh, hoặc chỉ qua một lần gặp gỡ, mà tình tri-kỷ đã đậm đà thiên thu bất tận...

Bây giờ ngồi đây giữa cảnh đời luân-lạc, tôi nghĩ đến những người của ngày xưa đó, mà thấy lòng dâng trào cảm xúc, nhớ thương... Giờ này các anh đang ở đâu, có phải các anh đang cô-đơn xoải cánh dưới bầu trời giông bão, hay đã dừng chân nơi chốn lạ, và đêm về các anh có nghe được những ưu-tư khắc khoai thẳm lặng của cố nhân...

*...Còn tôi vẫn nhớ ngày hôm ấy
Nhớ cả khung trời mây trắng bay
Rồi đây trên phiến thời-gian cũ
Tôi sẽ mang theo những tháng ngày.*

Trần Ngọc Nguyên Vũ

Chú-Thích:

(1) Thơ Vũ Hoàng Chương

(2) Tiếng gọi các viên quan-thị, thái-giám.

(*) Đồi nhà Đường, Đường Cao Tổ cho xây một căn lầu trên núi Kỳ Lân gọi là Kỳ Lân các để treo hình các "khai quốc công thần", và các danh tướng.

(**) Danh hiệu của đài "Gươm Thiêng ái quốc" phát đi để liên lạc với các toán đi Bắc.

Nhớ Về Những Người Lính Năm Xưa !

(Những người lính không bao giờ chết, họ sống mãi cùng lịch sử, và trở thành biểu tượng "Hồn Thiêng Sông Núi" của dân tộc.)

Trần Ngọc Nguyên Vũ

*Xin tạ lỗi chí tang bằng hồ thi
Kiếm cung xưa treo gió núi mây ngàn
Quỳ chịu tội với hồn thiêng sông núi
Giấc mơ đời theo lịch sử sang trang*



Trung Tá Nguyễn Đình Bảo, tiểu đoàn trưởng cùng Đại Úy Đoàn Phương Hải, sĩ quan hành quân, thuộc tiểu đoàn 11 Nhảy Dù. Trung Tá Bảo đã tử trận tại ngọn đồi Charlie, được vinh thăng Đại Tá



Vào khoảng cuối tháng 5 năm 1972, trong lúc tình hình chiến sự đang sôi sục trên khắp các mặt trận Tây Nguyên, tôi tình cờ gặp Đoàn Phương Hải trong đám tang của Phạm Văn Thặng tại Sài Gòn. Nhìn người thương binh Nhảy Dù vừa trở về từ cõi chết, chống nạng đến đưa tiễn người lính Không Quân quay lưng đi vào cõi chết...tôi thấy lòng mình trùng xuống, và cảm nhận được tất cả những tình cảm khắng khít, và gắn bó trong "tình đồng đội" của những người lính ngoài chiến trường...Gặp tôi Hải kể lại lần dừng chân ở PleiKu, trước khi lên đường tiến vào Charlie. Đêm Phượng-Hoàng...cái đêm định mệnh ghi dấu lần gặp gỡ, và cũng là lần chia tay của những con người "chọc trời khuấy nước"...Cũng như Charlie, vùng đất định mệnh đã cướp đi Nguyễn Đình Bảo người anh cả, cùng biết bao nhiêu những anh hùng hào kiệt của "TĐ 11 Dù"...Hải bồi ngùi nhắc lại trận đánh khốc liệt của TĐ anh với địch quân, và những đường bay hào hùng, nghệt thờ của Không-Quân, cùng cái chết của Dương Huỳnh Kỳ...Anh kể chuyện những chiếc khu trục cơ chui qua màn lưới phòng không, lao xuống sát chân đồi, ở một cao độ thấp không thể nào còn thấp hơn được nữa để giải toả áp lực của địch đang tràn lên ngọn đồi...Đứng dưới giao thông hào, anh và các bạn có thể nhìn thấy rõ chiếc nón bay của người phi công. Rồi chiếc phi cơ bốc cháy như một bó đuốc khổng lồ, cuốn theo thân xác của người phi công dũng cảm, cùng đám cuồng địch kêu gào giãy giụa trong biển lửa mịt mù...Hình ảnh kinh hoàng và bi tráng đó đã làm rung động trái tim sắt đá của người lính Dù dạn dày chiến chinh...

Sau lần gặp gỡ ngày hôm ấy, chúng tôi chia tay nhau. Cho đến ngày tàn chinh chiến, tôi không có dịp gặp lại Hải. Rồi thì trải qua những tháng năm dài ngược xuôi trên bước đường luân lạc...Mọi chuyện tưởng chừng như đã phai mờ theo với thời gian, thì 38 năm sau, tôi lại tình cờ gặp Đoàn Phương Hải cùng với Sông Lô, Đào Trọng Vượng, Đào Văn Năng, Trần Mạnh Khôi, Tạ Thượng Tứ, và những khuôn mặt của một thời vẫy vùng ngang dọc ở San José, để được nghe Hải kể chuyện về những người lính năm xưa...

Vẫn cái dáng dấp hiền ngang quen thuộc thửa nào, qua giọng nói chuyên cảm, và lời cuốn, Hải nói về những người trai của thế hệ "Mầu Tím Hoa Xim"...Lần lượt kể trước người sau bước vào cuộc lữ khi trang sử mới vừa mở ra, âm âm như ngọn trường giang loạn sóng, trong cơn mưa gào gió thét kinh hoàng cùng với dòng cuồng lưu cuộn cuộn xô giạt mọi vật theo lớp mây ngàn bạt định, chẻ đôi hai bờ Nam - Bắc...Anh hùng hào kiệt một thời, quay cuồng trong cơn lốc xoáy, phóng tay điểm lên bức tranh sơn-hà những đường nét bi tráng, rồi theo trang sử từ từ khép lại, bỏ sau lưng cho đời cả một khung trời mây trắng bay...

...Và bây giờ ở nơi cõi kiêu hùng đó, nếu ai còn thấy một sợi tơ trời lãng đãng như "Nhớ về...những người lính năm xưa" chẳng hạn, thì đó chính là trang giấy trắng đang mở ra để ghi những dòng sử mới, trong con mắt hùng thị của những anh hùng vạn thừa vậy...

Đoàn Phương Hải đang viết một trang sử mới cho thế hệ mai sau; bởi vì một người đã từng cùng các bạn dương cung bắn những mũi tên đi tám hướng, bốn phương trời, tượng trưng cho chí tang bồng hồ thi của người trai, thì có lẽ nào anh lại để cho tâm tình mình lắng đọng, và nhạt phai cùng năm tháng...

Xin cảm ơn tác giả của "Nhớ về...những người lính năm xưa". Xin cảm ơn người lính Nhảy Dù Đoàn Phương Hải đã đưa chúng ta trở về vùng kỷ niệm nhạt nhòa những hình ảnh thân thương, bi hùng và lãng mạn của một thời chinh chiến...

Trần Ngọc Nguyên Vũ.

(Miền quan ngoại - Tháng 6, 2013)

Chú thích:

(*) *"Nhớ về...Những người lính năm xưa" tuyển tập truyện ngắn của Đoàn Phương Hải. Xuất bản vào dịp cuối năm 2010 tại San José, USA.*

(**) *Dương Huỳnh Kỳ tuần quốc tại Charlie. Phạm Văn Thặng tuần quốc tại Kontum. Cả hai người đều là phi công khu trục thuộc phi đoàn Thái Dương 530 đồn trú trại phi trường Cù Hanh trên PleiKu.*

Niềm Vui Chợt Tật!

(Để tưởng nhớ các Phi-Hổ Trịnh Đức-Tự, Phi-Hổ Nguyễn-Du, Phi-Hổ Đoàn-Toại cùng những hiệp-sĩ không-gian của vùng trời hỏa-tuyến ngày nào... Và để gởi về những kiều-nữ giai-nhân của “PleiKu phố núi!” trong những tháng ngày ly-loạn ngày nào...)

Trần Ngọc Nguyên Vũ



Vào một buổi trưa Chủ-Nhật, trời PleiKu thật buồn. Từng tầng mây mù từ trên đỉnh Trường-Son chậm-chạp trôi về, rơi rụng phủ kín sân bay... Những người lính chiến của “Không-Đoàn 72 Biên-Trấn” tụ-tập nhau tại câu-lạc-bộ của không-đoàn, ngồi uống cà-phê, kể chuyện tiểu-lâm, truyện tình phố núi và truyện đời bay bổng... trong lúc chờ thời tiết khá hơn để cất cánh lao mình vào chiến trận. Trên bầu trời mịt mờ sương khói, trong một phi-vụ huấn-luyện không-hành Đà-Nẵng-SàiGòn-Đà-Nẵng, trên đường về, Tự làm IFR xuyên mây, đáp phi-trường Cù-Hanh ghé thăm tôi. Bạn thân mỗi lần gặp nhau lòng như mở hội. Tôi rủ Tự và người phi-công phụ của anh ra ngoài căn-cứ thưởng-thức món chả chia độc-đáo của cái thành phố quanh năm gió núi mưa rừng này. Tôi vỗ vai người phi-công trẻ nói đùa:

- Lát nữa cậu chỉ được phép uống nước lạnh để còn đưa "ông thầy" về Đà-Nẵng đó nghe.

Người phi-công trẻ cười, cất giọng hào-sảng nói:

- Hi... hi... Thiếu-Tá đừng lo, em là thợ..., thợ bay phi-cụ mà. Hồi nãy đáp, phi-cơ đang chạy trên phi-đạo, ông thầy em giật mình tỉnh giấc, cứ tưởng em còn đang cho phi-cơ xuyên mây... Nhưng thôi... Thiếu Tá cho em khát lần tới đi, chứ chả chia, giềng mẻ mắm tôm mà đi với nước lạnh thì... sợ người ta chê Không-Quân mình cù lần chẳng.

Tôi vỗ vai người sĩ-quan trẻ, nhìn Tự nói:

- Dân Không-Quân miền Hỏa-Tuyến có khác. Các cậu gáy nghe cũng không tẻ lắm.

Cả ba chúng tôi cùng cười. Bỗng nhiên tôi khựng lại, và chợt nhớ ra là Tự có người yêu là cô giáo đang dạy học ở PleiKu. Anh thiếu-úy trẻ hình như cũng đọc được ý nghĩ của "ông thầy" mình; anh nhìn tôi nheo mắt nói:

- Em có thằng bạn cùng khóa ở PĐ-530, Thiếu-Tá cho em quá giang tới thăm nó thì đẹp quá.

Tôi nhìn người phi-công trẻ lém-linh, cười rồi quay qua nói với Tự:

- Thôi, cậu giao ông thiếu-úy này cho mình rồi đến thăm nàng. Trời này mà bắt chợt ghé thăm người tình, để nhìn "mắt em ướt, và tóc em ướt" để thấy "môi em mềm như mây..." thì thật là tuyệt-vời.

Rồi tôi dúm chiếc chìa khóa xe jeep vào tay anh nói:

- Tụi này đợi cậu tại quán ăn nơi cuối phố. Từ đây về Đà-Nẵng không đầy một tiếng theo đường chim bay, cậu còn nhiều thời giờ chán... Nhưng đừng quên ghé đón anh em đó nghe.

Đó là lần cuối cùng tôi gặp Tụ. Một thời gian sau, cũng vào một buổi trưa, tôi nhận được điện-thoại từ một người bạn ngoài Đà-Nẵng báo tin Tụ đã hy-sinh trong một phi-vụ hành-quân. Đơn-vị đang xúc tiến việc lấy xác người phi-công tuần quốc. Tôi lặng người đi một lúc như không muốn tin đó là sự thật... Tôi mới gặp Tụ đây mà... Rồi thì cả một vùng kỷ-niệm nhạt-nhòa trong dĩ-vãng bỗng hiện ra trước mắt tôi như đang coi một cuốn phim đời... Tôi nghĩ đến gia-đình và thân nhân của Tụ. Rồi tôi nghĩ đến Phượng, người yêu của Tụ, không biết nàng sẽ như thế nào khi nhận được tin dữ này... Tôi cũng nghĩ đến những cuộc tình của một thời chinh-chiến. Không có gì để bảo đảm cho một tương-lai đầy bất trắc cho những người trai hàng ngày vẫn lạnh lùng leo lên chiếc quan tài bay, lao vào vùng trời lửa đạn, bỏ lại một ngày cho đời mình, một ngày cho những quần-quai đau thương của dân-tộc và một ngày cho những đôi mắt vời-vợ chờ trông nơi chốn chân mây ở tận cuối trời...



Còn nhớ ngày nào, vào khoảng mùa Hè năm 1962, chúng tôi gồm mấy đứa, Tụ, Nguyễn Phúc-Hung, Sĩ-Phú, Đào-Văn-Năng, và tôi cùng nộp đơn vào Không-Quân. Vì số người tình-nguyện quá đông nên phòng tuyển-mộ đã chia chúng tôi ra thành 2 toán. Toán đầu, trong đó có Sĩ-Phú được gọi ra Nha-Trang và trở thành khóa 62C. Tôi và Hung vì thiếu cân nên phải đợi tái khám và bị dồn xuống toán sau, ra Nha-Trang ngày mùng 2 tháng Giêng năm 1963 trở thành khóa 63A cùng với Nghiêm Ngọc-Ẩn, Bùi Ngọc-Bình, Nguyễn Hoàng-Dự, Mai Tiến-Đạt, Tạ Thượng-Tứ, Ngô Đức-Cửu, Phạm Văn-Thắng, Sử Ngọc Cả, Vũ Văn Cẩn... Còn Tụ và Năng bị trục-trặc về mắt, tai, mũi, họng nên chúng tôi phải tạm chia tay... Mấy tháng sau, Hung, Nghiêm Ngọc-Ẩn, Bình, Dự và tôi cùng một số SVSQ nữa được gọi về Bộ-Tư-Lệnh KQ làm thủ tục du học. Trong thời gian đang thụ-huấn tại trường Hải-Quân Phi-Hành NAS Pensacola, FL thì tôi được tin Tụ đã hội đủ điều-kiện sức khỏe để nhập Không-Quân. Riêng về phần Năng thì đành bỏ mộng đi mây về gió để trở về làm bạn với vùng sinh lầy, đồng ruộng, và núi rừng trùng điệp trong Binh-Chủng Biệt-Động-Quân... Kể từ đó, tôi không có cơ-hội gặp lại Tụ và Năng cho đến khi mãn khóa về nước, phục vụ ở Biệt-Đoàn 83, rồi đi biệt phái Đà-Nẵng thời kỳ biến-động miền Trung mới gặp lại Tụ ở Phi-Đoàn Phi-Hổ 516. Riêng về Năng thì vì không cùng quân-binh-chủng nên chỉ biết anh đang sai vó ngựa hồng, miệt mài theo khói lửa...

Là một đại cao-thủ của VoViNam, cùng nhóm với Đào Văn-Năng (Biệt-Động-Quân), Nguyễn V Tụ (Biệt Kích Dù)... Cũng như Năng và Tụ, Tụ có vóc dáng và phong-độ hào-sảng của một đại-hiệp trên chốn giang-hồ trừ gian giết bạo. Tuy là con nhà võ nhưng lại mang một tâm hồn nghệ-sỹ, Tụ rất thích thơ văn. Những bài thơ mang tính cách lãng-mạn của thời chiến như "Tha La xóm đạo" của Vũ Anh Khanh, "Mầu tím hoaxim" của Hữu-Loan, và "Làng tôi" của Yên-Thao, "Bên kia sông Đuống" của Hoàng-Cầm, hoặc Hồ-Trường của Dương B. Trạc, hay "Bài ca Phạm Thái" của Nguyễn Đình-Toàn, "Bến Nước Ngũ-Bồ" kịch thơ của Hoàng Công-Khanh... Tụ đều thuộc lòng. Hồi còn ở ngoài dân sự, mỗi lần gặp nhau là thế nào cũng có một đêm văn-nghệ bỏ túi, cùng các bạn như Hà-Linh-Bảo, Cấn-Hùng, Phạm Văn-Hiến, Hồ Hải-Trân và Hoàng Hương-Trang họp mặt để đàn hát, ngâm thơ và thổi sáo,...



Khi Biệt-Đoàn 83 giải tán, tôi được chuyển ra Đà-Nẵng, cùng ở 516 với Tụ, Ân... lúc này thì anh em mới thực sự gần bó như xưa. Chỉ còn thiếu Năng. Còn nhớ hồi ở Đà-Nẵng, một buổi sáng mùa Xuân năm Mậu-Thân, tôi cùng Nguyễn-Du thi-hành phi-vụ tuần-thám võ-trang "Đà-Nẵng Quảng-Ngãi Đà-Nẵng". Chúng tôi cất cánh sớm hơn giờ dự trù, hy-vọng về đáp sớm để còn bay một phi-vụ không-hành về Sài-Gòn chúc Tết Ông Bà, Bố Mẹ. Khi vừa lên cao độ bình-phi thì phát hiện một đoàn người từ hướng núi tiến ra bờ sông Hàn, và như đang định bơi qua sông để vào Đà-Nẵng. Mới đầu chúng tôi tưởng là dân chúng đi vắng hội Tết, nên bay xuống thật thấp để làm một cú "bay thấp" để chúc Tết mừng Xuân. Nhưng vừa xuống khoảng 100 thước thì ở dưới bắn lên tới tấp. Chúng tôi hoảng hồn phóng vút lên lấy cao độ, rồi báo cáo về Panama là có một đoàn quân Cộng-Sản đang định vượt sông Hàn để vào Đà-Nẵng. Panama không dám quyết định, yêu cầu chúng tôi làm vòng chờ trên cao độ đợi xin lệnh quân-đoàn I. Đoàn người ở dưới biết là đã bị lộ nên ào hét xuống sông để qua bờ bên kia. Nguyễn Du tính nóng như lửa, hối thúc tôi phải hành động ngay, vì nếu để đám quân này qua được bờ sông thì chúng sẽ lẫn vào nhà dân chúng và tình thế sẽ trở nên rất nguy-hiểm.

Hai chiếc khu-trục A1 cùng song hành nhào xuống thật thấp, oanh-kích trực xạ vào đoàn quân Cộng-Sản... Từng chùm hỏa tiễn từ hai chiếc khu-trục cơ phóng vọt ra, cày tan mặt đất... Xác người vỡ nát, thịt xương bắn tung lên. Những viên đại-bác 20ly công phá, xuyên thủng những tấm bia thịt đang ngụp lặn giữa dòng sông... Xác địch nổi lềnh bềnh như xác quân Mãn-Thanh, mặt nước đỏ ngầu như nước sông Hồng mùa Xuân năm Kỷ-Dậu... Chỉ trong khoảng thời-gian chưa đầy 15 phút, hai chiếc khu-trục A1 đã trút hết hỏa-tiến và đại-bác 20ly, tiêu diệt gần một

nửa số người trong đoàn quân xung-kích của địch. Đám người còn lại quay đầu chạy ngược vào phía núi... Lúc đó thì Panama mới liên-lạc cho biết lệnh Quân-Đoàn là phải ngăn chặn đoàn quân này bằng mọi giá. Chúng tôi cho Panama biết là phi-vụ đã hoàn tất. Trên vùng cũng vừa có Thiên-Phong 11 do Tr/Uý Dị và Thiếu-Uý Chót của PĐ 110 tiếp-tục công việc theo dõi, và một phi-tuần Phi-Hổ của Đoàn-Toại và Tụ cũng vừa lên kịp để thay thế cho chúng tôi về đáp...

Khi về đến phi-đoàn chúng tôi thấy toàn bộ chỉ-huy của KĐ41 chiến-thuật cùng Phi-Đoàn-Trưởng, Phi-Đoàn Phó, Trưởng Phòng Hành-Quân và các nhân-viên phi-hành của PĐ516 đều có mặt đầy đủ... Chỉ thiếu có mấy viên cố-vấn Hoa-Kỳ. Đặc biệt có quý phu-nhân của Trung-Tá Tư-Lệnh KĐ, Thiếu-Tá Liên-Đoàn-Trưởng LĐ41/Tác-Chiến cùng Đại-Uý Phi-Đoàn-Trưởng PĐ516 tíu tít sắp bánh chưng, giò chả và kẹo mứt trên bàn để mời những người lính chiến KQ ăn Tết tại chỗ. Tiếng chuông điện thoại reo tới tấp, và trên bảng phi-lệnh chỉ chít những phi-vụ chờ cất cánh. Lệnh cấm trại 100% được ban hành, lúc bấy giờ chúng tôi mới biết là Việt-Cộng tổng công-kích toàn lãnh thổ miền Nam Việt Nam. Mùa Xuân Mậu-Thân năm ấy, trong một hoàn cảnh rất tình cờ mà Nguyễn Du và tôi đã cứu được thành phố Đà-Nẵng thoát khỏi thảm họa do đám người cuồng tín gây nên như ở Huế hay các thành phố khác...



Sau lần đó, chúng tôi kết với nhau thành một băng "Ngũ Hổ Tướng" gồm có Du, Hoàng, Tụ, tôi và Đoàn-Toại... Sau những phi-vụ hành-quân hàng ngày, chúng tôi thường ra phố nhâm nhi ba sợi để quên đời ở quán thịt bò Ba-Quy, trong một con hẻm ở đường Độc-Lập. Thành-phố Đà-Nẵng thời bấy giờ thường xuyên ở trong tình-trạng "giới nghiêm", nhưng đối với những người lính Biệt-Động-Quân, Nhảy Dù, lính Hải-Quân, lính Biệt-Hải, Thủy-Quân-Lục- Chiến..., và với những cái tên mà mới đọc lên đã thấy ngất ngây như say men rượu như: Bảo, Ban của Hải-Quân; Hoàng-Phổ, Quách-Thường, Đức ghiền, Nguyên, Ngô, Thanh mặt xanh, Ngoạn của Biệt-Động-Quân; Hùng, Vũ của Biệt-Hải; Lâm-Đôn bên Cảnh-Sát Dã-Chiến; Liều bến tàu, Nho Saxophone ngoài dân sự..., thì lại là

giờ ra đường làm việc của họ, nên quán nhậu cứ sau 12 giờ đêm mới vui... Cái vui của những "Anh-Hùng tứ xứ"; chỉ một lần gặp gỡ qua chén rượu giang-hồ mà tình bạn, tình đồng-ngũ như đã thiên-thu bất diệt...

Những người bạn ngoài quân-chúng rất thích kết-giao với dân KQ. Một phần vì cái vẻ hòa-hùng qua những chiếc áo bay màu đen, màu cam, màu xám... thêm những thứ phụ-tùng linh kinh như khăn quàng màu tím, dao găm, súng ngắn P-38 đeo xệ bên hông, đạn flares... đã biến những con người thư-sinh mảnh-khảnh kia thành những trang "hiệp-khách phò nguy cứu khổ", và nếu cần thì cũng có thể quá giang những người bạn KQ hào-phóng này trên chiếc AD5 trong một phi-vụ liên-lạc không-hành nào đó để về Sài-Gòn một đêm rồi sáng mai lại trở ra đơn-vị như Đại-Úy Nguyễn Đình-Bảo của Nhảy Dù hồi Tết Mậu-Thân. Nhưng phần chính là những người lính chai lỳ này đã được chứng kiến tận mắt những hình ảnh bi-hùng của người anh em KQ nơi chiến địa. Hình ảnh những chiếc phi-cơ vận-tải, quan-sát gãy cánh, chao đảo trên không như một con đại bàng bị trúng tên rồi gục xuống bìa rừng. Những chiếc trực-thăng nổ tung như một quả cầu lửa của những hợp-đoàn lâm-lý bay vào trận địa. Những chiếc khu-trục lao mình cắm đầu xuống mặt đất, rồi cháy bùng lên như một ngọn hỏa-diệm-sơn trong cơn phần nộ chuyển mình. Những cánh dù bung ra như một đóa hoa hồng lửng-lơ giữa vòm trời lửa đạn... Để rồi khi trở về thành-phố, nhìn những dáng dấp thư-sinh trong chiếc áo bay, gò-ghe mà thanh-thoát... tình tri-kỷ, tình đồng-đội tự nhiên đến với họ.

Nhưng nhiều khi cũng có những đụng chạm nảy lửa rồi mới nhận anh em, và trong những trường hợp đó thì Tự là người luôn luôn mang lại chiến thắng cho "phe ta" và lòng cảm phục của "phe bạn". Mỗi khi ra khỏi căn-cứ, cũng như Đoàn-Toại, Tự rất ít khi mặc áo bay, và nếu có thì cũng rất giản-dị. Chỉ một chiếc áo bay, không dao, không súng, cùng những thứ linh-kinh như những anh em khác. Nhất là Nguyễn-Du, ngoài cây "Ru-Lô" sáu viên, anh còn trang-điểm thêm một thanh "mã tấu" sắc như nước lũng lẳng bên hông, khiến những tay "thầy gồng Cầm Bót" nhìn cũng cảm thấy ngại... Cũng vì những nét đặc-thù này mà trông Tự nổi bật trong đám đông, chẳng khác nào như một bạch-diện thư-sinh trên tay chỉ có một chiếc quạt cũng đủ làm khiếp đảm hắc, bạch giang-hồ...

Những hình ảnh của ngày xưa đó cứ lần lượt hiện về trong trí tôi như những đám mây đen từ đỉnh Trường-Sơn cuộn-cuộn trôi về phủ kín cả bầu trời phổ núi... Nhìn đồng hồ, thấy sắp đến giờ tan học. Tôi lái xe tới trường để đón Phượng. Tôi đậu xe gần cổng trường. Ngắm những tà áo dài phát-phối như cánh bướm của các cô nữ sinh, những tiếng cười cùng giọng nói liên-thoảng, riu rít như chim hót mà thấy lòng mình như chùng xuống. Tuổi trẻ thật là vô-tư yêu đời, không thấy được những hiểm-nguy đang rình rập cuộc sống... Lẫn lộn trong đám học sinh đổ ào ra như đàn chim vỡ tổ, Phượng đi cùng một người bạn ra phía cổng trường. Thấy tôi Phượng mừng rỡ chạy đến reo lên:

- Anh! Lâu quá sao không thấy anh ghé Phượng chắc là anh bận lắm hả. Anh Tự mới gửi thư cho em nói tuần tới anh ấy sẽ ghé PleiKu cho em quá giang A37 về Sài Gòn đó. Thế nào cũng lại phiền anh ra chở vào phi-trường.



Tôi cười buồn chưa kịp nói gì thì Phượng đã liến-thoảng nói:

- Anh thật là có số ăn cỗ. Ngày mai tụi em được nghỉ nên em mời chị bạn về nhà ăn cơm tối. Nếu anh không chê thì xin mời anh lại dùng cơm luôn thể với tụi em nha.

Rồi với giọng tinh nghịch Phượng nói tiếp

- À, em xin giới thiệu với anh đây là chị Tường-Vy, cô giáo mới từ Huế đổi lên đây để được gần người yêu. Người yêu của Tường-Vy là Trung-Úy phi-công Trục-Thăng, chút nữa gặp thế nào anh cũng nhận ra người quen. Anh ấy nói là có biết anh.

Tôi giựt mình, và cảm thấy buồng tim mình như thắt lại khi nhớ đến cuộc họp hồi trưa tại phòng họp không-đoàn. Nghe tin họp-đoàn trực-thăng vừa mất một chiếc "gun" trong lúc họp-đoàn vào bốc quân bạn. Phi cơ bị trúng phòng không, bốc cháy như một quả cầu lửa, và nổ tung trên trời. Toàn thể phi-hành-đoàn đã được thiên táng ngay trên trận địa... Tường-Vy cúi đầu chào tôi, cặp má nàng hơi hồng lên cùng với vẻ e thẹn cố-hữu của những cô gái Huế khi gặp người lạ. Tôi cúi đầu chào lại và kín đáo quan-sát người bạn của Phượng. Cũng như Phượng, Tường-Vy có một khuôn mặt đẹp tuyệt vời, đặc biệt với cặp mắt sâu, buồn vời-vời như chứa đựng cả một bầu trời thu trong đó... Tôi mời hai người lên xe. Trên đường về nhà Phượng, nàng nhờ tôi cho nàng ghé qua chợ mua thêm ít đồ gia-vị cần thiết. Phượng vẫn vô-tình cười nói luôn miệng kể chuyện nàng và Tự cho Tường-Vy nghe. Nhìn hai người, tôi thấy xót-xa cho kiếp hồng-nhan của một thời ly-loạn...

Định-mệnh thật quá khát-khe, đã đưa đường dẫn lối cho thực-nữ giai-nhân gặp gỡ khách anh-hùng, sao còn nữa đang tay đập vui phận số... Trong lúc ngồi ngoài xe đợi Phượng và Tường-Vy vào chợ, tôi quyết định sẽ không báo

tin Tụ đã hy-sinh cho Phượng biết hôm nay, và cầu mong sao người yêu của Tường-Vy không phải là người bay chiếc "gun định-mệnh" kia... Bây giờ đây, tôi không dám làm tắt niềm vui của Phượng và Tường-Vy, cho dù nó thật là ngắn ngủi.

Trần Ngọc Nguyên Vũ

(Một thời ly-loạn)

Cám ơn TNNV, bài viết tuy ngắn nhưng đã nói lên những nét hào hùng của người lính, đặc biệt là những anh lính bay đã làm khiếp đảm quân thù, nhưng trái tim của họ lại mềm nhũn với em gái hậu phương, nồng nàn với bạn bè và quặn đau khi thấy những anh em đã ra đi vĩnh viễn !

hieunguyen11

Anh hieunguyen11 thân,

Đọc cái note re của anh mà cảm thấy ấm lòng. Thì ra vẫn còn có người nặng lòng với “Chuyện Đời Lính” của một thời...Rất ngưỡng mộ những bài viết của anh. Chúng ta viết không những chỉ để tôn vinh “Người Lính Trận” mà còn để gìn giữ cái tinh hoa của tiếng Việt vốn đã được tổ tiên ta gây dựng và vun bồi theo với hơn 4000 năm văn hiến, hiện đang bị mai một đi...

Tình thân,

Trần Ngọc Nguyên Vũ

Quán Thơ!

Trần Ngọc Nguyên Vũ

...Trên con đường Cái-Quan, người khách lữ-hành vừa từ-giã Cỗ-Thành Quảng-Trị, vào Huế, qua đầm Cầu-Hai, tới Lăng-Cô, rồi dừng lại ở hang doi nơi chân đèo Hải-Vân. Đứng trước cảnh mênh-mông của mây trời, sóng nước, khách cũng thấy lòng mình mênh-mang theo với cái vô cùng của thiên-nhiên. Nhìn lên con đường đèo quanh co, vùng ô đang chìm xuống theo dãy núi về hướng Tây, chiếu hắt lên nền trời những tia nắng rực-rỡ cuối cùng của buổi chiều sắp tắt. Một cánh vạc cô đơn đang xoải cánh theo với đám mây xa. Con đường quanh vắng, chỉ còn một mình lữ-khách chậm bước. Dưới chân đèo nơi gềnh đá, từng con sóng bạc đầu dập-dồn theo nhau vỗ vào bờ làm bắn tung lên những tia nước lỏng lách dưới ánh trời chiều, trông như những hạt kim-cương vung vãi. Một cơn gió lạnh thổi qua, khách rung mình kéo cao cổ áo, cảm thấy lòng mình dấy lên một nỗi buồn hoài cổ. ...Gần hai trăm năm về trước, cũng tại nơi đây, ông vua đa tình của Nguyễn Triều, đứng trước khung cảnh tuyệt-vời của đất trời, cũng thấy lòng sôi nổi, đã phóng bút lên vách đá, phong cho đèo Hải-Vân bốn chữ đại tự: “Đệ Nhất Hùng Quan” vẫn còn dấu tích cho đến ngày nay. Khách chậm rãi bước lần theo con đường ngoằn-ngoèo ngược dốc. Càng lên cao cảnh vật càng thâm-u, cây rừng rì rào trong độ đổi màu thay lá, hơi sương lạnh lẽo hắt-hiu. Bỗng khách thấy một quán lá bên đường, dựng cheo leo nơi gềnh đá, bên cạnh một gốc tùng cổ thụ, vài khóm trúc và một cây liễu xum xuê rủ cành. Lẫn lộn với những tiếng chim kêu, vượn hú, từng cụm mây chiều chầm chầm bay ngang sườn núi quần lay chân khách, làm khách có cảm-giác như đang trôi bồng-bềnh trên một con thuyền mây. Khách lặng người đứng bất động nhìn cảnh thiên-nhiên. Bỗng khách nghe tiếng ngâm thơ từ trong quán vọng ra: Giọng ngâm u-uẩn theo điệu “Nam Ai” miền Trung xoáy vào lòng lữ-khách. Khách gật gù đứng nghe, bỗng nhẹ nhíu mày rồi sửa lại sống áo bước vào quán. Người chủ quán đang ngồi ngâm thơ, thấy khách lạ, vội vàng đứng dậy mời:

- Kia xin mời quý khách vào quán nghỉ chân xơi chén rượu nhạt cho ấm bụng.

Rồi chủ quán hỏi tiếp.

- Trời đã chiều rồi, chẳng hay quý khách đang ngược đường ra Bắc để vào Huế, hay vượt đỉnh đèo đồ dốc xuôi Nam để về Đà thành.

Khách nghiêng mình chấp tay đáp lễ chủ quán rồi nói:

- Tại hạ vừa ghé Cỗ-Thành bái vọng anh hùng Nguyễn Du, Trần Thế Vinh cùng các tráng sỹ Dù, Biệt-Động-Quân, Thủy-Quân-Lực Chiến, Bộ Binh... Những người đã vượt dòng sông định-mệnh, rồi tới Huế thấp nhen nhang cho những oan hồn uổng tử hồi Tết Mậu-Thân, định chiều nay vượt Hải-Vân quan để vào Đà-Nẵng, đi Hội-An, Quảng-Ngãi, rồi sẽ ghé KonTum, PleiKu, Ban-Mê-Thuột, tới Thủ-Đô SàiGòn, xuôi miền Tây qua núi Bà Đen ghé vào thăm Tha La xóm đạo, rồi ra Côn-Sơn, Phú-Quốc tìm lại những dấu tích bi-hùng của một thời chinh-chiến khi xưa...

Chủ quán nhìn khách, thấy dáng người toát ra một phong-độ hào-sảng của tráng-sỹ, giọng nói đĩnh-đạc trầm-tĩnh, thì ngầm cảm-phục rồi trân-trọng mời:

- Từ đây tới Đà thành, ngoài tệt-quán ra thì không còn hàng quán nào khác nữa, mà...trời lại sắp tối rồi, xin quý khách hãy ngừng chân nghỉ lại tệt-quán đêm nay để thưởng-thức vài chén rượu, và để thưởng ngoạn cảnh “trăng treo đầu núi” của đêm rằm Trung-Thu.

Nghe lời nói chí tình của chủ quán, khách cũng thấy xiêu lòng, chấp tay đáp lễ:

- Xin đa tạ tấm chân-tình của quán-chủ.

Được lời như mở tấm lòng. Chủ quán vui mừng nói vọng vào trong, sai gia nhân sửa-soạn cơm rượu. Khách kín đáo đưa mắt nhìn quanh. Quán không rộng lắm, nhưng ngăn nắp, và sạch sẽ. Quán được cất dựng xung quanh một mỏm đá nhô ra khỏi sườn núi, và được đẽo gọt thành một hòn non bộ thiên-nhiên, với dòng nước nhỏ róc rách chảy xuôi theo từng phiến rong rêu, lẫn khuất những cây cảnh được cắt tỉa bởi bàn tay nghệ-thuật trông cực kỳ tinh-xảo, như ngầm nói lên cái chí muốn “thu cả càn khôn vào một mối” của chủ nhân. Cách trang-trí trong quán

trông giản-dị mà hùng, phảng-phất mùi thiền. Vài chậu tre, trúc nơi góc vách; mấy chậu hoa rừng rủ cảnh nơi khung cửa sổ. Giữa quán là một cái lò sưởi bằng đá để trống bốn mặt, ngăn quán ra làm hai gian. Bên trong lò sưởi, ngọn lửa hồng lách tách nhẩy múa, tỏa hơi ấm, mặc dù bên ngoài gió lạnh thổi luân khí núi quện hơi sương. Trên vách tre, có treo một ống sáo, mấy bức họa theo lối thủy-mạc, với những dòng chữ như phượng múa rồng bay. Bên cạnh cửa sổ phía trông ra biển, là bức tranh vẽ một con hạc cô-đơn xoải cánh theo với ráng chiều, cùng dòng phóng bút câu thơ cổ của Vương-Bột đời nhà Đường bên Tàu: “Lạc hà dữ cô vụ tề phi – Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc”. Nét vẽ đã sắc-sảo, nét chữ còn phóng-khoáng, vi-diệu hơn, trông chẳng khác nào như gió cuốn mây trôi dập-dồn theo cánh hạc. Phía đối diện là một bức cổ họa vẽ cảnh mùa Thu chèo thuyền trên sông trong một đêm trăng, cùng với câu thơ bằng chữ Hán của vô-danh thị: “Thuyền bản kim bôi phân lưỡng đoạn – Bán trầm thủy để bán thiên nhai”. Tranh vẽ cùng nét chữ thảo sống động lồng vào nhau, trông chẳng khác nào như con thuyền đang lững-lờ trôi theo dòng nước cùng với ánh trăng thanh...

Khách nhìn hai bức họa, gật gù lắm bẫm: “- Quả là thần họa.” Rồi quay qua hỏi chủ quán:

- Tại hạ thật là tò mò, nhưng không thể dấu được lòng cảm-phục đối với tác-giả. Dám hỏi quán-chủ, nét bút này...có phải là do “Thi Họa Thần Bút” Vũ-Hối người đất Quảng-Nam vẽ và viết?

Chủ quán ngửa mặt, cất giọng cười sáng-khoái như vừa gặp tri-ký:

- Tôn-huynh quả có cặp mắt tinh đời. Đây chính là nét vẽ và thủ tự của “Thi-Họa Thần Bút” Vũ Tiên-Sinh đương thời đó.

Rồi khách chỉ lên tám lụa, hai đầu được quấn vào hai thanh tre treo thông xuống nơi góc quán cạnh một chậu trúc, nói với khách:

- Hai bức tranh thủy-mạc vừa rồi, Vũ tiên-sinh viết theo hai lối chữ Phong-tự, và Thủy-tự. Còn bốn câu thơ thất ngôn trên tám lụa này của Thi-Bá Vũ-Hoàng-Chương được viết lại theo lối Hỏa-tự. Xin mời tôn-huynh thưởng-lâm. Khách nhìn bức tranh lụa rồi nhắm đọc:

“Hoa nở đài trang nhạc nở cung”

“Nhạc hoa lồng bóng thoáng phương tung”

“Bông đâu nhạc tắt hoa lìa cánh”

“Nhìn xuống trang thơ lửa bập bùng”

Khách đọc mà như thấy hồn mình nhập thể vào với lời thơ, khách say sưa nói với chủ quán:

- Tuyệt tác, tuyệt tác, đọc bốn câu thơ này, người đọc đã thấy lòng mình bập bùng theo ánh lửa rồi. Đến khi nhìn kỹ vào nét chữ, thì tại hạ thấy như có ngọn lửa đang ngùn-ngụt bốc lên... Quả thật Vũ Tiên-Sinh không hổ danh là thần bút đương thời...

Hai người còn đang bình-luận về những thi họa phẩm thì quán-chủ phu-nhân từ bên trong bước ra mời hai người vào bàn nhập tiệc. Chủ quán ân-cần mời khách. Hai người cùng ngồi xuống đối ẩm.

Trong lúc nghe chủ quán giới thiệu từng món ăn...Khách nếm thử thì thấy món nào cũng thơm ngon một cách lạ lùng, khác hẳn những thứ sơn hào hải vị khác mà khách đã từng thưởng thức qua. Quán-chủ phu-nhân đích thân thay tửu-bảo đứng ra chuốc rượu phu-quân và khách quý. Chủ quán nâng ly rượu phu-nhân vừa rót ra, liếc ánh mắt long-lanh, tình tứ nhìn người bạn đời của mình, rồi quay qua nói với khách:

- Xin mời tôn-huynh thưởng-thức chén rượu Quỳnh-Hoa này. Rượu do chính tay tiện-nội cất, và ủ. Nước cất rượu được hứng từ những giọt sương đọng trên đọt Quỳnh nơi gành đá. Mỗi đêm chỉ hứng được khoảng một chén sương. Hứng từ đầu mùa Thu cho đến cuối Đông mới đủ lượng để nấu một vò rượu. Nước sương đựng trong hũ sành chế bằng thạch-nhũ vùng Ngũ-Hành-Sơn của đất Quảng-Nam. Đợi hứng được đầy hũ, thì cũng là lúc hoa Quỳnh bắt đầu nở. Loại Quỳnh-hoa này ba năm mới nở một lần, và chỉ nở vào tiết Trung-Thu, giữa khoảng con trăng lưỡi liềm đến tuần trăng mười bảy...Hoa đơm nụ khi cây rừng bắt đầu đổi màu thay lá. Độ mười ngày sau, nụ hoa hút đủ dương khí từ ánh mặt trời, và khí âm từ mặt trăng, thì sắc nụ trở nên đỏ hồng, to bằng nửa nắm tay, trông như đầu một ngọn bút lông đại-tự. Sờ vào ta thấy ấm như có hòn than gói bên trong. Đó là lúc nụ bắt đầu nở. Hoa khai nhụy từ chập-choạng tối, tới nửa đêm thì mãn khai, nở bung như một cái bát. Ba mươi hai cánh hoa xếp chồng lên nhau theo vòng tròn, cánh hoa mỏng, sắc trắng mịn như tuyết. Nhụy hoa màu vàng từ trong lòng cánh hoa vươn ra như một con thuyền bông-bènh vượt bến đào nguyên, tỏa hơi lạnh và hương thơm ngào-ngạt khắp cả

một vùng trời...khi đó thì cũng là lúc hoa được hái để cất thành rượu. Hoa phải được hái đúng lúc mãn khai, vào lúc nửa đêm. Nếu đợi đến sáng thì hoa sẽ mất phần âm khí. Bởi vì hoa chỉ nở có một đêm, tới sáng hôm sau thì tàn. Đặc biệt khi tàn, cánh hoa từ từ khép lại, và nằm rũ xuống như đợi...như chờ...một cái gì, rồi chết khô trên cành chứ không rụng cánh. Cứ một hũ hoa thì đổ ba hũ nước của hơi sương. Lò cất rượu phải được nhóm lửa bằng những cục than đá vùng Trường-Sơn. Loại than đá này cứng như sắt, sắc đen nhánh, và lóng-lánh như kim-cương. Than vừa cháy lâu, lại vừa cho lửa đều. Cất đến khi chỉ còn một hũ nước, thì ủ men rồi đem chôn nơi gành đá đúng một năm, cho rượu ngấm tinh-túy âm-dương của trời đất, mới đem ra dùng. Men để ủ rượu được biến chế từ loại nấm Tử-Trúc. Một loại nấm mọc từ những cây buơng vùng Yên-Tử Sơn ngoài Bắc. Loại buơng này thân to bằng ống chân, cao đến hai ba chục thước và sống lâu cả trăm năm. Mỗi năm vào đầu mùa Xuân thì buơng nảy măng non; những đợt măng to bằng cái bắp chuối; phơi khô hay để tươi, luộc lên ăn ngon như thịt gà. Khi cây nở hoa thì cũng là lúc cây bắt đầu khô lại, không nảy măng nữa rồi chết. Từ rễ cây bị mục mọc lên một loại nấm, mà dân bản xứ gọi là nấm Tử-Trúc, dùng để làm men rượu. Rượu này uống vào ta thấy người nhẹ nhàng, thanh-thang bông-bềnh như mây khói. Hơi rượu bốc lên theo từng nhịp thở và lời nói, toả hương thơm ngát. Càng uống càng thấy ngây-ngất, sáng-khoái, mà không bị say cuồng, nhúc đầu nặng óc như thứ rượu thường.

Nghe chủ quán kể lai-lịch và tiến-trình cất rượu, khách thấy quả là công-phu. Chủ nhân của nó phải là người có một cuộc sống phong-lưu phóng-khoáng, vượt ra khỏi vòng cương-toả của cuộc đời, mới có đủ thời giờ cùng phong-độ để nấu thứ rượu này. Khách nhận chén rượu từ tay chủ quán, nhẹ nhàng đặt chén rượu xuống mặt bàn, đứng dậy vòng tay thì lễ cảm ơn quán-chủ phu-nhân, rồi ngồi xuống cùng chủ quán đối ẩm. Đúng như lời chủ quán nói, khách cảm thấy từng giọt rượu chạy luồn qua mạch máu trong cơ thể, mùi rượu bốc lên thơm ngào ngạt.

Khách bật kêu lên:

- Tuyệt tửu, tuyệt tiên tửu! Quả thật là rượu quý. Tại hạ thấy mình thật là người may mắn mới được uống thứ “thiên-hạ đệ nhất tửu” này.

Quán-chủ mỉm cười nâng chén nói:

- Tôn huynh quá khen. Thật ra thì phải nói rằng chính vợ chồng ngu đệ mới là những người may mắn được hân-hạnh tiếp đón khách quý hôm nay...

Chủ, khách cùng nâng chén rồi cất tiếng cười vang cả núi rừng. Hai người vừa cạn chén rượu thứ nhì thì phương vị chủ khách cũng biến mất, mà chỉ còn lại những âm-thanh bông trầm, bông-bềnh theo với hơi men, cùng lời thơ đối họa của tri-kỷ. Và cứ thế rượu vào lời ra. Hai người thay nhau đọc thơ bình truyện...Kể tung người hứng, có lúc cuộn-cuộn như sóng gầm thác đổ, có lúc lững-lờ như gió thoảng mây trôi...rất là tương-đắc. Bỗng khách ngưng câu chuyện, ngập-ngừng nói với chủ quán:

- Chẳng dẫu gì quán-chủ, tại hạ rất ngưỡng-mộ giọng ngâm thơ của quán-chủ. Hồi chiều khi đứng bên ngoài, nghe được những lời thơ chau-chuốt, tại hạ vô cùng khâm-phục. Nhưng...tại hạ có một vài điều mạo-muội gởi đến người thơ, chẳng hay quán-chủ có đồng ý.

Chủ quán ngẩng đầu cười ha hả, cất giọng sáng-khoái nói:

- Ha ha ha...Được! Được lắm. Đó mới là những lời lẽ đáng nghe của người quân-tử. Xin tôn huynh cứ chỉ giáo.

Ngu đệ xin cúi đầu lãnh ý.

- Tại hạ thật không dám “đánh trống qua cửa nhà sấm”, chỉ mượn chút men cay, đưa đẩy đôi lời thô-thiển. Qua bài thơ mà quán-chủ ngâm vừa rồi thì...âm điệu thật là truyền cảm...Nhưng nếu kéo dài quá thì bài thơ sẽ dễ trở thành nhàm chán. Phạm nói về nghệ thuật diễn ngâm thì thật là vô cùng, vì thơ chỉ có lời mà không có nhạc, nhưng lại có nhạc ẩn trong ý thơ, nên người ngâm thơ phải hòa mình vào với lời thơ để tìm ra ý nhạc mà diễn tả tâm-tình của người thơ...Khi ngâm thơ ta không nhất thiết phải dùng riêng một thể điệu nào, mà phải pha trộn những âm-điệu sao cho hợp với ý thơ. Có nhiều bài thơ dài mà khi sáng tác người viết đã gởi gắm lòng mình, lòng người và cảnh vật cùng một lúc vào trong thơ...Chẳng hạn như bài thơ: “Tha La xóm đạo” của Vũ Anh Khanh, thì khi đọc ta cảm thấy như mình vừa nói chuyện với khách, lại vừa tâm tình với mây trời gió nước, cỏ cây...

Nói đến đây khách ngừng lại, rồi đứng lên vòng tay thưa cùng chủ quán:

- Những lời vừa rồi của tại hạ, xin quán-chủ cứ coi như là ngôn từ nông cạn của một kẻ nông-cuồng, múa rìu qua mắt thợ. Xin quán-chủ bỏ qua cho.

Chủ quán vội vàng đứng dậy chấp tay đáp lễ:

- Xin tôn-huynh chớ quá khiêm-nhường. Ngu đệ đứng trước Thái Sơn mà không nhận ra núi lớn, mới thật là đáng

trách.

Rồi với giọng khản-khoản chủ quán nói với khách:

- Nếu như tôn-huynh không chê tệ-quán quê mùa, thì xin cho nghe giọng ngâm vâng ngọc của người, để ngu đệ và tiện-nội được hầu tôn-huynh một điệu sáo, và khúc đàn tranh.

Nói rồi chủ quán kín đáo đưa mắt nhìn phu-nhân. Như hiểu ý chồng, quán-chủ phu-nhân bước vào trong mang ra một cây đàn tranh trạm trổ công-phu. Phu-nhân mỉm cười nhìn quán-chủ rồi để năm ngón tay búp măng nuốt-nà lướt nhẹ trên phím đàn... Mười sáu giây đàn rung động, đong đưa như tiếng lá thu rơi, tiếng suối róc-rách chảy.

Chủ quán với ông sáo treo trên vách, thổi dạo đầu một khúc “Tao-Đàn”. Tiếng sáo, điệu đàn cùng vút lên. Khách cảm thấy vô cùng hứng thú, cất giọng ngâm:

Đây Tha la xóm đạo

Có trái ngọt cây lành

Tôi về thăm một đạo

giữa mùa nắng vàng hanh

Ngậm ngùi Tha la bảo

Đây rừng xanh rừng xanh

Bụi đùn quanh ngõ vắng

Khói đùn quanh nóc tranh

Gió đùn quanh mây trắng

Và lửa loạn xây thành.

Viễn khách ơi!

Hãy dừng chân cho hỏi

Nắng Hạ vàng ngàn hoa gạo rung-rung

Đây Tha La xóm đạo ven rừng

Có trái ngọt cây lành in bóng lá

Con đường nhỏ bụi phủ mờ gót lạ

Ngày êm-êm lòng viễn-khách bơ-vơ

Về chi đây khách hỏi có ai chờ

Ai đưa đón: - Xin thưa tôi lạc bước

Không là duyên không là bèo kiếp trước

Không có ai chờ đưa đón tôi đâu!

Rồi quạnh-hiu khách lặng-lẽ cúi đầu

Tìm hoa rụng lạc-loài trên vệ cỏ

Nghìn cánh hoa bay nhõn-nhờ trong gió

Gạo rung-rung nghìn hoa máu rung-rung

Nhìn hoa rơi lòng khách bỗng băng-khuâng

Tha La hỏi:

- Khách buồn nơi đây vắng?

- Không tôi buồn vì mây trời đây trắng

- Và khách buồn vì tiếng gió đang hờn.

Khách nhẹ cười nghe gió thổi từng cơn

Gió vun-vút, gió rợn rừng, gió rít...

Bông đâu đây vắng véo-von tiếng địch

Thôi hết rồi còn chi nữa Tha-La!

Bao người đi thề chẳng trở lại nhà

Nay đã chết giữa chiến trường ly-loạn

Tiếng địch càng cao nào-nùng ai-oán

Buồn trưa trưa lây-lắt buồn trưa trưa

Buồn xưa xưa ngây-ngất buồn xưa xưa.

Lòng viễn-khách bỗng dưng tê-tái lạnh
 Khách rừng mình ngân-ngơ người hiu-quạnh
 Thôi hết rồi còn chi nữa Tha-La
 Đây mênh-mông xóm đạo với rừng già
 Nắng lơ đãng rụng trên đầu viễn-khách
 Khách bước nhẹ trên con đường đổ quạnh
 Gặp cụ già đang ngóng gió băng-khuâng
 Đang đón mây xa khách bỗng ngại ngần:
 - Kính thưa cụ vì sao Tha La vắng?
 Cụ ngạo nghễ cười rung rung râu trắng
 Nhẹ bảo chàng: - Em chẳng biết gì ư
 Bao năm qua khói loạn phủ mịt mù
 Người nước Việt ra đi vì nước Việt
 Tha La vắng vì Tha La đã biết
 Thương giống nỗi đau đất nước làm than.
 Trời xa xanh mây trắng đục ngàn hàng
 Ngày hiu-quạnh ơ... ơ...hờ tiếng hát
 Buồn như gió lướt lạnh dài đôi khúc nhạc
 Tiếng hát rằng:
 “Tha-La giận mùa Thu”
 “Tha-La hận quốc thù”
 “Tha-La hờn quốc biển”
 “Tha-La buồn tiếng kiếm”
 Nào-nùng chưa Tha La nguyện hy-sinh
 Ơ... ơ...hờ có một đám chiến lành
 Quả lạy Chúa một chiều xưa lửa dậy
 Quỳ lạy Chúa đám chiến lành run rẩy
 - Lạy Đức Thánh Cha
 - Lạy Đức Thánh Mẹ
 - Lạy Đức Chúa Thánh Thần
 - Chúng con xin về cõi tục để làm dân
 Rồi...cõi trả áo tu
 Rồi...xếp kinh cầu nguyện
 Rồi lặng lẽ trở về trần
 Viễn-khách ơi...Viễn-khách ơi...
 Người hãy dừng chân
 Nghe Tha-La kể nhưng mà thôi khách nhé
 Đất đã chuyển rung lòng bao thế-hệ
 Trời Tha-La vùn-vũ đám mây tang
 Vui gì đâu mà tâm-sự
 Buồn làm chi cho bẽ-bàng!
 Ơ... ơ...hờ...tiếng hát
 Rung lạnh-lãnh ngân trầm đôi khúc nhạc
 Buồn tênh-tênh nào lòng lắm khách ơi
 Tha La thương người...Viễn-khách đi thôi.
 Khách ngoảnh mặt ghen-ngào trong nắng đổ
 Nghe gió thổi như trùng-dương sóng vỗ
 Lá rừng cao vàng rụng lá rừng bay...
 Giờ khách đi Tha-La nhắn câu này:

- Khi hết giấc khách hãy về thăm nhé
 - Hãy về thăm xóm đạo
 - Có trái ngọt cây lành
 - Tha-La dâng ngàn hoa gạo
 - Và suối mát rừng xanh
 Xem đám chiêm hiền thương áo trắng
 Nghe trời đổ gió nhớ quanh quanh.

Tiếng sáo, cùng tiếng đàn réo-rắt dặt-dìu, quán lấy lời thơ trầm bổng, có lúc vút lên tận đỉnh non cao, có lúc đục ngầu như cuồng phong thổi tung cát bụi, có lúc hào-sảng dồn dập như khúc nhạc quân hành, có lúc mênh-mang xa vắng nghen-ngào uất-hận trong phút chia ly, có lúc ngậm ngùi, có lúc ân cần mời mọc vương vất nhớ mong, tất cả tạo thành một âm ba vời-vời, phủ trùm lên cảnh vật...Ba người còn đang đắm mình vào với lời thơ tiếng nhạc, thì từu-bảo bước ra nói với chủ quán là bàn tiệc nơi hậu viên đã sẵn sàng. Chủ quán vội đứng dậy vòng tay nói với khách:

- Thưa tôn-huynh, thật là vạn phần vinh-hạnh cho vợ chồng ngu đệ. Đêm nay là đêm rằm tháng Tám. Trời quang mây tạnh. Năm nào vào dịp này, vợ chồng ngu đệ cũng đặt bàn rượu nơi hậu viên để ngắm trăng. Lần này quả là có “đại duyên” nên mới gặp được người thơ tình-cờ ghé quán. Giọng ngâm của tôn huynh quả là tuyệt vời. Xin mời tôn-huynh ra vườn hoa nơi sau quán để khai bút, uống rượu thưởng trăng, mừng Tiết Trung-Thu.

Khách vòng tay đáp lễ:

- Quán-chủ quả khen làm tại hạ thêm ngượng. Tại hạ chỉ là một kẻ phàm-phu, biết võ vẽ dăm ba câu thơ chưa tròn niêm luật, thật không dám nhận những mỹ từ của quán-chủ.

Ba người cùng nhường nhau, rồi khách theo vợ chồng chủ quán ra hậu viên. Vừa bước ra khỏi cửa, khách thấy choáng người vì khung cảnh bày ra trước mắt...Thoang-thoảng mùi hoa chanh, hoa bưởi theo cơn gió nhẹ quện lên quần lấy bước chân, làm khách thấy mình như bị hút hẫng. Vầng trăng rằm vàng-vàng vừa nhô lên khỏi đầu ngọn núi phương Tây, đang lững-thững bước lên đỉnh trời, đứng tựa mình soi bóng trên một vùng sóng nước mênh-mông...Đề lộ cái khuôn vàng nằm hờ hênh dưới đáy biển sâu...

Khách nhìn vẻ đẹp trầm hùng của thiên-nhiên, lòng rúng động bật lên giọng cười sảng-khoái:

- Tuyệt-vời! Thật là tuyệt-vời...Quả là “Nhất phiếm ngọc hồ phân lưỡng đoạn – Bán trầm thủy để bán phù không”
 (1) Ha ha ha...

Chủ quán cũng cười nói với khách:

- Tôn-huynh nói đúng lắm. Trên một vầng trăng, dưới một vầng trăng...Trước cái cảnh mơ-hồ, huyền-ảo này thì đến: “Gió cũng nghe chừng như nín thở - Đờ vầng trăng lạc giữa không trung”. (2) Nay chúng ta đang đứng giữa cái hư và cái thực...Tôn huynh chắc cũng đã sẵn-sàng khai bút.

Khách say sưa nói:

- Bấy lâu nay tại hạ vẫn cứ băn-khoăn, day-dứt mãi về những cái “ảo” và “thật” của cuộc đời. Quay cuồng với những cái “nên” và “không nên” trong cuộc sống...Giờ đây có duyên may, được ngồi cạnh gốc tùng nơi triền núi này, để cùng tri-kỷ nhìn thấy rõ cái hư và cái thực của trời đất, để thấy mình...không có mà như có rất nhiều...Thật là muôn phần hạnh-phúc. Ha ha ha...

Chủ quán dường như cũng ngộp lặn theo với lời nói của khách:

- Tôn-huynh nói chí lý lắm. “Ta nhìn thấy những hư và thực – Không có mà như có rất nhiều.” Ha ha ha...Thật là trác-tuyệt! Lời nói như thơ...Ngôn bất tận ý...Nghe tôn-huynh nói mà ngu đệ cảm thấy như mình đang bông-bệnh trên con đường mây, đưa Hằng-Nga về nơi cung Quảng...Sẵn có giấy bút đây, xin tôn- huynh cho vài hàng châu ngọc để ngu đệ làm quà cho “Vạn Cổ Mỹ-Nhân”...

Khách nghiêng mình chấp tay nói:

- Cổ nhân khi xưa chỉ có vài câu thơ mà đã làm cho bao nhiêu người từ Đông sang Tây phải điên-đảo vì trăng...Những Đường- Minh-Hoàng, Rimbeaud, Verlaine, Hàn-Mặc-Tử, Xuân- Diệu...Ngay cả Trích-Tiên Lý-Bạch mà cũng phải trầm mình xuống dòng sông, để được ôm nàng trăng vạn thuở, về với đỉnh vu-sơn thơ nhạc trầm-trầm...tại hạ chỉ là kẻ hậu sinh, đâu dám ngông-cuồng thất lễ với người xưa, vung nét bút thô kệch, vẩy mực làm lấm tấm trăng thanh...Ha ha ha...

Cả ba người cùng cất tiếng cười vang dội cả cung Hằng... Quán-chủ Phu-Nhân dốc nghiêng vò rượu rót đầy ba chén. Chủ quán vòng tay mời mọc:

- Xin tôn-huynh cùng vợ chồng ngu đệ cạn chén rượu này để mừng cho cuộc hội-ngộ tuyệt-vời, không hẹn mà có, đêm nay.

Ba người cùng nâng chén. Trên trời chị Hằng như cũng hờn ghen trước cảnh “Tri kỷ tương phùng như sương khói – Trăng tàn chưa nghĩ chuyện chia tay” dưới trần-gian, với tay buông nhẹ tấm rèm mây, lui mình vào trong Nguyệt điện...

Trần Ngọc Nguyên Vũ

(Một thời luân-lạc. Tiết Trung-Thu 2008!)

Chú-Thích: (1) Thơ Vô-danh thị

(2) Thơ Hoàng-Viêm

Tâm-Tử Tuổi Ngọc !

Viết cho con và em.)

Trần Ngọc Nguyên Vũ



Như vậy là đã 16 năm trôi qua. Mười sáu năm với bao nhiêu những đổi thay của cuộc đời, những kỷ-niệm vui buồn trong cuộc sống...Nhiều lúc ngồi nghĩ lại mà tôi cứ tưởng chừng như mọi chuyện vừa mới xảy ra hôm qua đây thôi.

Sáng nay, khi vừa ở thư-viện của trường về thì tôi nhận được thư của ông bà ngoại tôi từ Gia-Nã-Đại gửi qua. Mới đọc hàng chữ ngoài phong bì, tôi bỗng bàng-hoàng như người vừa thoát ra khỏi cơn trường mộng... Bởi vì lần đầu tiên trong đời, tôi đọc được chính tên mình nơi địa-chỉ của người nhận. Trước kia, cho dù có gửi thư cho tôi, thì bao giờ ngoại cũng để tên bố mẹ tôi trên bì thư; nhưng lần này thì tôi đã đọc tên của chính mình :

Cô: Trần Ngọc Uyên-Phương.

Chao ôi! Nhìn hàng chữ run rẩy của ngoại mà tim tôi như se lại. Ngoại gọi tôi là cô. Cô Phương! Như vậy là ngoại đã không còn coi tôi như là một đứa bé nữa; như vậy là tôi đã trưởng-thành; như vậy là tôi đã là...một người lớn. Những ý-tưởng lộn-xộn đến với tôi một cách bất ngờ quá làm tôi không kịp chuẩn-bị tinh-thần để đón nhận nó. Tôi thấy mình như bị lôi cuốn vào một cơn lốc tình-cảm, và nó đang đẩy tôi về một vùng dĩ-vãng mơ-hồ xa xưa nào đó, đầy đầy những hình ảnh thân thương, nhạt-nhòa trong trí-tưởng của con người...

“...Hôm nay tôi thấy hình như có một cái gì khác lạ đang xảy ra ở trong nhà. Trước hết là bà ngoại đã không dẫn tôi ra vườn chơi như mọi khi. Lúc tôi thức dậy thì ngoại đã đi khỏi nhà rồi. Bà vú nói với tôi là ngoại và mẹ đi chợ Bến-Thành để mua sắm những thứ cần dùng để sửa-soạn cho ngày mai. Rồi vú dẫn tôi xuống nhà bếp cho tôi ăn sáng. Vú nói:

- Bà ngoại và mẹ bé Phương dặn là bữa nay bé phải ngoan đấy nhé.

Tôi hỏi vú:

- Ngoan để làm gì hả vú?

- Ngoan để phụ với mẹ và ngoại chung dọn nhà cửa đó bé biết không.

- Chung dọn nhà cửa để làm gì hả vú?

- Để đón bố của bé.

Tôi ngược mắt nhìn vú rồi hỏi tiếp:

- Bố của bé ở đâu hả vú?

- Bố của bé ở xa lắm

- Ồ!

Thật ra thì tôi chỉ hỏi vậy thôi chứ tôi cũng chẳng hiểu là tại sao lại phải chung dọn nhà cửa để đón bố tôi, và tại sao bố lại ở xa.

Ngoại và mẹ đã đi chợ về. Tôi thấy ngoại và mẹ mua nhiều thứ lắm, chất đầy trên bàn trong nhà bếp. Tôi chạy lại ôm chân ngoại nói:

- Ngoại ơi, sao hôm nay ngoại không dẫn con ra vườn chơi?

Ngoại xoa đầu tôi nói:

- Bé Phương của ngoại ngoan nghe. Con lên nhà chơi để ngoại và mẹ sửa-soạn nấu ăn. Mẹ tôi cũng nói: Bé Phương không được nhõng-nheo với ngoại đó nghe. Nếu con ngoan thì ngày mai mẹ cho lên phi-trường đón bố.

Tôi không hiểu tại sao hôm nay ai cũng nói tôi phải ngoan, tôi phải thế này, tôi phải thế nọ...mà tôi có làm gì sai quấy đâu. Tôi cũng thấy là hôm nay ai cũng vui vẻ; nhất là mẹ tôi, và hình như mẹ cũng chẳng để ý gì đến tôi như mọi lần, ngay cả lúc tôi mon men lại gần bàn phần của mẹ. Tối chiều thì ông ngoại tôi về. Ngoại cũng mua nhiều thứ lắm. Tôi chạy ra đón ông ngoại rồi hỏi:

- Ông ngoại mua quà cho bé Phương đó hả?

Ngoại bồng tôi lên rồi nói:

- Ừa, ngoại mua nhiều quà lắm, nhưng phải đợi đến ngày mai mới được mở quà đấy nghe.

Đến tối, khi cả nhà ăn cơm xong, tôi đòi ngoại cho tôi xem tuồng Hồ-Quảng như mọi khi thì ngoại nói là tôi phải đi ngủ sớm để ngày mai còn lên phi-trường đón bố tôi. Tôi phụng-phịu leo lên lầu. Nhưng chỉ một lát sau tôi lại mò xuống. Mẹ tôi phải bồng tôi lên giường để dỗ tôi ngủ. Mẹ nói:

- Bé Phương của mẹ chóng ngoan nghe, bé phải đi ngủ sớm để ngày mai còn đi đón bố chứ.

Tôi rúc đầu vào ngực mẹ hỏi:

- Mẹ! Bố ở đâu mà phải đi đón hả mẹ?

Tôi cảm thấy có một cái gì thật ấm áp từ bàn tay của mẹ xoa nhẹ trên lưng tôi. Mẹ cất giọng thoang-thoảng trả lời:

- Bố phải đi hành-quân ở xa.

- Hành-quân là gì hả mẹ?

- Hành-quân là đi đánh giặc đó.

Tôi hỏi tiếp:

- Giặc là gì hả mẹ?

- Giặc là Việt-cộng.

- Việt cộng là cái gì?

- Việt-cộng là giặc đó.

- Ô! Việt-cộng là giặc nên bố phải đánh hả mẹ.

Bỗng nhiên tôi cảm thấy mẹ ôm tôi chặt hơn; tôi nghe tiếng tim mẹ đập mạnh, rồi tiếng mẹ thì-thầm bên tai:

- Ủ! Mà thôi. Con của mẹ ngủ đi rồi mai mẹ dẫn con đi đón bố.

Tôi cố dang vòng tay bé nhỏ ôm lấy mẹ, rồi chìm vào trong giấc ngủ vô-tư. Tôi quên cả giặc, quên luôn cả Việt-cộng. Qua giấc mơ của tuổi thơ, tôi mơ thấy mình được đi theo mẹ đón bố...

Khi tôi thức giấc, quơ tay tìm mẹ thì chẳng thấy mẹ tôi đâu. Tôi chồm dậy, vừa mếu máo vừa gọi mẹ. Tôi nghe thấy có tiếng cười nói của mọi người ở dưới nhà. Tôi vội vàng tuột xuống khỏi thang lầu. Tôi thấy ngoại và vú đang ở dưới bếp, còn mẹ tôi thì đang chùng dón trong phòng khách. Mẹ vừa cắm hoa vừa hát. Tôi có cảm-tưởng như mọi người ai cũng quên tôi. Tôi chạy đến ôm chân ngoại hỏi:

- Ngoại ơi! Ngoại dẫn con ra vườn chơi nghe ngoại.

Ngoại xoa đầu tôi cười nói:

- Bữa nay ngoại bận, để khi nào rảnh ngoại sẽ dẫn con đi chơi. Thôi ngồi đây để ngoại cho con ăn sáng rồi còn đi đón bố chứ.

Tôi reo lên:

- Ô! Bữa nay con được đi đón bố hả ngoại.

Nói rồi tôi leo lên ghế ngồi. Tôi nói với ngoại:

- Ngoại ơi! Bữa nay ngoại cho con ăn trứng “ốp-la” nghe ngoại

-Ừa ngồi đó rồi ngoại làm trứng cho con ăn.

Buổi trưa, tôi theo mẹ lên phi-trường, ở đây có nhiều người lắm, ai gặp cũng hỏi mẹ: “- Bé Phương đó hả? Trông nó giống bố như đúc.”

Rồi mẹ dẫn tôi ra tận chỗ phi-cơ đậu. Tôi ngẩng đầu nhìn lên để kiểm bố. Mẹ nhắc:

- Bé Phương, bố kia, con ngoác bố đi.

Tôi vừa đưa tay vẫy, vừa gọi bố. Rồi tôi tuột khỏi tay mẹ chạy lại ôm chân bố. Bố bồng tôi lên. Tôi áp mặt vào tai bố nói:

- Bố! Con nhớ bố.

Bố tôi ôm chặt lấy tôi rồi hôn lên má tôi nói:

- Bố cũng nhớ bé Phương lắm.

Rồi bố quàng tay ôm vai mẹ tôi nói:

- Anh nhớ em và con muốn đi lên được đó em biết không.

Mẹ nhìn bố rơm rớm nước mắt. Mẹ nói:

- Ở nhà em và con mong anh từng ngày.

Bố tôi cho tôi gói quà. Mẹ mở cho tôi. Mẹ reo lên:

- Ô, cái nhà sàn đẹp quá! Bé Phương, bố cho con cái nhà sàn này con thích không?

- Dạ con thích. Còn bố cho mẹ cái gì?

Mẹ tôi liếc mắt nhìn bố cười rồi nói:

- Bố cho mẹ tấm xà-rông của cô gái thượng.

- Ô!

Tôi hỏi bố:

- Bố ơi, nhà sàn là nhà gì hả bố?

- Nhà sàn là nhà của người Thượng ở đó con

- Người Thượng là người gì?

- Người Thượng là người ở trên rừng và núi.

- Rừng và núi là gì hả bố?

- Rừng núi là chỗ của người Thượng ở đó.

- Ô!

Những ngày tiếp sau đó, tôi thấy ở nhà vui lắm. Nhất là mẹ tôi. Mẹ cười nói luôn miệng. Còn bố tôi thì sáng nào cũng dẫn mẹ con tôi ra quán phở gà để ăn sáng. Và tối nào tôi cũng được bố mẹ dẫn đi coi hát bóng, rồi đi ăn kem. Tôi thích nhất là lúc được đi cạnh bố mẹ. Một tay nắm tay bố, một tay nắm tay mẹ; thỉnh-thoảng tôi lại đu mình

lên. Trước khi đi ngủ, tôi thích nằm giữa bố và mẹ để nghe bố kể chuyện dã-sử nước nhà. Bố kể chuyện hay lắm. Đến bây giờ tôi còn nhớ nhiều truyện như truyện Phù-Đồng-Thiên-Vương này, truyện Sơn-Tinh Thủy-Tinh này, truyện hai bà Trưng, bà Triệu này, truyện ông Đinh Bộ-Lĩnh này...và mỗi lần như vậy thì tôi lại đòi bố tôi làm voi cho tôi cưỡi. Ngồi trên lưng bố tôi vung tay gọi mẹ:

- Mẹ...mẹ coi con làm bà Triệu cưỡi voi đánh công này.

Mẹ nhìn tôi cười khen:

- Bé Phương của mẹ giỏi lắm, nhưng mà phải cẩn-thận đó, coi chừng lại té xuống giường bây giờ.

Rồi mẹ nói với bố:

- Anh cứ chiều con quá làm cho nó hư, rồi khi anh không có nhà nó lại nhõng-nhẽo với em.

Bố tôi chỉ cười hì hì. Mẹ lại nói:

- Anh biết không. Cái con bé này giống tính anh y hệt, cái gì cũng đòi cho bằng được.

Tôi không hiểu tại sao bố mẹ tôi lại cùng cười khúc-khích với nhau sau câu nói đó coi bộ vui thích lắm. Riêng tôi thì tôi cảm thấy thật là sung-sướng. Tôi xoay qua ôm mẹ; tôi xoay qua ôm bố; rồi tôi ôm cả hai người chẳng muốn rời xa...

...Hôm ông bà nội tôi từ bên Lào về chơi. Bố mẹ tôi dẫn tôi về thăm ông bà nội và các cô chú. Mỗi lần ông bà nội tôi về chơi là thế nào cũng có nhiều quà cho tôi. Bà nội thường cho tôi ngồi vào lòng và kể chuyện cổ-tích cho tôi nghe. Bà nói:

- Cháu biết không, ngày xưa bà thường hay kể chuyện cho bố cháu nghe như bà đang kể cho cháu bây giờ vậy đó.

Tôi ngược mắt nhìn bà hỏi:

- Bà ơi! Ngày xưa bố cháu ở đâu

Bà nói:

- Bố cháu ở ngoài Bắc với ông bà nội.

- Bà nội ơi, ngoài Bắc là ở đâu hả bà nội?

Bà nội ghì tôi vào lòng. Bà vuốt tóc tôi nói:

- Ngoài Bắc là nơi bà nội sinh ra bố cháu. Bố cháu sinh ở Nam-Định đó cháu biết không. Để khi nào thanh-bình, bà sẽ dẫn cháu về thăm quê nội nghe.

Tôi chẳng hiểu quê nội ở đâu, tại sao lại phải đợi đến thanh-bình, và thanh-bình là cái gì, nhưng cũng gật đầu nói:

- Dạ, mai mốt cháu theo bà về Nam-Định.

Nhưng rồi chỉ được có mấy ngày. Hôm nay tôi lại cùng bố mẹ lên phi-trường. Rồi bố hôn tôi, hôn mẹ tôi và bước lên phi-cơ. Bây giờ tôi mới thấy nhớ bố. Tôi ôm mẹ khóc òa lên:

- Mẹ, con nhớ bố, con muốn đi theo bố.

Mẹ tôi cũng khóc, mẹ ôm chặt lấy tôi rồi nói:

- Con nín đi, mẹ cũng muốn đi theo bố lắm chứ nhưng không được. Thôi để mai một bố lại về thăm mẹ con mình.

Tôi gục đầu lên vai mẹ thổn-thức:

- Bố! Con nhớ bố, con muốn theo bố cơ.

...Rồi thì những ngày sau đó, tôi không còn thấy vui như mọi khi. Mẹ cũng ít nói. Tôi lại quanh-quẩn bên bà ngoại. Chiều chiều, theo ngoại ra cổng, đứng đón ông ngoại và mẹ tôi đi làm về. Trong trí tôi lúc bấy giờ, tôi thật tình không hiểu tại sao bố tôi lại không ở nhà với mẹ và tôi. Tôi chỉ hiểu lơ mờ là mỗi lần bố về phép là cả nhà ai cũng vui, và khi bố đi, thì cả nhà ai cũng buồn.

Có một ngày mẹ tôi đi làm về sớm lắm; tôi chạy ra đón mẹ và đòi xách cái va-li nhỏ cho mẹ nhưng mẹ không cho, mẹ bồng tôi lên đi vào nhà. Trông mẹ không được vui. Rồi mẹ nói với ngoại cái gì đó mà tôi thấy ngoại tỏ vẻ lo-lắng. Khi ông ngoại tôi về thì cả ba người ngồi bàn tính cái gì đó coi bộ nghiêm-trọng lắm. Tối hôm đó mẹ bắt tôi đi ngủ sớm. Mẹ nói:

- Bữa nay con phải đi ngủ sớm để ngày mai mẹ dẫn đi thăm bố.

Tự nhiên lần này tôi cảm thấy như có một cái gì khác lạ mà tôi không dám hỏi. Tôi ngoan-ngoãn leo lên giường nằm úp mặt trên gối, rồi tôi ngủ thiếp đi lúc nào tôi cũng không biết nữa. Sáng hôm sau mẹ đánh thức tôi dậy sớm. Mẹ nói:

- Bữa nay mẹ con mình đi thăm bố.

Tôi không hiểu tại sao đi thăm bố mà mẹ lại không được vui như khi bố về. Nhưng nghĩ vậy thôi chứ tôi cũng không dám hỏi. Ông bà ngoại đưa mẹ và tôi ra phi-trường. Bà ngoại dặn dò mẹ đủ thứ: Nào là phải trông chừng tôi, và phải gọi điện-thoại về cho ngoại mỗi ngày. Rồi ngoại ôm hôn tôi. Ngoại nói:

- Con phải nghe lời mẹ không được nhõng-nhẽo. Khi nào về nhớ mua quà cho ông bà ngoại.

Tôi ôm hôn ngoại nói:

- Dạ, con sẽ mua thật nhiều quà cho ông bà ngoại. Rồi tôi dang rộng vòng tay nói tiếp: Nhiều như vầy nè ngoại chịu không.

Ngoại xoa đầu tôi:

- Cái con bé này thật lém lỉnh.

Phi-cơ cắt cánh. Tôi được các cô tiếp-viên hàng-không bạn của mẹ tôi cho tôi nhiều bánh kẹo lắm; nhưng tôi không thấy thích như mọi lần. Các cô thì nhau chọc ghẹo làm cho tôi vui. Một cô nói:

- Nếu bé Phương cười một tiếng thì cô cho cả hộp kẹo này.

Tôi bặm môi lắc đầu nói:

- Bé Phương không thích kẹo, bé Phương muốn gặp bố cơ.

Khi phi-cơ đáp, tôi thấy chỗ này không giống như ở nhà. Tôi nắm lấy vạt áo mẹ. Mẹ bồng tôi lên nói:

- Đây là Pleiku, chỗ bố ở đó con.

Rồi mẹ dẫn tôi đến một khu nhà có nhiều người nằm trong đó. Tôi ngửi thấy mùi gì giống như cái mùi mà mỗi lần mẹ đưa tôi đi khám bác-sĩ khi tôi đau. Khi đến cạnh một cái giường chỗ bố tôi nằm, tôi thấy đầu bố quần toàn băng trắng. Bỗng nhiên tôi thấy sợ và ôm chầm lấy mẹ. Bố cười đưa tay ngoắc tôi lại gần. Bố nói:

- Bé Phương lại đây con; đừng sợ. Con của bố giỏi quá, sao con biết bố ở chỗ này.

Tôi kiễng chân, chồm lên giường, ôm lấy bố mà chẳng biết nói gì. Mẹ tôi gục đầu lên ngực bố khóc rầm rức, tôi khóc theo. Bố cười xoa đầu tôi dịu-dàng nói:

- Bố không sao cả con đừng sợ. Ngày mai xuất viện bố sẽ đưa hai mẹ con về nhà, rồi bố sẽ dẫn con đi ăn kem với mẹ, con chịu không?

Mẹ tôi nắm tay bố sụt-sùi hỏi:

- Vết thương có nặng lắm không anh? Em sợ quá à.

Bố cười hiền dịu nói:

- Không sao cả. Anh biết là ở nhà hàng ngày em vẫn cầu-nguyện đức Mẹ, và Phật Bà Quan-Âm che chở cho anh nên khi phi-cơ trúng đạn, anh nhảy dù thoát ra kịp trước khi phi-cơ phát nổ, và miếng đạn chỉ xót ngang da đầu chứ không đụng đến xương.

Mẹ tôi vừa lau nước mắt vừa đầm nhẹ lên ngực bố. Mẹ nói:

- Anh...kỳ quá à, lúc nào cũng đùa được.

Tôi sung-sướng nhìn bố mẹ âu-yếm cười đùa với nhau. Tối hôm đó mẹ và tôi ngủ trong căn trailer của bố ở trong phi-trường. Nằm trên giường, tôi rúc đầu vào ngực mẹ, ngủ thiếp đi trong cơn mộng mị gì đó mà tôi không nhớ rõ...

...Những hình ảnh ngày xưa đó hiện đến với tôi một cách không được liên-tục cho lắm. Có những cảnh-tượng mà trí nhớ của tôi đã làm cho bố mẹ, và ông bà tôi ngạc-nhiên là không hiểu sao tôi lại nhớ rành rẽ đến như vậy...

...Hình như có một cái gì đó quan-trọng lắm sắp sửa xảy ra. Mấy hôm nay nhà tôi lúc nào cũng đông người, mà không phải như mọi lần ai đến cũng cho tôi quà, nhưng lần này thì chẳng ai để ý đến tôi cả. Rồi cậu Hai, và các

chú cùng đến ở chung nhà với tôi và ông bà ngoại trong phi-trường. Về mặt ai trông cũng nghiêm-trọng. Buổi tối, mọi người ngồi quanh bàn ăn mà chẳng ai chịu ăn gì cả. Tôi hỏi ông ngoại:

- Ông ngoại sao chưa ăn cơm?

Ông ngoại xoa đầu tôi nói:

- Bé Phương đói rồi hả. Để ngoại nói bà vú cho con ăn trước nghe. Ngoại còn phải đợi cậu Tư của con.

Rồi cậu Tư tôi về tới. Cả nhà mừng lắm. Ông ngoại tôi nói:

- Như vậy là đông đủ cả rồi, thôi mình ăn cơm đi rồi tính.

Tôi không cảm thấy vui như mọi lần khi được cậu Tư tôi cho quà. Tôi lăm lét nhìn mọi người, thấy ai cũng có vẻ khác lạ. Tôi muốn hỏi mẹ, nhưng thấy mẹ bận nói chuyện nên lại thôi. Tối hôm đó, tôi được thức khuya; mà hình như chẳng có ai nhắc tôi là phải đi ngủ sớm cả. Nhưng rồi tôi ngủ thiếp đi lúc nào cũng không biết nữa...

...Tôi bỗng giật mình thức giấc. Tôi nghe có những tiếng nổ ầm ầm như tiếng sấm. Rồi một tiếng nổ chát chúa ngay sát sau lưng tôi, làm rung chuyển cả chiếc giường ngủ. Tôi sợ quá khóc thét lên gọi mẹ. Mẹ ôm chặt lấy tôi. Mà tại sao không ai bật đèn lên vậy. Rồi tôi nghe tiếng bố tôi, cùng tiếng ông ngoại, cậu Hai, cậu Tư và các chú tôi lẫn lộn. Rồi có tiếng ai hét lên là “pháo kích, pháo kích”. Bấy giờ thì tôi thấy thật sự là có một cái gì đó nghiêm-trọng lắm đang xảy ra. Tôi không khóc nữa, mà chỉ ôm chặt lấy mẹ. Những ngón tay nhỏ bé của tôi bấu chặt vào lưng mẹ như sợ mình bị rơi khỏi mẹ.

Tôi không biết là đã nằm trong lòng mẹ bao nhiêu lâu, cho đến khi tôi cảm thấy hai chân mình lạnh cóng, lúc bấy giờ tôi mới biết là đang đứng dưới đất, cạnh mẹ... Rồi bố bỗng tôi lên chiếc phi-cơ to tướng và đen sì. Tôi run lập-cập hỏi bố:

- Bố, ông bà ngoại đâu hả bố?

Bố áp đầu tôi vào ngực bố rồi nói:

- Ông bà ngoại đi sau mình.

Tôi sợ quá không hỏi tiếp nữa, và rồi tôi ngủ thiếp đi trên tay bố...

...Tôi thấy mình đang ở một chỗ khác. Khác hẳn với những ngôi nhà của ông bà tôi. Chung quanh tôi cái gì cũng khác lạ cả. Bấy giờ thì bố mẹ tôi ở chung với ông bà nội và các cô chú tôi. Tôi hỏi mẹ:

- Mẹ, tại sao ông bà ngoại lại không ở với mình hả mẹ?

Mẹ trả lời mà nét mặt không được vui. Mẹ nói:

- Ông bà ngoại hiện đang ở bên Gia-Nã-Đại với cậu Hai.

- Gia-Nã-Đại là ở đâu hả mẹ? Con muốn đi Gia-Nã-Đại với ông bà ngoại được không mẹ?

- Ừ, để rồi bố mẹ dẫn con đi thăm ông bà ngoại.

Tôi vội nói tiếp:

- Rồi mình ở luôn với ông bà ngoại nghe mẹ.

Mẹ gạt đầu nhưng mắt mẹ có vẻ buồn. Nhìn nét mặt nghiêm-nghị của mẹ, tôi không dám hỏi tiếp nữa.

...Tôi nay bố mẹ tôi dẫn tôi đi coi hội-chợ. Bố cho tôi ngồi trên vai của bố. Tôi thích lắm, hai chân tôi quặp lấy cổ bố và hai tay ôm đầu bố nhìn xung quanh, hỏi bố mẹ luôn miệng. Mẹ đi bên cạnh, thỉnh-thoảng lại nhắc tôi nhìn cái này, nhìn cái kia...Bỗng có tiếng nổ lớn, rồi một vật lửa bắn tung tóe lên trời...tôi sợ quá ôm chặt lấy đầu bố khóc thét lên: “ - Bố...Bố... Việt-cộng pháo kích bố...” Mẹ đỡ tôi xuống rồi ôm chặt lấy tôi. Tôi rúc đầu vào ngực mẹ, mắt nhắm nghiền không dám nhìn. Mẹ vỗ nhẹ vào lưng tôi nói:

- Không phải Việt-cộng pháo kích đâu con. Người ta đốt pháo bông đó mà. Con coi kìa, pháo bông đẹp lắm.

Tôi vẫn nhắm mắt nói:

- Mẹ...Con sợ....Đi về nghe mẹ....

Bố mẹ tôi phải cho tôi về, không coi tiếp nữa.

...Tôi cảm thấy có một cái gì ảm-ức trong lòng mà không nói ra được. Chị em cái con Mary và thằng Larry bên hàng xóm hay cười chế nhạo tôi mỗi khi tụi nó nói cái gì mà tôi không hiểu. Con Mary hơn tôi ba tuổi, thì tôi coi nó như là chị đi, chứ còn cái thằng Larry này chỉ hơn tôi có một tuổi, lại vừa mới bắt đầu đi học, thì nó cũng đâu có hiểu biết nhiều gì hơn tôi. Một buổi sáng, bố tôi đã đi làm từ sớm; mẹ tôi còn đang ngủ. Tôi tuột khỏi giường ngủ, lên mẹ mở cửa ra ngoài, lần mò qua nhà bên cạnh. Tôi gõ cửa. Bà nội chị em con Mary ra đón tôi. Bà dẫn tôi vào nhà. Tôi nói với bà:

- Bà cho cháu uống sữa rồi cháu sẽ dậy bà nói tiếng Việt.

Nghe tôi nói bà cụ cười ngất. Bà bế tôi lên để ngồi trên chiếc ghế cao trong nhà bếp. Bà đưa cho tôi một quyển sách có hình con rắn. Bà hỏi tôi gọi nó là con gì. Tôi trả lời:

- Nó là con rắn đó bà.

Bà cụ cố uốn lưỡi để nói tiếng con rắn mãi mà không được; cuối cùng tôi nói với bà:

- Thôi, bà gọi nó là con “r...â... n” cũng được.

Bà cụ cười xoa đầu tôi nói:

- Cháu thông minh lắm.

Tôi nghe vậy thì thích lắm, và nghĩ bụng để đợi đến khi chị em con Mary đi học về, tôi sẽ kể lại cho tụi nó nghe, để thằng Larry lác mắt luôn, cho nó khỏi chê tôi nữa.

Sống ở cái tỉnh nhỏ Hickory miền núi của tiểu-bang North Carolina này, dần-dần tôi thấy quen. Tôi không còn giận chị em con Mary nữa. Thằng Larry cũng không còn hay chê tôi; ngược lại, bây giờ thì nó lại luôn luôn bên vực tôi mỗi khi tôi bị tội nhỏ khác bắt nạt... Nhưng chỉ được một thời-gian ngắn, khi ông bà nội và các cô chú tôi dọn nhà qua tiểu-bang California thì bố mẹ tôi cũng dời về một tỉnh khác, và tôi lại được biết thêm một số bạn mới...

...Bây giờ thì tôi đã học lớp ba. Tôi thấy là tôi đã hiểu biết nhiều hơn khi còn ở Việt Nam. Tôi thấy thương bố mẹ nhiều hơn. Tôi hay đòi phụ mẹ để rửa chén mỗi khi ăn cơm xong. Mẹ thường hay chọc tôi mỗi khi tôi cố nhón chân lên để với cái vò nước. Mẹ nói:

- Con gái của mẹ ngoan lắm, nhưng con phải ráng uống nhiều sữa để mau lớn còn phụ mẹ rửa chén nữa chứ.

Tôi vung tay làm một cử chỉ có vẻ người lớn lắm. Tôi nói:

- Mẹ! Mai một con lên “Ten” con sẽ phụ mẹ rửa chén được há mẹ.

...Chỗ bố mẹ tôi ở là một chung-cư hai tầng lầu. Chúng tôi ở tầng dưới. Ngay trên đầu là căn phòng của con Jennifer học cùng lớp với tôi. Tôi chơi với con nhỏ thân lắm; cho đến một ngày tôi giận nó khủng-khiếp luôn. Không biết là tôi đã làm cái gì mà tự-nhiên nó nổi quạu với tôi. Nó nói:

- Phương! Mày là một con bé Á-Đông ngu muội. Bố mày đi làm chỉ biết mặc cái quần jean cũ mềm.

Trời đất! Khi nghe nó nói vậy tôi giận run lên. Tôi chạy về phòng đóng cửa lại rồi nằm úp mặt trên gối khóc thút-thít. Khi mẹ tôi về tôi cũng chẳng buồn ra đón mẹ như mọi khi. Mẹ vào ngồi bên cạnh tôi rồi mẹ nói:

- Con có chuyện gì không được vui thì nói cho mẹ nghe đi nào.

Tôi tủi thân càng khóc to hơn. Mẹ đỡ tôi dậy, mẹ nói:

- Có chuyện gì cứ nói cho mẹ nghe rồi mẹ thương.

Tôi nói qua tiếng nấc:

- Con Jennifer nó nói con là con bé Á-Đông ngu... Hu...u... u...hu...

Nói đến đây tôi càng khóc to hơn. Mẹ nâng tôi dậy, lau nước mắt cho tôi, rồi mẹ vỗ về an-ủi:

- Ô, con nhỏ đó chỉ nói bậy. Con học giỏi hơn nó nhiều. Con lại còn biết nói đến ba thứ tiếng lận. Này nhé: con biết nói tiếng Nam nè, tiếng Bắc nè, và cả tiếng Mỹ nữa nè. Trong khi đó thì nó chỉ biết nói có mỗi tiếng Mỹ thôi con không biết vậy sao.

- Nhưng con không muốn nó nói con ngu.

Mẹ cười, dịu-dàng vuốt tóc tôi nói:

- Thôi được rồi con nín đi, để chút nữa bố về, mẹ nói bố lên nói chuyện với bố mẹ nó.

- Nó còn nói bố đi làm chỉ biết mặc chiếc quần jean cũ mềm à.

Tôi thấy vòng tay của mẹ hơi rung lên, mẹ nói:

- Ô, bố thiếu gì quần áo đẹp. Tại bố thích mặc quần jean đó thôi.

Rồi bố tôi đi làm về. Tôi chạy lại ôm chân bố nói:

- Bố, con muốn bố mặc quần áo đẹp để đi làm nghe bố.

Bố cười xoa đầu tôi nói:

- Ồ há, bé Phương mua cho bố đi rồi bố sẽ mặc.

Tôi kéo bố xuống, kiễng chân lên nói vào tai bố:

- Mai một con lớn con sẽ đi làm được nhiều tiền, rồi con sẽ mua nhiều quần áo đẹp cho bố và mẹ.

Tối hôm ấy tôi thấy bố mẹ thức khuya lắm. Hai người thì-thăm bàn tính cái gì mà tôi không biết.

Rồi một khoảng thời-gian sau, tôi không thấy bố đi làm nữa. Bố nói là bố đi học lại. Tôi hỏi bố:

- Bố đi học lại để làm gì hả bố?

Bố cười, nheo mắt nhìn tôi nói:

- Bố đi học để mai một đi làm có nhiều tiền mua quần áo đẹp cho con đó.

Nhưng cũng từ hôm ấy, tôi thấy mẹ tôi vắng nhà nhiều hơn. Sáng sớm, mẹ đánh thức tôi dậy, cho tôi ăn sáng và sửa-soạn quần áo cho tôi đi học, rồi mẹ đi làm. Buổi chiều, khi tôi đi học về thì chỉ thấy bố ngồi ở bàn học mà không thấy mẹ. Tối nửa khuya, mẹ về thì tôi đã đi ngủ. Những ngày cuối tuần, tôi cố thức để đợi mẹ đi làm về. Tôi ôm mẹ nói:

- Mẹ! Con thương mẹ nhiều lắm, con muốn mẹ ở nhà với con cơ.

Mẹ cười nhìn tôi bằng cặp mắt thật hiền dịu, rồi mẹ xoa đầu tôi nói:

- Con của mẹ ngoan lắm, con ráng học giỏi rồi mai một lớn lên nuôi mẹ.

Tôi nép đầu vào ngực mẹ thì-thăm:

- Dạ, con sẽ có thật nhiều tiền, và con sẽ mua thật nhiều thứ cho bố mẹ.

Rồi tôi ngồi bóp chân, bóp tay, và đắp lưng cho mẹ đến thật là khuya mới đi ngủ.

...Thời gian trôi qua. Tôi lớn lên trong tình thương và sự bao-bọc của bố mẹ tôi. Tôi đã được gặp lại gia-đình ông bà ngoại, cậu Hai và gia-đình cậu Tư tôi ở bên Gia Nã Đại. Còn nhớ ngày nào, khi vừa được tin ông bà ngoại, mẹ tôi khóc ngất vì sung-sướng. Rồi mẹ nói là phải qua thăm ngoại. Tôi chỉ nhớ lúc tới biên-giới, bên dòng thác

Niagara, vì không đủ giấy tờ hợp-lệ nên chúng tôi không qua được trạm quan-thuế, và đành phải ngủ đêm tại tỉnh Buffalo. Tối hôm đó, ông bà ngoại và cậu Hai tôi lái xe từ Toronto qua thăm chúng tôi. Gặp lại ông bà ngoại tôi mừng lắm, chẳng biết nói gì mà chỉ ôm chặt lấy ngoại rồi khóc. Nhưng những lần sau đó thì bố mẹ tôi đã lái xe đưa tôi qua thăm ngoại vào mỗi dịp Hè và Giáng-Sinh...

...Hôm nay là ngày vui nhất kể từ ngày tới đây của gia-đình chúng tôi; bởi vì hôm nay là ngày bố ra trường. Ngồi cạnh mẹ trên hàng ghế của khu khán-đài dành riêng cho gia-đình các sinh-viên tốt nghiệp; nhìn bố xúng-xính trong bộ đồ đại-lễ của các ‘tân-khoa’, tôi vừa hạnh-diện vừa cảm-động. Ông viện-trưởng lên đọc diễn-văn, rồi tôi ông khoa-trưởng lên đọc diễn-văn, ông nói: ‘- Hôm nay là ngày vui của những người đã có công miệt-mài đèn sách, và đã đạt được thành-quả tốt đẹp; nhưng bên cạnh những thành-quả tốt đẹp đó còn có thêm những sự đóng góp âm-thầm khác mà chúng ta không thấy và nghe được qua những hình ảnh và âm-thanh bình-thường này, mà chỉ thấy và nghe được nó qua tiếng đập thầm-lặng của con tim...Tôi muốn nói đến sự đóng góp của những người vợ hiền, đã chẳng quản nhọc-nhăn, ngày đêm âm-thầm ở sau lưng chồng để chăm sóc, vỗ-về, dịu-dắt người bạn đời của mình vượt qua những khó khăn trong cuộc sống, để đạt được thành-quả tốt đẹp của ngày hôm nay. Ông ngưng lại một giây rồi nhìn lên khán-đài ông nói: - Ai là những người đã âm-thầm chịu-đựng và hy-sinh trong những ngày tháng vừa qua, xin hãy đứng lên để cho mọi người được chiêm-ngưỡng.’ Cả hội-trưởng như chìm hẳn xuống để chờ đợi. Một người rụt rè đứng lên, rồi hai người, rồi ba người...rồi mẹ tôi đứng lên, tôi cũng đứng lên theo mẹ...Những tiếng vỗ tay vang lên rộn-rập, tưởng chừng như muốn phá vỡ tung cả hội-trưởng. Tôi cảm-động đến trào nước mắt. Ngược lên nhìn mẹ, tôi thấy gương mặt mẹ rạng-rỡ; những nét ưu-tư, khắc-khô ngày nào giờ đây như biến mất; mẹ bóp chặt lấy bàn tay nhỏ bé của tôi như để chuyển luồng cảm-xúc của mẹ sang tôi, rồi những giọt nước mắt vui mừng của mẹ từ-từ lăn trên má, rớt xuống tay tôi chẳng khác nào như cơn mưa hạ rơi xuống tưới nhuần cho cây lá xanh tươi...Buổi trưa hôm đó, bố mẹ tôi dẫn tôi đi ăn mừng ở một nhà hàng Nhật. Sau bữa ăn, cô hầu bàn mang ra một cái bánh. Bố nói mẹ cắt. Mẹ run run cắt chiếc bánh thì trong ruột bánh có một ống nhựa tròn, bên trong có một mẫu giấy. Mẹ mở ra đọc, tôi thấy mặt mẹ hồng lên. Bố nhìn mẹ cười rồi bố đọc cho tôi cùng nghe:

‘...Cô gái Việt Nam ơi’

‘Nếu chữ hy-sinh có ở đời’

‘Tôi muốn nạm vàng muôn khổ cực’

‘Cho lòng cô gái Việt Nam tươi.’ (*)

Tôi thấy mắt mẹ long-lanh, mẹ vờ tay nắm lấy tay bố và nhìn bố đăm-đuối...Tôi sung-sướng nhìn bố mẹ đang bông-bênh trong những giây phút tuyệt-vời...

....Thấm thoát thế mà tôi đã được 16 tuổi. Hôm đi thi lấy bằng lái xe về, tôi được bố mẹ làm cho tôi cái “surprise sweet sixteen party”. Quà sinh-nhật là một cái hộp nhỏ xiu, bên trong đựng xâu chìa khóa xe hơi. Tôi lặng người đi vì ngạc-nhiên và cảm-động, rồi ôm chầm lấy mẹ khóc nức-nở vì sung-sướng. Mẹ vuốt tóc tôi cười nói với bố:

- Anh coi này, con gái lớn cao bằng mẹ rồi mà còn hay khóc nhè, không sợ mắc cỡ với bạn bè sao.

Tôi lau mắt, ngẩng mặt nhìn bố mẹ bằng tia nhìn biết ơn. Biết ơn cho những nhọc-nhăn, chịu-đựng, và chia-sẻ của bố mẹ để vun bồi cho cuộc sống. Biết ơn cho những cần-cù, nhẫn-nại, che-chở, và bao-dung của các người, để dịu-dắt tôi tự thuở chào đời...

...Tôi thấy mình như lớn hẳn lên, mặc dù bố mẹ, ông bà và các cô chú, cậu mợ tôi vẫn gọi tôi là ‘bé Phương’. Tuy vậy mà tôi vẫn thích được nghe cái âm-thanh thân-thương, quen-thuộc, và chứa-chan tình-cảm này. Thật ra thì trong lòng tôi hiện có hai ý-nghĩ trái ngược đang tranh nhau dành ảnh-hưởng.. Một đằng thì tôi muốn mình là một người lớn để có nhiều tự-do hơn, hay ít ra cũng được lái xe đi học mà khỏi phải đợi xe ‘bus’ như mọi lần. Một đằng thì tôi vẫn muốn mọi người coi tôi như một cô bé để được chiều-chuộng nhiều hơn.... Và thật tình mà nói, thì tôi thấy có một cái gì tiêng-tiếc ở trong lòng là tôi đã không còn là một đứa bé nữa. Nhiều khi ngồi một mình trong đêm vắng, tôi thầm hỏi: “ – Mình đã lớn rồi sao?” Rồi tôi tần-ngần nhìn những con gấu bông, những cây viết chì màu, và nhiều thứ lặt-vặt khác nữa mà lòng cảm thấy băng-khuâng. Tôi cũng chẳng biết là có nên rủ bạn bè về để “spend the night” như mọi lần nữa không. Tụi bạn thân của tôi gồm bốn đứa mà chúng tôi vẫn gọi đùa là “The Gang Of Four”, thì trừ tôi ra, ba đứa kia đứa nào cũng có “boy friend” cả rồi; tụi nó đâu còn muốn “spend the night” với tôi nữa. Rồi tôi nghĩ giá bố mẹ cho mình một đứa em trai thì vui biết mấy. Tôi sẽ để dành tất cả những đồ chơi cho em tôi. Tôi sẽ lái xe đưa em tôi đi coi hát bóng, đi ăn kem...và rồi qua giấc ngủ chập-chờn, tôi mơ thấy mình có một cậu em trai... Sáng hôm sau, tôi kể lại cho mẹ nghe. Mẹ cười mắng yêu tôi:

- Cái con bé này!

Rồi giọng mẹ trầm xuống, mẹ nói:

- Mẹ bây giờ cũng đã lớn tuổi rồi, đâu còn có em bé cho con được nữa.

Tôi sà vào lòng mẹ, liến-thoảng nói:

- Ố ờ...Trông mẹ đâu có lớn tuổi. Con đi chung với mẹ, ai cũng nói là hai chị em mà.

Tôi thấy gương mặt mẹ hồng lên. Nhìn mẹ, tôi cảm thấy nguồn hạnh-phúc gia-đình đang tràn ngập vây quanh. Tôi cất tiếng cười vang, rồi vượt thoát ra khỏi vòng tay mẹ, như con chim non vừa chập-chững cất cánh bay vào đời...

...Hôm nay là ngày cuối tuần, và cũng là ngày cuối cùng của mùa lá rụng. Bố mẹ tôi rủ tôi về Hickory để thăm lại ngôi nhà mà hồi mới tị-nạn qua đây chúng tôi đã ở. Dọc đường, nhìn những chiếc lá vàng ối lóng-lánh dưới ánh nắng thu, tôi có cảm-tưởng như mình đang đi ngược lại dòng thời-gian của năm tháng để trở về với dĩ-vãng...

Căn nhà vẫn còn đó, nhưng trông đã cũ đi nhiều. Tôi đứng cạnh bố mẹ nhìn hàng cây phong trơ-trụi, và xung quanh nhà, lá vàng phủ ngập lối đi như muốn che dấu những kỷ-niệm của ngày xa xưa....Mẹ tôi bỗng bật lên khóc. Nhìn những giọt nước mắt tình-cảm của mẹ, lòng tôi tự-nhiên chùng hẳn xuống. Cả một quãng đời thơ-ấu chợt hiện ra trước mắt tôi như đang coi một cuốn băng “video“...

...Còn nhớ ngày nào, tôi như một con bé lọ-lem; lon-ton đi theo chân chị em thằng Larry, mắt ngo-ngác thèm-thuồng nhìn những cây kem, những chiếc bánh bày trong tủ kiếng....

Bỗng có tiếng gọi của một bà cụ già bên kia đường vọng qua làm tôi bừng tỉnh cơn mộng. Mẹ tôi lau vội nước mắt, cuống-quít chạy sang. Tôi và bố đi theo. Một cơn gió lạnh thổi lên, cuốn theo những chiếc lá khô xào-xạc quần lay bước chân tôi như mời-mọc đón chào. Bà cụ ôm chầm lấy mẹ tôi, rồi bà xoay qua tôi bóp vai, nắm tay hỏi han tới tấp. Bà chào bố tôi rồi mời chúng tôi vào nhà. Tôi theo bố, mẹ và bà vào phòng khách. Mùi bánh nướng phảng-phất, quện lấy mùi cà-phê thơm phức lan tỏa trong không-khí làm tăng thêm phần ấm-cúng cho gian phòng. Tôi hơi lúng-túng khi thấy ai cũng chăm-chú nhìn mình sầm-xì bàn tán. Mary chạy lại, dang rộng vòng tay ôm lấy tôi rồi nói như hét lên:

- Bé Phương ngày xưa đây hả. Trời ơi...bây giờ trông đẹp quá!

Tôi cười cảm ơn Mary rồi nhìn mọi người, thấy ai cũng thay đổi. Larry thì cao nhòng như một cầu-thủ “basket ball”, còn Mary thì mập ú và coi có vẻ hơi già đi vì đã có ba đứa con. Tôi lấy lại được sự tự-nhiên, nhìn Larry hỏi:

- Larry còn nhớ tiệm kem nơi đầu phố không?

Larry nhìn tôi qua ánh mắt thoáng vẻ ngượng-ngùng, rồi Mary ghé vào tai anh nói cái gì đó mà tôi thấy mặt anh đỏ bừng lên. Tôi cười thầm nghĩ bụng là chắc anh chàng mắc cỡ. Tôi bỗng cảm thấy như có một sợi dây vô-hình nào đó đang kéo tôi lại gần với những con người hiền-lành và đôn-hậu kia. Cuộc sống của họ thật bình-dị, và hồn-nhiên, không bị trói buộc vào những sự gò-bó phức-tạp của cuộc đời...”

Tôi mở lá thư của ngoại gửi cho tôi. Chỉ có một tấm ảnh đã cũ và vòn-vện mấy hàng chữ ngắn-ngủi:

“Phương con, ngoại gửi lại con tấm hình này coi con còn nhớ gì không. Nếu không nhớ thì cho ngoại biết, rồi ngoại sẽ kể lại cho con nghe.

Thương con nhiều lắm.

Ông bà ngoại.”

Nhìn tấm ảnh đã ngả sang màu vàng úa như màu lá mùa thu, tôi bỗng nhớ lại câu bố tôi thường hay nói: “Mùa Thu là mùa của kỷ-niệm.” Tôi úp tấm ảnh vào ngực, rồi nhắm mắt thì-thăm: “- Ngoại ơi! Con còn nhớ chứ, và con còn nhớ nhiều hơn là ngoại tưởng nữa kìa. Hôm nay ngoại đã dẫn con về vùng kỷ-niệm của những ngày xa xưa đó ngoại có biết không. Nhưng biết đến bao giờ thì ngoại sẽ đưa con trở về thăm lại miền quê ngoại đây hả ngoại?

Trần Ngọc Nguyên Vũ

Chú-thích: (*) Thơ của Hồ Dzếnh

Thung Lũng Hồng

Trần Ngọc Nguyên Vũ



530th FS (A-1H)

(Gởi về Đ/u Lê Bình Liêu, Tr/u Phúc Gangdhi, hai trong số “53 người hùng Khu-Trực của vùng “đất trích” PleiKu, và những người của một thời ly-loạn, đã từng gắn bó đời mình với vùng trời Tây Nguyên mịt mù khói lửa. Để tưởng nhớ đến những tráng-sỹ đã hy sinh cho đại cuộc.)

Trần Ngọc Nguyên Vũ





Liêu đang nằm ngả đầu vào nệm ghế phi-cơ, ngủ gật gương bỗng giật mình tỉnh dậy khi chiếc DC-4 của hãng Hàng-Không Việt Nam rung mạnh, và rơi hụt xuống... Liêu cảm thấy thân mình như bị ai nâng bổng lên rồi ném xuống, bụng thót lại. Bàn tay mềm mại của người con gái ngồi bên cạnh nắm chặt lấy cánh tay Liêu đặt trên thành ghế. Tiếng người phi-công trầm ấm vang lên: “Phi-cơ đang bay vào vùng gió lốc. Xin quý vị vui lòng sửa lại ghế ngồi, cài dây an toàn, và đừng hút thuốc. Xin cảm ơn quý-vị.”

Người con gái vội vàng rút tay về, ngượng ngập nói lời xin lỗi. Liêu bấm nút, bật ghế ngồi lại cho ngay ngắn, mỉm cười trấn an nàng rồi nói:

– Mùa này vùng trời Tây-Nguyên thường có những cơn gió lốc từ bên Lào thổi qua, tạo nên những cơn lốc xoáy trong không-gian, phi-cơ bay vào đó thường bị mất cao độ, nên mình có cảm giác như bị tung lên rồi rơi xuống hố sâu vậy. Trong trường hợp này nếu mình gồng cứng bụng lên thì sẽ không cảm thấy khó chịu.

Người con gái lấy lại bình tĩnh, đưa tay vuốt mái tóc phủ xòa trên trán, nhìn Liêu nói:

– Cảm ơn Đại-Uý... Đại-Uý là phi-công đóng ở PleiKu.

– Vâng tôi ở phi-đoàn Thái Dương 530, đồn trú tại phi-trường Cù-hanh. Vừa được nghỉ phép mấy ngày về thăm nhà. Hôm nay hết phép nên trở lại đơn-vị.

– Sắp Tết rồi, sao Đại-Uý không đợi Tết về thăm nhà một thể.

Liêu cười trả lời:

– Đối với những người lính chiến như chúng tôi thì Tết không phải là dịp để nghỉ ngơi. Được đi phép trước hoặc sau Tết cũng đã là quý lắm rồi.

Nói xong Liêu nghiêng đầu nhìn người con gái rồi cất giọng hỏi:

– Xin lỗi! Cô là... cô...

Mặt người con gái hơi hồng lên, nhưng sau một giây, nàng mỉm cười hóm hỉnh trả lời:

– Vâng, tôi là Diễm, còn Đại-Uý tên là Liêu phải không ạ.

Liêu cảm thấy vui lây trước vẻ hoạt-bát và lịch-thiệp của người con gái, anh nói như reo lên:

– Cô Diễm đoán hay quá. Sao cô Diễm biết tôi tên Liêu.

Người con gái phì cười sau câu nói khen ngợi của Liêu:

– Tôi có đoán gì đâu, nhìn bảng tên trên ngực áo của Đại-Uý thì biết vậy thôi.

Liêu chép miệng gia bộ than:

– Làm lính đôi khi cũng bị thiệt thòi, ra đường ai cũng biết tên mình, còn mình thì cứ ngu ngơ chả biết gì cả. Chắc là... cô Diễm về nhà ăn Tết?

– Không, tôi được nghỉ học ít ngày nên lên trên này ăn Tết với anh chị và các cháu.

– Thì ra là như vậy. A! Như thế thì... Diễm là sinh-viên văn-khoa?

Diễm bật cười trước lời nói chuyện ào ạt rất là... lính của Liêu. Nàng hóm hỉnh trả lời:

– Đại-Uý đoán hay quá. Tôi không đeo bảng tên trường, sao Đại-Uý biết tôi học văn-khoa.

Liêu nheo mắt cười, ngập ngừng nói:

– Tại vì... các cô sinh-viên văn-khoa thường nói chuyện rất lưu-loát, và bật thiệp.

Diễm cất giọng tinh nghịch hỏi lại:

– Chắc là Đại-Uý quen nhiều người học ở văn-khoa lắm thì phải? Nhưng tôi thì lại nghĩ rằng... những người lính chiến mới nói chuyện lưu-loát và bật- thiệp. Đại-Uý có đồng ý như vậy không?

Liêu trả lời dí-dỏm:

– Tôi không biết điều đó, nhưng nếu là nhận xét của cô Diễm thì tôi đồng ý. À, mà cô Diễm gọi tôi bằng tên được rồi, gọi cấp bậc nghe có vẻ... nhà binh quá.

Cả hai cùng cười sau câu nói của Liêu. Bỗng có tiếng nói của cô tiếp-viên hàng-không dịu dàng cất lên qua máy phóng thanh, cắt ngang câu chuyện của hai người: “- Phi cơ đang giảm dần cao độ, và sẽ đáp phi-trường PleiKu trong vài phút tới đây. Xin quý vị vui lòng sửa lại ghế ngồi, cài dây an toàn và đừng hút thuốc. Xin cảm ơn quý vị.”

Cô tiếp-viên hàng-không xinh xắn, và thanh thoát trong chiếc áo dài màu xanh, đi từng hàng ghế ân-cần nhắc nhở những hành khách chưa làm đúng thủ tục. Bên ngoài từng cụm mây trắng trôi vùn vụt theo thân tàu. Diễm sửa lại thể ngồi, lơ đãng nhìn qua khung cửa sổ rồi quay sang Liêu cất giọng hỏi:

– Diễm nghe người ta gọi Pleiku là vùng “thung lũng buồn”. Chắc là ở đó buồn lắm phải không, anh Liêu?

Liêu mỉm cười nhìn Diễm trả lời:

– Pleiku được người ta gán cho nhiều tên lắm, tùy theo hoàn-cảnh và tâm trạng của từng người. Pleiku có thể là một “thung lũng hồng”, hay “thung lũng của tình yêu”, hoặc “thung lũng buồn”; có lúc nó được mang những cái tên nghe đến rộn người như “thung lũng của tử thần”, hay “vùng đất trích” chẳng hạn... Có điều Pleiku không thơ mộng như Đà-Lạt, và cũng không trầm buồn như Ban Mê Thuột, hay u-uất như KonTum. Thời tiết cũng rất là khắc-nghiệt; mùa khô thì gió Lào thổi qua giăng Trường-Sơn đỏ ào xuống như quất vào da thịt, bụi đỏ bay mịt mù; còn mùa mưa thì mưa phùn rơi phủ dầm dề, đường xá lầy lội.

Ở Pleiku người ta hiếm thấy những chiếc quán nhỏ thơ mộng dành cho những người mới yêu nhau ngồi tâm-sự, mà phần nhiều chỉ có những quán nước, quán cà-phê ồn ào, sặc mùi khói thuốc quện lấy màu áo lính phong sương. Pleiku cũng không có những “con đường tình” dành cho các cặp tình nhân đi dạo phố, mà chỉ có những con đường gập gềnh đầy ổ gà, in dấu gót giày sô (saut) lính trận. Thật ra thì... phải gọi Pleiku là “thành phố của lính” mới đúng. Ở đó có đủ các loại lính; lính mới ra trường, lính bị lưu đầy, lính đi biệt phái, lính bổ xung cho đơn vị mới, lính tăng viện... Nhưng dù là từ nơi nào đến đi chẳng nữa, thì những người lính ở Pleiku đều toát ra một

phong-độ hào-sảng của một tráng-sỹ: “Mùa chinh chiến theo chân thù nghịch – Ta về theo cho rậm chiến trường”.
(*)

Diễm ngồi yên lặng nghe như bị thu hút vào giọng nói trầm âm, quyến rũ như thơ của Liêu. Trong một thoáng, nàng thấy hình như... mình có cảm tình với người lính trẻ ngồi bên cạnh. Diễm ngược mắt nhìn Liêu hỏi:

– Như vậy thì anh Liêu gọi Pleiku là gì?

Liêu ném tia nhìn ranh mãnh về phía Diễm trả lời:

– Hồi mới đổi lên đây, tôi gọi Pleiku là “thung lũng của tử thần”, vì vừa ra khỏi phi-cơ, chưa kịp đến trình diện đơn-vị-trưởng, đã phải quăng ba-lô nhảy xuống hố bên lề đường để tránh pháo kích. Nhưng bây giờ thì tôi đổi ý rồi, tôi sẽ gọi nó là... “thung lũng hồng”. Diễm thấy có đúng không?

Diễm chớp mắt cúi đầu như để che dấu chút bối rối, rồi ngẩng mặt nhìn Liêu nói:

– Diễm không phải là dân Pleiku nên không biết phải gọi như thế nào. Câu hỏi này anh Liêu phải dành cho các cô ở Pleiku mới đúng...

Phi-cơ vừa chạm bánh, nhẹ bung lên rồi lăn mình trên mặt phi-đạo. Tiếng cô tiếp-viên lại nhẹ nhàng êm ái cất lên: “Phi-cơ vừa đáp xuống phi-trường Pleiku. Xin quý-vị vui lòng ngồi yên tại chỗ cho tới khi tiếng động-cơ ngừng hẳn. Phi-trưởng và đoàn-viên phi-hành xin gửi đến quý-vị lời chào tạm biệt, và xin hẹn gặp lại quý-vị trong chuyến bay tới của hãng Hàng-Không Việt-Nam. Xin cảm ơn quý-vị.”

Diễm và Liêu phải cắt ngang câu chuyện khi phi-cơ di-chuyển vào bãi đậu và tắt máy. Liêu đứng lên với tay lấy hành lý, rồi đứng tránh qua một bên, nhường chỗ cho Diễm đi trước. Diễm đưa tay định lấy chiếc sắc thì Liêu chặn lại nói:

– Diễm cứ đi trước đi để tôi mang ra xe cho. Chiếc sắc này cũng hơi nặng đấy.

Diễm cười nhìn Liêu nói:

– Cảm ơn anh, cũng chả có gì nhiều, chỉ có chút quà Tết mang lên biếu anh chị của Diễm, và các cháu.

Ra đến xe ca đưa rước hành khách, Liêu theo Diễm lên xe, đưa chiếc sắc tay nặng trĩu quà Tết cho Diễm rồi nói:

– Nếu không có dịp gặp lại thì xin chúc Diễm ăn một cái Tết thật vui với gia-đình anh chị, và các cháu.

Nghe Liêu nói, Diễm mỉm cười hóm hỉnh trả lời:

– Vâng, cảm ơn anh, Diễm cũng xin chúc anh qua năm mới, một năm thật vui và gặp nhiều may mắn. Hy vọng ra giêng sẽ được gặp lại anh trong chuyến bay về Sài-Gòn.

Liêu mỉm cười nói lời cảm ơn Diễm rồi quay lưng bước xuống xe. Ngồi bên cạnh cửa sổ của chiếc xe ca đầy hành khách, Diễm cũng thấy bồn chồn theo với những cái háo-hức của mọi người, mong chóng được về nhà họp mặt gia-đình vào những ngày cuối năm... Diễm đưa mắt nhìn ra phía bãi đậu, nàng thấy một chiếc xe jeep nhà binh đang chạy băng ngang qua phi-đạo, trên xe có một người phi-công trẻ mặc áo bay màu cam. Liêu chạy đến, hai người bả vai nhau cười nói tíu tít. Liêu leo lên xe rồi quay đầu lại và giơ tay vẫy. Chẳng biết Liêu có nhìn thấy mình ngồi trong xe hay không nhưng Diễm cũng giơ tay vẫy lại, miệng nở một nụ cười băng quơ...

o O o

...Liêu lắc cánh ra hiệu cho Phúc vào hợp đoàn cận-phi rồi bấm máy liên-lạc vô-tuyến với đài kiểm-soát:

– Đài kiểm-soát PleiKu! Thái-Dương 31 gồm hai phi-cơ. Xin vào cận-tiến, và làm vòng roll ở cao độ thấp 300 bộ trên phi-đạo, để chúc mừng năm mới phi-trưởng Cù-Hanh. Bạn nghe rõ không trả lời.

Tiếng người kiểm-thính-viên trên đài cười ròn rảng đáp lại:



– Thái Dương 31, PleiKu nhận bạn 5/5. Thái-Dương 31 sẽ làm vòng roll ở 300 bộ trên phi-đạo 09. Gió lặng, tầm nhìn xa 5 dặm.

– Thái-Dương 31 hiểu! Phi-đạo 09.

Hai chiếc Khu-trục A1 trong hợp-đoàn cận-phi, gầm rú lao mình xuống cao độ 300 bộ song song với mặt phi-đạo, rồi bất thần bốc mình vọt lên như mũi tên xé gió, làm một vòng quay tuyệt hảo, rồi giữ độ nghiêng 90 độ về bên trái. Hai chiếc phi-cơ vọt mình rít lên trong không khí như hai con thần điêu săn mồi. Bốn vệt khói trắng từ hai bên cánh của phi-cơ phụt ra, vạch lên trên nền trời xanh thẳm những nét chấm phá thủy-mạc tuyệt vời của một bức tranh Xuân... Lên đến cao độ 1,000 bộ, Liêu ra hiệu cho Phúc sửa soạn vào vòng cận-tiến để đáp song-hành. Hai chiếc khu-trục cơ hạ cánh nhẹ nhàng trên mặt phi-đạo.

Tiếng người kiểm-thính-viên lại vang lên:

– Thái Dương 31 biểu diễn quá đẹp. Cảm ơn các đại-hiệp về món quà Xuân đầu năm. Năm nay Pleiku chắc chắn sẽ gặp nhiều may mắn.

Liêu bấm máy cười vang. Hai chiếc khu-trục A1 di chuyển trên phi-đạo rồi rẽ vào bãi đậu. Toán phi-đạo chạy ra đón và hướng dẫn phi-cơ vào ụ. Liêu tắt máy, cởi dây dù, tháo nón bay, leo ra khỏi phòng lái, rồi theo sườn phi-cơ tuột xuống. Người trưởng toán trực phi-đạo vừa đưa quyển sổ kiểm-tra kỹ-thuật cho Liêu và Phúc vừa nói:

– Tôi đang chạy từ cư xá lên, thấy Đại-Úy và Trung-Úy biểu diễn trên phi-đạo đẹp quá. Mê mãi nhìn, xem chút nữa thì lọt xe xuống hố.

Liêu cười ký tên vào quyển sổ rồi nói:

– Năm mới chúc các bạn mau thăng chức, tăng lương. Đầu năm có con trai, cuối năm thêm cháu gái. Bạn nào còn độc thân thì có nhiều đào, gặt ra không hết.

Anh trung-sỹ cười híp mắt:

– Hi... hi... tụi này cũng chúc Đại-Úy và Trung-Úy y chang như vậy. Tối nay toán “liên phi-đạo” Khu-Trục, Quan-Sát và Trực-Thăng của Không-Đoàn có mở tiệc rượu cần và thịt rừng để mừng Xuân, có mời một số anh em bên Biệt-Động-Quân. Có cả Tr/Tá Lê Bá Định, Tr/Tá Bá, Tr/Tá Quế, các ông Minh, ông Mười, ông Bút, ông Vĩnh-Quốc và Thiếu-Tá Mạo tới dự. Đại-Úy và Trung-Úy nếu không có hẹn với ai thì tới chung vui với tụi này, để anh em có dịp tỏ lòng ngưỡng mộ đường bay lá lướt vừa rồi.

Liêu cười vỗ vai người lính trẻ, nói lời cảm ơn, hẹn tối gặp lại, rồi cùng Phúc vào phòng hành quân ký sổ bay, và giải trình phi-vụ. Xong việc, hai người lên xe chạy về cư-xá. Liêu vừa phóng xe vừa ngửa mặt lên trời hít một hơi dài làn không khí mát lạnh của ngày đầu Xuân, rồi quay lại nói với Phúc:

– Sáng mùng một Tết mà trời quang mây tạnh như thế này, là báo hiệu một năm mới an lành cho “vùng đất trích” đó nghe. Ê Phúc Gangdhi! Thăng Thường mời tao năm nay đến nhà nó xông đất. Chút nữa mày đi chơi đón Xuân luôn không?

Phúc chồm lên ghé sát vào tai Liêu nói:

– Đầu năm xông đất, phải là người được gia-chủ tin tưởng. Đại-Úy rủ tôi đi theo là hư bột hư đường hết. Thôi ông đi một mình đi. Tối nay mình gặp nhau ngoài phi-đạo.

Liêu cười phá lên nói:

– Thôi được, có gì tối nay gặp lại.

o O o

...Tiếng pháo nổ ròn rã, xác pháo tan tành bắn tung tóe như những cánh hoa đào bay trong gió. Hai chị em bé Vy đứng núp sau lưng bố, bịt tai tròn mắt thích thú nhìn giây pháo nổ. Thường vừa đốt xong bánh pháo mừng Xuân thì Liêu đến. Thường bước xuống thềm mừng rỡ dang tay đón Liêu:

– Vào đây Liêu, tụi này đang đợi cậu. Nói rồi Thường gọi với vào trong : “Em ơi! Có khách quý đến xông nhà.

Vợ Thường từ trong nhà đi ra. Liêu cười nói:

– Năm mới, xin chúc anh chị và các cháu một năm dồi dào sức khỏe, vạn sự như ý. Anh thì được thăng chức, chị thì mãi mãi trẻ đẹp, các cháu thì ngoan ngoãn học giỏi.

Vợ Thường tươi cười đáp lại:

– Vâng, năm mới vợ chồng chúng tôi cũng xin chúc anh năm nay sức khỏe dồi dào, chóng thăng quan tiến chức, và gặp nhiều may mắn, tai qua nạn khỏi.

Liêu cười đáp lại:

– Xin cảm ơn anh chị. Các cháu lại đây chú lì xì cho. Hai đứa nhỏ xúng-xính trong bộ quần áo mới chạy đến. Bé Vy khoanh tay cúi đầu nói:

– Năm mới... cháu chúc chú Liêu được lên chức to lớn, và sống lâu trăm tuổi.

Cả nhà cất tiếng cười vang. Liêu xoa đầu hai đứa nhỏ rồi cho mỗi đứa một chiếc phong bao màu đỏ nói:

– Các cháu giỏi lắm. Năm mới chú lì xì cho các cháu năm nay học giỏi này, ngoan ngoãn này, và phải vâng lời bố mẹ đó nghe.

Hai đứa nhỏ được tiền lì xì, mừng tủi tủi, tung tăng chạy vào trong. Từ trong nhà đi ra, Diễm lộng lẫy trong chiếc áo dài lụa Hà-Đông màu mỡ gà, và chiếc áo khoác ngắn bằng dạ đen, trên tay bưng khay nước trà, và đĩa hạt dưa, bánh mứt. Liêu nhìn Diễm xững xờ cùng với sự mừng rỡ, anh không ngờ được gặp lại Diễm ở đây. Vợ Thường nhìn điệu bộ lúng túng của Liêu, cười giới thiệu:

– Xin giới thiệu với anh Liêu đây là Diễm, cô em của tôi từ Sài Gòn lên đây ăn Tết. Rồi quay qua Diễm nói: Còn đây là Đại-Úy Liêu, người hùng khu-trục của vùng trời Tây-Nguyên đó.

Liêu còn đang luống cuống vì quá bất ngờ thì Diễm đã liến thoắng nói:

– Ô! thì ra đây là Đại Úy Liêu. Mấy ngày qua Diễm nghe anh chị nói rất nhiều về Đại-Úy, hôm nay ngày đầu năm được gặp thật là vinh hạnh. Năm mới xin chúc Đại-Úy mau thăng quan tiến chức, và gặp nhiều điều may mắn.

Liêu có dấu vẻ ngạc-nhiên, nhìn Diễm cười nói:

– Vâng, năm mới tôi cũng xin chúc cô Diễm luôn luôn tươi đẹp và... luôn luôn gặp những điều như ý.

Diễm vẫn làm như chưa từng gặp Liêu bao giờ, nàng nhí-nhảnh nói tiếp:

– Xin mời Đại-Úy dùng trà.

Vợ Thường cười nói xen vào:

– Anh Liêu đừng để ý nghe. Cô Diễm nhà tôi còn vụng về lắm. Sinh viên năm thứ ba rồi mà vẫn cứ còn như con nít vậy đó.

Liêu cười nói:

– Chị nói sao chứ tôi thấy Diễm là người rất lịch-duyet và tế-nhị, vui tươi. Những người vui tươi như Cô Diễm thì sẽ mãi mãi tươi trẻ vì lúc nào cũng vô tư, yêu đời.

Diễm nhìn Liêu cất giọng tinh nghịch nói:

– Vô tư yêu đời thì có, chứ còn mãi mãi tươi trẻ thì không biết có được không, hay là cũng sẽ già đi theo năm tháng.

Vợ Thường cười nói xen vào đỡ lời cho Liêu:

– Cô Diễm đang viết một tiểu-luận về “chân dung người lính chiến của QLVNCH”. Mấy hôm nay cô ấy cứ hỏi tôi về cuộc sống của những người lính chiến, mà tôi thì mù tịt về lính. May ra đợi đến lúc anh Thường nhà tôi bỏ nghề làm hiệu-trưởng, lên đường đi quân-dịch thì mới nói chuyện được.

Cả nhà cùng cất tiếng cười vang. Thường nhìn Liêu nói:

– Trời ơi! Ai lại đi đánh trống qua cửa nhà sấm. Có một “Hiệp-Sỹ Không- Gian” thú thiệt ngồi đây mà không hỏi, còn đi hỏi ai bây giờ nữa.

Diễm reo lên liến thoắng nói:

– Vậy hả! Thật là hữu duyên thiên lý. Đại-Úy giúp Diễm nha.

Liêu đợi đến bây giờ mới có dịp trả đũa lại Diễm, chàng nheo mắt cười nói:

– Tôi sẵn sàng và rất lấy làm vinh-hạnh. Nhưng phải với một điều kiện.

Diễm tinh nghịch tròn mắt hỏi:

– Điều kiện gì cơ. Có khó không Đại-úy.

– Cũng không khó lắm . Chỉ cần cô Diễm đừng gọi tôi bằng cấp bậc là được rồi.

Cả nhà cùng cất tiếng cười vang như tiếng pháo mừng Xuân. Thường châm thêm nước sôi vào bình trà rồi nói:

– Đây là trà mạn sen từ Sài Gòn mang lên đây. Liêu uống đi cho thấm giọng để còn kể chuyện đời lính.

Vợ Thường đứng lên nói:

– Anh Liêu ngồi nói chuyện với Diễm nghe, để tôi và nhà tôi vào nhà trong sửa soạn cơm cúng ông bà. Hôm nay anh phải ở lại ăn bữa cơm đầu năm với chúng tôi đó.

Liêu cười vui vẻ nhận lời:

– Vâng! Xin cảm ơn anh chị, anh chị cứ tự nhiên.

Hai đứa nhỏ chạy đến sà vào lòng Diễm nhõng nhẽo đòi:

– Dì Diễm ơi! Dì dạy tụi con hát bài gì mà có câu: “Ta là trái bầu bay theo ông trăng...” đi.

Diễm xoa đầu hai cháu rồi cười nói:

– Hai con ra ngoài chơi, rồi tối dì dạy hai con hát tiếp.

Hai đứa nhỏ chạy ra ngoài. Liều lắc đầu nhìn Diễm nói:

– Diễm thật là lý lắc lăm đó nghe.

Diễm nghiêng đầu, miệng chúm chím nói:

– Thì Diễm là sinh-viên Văn khoa mà.

Cả hai người cùng cười. Giọng cười vui tươi quần lấy nhau trong buổi sáng đầu Xuân miền phố núi.

o O o

Liều đậu xe bên lề đường nơi cuối phi-đạo của sân bay, rồi đưa Diễm xuống bãi đất trống bên dưới. Trên mảnh đất bằng phẳng nhìn xuống vùng thung lũng sâu thẳm, những người lính không-quân của Không Đoàn 72 chiến-thuật cùng với những người bạn Biệt Động Quân, Bộ Binh đang quây quần bên đồng lửa vỗ tay hát:

“Xin nhận nơi này... làm quê-hương... dẫu cho khó thương”

“Xin nhận nơi này... làm quê-hương... dẫu cho điêu-tàn”

“Khi mùa mưa về... bùn lem nhem... lấm trên gót chân”

“Khi mùa mưa về... bùn lem nhem... lấm trên gót chân...”

“Xin nhận nơi này... làm quê-hương... dẫu cho chiến tranh”

“Xin nhận nơi này... làm quê-hương... dẫu cho thanh-bình”

“Khi mùa mưa về... bùn lem nhem... lấm trên gót chân”

“Khi mùa mưa về... bùn lem nhem... lấm trên gót chân...” (**)

Tiếng hát trầm hùng của những người lính quện theo với tiếng đàn Guitar vút lên réo rắt, và tiếng trống bongo bập bùng trong đêm tối, quần lấy nhau, tạo thành một luồng vi-ba xoáy vào lòng người nghe. Diễm cúi đầu cất giọng cảm động nói:

– Chưa bao giờ Diễm được nghe một khúc nhạc trầm hùng, hay và truyền cảm đến như vậy. Người chơi đàn và đánh trống không thua gì những nghệ sỹ tài danh ở ngoài đời.

Liều gật gù nhìn Diễm cười nói:

– Diễm biết không, Họ chính là những nghệ sỹ tài danh ngoài đời đó. Người chơi Guitar là Thiếu-Úy Chính, Phi-Công Khu-Trục, tay Guitar bass cột trụ của ban nhạc Joe Marcel ở QueenBee ngày xưa. Anh vừa làm “crashed” trên phi-đạo sau một phi-vụ hành quân và bị thương ở chân. Người đánh trống là Thiếu-Úy Dương Huỳnh-Kỳ, Phi-Công Khu-trục, một ngôi sao sáng của Đại-Học luật khoa SàiGòn trước đây. Còn người đang bắt nhịp là Trung-Sỹ Thịnh, trưởng toán phi-đạo, “đệ ngũ đẳng huyền-đai Không-Thủ-Đạo”. Nhóm Biệt Động Quân đứng cạnh đồng lửa là những con “Hùm xám” của vùng núi rừng Tây-Nguyên. Những người khác toàn là những tài hoa son trẻ của thế-hệ này cả. Đủ mọi cấp bậc, mỗi người mỗi vẻ. Họ tình nguyện từ bỏ cuộc sống dân sự ngoài đời, bỏ lại giảng đường, sách vở, cùng người thân, để đi vào những nơi nguy-hiểm đang rình rập đợi chờ...

Có tiếng trực thăng nổ ròn bay ào ngang qua đầu làm Diễm giật nảy mình, bám lấy tay Liều. Liều chỉ tay theo những đốm sáng lập lờ phát ra từ chiếc phi-cơ trong đêm tối nói:

– Còn phi-hành đoàn đang bay tuần-phòng vòng đai phi-trường đêm nay là Đại-Úy “Hùng Chù”, và Trung-Úy “Xuân tóc đỏ”. Để khi nào có dịp, anh sẽ nói với họ chờ Diễm bay một vòng PleiKu, để thấy phố núi theo con mắt nhìn của người lính không-quân.

Diễm chớp mắt giọng cảm động:

– Cám ơn anh, nhưng Diễm không dám đâu. Hôm nọ ngồi trong máy bay bị nhồi lên nhồi xuống, Diễm sợ hết hồn, chỉ mong phi-cơ chóng đáp. May mà có anh ngồi bên cạnh nói chuyện nên Diễm mới đỡ lo đó.

Liêu nhìn Diễm cười khích lệ:

– Trời hỡi! Diễm muốn viết về cuộc đời của những người lính trận, mà lại sợ đi máy bay, thì làm sao mà tả cảnh chiến trường.

Rồi như không muốn làm Diễm thất vọng, Liêu trầm giọng nói tiếp:

– Thật ra thì viết về người lính trận không phải chỉ tả những cảnh bom nổ đạn bay, những xác người gục ngã ngoài chiến trường, những chiếc băng ca đầm máu được chuyển từ trực-thăng về quân-y-viện, những chiến thắng lẫy lừng sau mỗi trận đánh... mà cái khó là nói lên được cái tinh thần nhập cuộc trọn vẹn, tính nhân-bản, và cái hào-khí của người lính.

Diễm chớp mắt nhìn Liêu, cất giọng ngập-ngừng hỏi:

– Nhưng... làm thế nào để thấy được những điều anh vừa nói.

Liêu lấy tay đập nhẹ lên ngực mình nói:

– Diễm sẽ không nhìn thấy nó bằng đôi mắt thường, mà chỉ có thể cảm nhận nó qua sự rung động của con tim... Thật ra thì những người lính thuộc các quân, binh chủng của Quân Lực Việt Nam Cộng-Hoà là những người lính đầy tính nhân-bản và hào-hùng. Cuộc chiến đã chứng minh cho chúng ta thấy điều đó. Vừa rồi Diễm được nghe những âm-thanh trầm hùng của người lính, rồi đây khi có dịp, Diễm sẽ gặp những người trai trẻ nhìn đời bằng tia nhìn khinh-bạc, lạnh lùng leo lên chiếc quan tài bay, lao vào vùng lửa đạn, bỏ lại một ngày cho đời mình, một ngày cho những quần-quai đau thương của dân-tộc, và một ngày cho những đôi mắt vờ vời chờ trông nơi chốn chân mây tận cuối trời...

Diễm lặng người nghe Liêu nói rồi cất giọng xa vắng:

– Diễm không ngờ đằng sau những nụ cười, những tia nhìn ranh mãnh của người lính, lại là... cả một trời mưa giông bão tố.

Liêu nhìn Diễm cười nói:

– Diễm lãng mạn lắm. Nhưng thật ra thì... đã có mấy ai được nhìn thấy những sự hy-sinh của người lính. Có thể là họ không có cơ hội, mà cũng chẳng bao giờ họ có được cái cơ hội đó cả. Chỉ có chính những người lính nơi chiến trường, mới thấy được những sự hy-sinh của đồng bạn, đôi khi cũng là của chính mình.

Diễm cúi đầu, cất giọng se buồn:

– Vâng! Anh nói đúng lắm. Ở Sài Gòn, những người như Diễm, thì chỉ nhìn thấy sự hy-sinh của người lính qua những chiếc quan tài phủ lá cờ, tiếng gào khóc của những bà mẹ, và những mảnh khăn tang quấn trên đầu những người vợ trẻ, và đàn con thơ...bây giờ đứng cạnh những con người đang thực sự đối diện với những hiểm nguy, Diễm mới thấy được cái hào-khí ngút trời của họ.

Bất chợt Liêu nhìn thẳng vào mắt Diễm rồi hỏi:

– Diễm có sợ bóng đêm không?

Diễm cười, lấy lại vẻ tinh nghịch, nhìn Liêu trả lời:

– Ừ...ừ... Cũng còn tùy, nhưng đi với “Hiệp-Sỹ Không-Gian” thì chắc là không sợ rồi.

Liêu cũng cười đáp lại

– Bây giờ thì anh không phải là hiệp-sỹ không-gian, mà là tài xế xe Jeep, Diễm có dám đi theo không?

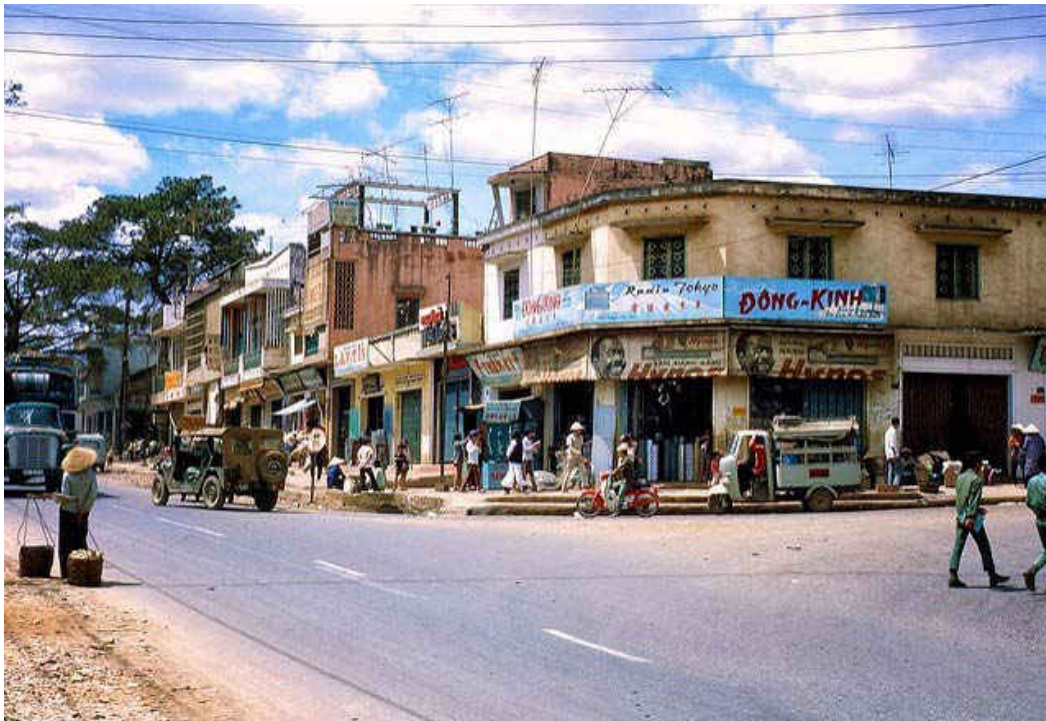
Cả hai cùng cười đi ra xe. Rồi khỏi cổng phi-trường, Liêu quẹo xe ra quốc-lộ 14, ngược đường lên Biển-Hồ. Ra đến đường cái, Liêu nhấc chân ga, chiếc xe Jeep chồm lên lăn mình trên mặt lộ. Gió đêm lồng lộng thổi bay tung vạt tóc thề của người con gái. Liêu ngửa mặt hít một hơi dài làn không khí mát rượi vào lồng ngực, thoang-thoảng mùi hương của tóc, quyến luyến với hương đêm của núi rừng làm chàng thấy ngây ngất... Diễm bỗng cảm thấy sợ, ngồi cứng người trên nệm ghế, cất giọng run run hỏi:

– Anh đưa em đi đâu?

Liêu cười trấn an Diễm, rồi cho xe rẽ vào con đường đất đỏ nói:

– Diễm đừng sợ. Anh đưa Diễm tới một nơi mà chưa bao giờ Diễm đặt chân tới.

Diễm lấy lại bình tĩnh, phì cười nhìn Liêu nói:



– Thì cả cái tỉnh PleiKu này... đã có chỗ nào mà Diễm được hân hạnh đặt chân tới đâu.

Liêu cười sau câu nói dí dỏm của Diễm. Anh cho xe đậu trên một bãi đất trống, rồi tắt máy, đỡ Diễm xuống xe chỉ tay về phía trước nói:

– Đây là Biển Hồ, một thắng cảnh của PleiKu đó.

Diễm đưa mắt nhìn quanh. Trời tối đen. Qua tia sáng mờ ảo của những vì sao đêm lấp lánh trên vòm trời, Diễm chỉ thấy một hồ nước mênh-mông, sâu thẳm, nằm giữa những vách núi bao bọc xung quanh. Trên bờ hồ có một pho tượng Phật Bà Quan Âm đứng xưng xừng như để che chở cho vùng nước sâu trong đêm tối. Diễm ngập ngừng hỏi Liêu:

– Anh đưa Diễm đi ngắm cảnh hồ vào lúc tối trời như thế này thì... có thấy được gì đâu.

Liêu cười nhìn Diễm trả lời:

– Anh biết thế nào Diễm cũng nói câu đó. Để ngày mai anh sẽ đưa Diễm lại đây ngoạn cảnh, còn bây giờ thì anh muốn Diễm hòa mình vào với khung cảnh hoang dã của bóng đêm, để có dịp cảm nhận được cái u-uất của núi rừng, nơi mà Diễm chưa có dịp đặt chân tới, mà có lẽ cũng chẳng bao giờ Diễm có dịp đặt chân tới đâu. Diễm biết không, người ta có thể lên thăm Kontum, hay tới Poleik-leng, Dak-Seang, Ben-Het để úy lạo binh sỹ, để chụp hình làm phóng sự chiến trường... Nhưng đã có mấy ai nghe được những tiếng thỏn-thức của dòng Dakbla cuộn mình trong vắng lặng; hay những tiếng rên siết quằn-quại của dòng sông Pokor, âm-thầm chuyên chở những nỗi oán hờn của rừng sâu núi thẳm. Chỉ có những người lính trận, nơi biên-cương quan tái chốn sa trường, mới cảm nhận được và thương cho rừng núi.

Trong đêm tối, giọng nói trầm ấm của Liêu cùng với tiếng gió hú từ mặt hồ vọng lên, đập vào vách núi vây bọc xung quanh, làm Diễm có cảm tưởng như tay chân nàng đang bị những cành cây hoang dại của núi rừng quăn quặt lấy... Diễm rùng mình đứng sát vào Liêu như để tìm một sự che chở. Nàng cất giọng thì thầm nói với Liêu:

– Anh Liêu, em thật sự xúc động khi nghe anh nói về những người lính trận. Cuộc đời họ chẳng khác gì những vần thơ bi tráng...

– Thật ra thì đời người lính trận là cả một bài thơ dài trác-tuyệt... Khi họ nằm xuống, thì những vần thơ đó trở thành những “thiên anh-hùng ca bất tử”, được lưu chuyển trên những trang quân-sử bi hùng cho ngàn sau chiêm-ngưỡng...

Một cơn gió lạnh bốc lên, thổi tung vạt tóc rối bời của Diễm, những sợi tóc mềm, thơm như mùi cỏ dại quăn lấy mặt Liêu làm chàng rùng mình. Diễm hốt hoảng, sợ hãi ôm chặt lấy Liêu. Trong một thoáng, Diễm ngược mặt nhìn Liêu, đôi môi mấp máy như muốn nói... Liêu cúi xuống, vòng tay ghì nhẹ thân hình mềm mại của người con gái. Một làn hơi ấm chuyển sang, đôi vai Diễm rung lên, nàng đẩy nhẹ Liêu ra nói như trốn tránh:

– Hình như trời đang nổi cơn dông! Anh cho em về.

Cả hai người như vừa thoát ra khỏi một cơn mộng. Liêu ghé sát vào tai Diễm nói:

– Anh xin lỗi đã làm cho Diễm sợ.

Rồi Liêu dìu Diễm lên xe chạy ra đường, bỏ lại sau lưng những cơn gió hú u-uất của Biển Hồ đập quăn quật vào vách đá. Ra đến đường cái, nhìn ánh đèn điện chiếu hắt lên, làm sáng rực cả một vùng nơi phố thị, Diễm lấy lại sự bình tĩnh ban đầu, quay qua Liêu, chỉ tay về phía trước nói:

– Anh Liêu thấy gì không? Từ đây nhìn về phía thành phố, trông PleiKu chẳng khác nào như một “thung lũng hồng”.

Trần Ngọc Nguyên Vũ

(Một thời ly loạn)

Tôi Còn Nhớ Anh...

(Để tưởng nhớ cố Đại Tá Phi Công Khu Trục Nguyễn Quang Tri.)

Trần Ngọc Nguyên Vũ



Người đi xoải cánh vút đường mây
Bỏ lại trần gian thế cuộc này
Tri kỷ mệnh mang sầu tiễn biệt
Nhật nhòa ánh mắt hạt mưa bay.



uy ở cùng quân chủng lại chung một ngành, nhưng tôi chưa bao giờ được gặp mặt ông dù chỉ là một tình cờ nào đó. Ngày xưa khi còn ở ngoài dân sự, tôi được chứng kiến cảnh hai chiếc AD6 thả bom dinh Độc Lập, mà đâu có biết những chiếc phi cơ đó thuộc quyền chỉ huy của ông. Rồi thì tôi vào Không Quân, mang theo

một niềm hãnh diện là được nối tiếp bước chân của những đàn anh thuộc thế hệ "Mầu Tím Hoa Sim", thế hệ của những người như ông sinh ra và lớn lên trong giai đoạn chuyển mình quặn quai của đất nước. Suốt trong khoảng thời gian phục vụ trong KQ, tôi có dịp vào ra TTHQKQ, cơ quan đầu não của không lực nhiều lần, để thăm một vài người bạn được chuyển về đây nhưng cũng không lần nào được cùng ông diện kiến mặc dù ông là nhân vật số hai của cơ quan này.

Thế rồi bằng đi một khoảng thời gian dài, trên bước đường xuôi ngược của một thời luân lạc, và cũng lại do một tình cờ nào đó tôi vào đọc một trang Web có cái tên là "Bạn già KQ". Mục đích của trang Web này thật giản dị, trang chủ chỉ muốn bắc một nhịp cầu liên lạc cho các bạn già KQ tìm đến nhau để thăm hỏi và coi ai còn ai mất... Trang Web cũng rất sơ sài, không trang hoàng rực rỡ nhưng cũng đủ các mục thơ văn, thời sự và tin tức. Tôi hỏi thăm bè bạn thì được biết người chủ trương trang Web này là cựu Đại Tá Nguyễn Quang Tri, từng là Phi Đoàn Trưởng "Đệ Nhất Phi Đoàn Phi Đoàn Khu Trục" của KLVNCH thời Tổng Thống Diệm. Để làm quen, tôi gửi đến trang Web một bài thơ, và gọi ông là "Lão Trang Chủ." Ngày hôm sau tôi nhận được một email trả lời vồn vện có mấy câu "cảm ơn người bạn trẻ đã ghé thăm". Rồi từ đó cứ cách độ một tuần tôi lại gửi đến ông một bài thơ hoặc truyện ngắn. Ông nhận và đăng tải không phê bình khen chê, và cũng không sửa chữa hoặc thêm bớt gì cả.

Hồi đó tôi ở miền Đông, ông ở bên miền Tây Hoa Kỳ, cách nhau cả ngàn dặm đường. Tôi chỉ liên lạc và quen ông qua email. Tôi còn nhớ vào dịp Giáng Sinh tôi gửi ông bài thơ "Đêm Thánh vô cùng":

*Đêm Giáng trần giá lạnh
Đưa em đến giáo đường
Để nhìn em dâng lễ
Mà nghe lòng vương vương
Mùa Đông Gia Nã Đại
Mưa tuyết bay ngập trời
Nhẹ như làn hơi thở
Của người thơ mộng mơ
Quỳ bên em
Tôi thấy mình vụng dại
Làm dấu tay thánh giá ở trên mình
Lén nhìn lên
Tôi bỗng thấy lung linh
Mắt Đức Mẹ như hai vì sao sáng
Miệng mỉm cười tha thứ lỗi ban sơ
Bên tôi em nhắm mắt nguyện cầu
Xin cho hai đứa suốt đời không chia cách
Lời thầm kín sao tôi nghe vang vọng
Khắp giáo đường như tiếng Thánh ca.
Đêm nay đêm Thánh vô cùng đó
Và ở bên ngoài mưa tuyết rơi...
Những đám hoa trời mang sắc trắng
Trắng như lòng Trinh Nữ Mân Côi
Từng hồi chuông đổ trong đêm vắng
Đưa người ngoại đạo đắm chiêm ngoạn
Đi bên em
Tôi thấy cả một rừng hoa trắng
Thoảng dáng Thiên Thần nhẹ cánh bay
Vội tay tôi hái bông hoa tuyết
Để ướp cho lòng thêm ấm say*

*Rời thăm lạy Mẹ trên trời
Giữ bông hoa tuyết muôn đời không tan.*

Bài thơ vừa gửi đi chưa đầy 15 phút, và tôi còn đang lang thang trên mạng thì nhận được email của ông gửi lại. Cũng vẫn chỉ vồn vện có mấy chữ: "Đây là bài thơ tôi thích nhất từ trước tới giờ. Tôi cũng là người ngoại đạo". Đọc được dòng email ngắn ngủi nhưng gói ghém đầy những ân tình của ông, tôi thực sự xúc động. Qua những lần liên lạc với ông, tôi biết ông là người ít nói, và hình như ông là một người nặng về cuộc sống nội tâm; cho nên lần này, nhận được lời chia sẻ và thổ lộ tâm tình của ông, tôi có cảm tưởng là ông đã coi tôi như một tri kỷ, ít nhất cũng trong lãnh vực thơ văn chẳng... Bài thơ tôi gửi đến trang Web của ông có thể đã kéo ông về vùng kỷ niệm của một thời trai trẻ... Có lẽ cũng đã hơn một lần trong đời, ông theo người yêu đến giáo đường để nhìn nàng dâng lễ, và có lẽ cũng đã hơn một lần ông đưa tay ngưỡng nghệu làm dấu tay Thánh Giá ở trên mình, rồi đắm chìm vào với tiếng Thánh Ca mà tưởng như lời nguyện cầu thâm kín của người yêu... Là tôi tưởng tượng ra như thế thôi. Nhưng hình như có một cái gì đó lạ lẫm đang se kết sợi dây tình cảm vô hình giữa ông và tôi càng ngày càng gắn bó thêm lên. Cũng kể từ đó, mỗi lần làm xong một bài thơ hay viết thêm được một truyện ngắn nào đó, là tôi nghĩ ngay đến việc gửi đến trang Web của ông, và hình như ông cũng đang có ý đợi bài viết của tôi thì phải, vì lần nào cũng vậy, bài tôi gửi đi chưa đầy 5 phút đã thấy ông cho lên "Bạn Già KQ" rồi. Tôi có một người bạn trẻ tâm đầu ý hợp ở vùng Nam Cali. Tôi và anh rất ít khi thư từ qua lại. Có lần hình như lâu lắm tôi mới gửi cho anh một bài viết, vừa gửi xong thì nhận được email hồi âm: "Đang mặc cái áo anh cho hỏi tụi này ghé thăm anh chị ở Las Vegas, và nghĩ đến anh chị thì nhận được bài thơ anh gửi, có phải chúng ta đang liên lạc với nhau qua thần giao cách cảm đó chẳng..." Tôi nghĩ có lẽ tôi với ông cũng đang ở trong cùng một luồng giao cảm.

Và cứ thế theo với dòng thời gian trôi đi... Vào những lần họp mặt của các hội đoàn KQ, những đêm hội ngộ do anh em tổ chức mà tôi vì công việc phải đi xa không tới chung vui cùng các niên trưởng, bạn bè anh em được, nhưng lần nào tôi cũng có cảm giác là như có ai đó đang chờ mình đến... Cái cảm giác bồng bênh lảng đãng ấy, phải chăng nó được nảy sinh là do tình tri kỷ giữa ông và tôi, cho dù chưa một lần gặp gỡ. Tôi cũng định rằng một ngày nào đó, tôi sẽ đến thăm ông bà, để được cùng ông ngồi đàm đạo và thưởng thức "cái vị đấng đấng của Lão Tử, cái vị chan chát của Khổng Tử, cùng cái hương thơm menh mông và bao la bát ngát của Phật Thích Ca Mâu Ni..." trong ly trà tam giáo, và để cùng ông nói với bà rằng "chúng tôi là người ngoại đạo..." Nhưng rồi như một định mệnh đã được an bài, chuyến viếng thăm của tôi chưa thành thì được tin ông già từ cõi thế... Ngày ông xoải cánh vượt đường mây, tôi không có mặt để tiễn đưa ông, thôi thì cứ coi như là chẳng có nhân duyên....

Trong cuộc sống nơi trần thế này, có ai trong chúng ta chẳng mang trong người một món nợ. Có những món nợ không bao giờ trả hết... Như nợ ba sinh, nợ những mối chân tình, nợ đại cuộc, nợ những lời uy thác... Có những món nợ tưởng chừng như chỉ thoáng qua mà nó lại dằng dai, đeo đuổi suốt cả cuộc đời... Riêng tôi thì tôi biết tôi đang nợ ông món nợ cho một lần thăm viếng.

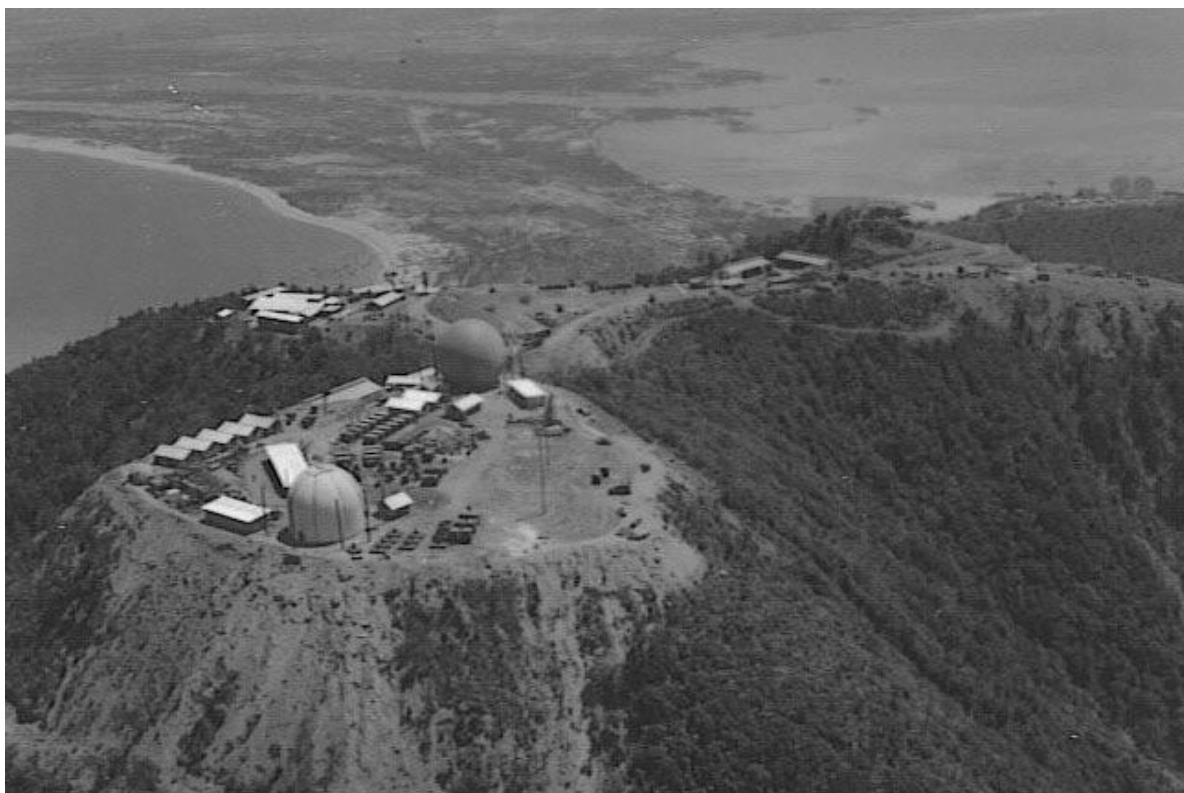
Chiều nay khi đang ở giữa khoảng trời cách biệt này, tôi muốn viết về món nợ cho một lần thăm viếng đó. Món nợ mà tôi không còn cơ hội để trả. Nhưng mà... viết rồi thì biết gửi về đâu khi trang Web của ông không còn nữa. Thôi thì cứ viết ra đây cho vơi niềm day dứt. Viết được mấy dòng thì tôi khựng lại vì câu tựa đề "Tôi còn nợ anh..." Tôi đã gọi ông là anh, như vậy có thất lễ với ông không. Tôi định sửa lại thì tôi nghe thoang thoang đâu đây như có tiếng ông nói với tôi rằng: "Này người bạn trẻ, cứ gọi tôi là anh đi, gọi như vậy nghe thân mật hơn...". Tôi ngập ngừng cúi xuống viết tiếp, rồi liếc nhìn tám hình ông chụp chung với các bạn cùng trang lứa, tôi nhận ra những khuôn mặt mà tên tuổi đã đi vào huyền thoại của một thời trong lịch sử... Tôi vừa thấy bồi hồi xúc động, vừa thấy hãnh diện là thế hệ của chúng tôi đã có những bậc đàn anh như thế.

Trần Ngọc Nguyên Vũ
(Con mưa chiều 2013!)

Từ Thuở Anh Đi Bạt Gió Ngàn

(Để tưởng nhớ Trung tá KQ Trần Đình Giao)

Trần Ngọc Nguyên Vũ



*Từ thuở anh đi bạt gió ngàn
Cuốn tung cát bụi cõi trần gian
Bao nhiêu oan nghiệt đời dâu bể
Tàn số nào vang vọng mệnh mang.*



Ồi với những nhân viên phi hành, không phân biệt là Trực Thăng, Quan Sát, Vận Tải hay Khu Trục, chắc hẳn mỗi người trong chúng ta đều đã hơn một lần được trao đổi, trò chuyện trên bầu trời cùng những người bạn chưa từng gặp mặt mà chỉ biết nhau qua tần số. Nhưng qua giọng nói gói ghém những tình cảm đậm đà thân thiết kia, chúng ta tưởng chừng như đã quen nhau tự thừa nào...Giọng nói trầm ấm, vỗ về chia sẻ của những danh hiệu như Panama, Peacock, Pyramid, Paris hay Paddy...luôn theo sát chúng ta khi chúng ta cất cánh rời phi đạo. bất kể là trời quang mây tạnh hay chập chùng cơn bão táp phong ba. Giọng nói ấy là một người bạn đồng hành ngồi cạnh để chia sẻ, hướng dẫn chúng ta qua khỏi những giây phút hiểm nghèo...Một trong những âm thanh hiếm quý đó là giọng nói của người kiểm soát viên ngoại hạng của ngành Kiểm Báo : "**Trung Tá Trần Đình Giao.**"

Ông sinh ra và lớn lên trong giai đoạn chuyển mình quằn quại của đất nước, và cũng như bao người trai thuộc thế

hệ "Mầu Tím Hoa Sim", ông cùng các bạn đồng lứa đã sớm già từ giảng đường, sách vở để đứng lên đáp lại lời kêu gọi của "Hồn Thiêng Sông Núi", mà hành xử như một "Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt - Xếp bút nghiên theo việc đao cung" (*)...Ông gia nhập Quân Chung Không Quân, ngành Kiểm Báo. Rồi từ đó ông lao mình vào cuộc chiến theo những cánh chim hồ hải tung bay khắp bốn phương trời mịt mù khói lửa...Từ những lần hướng dẫn các phi vụ oanh kích vượt dòng Bến Hải, đến những phi-vụ đánh BOBS, hoặc hướng dẫn những cánh chim đang quay cuồng trong vòm trời giông bão...lúc nào giọng ông cũng vang lên như rót vào tai những Phi Công ưu tú của đất nước những lời lẽ nồng nàn trầm ấm, vỗ về và khích lệ:"- Thần Phong 01, Bạn vừa vượt qua dòng Bến Hải, giữ nguyên cao độ. Victor-Lima (Vĩnh-Linh) đang ở hướng 12:00 giờ của bạn. Định có phòng không 37ly và 57ly...Hoặc Phi Hồ Pha Lê, Hotel Tango (Hà-Tĩnh) ở hướng 09:00 giờ của bạn. Chúc các bạn một phi vụ thành công và an toàn...Rồi ông dán mắt vào màn ảnh Radar theo dõi tình hình cho đến khi tất cả mọi người trong phi tuần rời vùng an toàn, và trở về bình an...Ông luôn luôn quan tâm theo dõi những cánh chim đang tung hoành ngang dọc, và lo lắng cho họ như chính bản thân ông...Còn nhớ một lần chúng tôi từ NaKhon Phanorm trở về, khi bay ngang Savanaket của Lào để lấy hướng inbound Panama thì bị một phi tuần F102 của Hoa Kỳ không biết xuất phát từ đâu bay lên nghênh cản...Phi tuần trưởng Lê Mộng Hoan chưa kịp có phản ứng gì thì đã nghe tiếng ông trên tần số của Panama dồn dập gọi đến báo là Panama đã được Tiger thông báo để xin lỗi và cho biết đây chỉ là một sự hiểu lầm...

...Nhưng trên tần số không hẳn lúc nào cũng là những tin vui, những lời chúc mừng thành công mà nhiều khi người ta còn nghe được những âm thanh tắc nghẹn, những tiếng vọng mơ hồ trong bầu trời hoang lạnh...Tiếng vọng thê lương gọi đến bạn bè những lời già biệt thiết tha ngân dài cho đến tận thiên thu...Mayday, Mayday...Phi Hồ Đỏ 01 đã bị trúng đạn phòng không địch và rơi tại Hotel Charlie (Hòn-Cọp)...

Trong thời chiến, những người Lính của quân lực VNCH luôn luôn phải thích ứng với mọi hoàn cảnh, và ông cũng đã chứng tỏ được khả năng đa hiệu của mình trong dịp Tết Mậu Thân 1968 khi địch bất ngờ tấn công Ban Mê Thuột. Ông đã kịp thời rời bỏ tần số UHF để chuyển sang tần số Ground, điều động các quân nhân cơ hữu đẩy lui cuộc tấn công của địch nhằm chiếm đài Kiểm Báo Pyramid...

Tháng 4 năm 75, lịch sử dân tộc lại thêm một lần sang trang...Ông và gia đình cùng bao nhiêu những người dân miền Nam khác đã phải rời bỏ mảnh đất thân yêu để đi tìm tự do...Trên bước đường luân lạc, tuy phải già từ tần số, rời bỏ SQUAWK CONTROL nhưng lúc nào ông cũng gắn bó cùng anh em, bè bạn trong những lần hội ngộ của những cánh chim trời phiêu bạt...

Ngày ông đi đất trời nổi cơn gió bụi, để lại những thương tiếc của gia đình quyến thuộc, cùng bạn bè tri kỷ...

*Người đi xuôi cánh vút đường mây
Bỏ lại trần gian thế cuộc này
Tri kỷ mệnh mang sầu tiễn biệt
Nhật nhòa ánh mắt hạt mưa bay.*

Đêm nay dưới ánh trăng mờ huyền ảo, trong số những cánh chim phiêu bạt đang miệt mài xuôi cánh trong vòm trời cao rộng, có cánh chim nào bắt được tần số của Panama, Pyramid hay không? Và đêm nay có ai cùng tôi ngồi lật lại từng trang quân sử bi tráng của dân tộc để thấy càng ngày càng vắng dần đi bóng dáng của những anh hùng vạn thừa...Số còn lại bây giờ, chỉ còn thấp thoáng như áng mây trôi...Tôi băng khuâng tự hỏi: "Đến bao giờ thì thế hệ "Mầu Tím Hoa Sim" sẽ thật sự khép lại trang sử hào hùng và lãng mạn của một thời chinh chiến!

Trần Ngọc Nguyên Vũ

(Những điệp khúc cho bản "Trường thiên anh hùng ca" của dân tộc)

Chú thích: (*) Chính Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn, bản dịch của bà Đoàn Thị Điểm

Vùng Trời Biên-Trấn !

Để chiêm ngưỡng hình ảnh hào-hùng của những người trai một thời tung hoành nơi quan tái.)

Trần Ngọc Nguyên Vũ*****

*"Những người chinh chiến bấy lâu
Nhẹ xem tính mệnh như mầu cỏ cây."
Chinh Phụ ngâm*



ây-Nguyên! Vùng núi rừng trùng điệp...Nơi có những dòng sông huyền-hoặc nằm đợi khách qua bờ, mà mỗi "Một lần sang sông là một lần vĩnh biệt - Một lần sang sông là mãi mãi chẳng quay về". Chính nơi đây đã có biết bao nhiêu tráng-sĩ lạnh lùng vung tay ghi đậm tên mình trên trang sử máu của dân-tộc...Lịch-sử sẽ thêm một lần sang trang khi chiếc "Thần-Phong 01" của KQVNCH chế tạo, do Tr/Tá N.N.Kh và Th/Sĩ N.V.Nh bất thần bay lên đáp PleiKu vào một buổi sáng đầy mây mù và gió lạnh; rồi Th/Tá Định cùng Tr/Tá Bá đi tìm "Tráng sĩ vượt dòng sông định mệnh" để lập một "phi-đội cảm-tử" bí mật đưa về Tân-Son-Nhất, đặt dưới sự điều động của Thần-Phong N.N.Kh. vào năm 1971...Nhưng vận nước chưa xoay chuyển theo lòng người nên đại-sự không thành, chỉ lưu lại trên trang huyền-sử của KQ những vần thơ đầy hào-khí:

*"Một nhát dao bay ngàn thừa đẹp"
"Dù sai hay trúng cũng là dư". (1)*

...Ngày xưa, cái thừa mà phi-đạo của phi-trưởng Cù-Hanh còn lót bằng những tấm vi sắt (PSP), thì căn cứ 92CT/BTLKQ đã có mặt tại PleiKu rồi; ngoài những quân nhân thường trú thuyền-chuyển lên đây, căn-cứ này còn là nơi tiếp nhận những đơn-vị biệt-phái ngắn hạn. Các biệt đội quan-sát, trực-thăng, vận-tải, và khu-trục thường được biệt-phái lên PleiKu từ 2 đến 3 tuần lễ, để yểm trợ cho nhu cầu chiến trường của quân-khu 2, hoặc cho các cuộc nhảy toán của Biệt-Kích vào mật khu của địch, xuất phát từ các căn-cứ B15 ở KonTum, và B50 ở Ban Mê-Thuột. Nếu những người được đổi lên làm việc tại PleiKu coi như là bị "đi đầy", thì đối với dân biệt phái, nhiều người lại thích cuộc sống xa đơn-vị gốc này; một cuộc sống xa nhà, nhưng phẳng phất một chút gì bông-bềnh lãng-mạn, để thỏa cái chí "Tang bồng hồ thi nam nhi trái" của người trai thời loạn:



***PleiKu gió núi mưa rừng
Mây Trường-Sơn phủ mù vương cuộc đời
Ai về nơi chốn miền xuôi
Cho tôi gởi tiếng mưa rơi hôm nào
Đồi cao lưng thấp trăng sao
Đêm liêu-trai đã đi vào mộng mơ
Đôi môi mở khép hững hờ
Nụ hôn lấp kín giấc mơ phiêu bồng.***

...PleiKu được giới giang-hồ khoác cho một cái hồn danh là "vùng đất trích"! Tuy là một vùng đất nghiệt-ngã, kẻ cả về khí-hậu lẫn địa-dur, nhưng PleiKu lại là miền "linh địa", nên cũng là nơi những "kỳ-nhân dị-hán" đến ẩn mình, để khi gặp dịp là thỏa sức vẫy vùng, tung hoành ngang dọc... Họ là những người một thời đã viết lên bản "Huyền-Sử-Ca" bi hùng trên những trang quân sử máu của dân-tộc. Một trong những "Kỳ Nhân" mà tên tuổi sáng chói trên vòm trời Không-Lực, đó là "Cửu-Long Lão Bá" Trung-Tướng Trần Văn-Minh.

Thưa ấy, ai đã từng ghé qua căn cứ 92CT vào mùa mưa, khi đi ngang qua cổng Phi-Vân, nhìn về phía bên trái, sẽ thấy một dãy cư xá lẫn lộn trong khu nhà trên con đường bùn lầy đất đỏ, có một gian nhà nhỏ trông đơn-sơ thanh-tĩnh, nhưng lại có một sức thu hút kỳ lạ, khiến cho khách lữ-hành phải dừng chân đứng ngắm. Đó là tư-thất của "Ngọa Long Tiên-Sinh"... Thiều-Tá Lê Bá-Định, cử-nhân Luật, khóa 58 SVSQ/KQ Trần Duy-Kỷ, một "Đại Hiệp" của ngành khu-trục. Thuộc mẫu người "văn-võ-song-toàn", phong độ hào-sảng, coi trọng cái khuôn thước mẫu-mực của đạo nghĩa trong xã-hội, luôn luôn ưu-tư đến đại-cuộc, thích cuộc sống ngang-tàng khí-phách, dám làm những chuyện "lấp biển vá trời", và biết thưởng thức cái vẻ đẹp qua những đường nét đan-thanh của văn chương, thơ, phú... Lúc chưa gặp thời, người vẫn ung-dung tự-tại nhận một chức vụ thật khiêm-nhường của phòng Tâm-Lý-Chiến trong cái căn-cứ quanh năm gió bụi, mưa bùn lầy lội này. Rồi sau đó, người đã về đầu quân dưới trướng một thiên tài lỗi-lạc của ngành "Không-Quân-Chiến-Thuật" là Trung-Tá Nguyễn-Văn-Bá, để chiêu nạp những "anh-hùng hào-kiệt" từ các nơi đổ về, dựng nên một "Không-Đoàn Biên-trấn" lừng danh vùng biên-thùy của miền Tây Nguyên đất Việt; với các phi-đoàn Khu-Trục Thái-Dương 530, Trục-Thăng Lạc-Long 229, Sơn-Dương 235, và Quan-Sát BlackCat 118, mà sau này đổi danh-hiệu là Bắc-Đầu...



Nói đến dân biệt-phái của Không-Quân, thì không thể không nhắc tới những tên tuổi lẫy lừng một thời như: Nguyễn Ngọc-Oánh, Vũ Văn-Uớc, Trần Phước, Đặng-Vân Đặng Văn Hậu, Đỗ Trang-Phúc, Dương Hùng-Cường, Ôn Văn Tài, Nguyễn Ngọc-Biện, Huỳnh Văn-Vui, Ngô Văn-Kim, Nguyễn Quốc-Thành, Ngô Nhơn, Hùng Phan, Nguyễn (Trần) Phước-Hội, Lê Mộng-Hoan, Nguyễn Ngọc-Thức, Nguyễn Văn Trang, Đàm Thượng-Vũ, Võ Công-Minh, Lưu Đức-Thanh, Lê Như-Hoàn, Phạm Đình-Anh, Phạm Bính, Dương Ngọc-Ân (Cọp), Trần Văn-Lân, Nguyễn Phú-Chính, Lưu Huy-Cảnh, Nguyễn Phúc-Hưng, Hồ Danh-Lịch, Nguyễn Tuấn-Dị, Đinh Sinh-Long, Nguyễn Quan Vĩnh, Phạm V. Thặng, Nguyễn Văn Huynh, Đinh Trần Chính, Ân (Đen), Hoàng Mạnh Dũng, Nguyễn Hoàng Mai (Râu), Trần Thanh-Long (TiTi), Lê Quốc-Đức, Nguyễn Văn Thắng, Phạm Công-Khanh, Đoàn Văn Quang, Lê Văn Bút, Trần Văn Nghiêu, Nghiệp, Thịnh, Võ Ý, Vĩnh-Quốc, Huỳnh Hải-Hồ, cùng hàng trăm những "Hiệp-Sĩ Không-Gian, và dưới đất" khác...

"Khu-Trục Đại-Hiệp" Lê Như-Hoàn, khóa 61 SVSQ/KQ. Xuất thân từ trường Hải-Quân Phi-Hành Pensacola, Florida Hoa-Kỳ; anh là một phi-tuần-trưởng khu-trục trẻ tuổi, tài hoa và đầy nhiệt tình. Con Hồng-Điều (Phượng-Hoàng Rosa) của vùng trời xứ Bưởi, cùng với các Đại-Hiệp của Không-Lực VNCH trên khắp 4 vùng chiến-thuật như: Phạm Đình-Anh, Đan Hoài-Bửu, Lê Quốc-Hùng, Phạm Đăng-Cường, "Hiệp-Sĩ Say" Nguyễn Văn-Phong, Phạm B. An, Việt, Cung, Nguyễn Tiến-Thành, Nguyễn Văn-Mười, Nguyễn Đình-Lộc, Trần Mạnh-Khôi, Huỳnh Thanh-Minh, Lê Thanh Hồng-Vân, Nguyễn Q. Chấn, Nguyễn Đạm-Thuyền, Nguyễn Quốc-Đạt, Lê Văn Thặng, Sử Ngọc-Cả, BS. Phước thuở ấy, và sau này có: Nguyễn Quý-An, Nguyễn Gia-Tập, Bùi Đại-Giang, Đào Giang-Hải, Phan Hiền-Tính, Trần Văn-Nghiêm, Hồng Khắc-San, Thái Phương-Thủy, Tạ Thượng-Tứ, Ngô Đức-Cửu, Nghiêm Ngọc-Ân, Nguyễn Kim-Năm, Vũ V. Cần, Phan Đắc-Huê, Khuru V. Phát, Nguyễn Văn Xuân, Dương Thiệu-Chí, Lê Thuận-Lợi, Vũ Công-Hiệp, Nguyễn Du, Bạch Diễm-Son, Trần Như-Đầu, Trịnh Đức-Tự, Đoàn-Toại, Đào Bá-Hùng, Trương-Phùng, Trần Thê-Vinh, Tự (Điên), Lê V. Luận, Nguyễn Văn-Sung, Vũ Ngô Dzũng, Vũ Ngô Khánh-Truật, Dương Như Chót, Đoàn-Phan, Đinh Đức-Bản, Phạm Gia-Đôn, Nguyễn Văn Hai (Còi), Lê Bình-Liêu, Nguyễn T. Thụy, Đỗ V. Dự, Thành, Nguyễn Thanh-Sơn, Trần V. Toàn, Trương Nguyên-Thuận, Nguyễn Đình-Xanh, Nguyễn Tài-Cơ, Phạm H. Lộc, Nguyễn Chí-Kham, Thống, Đệ, Nguyễn Q. Hải, Độ, Phạm Nghị-Luận, Lạc, Vĩnh-Thuận, WingmanF5, Thành536, An-Vũ-Dương, Nguyễn Phát-An, Xuân (tóc đỏ), Tuấn (Bocassa), Trần Văn-Phúc (Cháy), Nguyễn Công-Phúc (Gangdhi), Trần K. Long, Phạm M. Xuân, Trung (Mọi), Dương Huỳnh-Kỳ, Nguyễn Tiến-Chỉnh, Tư Rocket (Phi Đạo 530), Đinh Văn Tơ (Togia9), Hoàng Trọng-Hùng, Nhân (hạt ni), Phạm Vương-Thục, Long (Ghiền), Vũ Ngọc-Huyền, Hồ Văn-Thiên (An-Ninh), Trang V. Thành, Tào-Thuận, Thái-Ngung, Nguyễn mạnh-Khang, Trịnh Trọng-Khang, Phan Vũ-Điện, Đào Quang-Vinh, Trịnh Minh-Nhật, Nguyễn M. Dũng, BS. Khanh, BS. Kỳ và biết bao nhiêu những "tài hoa son trẻ" khác...là những ngôi sao sáng trong ngành phi-hành, cũng như không phi-hành, sẵn sàng nói tiếp bước chân của các bậc đàn anh tài danh như Phạm Ngọc-

Sang, Nguyễn Quang-Tri, Phạm Long-Sửu, Võ Xuân-Lành, Từ Văn Bê, Phan Phụng-Tiên, Dương Thiệu-Hùng, Nguyễn Hồng-Tuyền, Nguyễn Ngọc-Khoa (Đen), Nguyễn Văn Tường (Mực), Đặng Văn-Phước, Ông Lợi-Hồng, Trần Doãn-Hoành, Bô Đại-Kỳ, Nguyễn Văn-Cử, Lê Xuân-Lan, Thái Bá-Đệ, , Lê Văn-Thảo, Nguyễn Quốc-Hung...Người đã từng vạch lên những đường bay hào-hùng, lả lướt như những nét chấm phá tuyệt-vời, trong một bức tranh thủy mặc trên vòm trời Tây-Nguyên mịt mù khói lửa, vào những năm anh làm Biệt-Đội Trưởng biệt-đội khu-trục ở PleiKu. Sau này Lê Như Hoàn đã đem cái phong-độ "Hào-hùng trên không - Hào-hoa dưới đất" của người "Hiệp-Sĩ Không-Gian" nơi vùng trời biên-trấn, về truyền lại cho những cánh chim non, trong thời-gian anh phục vụ tại Trung-Tâm Huấn-luyện KQ Nha-Trang, cùng với Phi-Hổ Nguyễn Hồng Tuyền.



PleiKu không phải chỉ là nơi đồn trú của dân KQ, mà nó còn là nơi dừng chân của những đơn-vị thiện chiến của QLVNCH như: Nhảy Dù, Biệt-Động-Quân, Bộ Binh, TQLC, Thiết Giáp, Biệt-Kích Dù, Lôi Hổ... Với những tên tuổi mà khi nhắc tới, là người ta thấy ngất ngây say theo cái hào-khí của tráng-sĩ, như: Mũ đỏ Đại-Hiệp Lê Minh-Ngọc, "Song Kiếm Trấn Ái" Nguyễn Đình-Bảo, Bùi Đức-Lạc, Mễ, Đoàn Phương-Hải, Nguyễn (Sông) Lô, Nguyễn Viêt-Thanh (Tây lai), BS. Hiệp, "Đệ Nhất Âm Sĩ" BS. Tô Phạm-Liệu của Nhảy Dù... Minh, Rĩnh, Vũ Xuân-Thông, Nguyễn Sơn, Triều, Long, Thọ của Lôi-Hổ... Mũ nâu Đại-Hiệp Đào Trọng-Vượng, Hoàng-Phổ, Đào Văn-Năng, Nguyễn Cảnh-Nguyên, Ngô, Hải (mặt xanh), Ngoạn, Thanh, Quách Thuởng, Vương Mộng-Long, Chánh, Hậu, Cầu, Phong, Bình, Thủy, Bác-Sĩ Thái, BS. Ý, Quán, Song... Những con Cọp xám của vùng "rừng núi xinh lầy", và biết bao nhiêu những tên tuổi lẫy lừng khác, để sau một lần dừng chân, đối ẩm cùng "người phố núi":

*Tôi người lính trận từ xa tới
Gặp em nơi phố núi sương mù
Quán nhỏ ngầy buồn nghe tâm-sự
Một buổi chiều mưa rơi...PleiKu*

Rồi sáng hôm sau các anh lại lạnh lùng quay lưng cất bước lên đường khi:

*"Gió Lào dậy tanh mùi đất chết"
"Thổi lấp rừng già bạt núi non"
"Mùa chinh chiến theo chân thù nghịch"
"Ta về theo cho đậm chiến trường." (2)*

Chiến trường Tây-Nguyên quanh năm mịt mù khói lửa, với những địa danh ngang dọc bước quân hành in dấu chân của tráng-sĩ, cùng với những:

"Đoàn quân ma bay khắp bốn phương"

"lớp lớp tràn lên đèo bẹp núi"

"Núi mang cao điểm ngút oan hồn"

"Đá mang dáng dấp hình chinh-phụ"

"Cô đơn chót núi đứng bông con"

"Khu chiến trập-trùng cơn bão lửa"

"Đá vọng phu mọc khắp biên-cương." (2)



Lồng vào cái khung cảnh đất trời quay cuồng trong cơn bão loạn đó, "Không-Đoàn 72 chiến-thuật" đã trưởng-thành, và vươn lên cùng với khí thế ngút-ngàn của những anh-hùng, hảo-hán chốn sa trường...Chỉ sau một thời-gian ngắn hoạt-động, mà tên tuổi đã danh trấn giang-hồ. Pleiku thuở đó cũng đã thu hút được nhiều phóng-viên nổi tiếng của các hãng thông-tấn quốc-tế...Cùng các phóng-viên chiến trường quốc-nội như Sao Bắc Đẩu, Quỳnh-Như, Kiều-Mỹ-Duyên, Phan N. Nam, Nguyễn Ngọc Hạnh...đến tận nơi sinh-hoạt, làm phóng-sự, ghi lại những hình ảnh hào-hùng, sống động của người lính chiến vùng trời Tây Nguyên. Tờ báo quân đội "Diều Hâu" của nhà văn Trung-Tá Nguyễn Đạt-Thịnh hồi đó đã nhận xét về KĐ 72CT qua bài viết "Tìm hiểu hiện-tượng nhổ giò của KQVN" như sau:

"...Chỉ vào một hố bom khá sâu, Đại tá Lý Tông Bá, Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ Binh nói với tôi:

- Anh biết quả bom này bỏ cách chiếc thiết giáp của mình bao nhiêu không?

- ...?

- Ba thước.

Thao thao bất tuyệt, vị Tư lệnh trẻ nhất Việt Nam kể cho tôi nghe trận đánh khó khăn nhưng vô cùng hào hứng, vừa xảy ra tại ngọn đồi mà chúng tôi đang đứng.

Vùng Trời Biên-Trần! - Trần Ngọc Nguyên Vũ (Phần II)

Một Tiểu đội Công quân, trang bị bằng một khẩu đại bác, một khẩu đại liên phòng không, đã chiếm giữ ngọn núi đá trên đường 14, cách Pleiku khoảng 20 cây số về hướng Bắc. Cây đại bác được nhét thật sâu vào lòng núi, bom bả bao nhiêu cũng không suy xuyên. Sư đoàn 23 đã phái một đơn vị có chiến xa yểm trợ tiến lên núi, để diệt khẩu pháo đang gây khá nhiều trở ngại cho xe cộ di chuyển từ Pleiku đi Kontum. Một trong những chiếc thiết giáp yểm trợ bị bắn cháy. Xạ thủ B-40 chỉ khai hỏa cách chiếc xe ba thước. Khu trục được gọi đến can thiệp, và nhiệm vụ của người phi công là phải bỏ lọt trái bom vào một miệng hầm nhỏ, mà không làm tổn thương đến những người có thể còn sống trong thiết giáp. Lắc đầu tỏ vẻ thán phục, Đại tá Bá tiếp:

- Chiếc AD-6 bay với tốc độ mấy trăm cây số một giờ, mà anh chàng phi công này thả bom như thả. Trái bom rơi hẵn vào hầm rồi mới nổ, không gây một hư hại nào bên ngoài cả.



Những lời khen ngợi của Đại tá Lý Tòng Bá khêu gợi lòng tò mò và tôi đã tìm đến Không đoàn 72 Chiến Thuật, để gặp người phi công "bỏ bom như thả", Thiếu tá Lê Quốc Đức. Ngoài 30 tuổi, Thiếu tá Đức trông hiền như ông thầy giáo. Anh tỏ ra hơi ngượng khi tôi lặp lại với anh những lời của Đại Tá Bá. Giọng anh nhỏ nhẹ:

- Thật ra thì việc tôi làm tại Núi Đá, bất cứ người phi công nào cũng làm được. Dĩ nhiên, sự chính xác này đòi hỏi đôi chút cố gắng.

Câu nói chỉ là một câu khiêm nhường. Tôi nghĩ như vậy. Nếu quả thật tất cả mọi phi công Việt Nam đều "khéo tay" như Thiếu tá Đức, thì có lẽ chúng ta nên nghĩ đến những loại kỹ nghệ đòi hỏi sự chính xác, khéo tay như kỹ nghệ làm đồng hồ chẳng hạn, để thiết lập sau khi chiến tranh chấm dứt.

Thấy tôi có vẻ không tin được rằng bất cứ người phi công nào cũng thả bom chính xác như Thiếu tá Đức, vị Tư lệnh Không đoàn 72, Trung tá Nguyễn Văn Bá bảo tôi:

- Anh còn đi nhiều, còn gặp nhiều đơn vị Bộ binh. Những người đó sẽ là nhân chứng cho sự chính xác hay không chính xác của anh em phi công. Riêng phần tôi, tôi nghĩ rằng có một điểm anh nên đào sâu hơn, tìm hiểu hơn là tinh thần của người phi công Việt Nam. Qua hai chữ tinh thần, tôi muốn nói cả tinh thần đồng đội với những người bạn họ yểm trợ mà không hề bao giờ biết mặt, cả tinh thần nhập cuộc trọn vẹn, chấp nhận mọi nguy hiểm. Tôi đi tìm hiểu cái tinh thần đồng đội, tinh thần nhập cuộc ấy qua những nhân chứng khác...

...Bốn trăm phi công, một ngàn chuyên viên làm việc quần quật. Máy bay được bảo trì, tu bổ cả đêm để mờ sáng hôm sau lại cất cánh, đáp ứng những nhu cầu yểm trợ của Bộ Binh. Một vị Tướng lãnh đã dẫn chứng cho tôi thấy Cộng quân đặt rất nặng yếu tố bất ngờ. Trong mỗi trận đánh, họ đều dành cho ta ít nhất là một bất ngờ. Tết Mậu Thân, yếu tố bất ngờ có thể được ghi nhận trên ba bình diện: Thời gian, không gian và vũ khí. Về thời gian, Cộng quân đã đánh vào cái lúc mà chúng ta không chờ đợi nhất: Những ngày đình chiến Tết. Về không gian, chúng đã chọn những chiến trường mà từ trước đến nay chưa bao giờ chúng chọn: Thành phố. Và yếu tố bất ngờ cuối cùng là những khẩu AK, B-40, B-41 lần đầu tiên được đem sử dụng ở ạt. Trong trận Hạ Lào, cái bất ngờ mà địch quân dành cho chúng ta là những chiếc PT-76 khá lợi hại trước những thiết vận xa M-113 trang bị kém hơn. Lần này, sự bất ngờ có tính cách chiến thuật. Không ai có thể ngờ được rằng quân đội Bắc Việt lại công khai vượt tuyến và đánh trận địa với chúng ta. Những khẩu đại bác 130, 122 ly, những chiến xa hạng nặng T-34, T-54 cũng có thể kể là những bất ngờ chiến cụ.

Nhưng lần này, chính địch quân cũng bị bất ngờ. Họ bất ngờ trước sự trưởng thành đột ngột của Không Quân Việt Nam. Là Quân Chủng rất nặng về kỹ thuật, Không Quân không thể xé quy luật lớn, vượt lên, ra ngoài những công thức ước tính rất toán pháp.

Sau ba lần thử lửa, người ta có thể khẳng định rằng tình trạng "nhỏ giò" của Không Quân là một "thực tế" (xin mượn tiếng của ông Tướng Không quân Nguyễn Cao Kỳ để nói về Không Quân đây nhé) và thực tế này không chỉ làm cho địch quân bất ngờ mà thôi. Nó còn là sự bất ngờ của người Mỹ và người Việt Nam nữa. Vì thật ra, trước khi có những minh chứng hôm nay, chắc chắn không ai dám tin được rằng, những người lính rất ít chất lính, rất bay bướm lại có thể là người lính tốt.

Trên ba mặt trận Trị Thiên, Tây Nguyên và Bình Long hàng trăm ngàn người lính Việt Nam, hàng trăm ngàn người lính Cộng đang chứng kiến cái vươn vai Phù Đổng của Quân chủng Không Quân.

"KBC xin ghi nhận sự chuyển mình quan trọng đó."



...Rời khỏi phòng họp của Không-Đoàn 62CT/SĐ2KQ, thì trời bắt đầu mưa lâm râm. Lân quá giang ông Liên-Đoàn Trưởng LĐ62 Tác-Chiến đề ra phi-cơ. Là một phi-tuần trưởng khu-trục tài hoa son trẻ, lại thêm phong độ hào-sảng của một tráng-sĩ, qua những lần dẫn biệt-đội đi biệt phái PleiKu, ông "Trưởng Phòng Hành-Quân" của LĐ62TC/KĐ62CT Trần Văn-Lân đã lọt vào cặp mắt xanh của con "Ngọa-Long" vùng đất trích. Anh-hùng ngộ anh-hùng, để rồi sau những đêm "Tri-kỷ tương phùng như sương khói – Trăng tàn chưa nghĩ chuyện chia tay", Lân đã được Thiếu-Tá Định dần trải tâm-tình, ngỏ ý muốn mời anh cùng vung gươm, vẫy vùng nơi quan tái...Ai tráng-sĩ mà không mê say đại cuộc. Sinh ra giữa thời ly loạn, tới lúc trưởng thành, cũng như bao nhiêu những người trai cùng thế-hệ, đã gắn liền cuộc đời mình với kiếp sống "Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo", (3) cùng cái hào-khí của tiền nhân "Chí làm trai dặm nghìn da ngựa – Gieo Thái-Son nhẹ tựa hồng mao" (4)... Để rồi qua những lần lang thang làm "Anh khách lạ, đi lên đi xuống" (*) trên con đường ngắn ngủi mà chỉ "Đi dăm phút đã về chốn cũ" (*), trước cửa hiệu thuốc tây có tấm bảng đề chữ "Cao-Nguyên"... Cho đến một ngày "Anh Khách Lạ" chợt thấy "May mà có em, đời còn dễ thương" (*), thì cái vùng đất gió núi mưa rừng này đã trở thành miền quê ngoại của cánh chim bằng miền thùy-dương cát trắng. Nay lại gặp tri-kỷ mở lời thì hiểm nguy nào ngăn cản được con thần ung, chỉ mong xoải cánh bay vào vùng trời đông bão...

Chiếc khu-trục cơ AD5 không gắn bom, và hỏa-tiến dưới cánh, trông lầm lỳ như một con tê-giác nằm trong ụ đậu, chờ hai ông phi-công lên nổ máy cất cánh. Thấy Long đang đứng đợi mình dưới cánh phi-cơ, Lân cười chạy tới bắt tay Long nói:

- Thật là thất lễ, làm ông "Trưởng Phòng Hành-Quân" của PD 530 phải vất vả.

Long cười giọng hào-sảng:

- Có gì đâu, chỉ là chuyện nhỏ. Ông Định dặn tôi bằng mọi giá phải đưa bạn lên PleiKu hôm nay.

Lân cảm động trước tấm chân tình của những người lính chiến Không-Quân. Anh nhớ hôm về Nha-Trang họp để làm nốt thủ-tục bàn giao biệt đội Khu-Trục cho KĐ-72CT tân lập, Thiếu-Tá Định đưa Lân ra tận bãi đậu Trục-Thăng. Trước khi lên phi-cơ, ông ân cần dặn dò Lân:

- Toa về trong ấy họp, lo thu xếp công việc rồi lên đây bay cùng anh em.

- Vâng, tôi sẽ ráng thu xếp mọi chuyện cho được mau chóng.

- Cũng không cần phải vội vàng lắm; cần nhất là phải lo cho chị nhà và cháu bé trước. Có tề gia rồi mới nghĩ đến chuyện "bình thiên hạ" được chứ...

Cử chỉ chăm sóc kín đáo, và những lời bộc lộ chân tình, đã nói lên mối quan tâm của Th/Tá Định đối với các chiến hữu, và ông đã thu phục được cánh chim trời bạt gió của vùng biển Nha-trang ngút ngàn sóng nước...

Long và Lân leo lên hai bên cánh phi-cơ để bước vào phòng lái. Cột xong giây dù và nón bay, Long đưa ngón tay ra hiệu cho người cơ-trưởng đứng dưới đất để quay máy. Tiếng động cơ gầm lên, chiếc AD5 lừng-lững di chuyển ra phi-đạo. Long liên-lạc với đài kiểm-soát Nha-Trang xin cất cánh. Chiếc phi-cơ phóng về phía trước rồi vụt bốc lên, biến mình mất hút vào trong màn mây, mưa mật mù dày đặc...



Dán mắt vào bảng phi-cụ trước mặt, Long bấm máy nói với Lân:

- Trời xấu toàn vùng, mình sẽ lên cao độ 12,000 bộ. Lấy hướng đi Phú-Bồn, rồi từ Phú-Bồn lấy hướng thẳng về PleiKu.

Lân quay sang Long nói:

- Tiếc thật, chiều nay giá tụi mình còn ở lại Nha-Trang, tôi sẽ mời bạn thưởng thức món chả cá đặc biệt của vùng biển. Trời mưa rả rích, ngồi trong chiếc quán lá bên gành đá, nghe trùng dương rì rào vỗ sóng, nhâm nhi ly rượu cùng bạn hữu, kể chuyện "tình người lính chiến", thì còn gì thú vị bằng.

Long cười trong máy:

- Cám ơn bạn, tôi cũng thích món chả cá xóm Bồng lắm, nhưng xin hẹn lần sau. Hiện nay phi-đoàn đang thiếu người.

- Tôi đâu dám dụ dỗ ông "Trưởng Phòng Hành-Quân" của phi-đoàn. Nhưng vào mùa này thì thời tiết buổi sáng cũng không khá hơn buổi chiều đâu nhé.

Cả hai người đều bấm máy cười sáng khoái. Phi-cơ đội mưa lên đến cao độ bình phi. Long rà núm điều chỉnh cần

lái, để phi-cơ bay lướt trên những cụm mây xám bông bênh như sóng nước của dòng sông thiên-hà dưới cánh. Bỗng có tiếng vô-tuyến dồn-dập trong ống nghe của nón bay:

- Thái-Dương 03 đây Peacock gọi. Chúng tôi vừa được Trung-Tâm HQKT-2 chuyển lệnh khẩn cấp cho bạn liên-lạc để làm việc với BlackCat trên tần-số FM...

Long đưa mắt nhìn Lân rồi bấm máy trả lời:

- Peacock, Thái-Dương 03 nhận bạn 5/5. Tôi sẽ liên-lạc với Blackcat, tần số FM...

Long kiểm soát thật nhanh bằng phi-kế, điều khiển cần lái chúi mũi làm "penetration" cho phi cơ xuyên mây xuống cao độ, rồi quay qua nhìn Lân nói:

- Chắc có chuyện làm ăn lớn, lần này bạn có dịp biểu diễn tài tác xạ...

Phi cơ xuống tới 4,000 bộ, nhìn bản đồ Long thấy mình đang ở trên Phú-Nhơn, anh bấm máy liên-lạc với phi-cơ quan-sát:

- Blackcat đây Thái-Dương 03 gọi, tôi đang ở trên Phú-nhơn, cao độ 4,000 bộ, bạn cho biết vị trí.

Tiếng người phi-công quan sát dồn-dập vọng lên:

- Thái-Dương 03, Blackcat nghe bạn 5/5. Chúng tôi đang ở cao độ 3,000 bộ, về hướng Đông - Bắc của Phú nhơn 2 dặm...OK! Chúng tôi thấy bạn rồi. Hiện tại Black Cat đang ở hướng 10 giờ của Thái-Dương, bạn cho biết trang bị.

- Thái-Dương 03 chỉ có 800 viên đại-bác 20ly. Bạn cho biết chi tiết mục tiêu.

- Thái-Dương 03, mục tiêu được ghi nhận là nơi đóng quân của địch. Chúng tôi sẽ cho bạn một trái khói màu cam...

Chiếc L19 đảo cánh, làm một vòng queo thật gắt, rồi bất thần chúi mũi xuống khu rừng cây. Một cột khói màu cam bốc lên cùng với tiếng điều-chỉnh tọa-độ của người phi-công quan-sát:



- Thái-Dương 03, bạn sẽ oanh-kích ngay trái khối, trải dài theo hướng Đông – Tây 300 thước.

- Thái-Dương 03 nhận rõ. Từ trái khối, dọc theo hướng Đông-Tây 300 thước.

Nói xong Long liếc mắt kiểm soát lại các đồng hồ phi-cụ, điều chỉnh cần hòa-khí về vị thế chiến đấu, bật nút khai hỏa lên nòng 4 khẩu đại-bác, rồi làm một vòng "roll" 360 độ, lao xuống mục tiêu. Long bấm nút tác xạ, những hòng súng đại bác hai bên cánh khạc lửa, tung ra từng tràng đạn 20ly công phá, cây nát một khoảng rừng...Bỗng một cột lửa bùng tỏa ra, rồi một tiếng nổ long trời lở đất dội lên như một ngọn hỏa-diệm sơn trong cơn phần nộ chuyển mình, làm xao động cả một vùng khí quyển. Long kéo mũi phi-cơ thẳng đứng, làm một "nửa vòng số 8" rồi đưa phi-cơ lên cao độ của vòng chờ. Tiếng người phi-công quan-sát dồn dập trên tần số:

- Tuyệt cú mèo! Thái-Dương 03 đánh quá đẹp. Bạn đã oanh kích đúng hạm chứa vũ khí của địch rồi đó.

Long bấm nút vô-tuyến cười nói:

- Chỉ là chuyện nhỏ, cảm ơn bạn quá khen.

- Thái-Dương 03, lần này bạn sẽ đánh về hướng Tây - Nam của trái khối 100 thước. Mục tiêu được ghi nhận có nhiều xe Molotova của địch được ngụy trang dưới lùm cây.

- Thái-Dương 03 hiểu. Tây Nam trái khối 100 thước.

Nói xong Long quay sang nhìn Lân nói qua máy:

- Xin nhường bạn chiêu này.

Lân cười...chuyển nút điều khiển cần lái, rồi lật ngược phi-cơ lao xuống mục tiêu. Đạn phòng không từ dưới phóng lên tua tủa như một mạng lưới lửa đan chéo thân tàu. Tiếng người phi-công quan-sát dồn dập gọi:



- Thái Dương 03 coi chừng phòng không từ hướng Tây.

Lân mím môi bấm nút khai hỏa. Chiếc khu-trục cơ gầm lên theo với nhịp bắn. Bỗng một tiếng nổ chát chúa vang lên, con tàu như khựng lại. Lân liếc mắt nhìn qua bên phải, anh thấy cánh phải của chiếc AD5 trúng đạn phòng không rách toạc ra, rồi một ngọn lửa phực lên từ ổ súng đại-bác gắn trên cánh. Lân vội vàng trả cần lái về vị thế thẳng bằng, kéo mũi phi-cơ lên để lấy cao độ. Con tàu rung lên dữ dội...Ổ đạn chứa trong cánh phi-cơ phát nổ làm gãy lìa một nửa cánh phải, ngọn lửa cháy lem qua ống dẫn thủy điều vào buồng máy, bùng lên như một ngọn đuốc khổng lồ trên không. Phi-cơ nghiêng hẳn về bên trái, quay tròn rồi rơi vào vị thế triệt nâng...

Với một phản-ứng vô cùng nhạy, và bện nhảy của một phi-công khu-trục dày dặn chiến trường, Long chụp vội cần lái, lấy lại phần điều khiển phi-cơ bên ghế trái, bấm nút vô-tuyến gọi tín hiệu khẩn cấp "MayDay", rồi ra hiệu cho Lân bung dù...

Lân cảm thấy mình bị hút vào khoảng không-gian vô tận, và quay lộn nhiều vòng rồi bị ngắt đi vì lực "G" quá mạnh...Khi tỉnh dậy Lân thấy mình đang lơ lửng giữa vòm trời. Anh đảo mắt nhìn quanh, thấy chiếc dù của Long ở phía xa. Lân mừng thầm là người bạn đồng hành với mình cũng đã thoát ra khỏi chiếc phi-cơ lâm nạn. Bỗng Lân thấy bầu trời nhạt-nhòa như một màn mưa phùn che trước mặt, Lân liếc môi anh thấy mùi vị tanh tanh và mặn, anh đưa tay vuốt mặt và thấy bàn tay mình đầy máu. Tấm kiếng che mặt trên nón bay đã bị bể nát; một giòng máu nóng từ trên trán chảy xuống, anh tháo vội chiếc khăn quàng cổ, cuốn lại rồi nhét vào bên trong chiếc nón bay để ngăn dòng máu đang rỉ xuống làm mờ mắt, rồi anh co duỗi hai chân để thử, và thấy an tâm là chân không bị gãy. Lân đưa tay làm dấu Thánh Giá trên mình, thầm cảm ơn Chúa đã mang anh và Long ra khỏi giây phút hiểm nghèo...



Lân nhìn xuống dưới, thấy cánh dù đang rơi đúng chỗ những đám khói nơi trận địa, anh kéo dây điều khiển cho cánh dù lạng về phía Đông để tránh vị trí của địch. Cánh dù từ từ hạ xuống, Lân co hai chân, kéo mạnh dây dù rồi buông ra để giảm tốc độ. Anh nhắm mắt, chụm hai cánh tay che lấy mặt. Cả thân hình anh rớt xuống và vướng vào ngọn cây. Lân cảm thấy hai bên sườn bị đau nhói vì sức va chạm quá mạnh. Lân mở mắt thấy mình bị treo trên

cành cây cách mặt đất chừng bốn năm thước. Lân nhìn xung quanh không thấy cánh dù của Long, anh nhìn lên trời thấy hai chiếc khu-trục cùng chiếc L19 như những con điều hầu quân thảo trên đầu mình, anh thấy vững bụng.

Vùng Trời Biên-Trần! - Trần Ngọc Nguyên Vũ (Phần III)

Lân tháo dây dù rồi đu theo cành cây nhảy xuống đất. Anh bỗng thấy một đám khói màu bốc lên cách chỗ anh đứng khoảng 100 thước, rồi chiếc khu-trục đâm bổ xuống và nhả ra một trái bom, anh vội vàng chạy vòng ra sau thân cây để núp. Một tiếng nổ vang dội như tiếng sấm cùng những mảnh bom bay rào rào như một trận cuồng phong, cắt đứt cành cây ngọn cỏ. Đứng nép mình sau thân cây, Lân thấy tim mình đập như muốn văng ra khỏi lồng ngực. Chưa kịp hoàn hồn thì một tiếng nổ kế tiếp lại ầm vang lên, lần này gần chỗ Lân núp hơn. Lân thấy mặt đất rung lên dữ dội như đang trải qua một cơn địa chấn. Anh cảm thấy ù tai và ngộp thở vì sức ép của quả bom. Sỏi đá và những cành cây gãy đổ ào ào rơi xuống như trời xập...Chiếc khu-trục xuống thật thấp, lao vút đi, rít lên như một mũi tên xé gió, nhả từng tràng đạn đại bác 20ly cây tung mặt đất. Lân có thể nhìn thấy chiếc nón bay của người phi-công ngồi trong phòng lái. Lần đạn nổ gần đến nỗi anh có cảm tưởng như da thịt mình bị bỏng rát. Đây là lần đầu tiên Lân được chứng kiến cảnh bom nổ, đạn bay nơi chiến địa ngay bên cạnh mình. Một luồng cảm khái rần rật chạy khắp toàn thân, anh thầm cảm phục sự gan dạ và dũng-cảm của những người bạn đồng ngũ...



Khi những chiếc khu-trục đã làm xong công việc giải tỏa bãi đáp cho trực thăng, và phóng lên trời để bao vùng. Lân chạy ra khỏi chỗ núp, anh thấy một chiếc UH1 đang lừng lững bay tới. Lân mừng rỡ chạy ra khoảng đất trống, đưa tay vẫy...Chiếc trực-thăng đảo một vòng ngay chỗ Lân đứng, rồi bất thần lao xuống. Khi chiếc phi-cơ cấp cứu còn cách mặt đất khoảng chừng nửa thước, thì Lân phóng tới bám lấy thành tàu, một cánh tay từ trong khoang tàu vươn ra nắm chặt lấy tay Lân rồi kéo thốc anh lên. Lân lặn mình trên sàn phi-cơ, ngược nhìn lên anh tưởng mình nằm mơ, Th/Tá Lê Bá-Định và Đức (Điên) một cao thủ trong giới cơ-phi Xạ-thủ phi-hành của vùng trời biên-trần, đứng xừng-xững như hai ông Hộ-Pháp, chắn ngang hông phi-cơ cho Lân dựa người vào khi chiếc phi-cơ nghiêng mình chao đi như một chiếc lá, bay về phía chiếc dù thứ hai đang treo lơ lửng trên cây. Cánh quạt gió khổng lồ quay vùn vụt, chém vạt những cành cây như một con quái điều đang đập cánh vô môi. Chiếc trực-thăng nghiêng ngả, tìm cách đáp xuống để bốc người phi-công lâm nạn...Đưa mắt nhìn xuống bên dưới, Lân thấy cánh tay của

Long cố vươn lên như muốn kéo chiếc trực-thăng xuống thấp thêm một chút nữa... Mọi người trên tàu đang hồi hộp theo dõi chiếc phi-cơ tròng tránh lên xuống như bị nhồi sóng, thì một loạt tiếng nổ chát chúa vang lên. Con tàu cấp cứu đã lọt vào ổ phục kích, và lãnh trọn luồng đạn thù nghịch từ những hầm trú ẩn của địch bắn lên...

Tùng tràng AK tiếp tục xối xả phóng tới xuyên thủng buồng lái, trúng chân của người trưởng phi-cơ. Đầu gối của anh bị vỡ nát. Máu và thịt xương bắn tung tóe, văng lên mặt mọi người... Anh hét lên một tiếng cực kỳ đau đớn, buông tay chụp lấy mảnh thịt nhầy nhụa... trước những con mắt kinh hoàng của phi-hành-đoàn. Con tàu mất thăng bằng, chao đảo như muốn quy xuống. Gương mặt của người trưởng phi-cơ co rúm lại, toàn thân anh rung lên như bị một luồng điện cao thế chạy qua, mồ hôi trên trán rịn ra, anh cắn chặt vành môi cố nén cơn đau, với tay nắm lấy cần lái để giữ cho con tàu khỏi đâm xuống đất... Chiếc trực-thăng chao đảo, lạng ra khỏi tầm đạn của kẻ thù...

Trong một khoảnh khắc chưa đầy một giây đồng hồ, Lân quên hẳn vết thương trên đầu, anh chồm tới tháo giây cột trên ghế ngồi, kéo người trưởng phi-cơ ra, đẩy về phía Thiếu-Tá Định và Đức (Điên), rồi anh với tay đập mạnh lên vai người phi-công phụ đang ngồi bất động như chết cứng trên ghế... Cú đập bất thần đã kéo người phi-công phụ ra khỏi cơn mê lộ của tử thần; bản năng tự-vệ dành lấy mạng sống cho anh, cùng mọi người trên con tàu trúng đạn bùng dậy, anh chụp vội cần lái, đưa chiếc trực-thăng bốc mình lên, lấy lại thăng bằng, chúi mũi lao thẳng về phía trước, rồi bấm máy liên-lạc với phi-cơ quan-sát:

- BlackCat, đây Lạc-Long 04 gọi. Báo cho bạn biết chúng tôi bị lọt ổ phục kích của địch, chỉ bốc được một phi công nhảy dù. Tàu bị bắn bể ống dầu, trưởng phi-cơ bị thương nặng, chúng tôi phải rời vùng.

Giọng nói trầm ấm của người phi-công quan-sát vọng lên qua ống nghe như để vỗ về, chia xẻ cùng mọi người trên con tàu lâm nạn:

- Lạc-Long 04, Blackcat nhận rõ. Xin hỏi phi hành đoàn Lạc-Long 04 là những ai đó.

- Trưởng phi-cơ Đại-Úy Huyền, Phi-Công phụ Trung Úy Long.

- Có phải "Thần Điều Đại-Hiệp Vũ Ngọc-Huyền và "Đại-Hiệp Long Ghiền" đấy không. Xin được tỏ lòng ngưỡng mộ đến "Lạc-Long Đại-Hiệp", các bạn vừa hoàn thành một phi-vụ cấp cứu vô cùng khó khăn và nguy-hiêm.

- Chỉ là chuyện nhỏ thôi. Cảm ơn bạn quá khen. Chúng tôi sẽ bay dọc theo QL 14. Phi cơ có thể bốc cháy bất cứ lúc nào, nhờ bạn theo dõi phi trình.

- BlackCat nhận rõ. Xin báo cho Đại-Hiệp biết là Thái-Dương 31 đã thanh toán gọn ổ phục kích của địch cho bạn rồi, và sẽ hộ tống Lạc-Long 04 về PleiKu. Chúng tôi cũng đã nhờ Trung-Tâm Không-Trợ 2 báo cho phòng Hành-Quân-Chiến-Cuộc của KĐ72CT cho xe cứu thương đón Lạc-long 04 tại bãi đáp. Chúc Đại-Hiệp về đáp an toàn. Chúng tôi ở lại bao vùng, để tiếp tục công việc cấp cứu Thái-Dương 03.



Trong khoang tàu bê bết máu, Thiếu-Tá Định kéo Đức (Điền) lại, ra hiệu cho anh ngồi vào chỗ trống của trưởng phi-cơ trên ghế trái, rồi nắm chặt vai Long, như để ngâm gỏi găm sinh mạng những người trên tàu vào tay người phi-công trẻ, xong ông quay xuống săn sóc Huyền và Lân..."Long Ghiền" lấy lại bình tĩnh, vận dụng hết khả-năng và kinh-nghiệm của mình, điều khiển con tàu bị thương, mang các chiến hữu lâm nạn về căn cứ...(Nhà văn Hùng Chùa đã viết về phi-vụ "thần thoại" này như một bản "Huyền sử ca" để vinh danh phi-hành-đoàn Trục-Thăng cấp cứu.)

...Lân nằm thêm thiếp trên giường bệnh, vết thương trên trán bắt đầu hành vì mất nhiều máu. Lúc khâu vết thương, bác-sĩ nói anh thật là may mắn, vì nếu mảnh đạn đi chệch xuống khoảng 1 đốt ngón tay thì anh có thể sẽ mất hai con mắt. Lân mừng là mình đã thoát nạn, nhưng khi nghĩ đến những người bạn vừa cùng anh chia xẻ những nhọc-nhằn nguy-hiểm nơi chiến địa, anh thấy lòng mình quặn thắt....Cánh dù của Long rơi đúng vào ổ phục kích của VC, bị địch bắt mang đi, không biết sống chết ra sao. Huyền bị trọng thương, và sẽ trở thành một Phế Binh tàn tật suốt đời. Sự có mặt của Lê Bá-Định trên chiếc trục-thăng cấp cứu, trong lúc mạng sống của mọi người như sợi chỉ treo chuông. Long (Ghiền) "đơn thương độc mã, tả xung hữu đột" điều khiển con tàu định-mạng, dìu mọi người thoát ra khỏi vòng tay oan-nghiệt của Tử-Thần...Tất cả những sự hy-sinh, gấn-bó, và tinh thần nhập cuộc trọn vẹn, cùng với phong độ hào-sáng của những người bạn Quan-Sát, Khu-Truc, Trục-Thăng, Cơ-Phi Xạ-Thủ phi-hành nơi sa trường, những người lính chiến đã được tinh luyện trong những lò luyện thép của quân-đội, để sẵn sàng thi-hành những công-tác cực kỳ khó-khăn và nguy-hiểm, mà cái giá phải trả cho sự thành-công, đôi khi là chính mạng sống của họ, đã làm con tim anh rung động...

Có tiếng người lao xao ngoài cửa phòng, Lân đưa mắt nhìn ra, anh thấy Oanh, vợ mình tay dắt bé Luân, đưa con trai đầu lòng vừa được hai tuổi tât tả bước vào. Vừa nhìn thấy Lân trên đầu quần băng trắng xóa, Oanh chạy ào tới bên cạnh giường bệnh rồi khóc òa lên:

- Chúa ôi! Anh có sao không? Em được anh Định báo tin nên vội vàng dẫn con vào đây.

Lân gượng ngồi dậy, dựa lưng vào thành giường, dang tay đón vợ và con, nói giọng an ủi:

- Anh không sao cả, em đừng lo, làm con nó sợ.

Oanh vòng tay ôm lấy Lân rồi gục đầu lên ngực chồng, giọng thôn thức:

- Anh ơi em sợ lắm! Anh hứa với em là đừng để đứa con của chúng mình ra đời mà không được nhìn thấy mặt cha của nó nghe anh.

Lân lặng người khi nghe Oanh nói. Anh nhẹ vuốt tóc vợ, mái tóc mềm óng ả, một thời mang huyền-thoại người "Em PleiKu má đỏ môi hồng" (*), từng làm thôn-thức con tim của biết bao lữ-khách hơn một lần dừng chân nơi phố núi, bây giờ đã là người bạn đời của anh, và sắp làm mẹ đứa con thứ hai:

- Em đừng sợ, anh không sao cả mà.

Vòng tay của Oanh xiết chặt hơn như không muốn để cho con đại bàng thêm một lần xoắn cánh. Lân cười dịu dàng đặt tay lên bụng vợ nói:

- Em coi này, con nó đang đạp chân mừng bố về nè.

Bé Luân kiễng chân chồm lên giường, ôm cánh tay bố khóc thút thít. Nhìn những giọt nước mắt tình cảm của vợ con, Lân thấy lòng hụt hẫng, xót xa...Anh thấy mình đã nợ những người thân, và các đồng đội món nợ quá lớn:

***Những món nợ suốt đời không trả hết
Nợ ba sinh nợ những mối chân tình
Nợ đại-cuộc nợ những lời ủy thác
Nợ chất chồng quần chật bước điêu linh.***

Cuộc chiến này còn dài, Tổ-Quốc đang kỳ-vọng vào các anh, những đứa con yêu của đất nước...Rồi đây có thể nào anh bỏ được những người bạn đồng ngũ của anh, những người trai trẻ nhìn đời bằng tia nhìn khinh bạc, lạnh lùng leo lên chiếc quan tài bay, lao vào vùng lửa đạn, bỏ lại một ngày cho đời mình, một ngày cho những quần-quai đau thương của dân-tộc, và một ngày cho những đôi mắt vời-vời chờ trông nơi chốn chân mây tận cuối trời...

Trần Ngọc Nguyên Vũ
(Một thời ly loạn)

Chú-Thích:

(1) "Bài ca sông Dịch" của Vũ Hoàng-Chương

(2) Thơ Phạm Ngọc-Lư

(3) Kiều của Nguyễn-Du

(4) Chinh phụ Ngâm của Đặng Trần-Côn

(*) Thơ Vũ Hữu-Định. Bài thơ này VHĐ lấy cảm hứng qua hình ảnh tuyệt-vời của một người con gái tên Nguyễn Thị Hoàng-Oanh nơi tiệm thuốc tây "Cao-Nguyên" trên PleiKu. Bài thơ được nhạc-sĩ Phạm-Duy phổ nhạc...Lời thơ và ý nhạc đã làm hình ảnh của người " Em PleiKu..." tồn tại mãi với thời-gian.

Status : ◯

Tham gia: May 2011

Posts: 1,586

Thanks: 10,226

Thanked 4,386 Times in 1,220 Posts

Vùng Trời Biên-Trần! - Trần Ngọc Nguyên Vũ

Lôi Hồ Nguyễn Hữu Thọ viết:

Loại phi cơ Skyraider A1E rất thích hợp với công tác của tụi tôi vì thời gian ở trên vùng lâu và trang bị dồi dào hơn phần lớn cơ A37. Phi đoàn khu trục thường xuyên làm việc với chúng tôi trên địa bàn này là Phi Đoàn 530 thuộc SĐ6KQ. Danh hiệu là Jupiter hay Thái Dương Những pilot Phi đoàn này như : Đ/Úy Hà, Đ/Úy Thặng, Chính, Độ .. là những giọng nói quen thuộc trên vô tuyến khi làm việc với nhau và cũng chỉ quen nhau qua giọng nói mà thôi. Riêng Đ/Úy Hà thì ngày tôi còn đi toán, trong một phi vụ yểm trợ cho toán ở vùng Tam Biên, Phi cơ Đ/Úy Hà bị bắn nên phải nhảy dù , toán chúng tôi đã nhảy xuống để rescue gần trại Ben Het.

Trong Mùa Hè Đỏ Lửa 1972, trong một phi vụ yểm trợ thành phố Kontum, Phi cơ Đ/Úy Thặng bị bắn phải đáp khẩn cấp ở trên cồn cát sông Dakbla và bị cháy, mang đi vĩnh viễn người hùng của PD530. Lúc đó hình như tôi đang bay trên L.19 trong một công tác khác, hay tin này trên vô tuyến nên tôi bay ngang chỗ crash, lắc cánh chào tiễn biệt.



Phải công nhận là A1E đánh rất đẹp và chính xác. Cứ cho đánh single để thấy hai chiếc luân phiên nhào lộn lao vào đánh. Nghe hai chiếc trao đổi vô tuyến với nhau :” Number 1 rolling !, Number 2 rolling !” hoặc “ Số 2 đánh dài hơn 50 mét ! OK ! Number 2 rolling ! “ rồi nhào xuống; ngồi trên O2 nhìn thật là đã mắt. Có những khi Toán không cần yểm trợ của khu trục, tôi cho khu trục làm orbit đợi cho đến khi bốc toán ra xong xuôi, phi cơ O2 dẫn đến một điểm ghi nhận là kho tàng nào đó của CS để đánh cho hết bom hoặc đến free zone để làm B52 thả ào một phát cho xong.



...Sau phi tuần khu trực, các phương tiện đã tụ tập động đủ, tôi báo cho Toán chuẩn bị an ninh bãi đáp để cho H34 xuống triệt xuất, Hai Cobra này giờ ở trên cao chờ đợi, bây giờ được lệnh xuống clear bãi. Chiếc sau theo chiếc trước bay vòng vòng quanh bãi để quan sát và sẵn sàng yểm trợ theo yêu cầu trực tiếp của Toán trưởng qua tần số PRC25 của toán. Khi thấy bãi đáp an toàn, họ báo cho H34 xuống bốc toán ra. Ngồi trên O2 theo dõi diễn tiến và monitor qua các hệ thống truyền tin UHF, giữa các phi cơ với nhau, FM giữa toán và Cobra; tôi yên lặng để quan sát các phương tiện phối hợp nhau một cách nhịp nhàng trong công việc triệt xuất. Nhịp nhàng là vì chúng tôi đã làm việc với nhau thường xuyên nên hiểu rõ những gì cần làm trong những công tác này. Trường hợp LZ tốt, trực thăng đáp ngon lành thì toán leo lên phi cơ cũng ngon lành, đàng hoàng ngồi trên sàn phi cơ. Còn trường hợp bãi đáp xấu như: hẹp, có cây cao xung quanh nên trực thăng không thể chạm đất được. Trong trường hợp này Toán phải leo thang được thả xuống từ phi cơ trực thăng hay phải câu về.



...
 .Còn trường hợp câu thì tôi chưa được ném mìn trong hành quân nhưng qua huấn luyện thì tôi đã được thực hành như sau : Trên mỗi dây ba chạc mang băng đạn và bị đông nước có hai cái khoen chữ D móc trên vai; trực thăng thả xuống một sợi dây dù có khoen sắt ở đầu dây được cột thêm bao cát cho nặng, toán viên chỉ cần móc khoen của mình vào khoen của sợi dây. Khi tất cả đã móc xong thì ra hiệu cho phi cơ bốc lên, thế là tòn teng câu về. Lối câu này có phần nguy hiểm vì trực thăng phải chú ý bốc cao khỏi ngọn cây rồi mới bay tới, nếu không người được câu

sẽ va vào thân cây. Khi lên trên không, các người được câu phải ôm lấy nhau để đề phòng trường hợp dây bị xoắn vì gió."

Lôi Hồ Nguyễn hữu Thọ

Những hồi ký của Trần Ngọc Nguyên Vũ luôn khiến tôi bồi hồi nhớ lại những chuyện xảy ra đã hơn phân nửa thế kỷ, cái thời mới giã từ ghế nhà trường, ngày đầu tiên nhập ngũ, những ngày huấn luyện ở quân trường. . . Du học, những ngày ở trường sinh ngữ (Lackland, TX). Ở trường huấn luyện phi hành Hải Quân Hoa Kỳ (Pensacola, Whiting Field, FLA). Vui mừng khi cánh chim non lần đầu được thả bay một mình . . . Nổi mừng vui trong ngày mãn khoá học bay, náo nức hồi hương . . .

Hồi hương. Gia nhập phi đoàn, qua những thủ tục xác định hành quân . . . Hồi hộp trong phi vụ hành quân đầu tiên . . .

Tôi và TNNV đã song hành trong 1 khoảng thời gian khá dài, từ lúc nhập ngũ, thụ huấn khoá học bay ở trường Huấn Luyện HQHK, cùng chia sẻ những cảm giác mạnh trong những phi vụ tiếp tế cho biệt kích trên đất Bắc (trong thời gian làm việc với MAC-SOG), thay thế PĐ516 trấn giữ vùng 1 (khi PĐ này đang xuyên huấn trên A-37 ở HK). Năm 1970 trong khi tôi đang xuyên huấn A-37 ở HK thì TNNV cùng một số anh em khác lên Pleiku thành lập phi đoàn 530 Thái Dương. Nếu tôi không được chọn đi A-37, có lẽ tôi và TNNV sẽ còn có nhiều thời gian chiến đấu bên nhau ở phi đoàn biên trấn. Tôi đã mất một dịp để biết đến Pleiku, để biết đến “em Pleiku má đỏ môi hồng . . .”

Rồi cuộc chiến chấm dứt, TNNV may mắn đến HK, còn tôi thì 11 năm trong lao tù CS để trả nợ cho 12 quân ngũ. Mỗi người một số phận, cuối cùng rồi thì tôi cũng đã đến bến bờ tự do . . .

Những cái tên mà TNNV đã kể trong “Vùng Trời Biên Trấn” tôi đã từng nghe hay đã từng gặp gỡ sau này. Có một số người đã rời bỏ hợp đoàn, nhưng những gương mặt quen thuộc ấy tôi không thể nào quên được.

Mới vừa đây (tháng 7-2016) trong ngày họp mặt thường niên của Hội Kỹ Thuật & Tiếp vận tại miền Nam Cali, tôi đã gặp mặt Trần Văn Lâm (xi) và Trần Thanh Long (titi). Hai người vẫn khoẻ mạnh, nhưng hai tuần lễ sau đó trong khi đang ở San José, thì Lâm bị “stroke”. Anh đã bình thường sau khi được rút cục máu đọng trong đầu. Hiện nay tình trạng đã ổn định và anh đã quay về gia đình ở North Carolina.

Có một điều là cả Long và Lâm đều không biết là phi tuần Thái Dương 31 đã lên vùng yểm trợ cho chiếc phi cơ bị bắn rớt, số 1 là TNNV và số 2 là Nguyễn Văn Hai (còi).

Đọc “Vùng Trời Biên Trấn” để cảm phục những phi công gan dạ và dũng cảm, khi đã ngồi vào phòng lái là quyết tâm thi hành hoàn hảo nhiệm vụ được giao phó. những chiến sĩ xuất sắc đó, một số đã hy sinh, một số vẫn còn tồn tại ở những nơi tạm dung. Vùng đồi núi Pleiku là một môi trường rất tốt để tôi luyện những phi công xuất sắc, lỗi lạc . . .

Chúng tôi xin nghiêng mình cảm phục những phi công khu trục của Phi đoàn 530 Thái Dương đã đóng góp xương máu, giữ vững vùng 2 địa đầu giới tuyến cho đến phút cuối. Các anh đã nằm xuống, dù không có lá cờ phủ kín hình hài đi chăng nữa, điều chắc chắn là Tổ Quốc Việt Nam sẽ tri ân các anh.

Xin gửi kèm theo đây một đoạn videoclip do NT Lê Văn Thành (Seattle, WA) thực hiện giới thiệu 3 phi đoàn khu trục A-1 Skyraider trong ĐHKH-2 tại San Jose, CA tháng 5-2011.

Phi đoàn 1 Khu Trục: phi đoàn 514 Phụng Hoàng được thành lập ngày 1 tháng 6 năm 1956 do Thiếu tá Huỳnh Hữu Hiền làm phi đoàn trưởng. Phi đoàn trưởng cuối cùng là Trung tá Dương Bá Trát, đang cùng gia đình định cư ở Bothell (WA).

Phi đoàn Khu Trục 518 Phi Long thành lập 01 tháng 11 năm 1964, phi đoàn trưởng đầu tiên là Đại úy Phạm Phú Quốc vừa được thả ra tù và thăng cấp (sau vụ thả bom dinh Độc Lập). Phi đoàn trưởng cuối cùng là Trung tá Nguyễn Quan Vĩnh, hiện cùng gia đình định cư tại San José, CA.

Phi đoàn Khu trục 530 Thái Dương thành lập đầu năm 1970, phi đoàn trưởng đầu tiên: Thiếu tá Lê Bá Định (đã mất). Phi đoàn trưởng cuối cùng là Thiếu tá Bạch D. Sơn hiện đang sinh sống tại tiểu bang Florida.

Tùy Duyên

Trần Ngọc Nguyên Vũ

(Nhân mùa Phật Đản. Xin thắp một nén nhang lòng tưởng nhớ về Mẹ.)

“Tác hữu trần sa hữu”

“Vi không nhất thiết không” (1)

Thiền-Sư Đạo-Hạnh



Ở phi-trường San José International, tôi lấy xa-lô 101 South, rồi rẽ vào đường Tully West để về nhà mẹ tôi. Nhưng mãi suy-nghĩ về món quà sẽ làm mẹ ngạc-nhiên khi thấy tôi bất chợt về thăm mẹ mà không báo trước, tôi đi quá ngã tư Mc. Laughling lúc nào không hay, đến lúc nhìn ra thì đã trễ. Tôi quẹo phải để vào một con đường khác định đi lối tắt cho gần, nhưng loay-hoay mãi mà không tìm được lối ra. Đang tính ngừng lại để coi bản đồ thành phố, tôi bỗng thấy một ngôi chùa trước mặt, với mái ngói đỏ uốn cong, lẩn khuất giữa lùm cây tùng bách xum xuê, xen lẫn những bụi trúc đứng vươn mình trong ánh nắng của buổi ban mai, có sức thu hút tôi phải ghé vào. Cổng chùa mở rộng, tôi lái xe giữa hai hàng trúc xanh biếc, là ngọn rì rào theo gió, như để đón chào người khách lạ phương xa. Con đường từ cổng vào sân trong không rộng lắm, nhưng đủ để cho xe hơi qua lại. Hàng gạch lát từ ngoài dẫn vào sân chùa nhú lên những lằn cỏ xanh mọc xen kẽ giữa những viên gạch màu đỏ làm cho con đường trở nên thêm phần u-tịch.

Tôi cho xe đậu dưới một gốc cây đa già Nhật-Bản, rồi tắt máy bước ra khỏi xe. Một nhà sư trong bộ áo nâu sồng đang khom lưng quét lá trên sân, thỉnh-thoảng lại cúi mình nhặt những bông hoa Ngọc-Lan, hoa Đại, rơi rụng quanh bức tượng Quan-Thế-Âm bằng thạch-cao trắng toát. Mùi hoa thanh-thoát, quện với mùi trầm hương thoang-thoảng, bao phủ cả một mảnh không-gian tĩnh-mịch. Không đợi nhà sư hỏi, tôi chấp tay cúi đầu cung kính chào:

- Nam Mô A-Di Đà-Phật, bạch thầy con đi lạc đường, thấy cảnh chùa u-nhã nên vào để xin thắp nén nhang và xin được ngắm cảnh chùa.

Vị sư già ngừng tay, ngược mắt nhìn lên, Ngài dựng cây chổi bên gốc cây hoa đại, rồi chấp tay trước ngực cúi đầu chào tôi nói:

- Nam-Mô A-Di-Đà-Phật! Xin mời thí-chủ vào viếng cảnh chùa.

Nghe giọng nói trầm hùng của nhà sư cất lên cùng với dáng-điệu hiền-hòa, ung-dung tự-tại, tự-nhiên tôi cảm thấy mình như nhỏ bé lại, và bị hút vào một chiều thời-gian vô-hình nào đó. Tôi chậm rãi bước theo sau nhà sư. Nhà sư vừa đi trước dẫn đường vừa nói:

- Đêm qua thầy nằm mộng thấy có người đi ngang qua cửa nói là ngày mai có khách quý tới viếng cảnh chùa. Thầy giật mình tỉnh dậy nhìn qua khung cửa sổ thì thấy trên cành đa có con chim lạ đậu, kêu lên mấy tiếng rồi bay đi mất. Vừa rồi thầy ra sân nhặt mấy bông hoa rụng, vừa nghĩ đến giấc mộng hồi đêm thì thí-chủ đến. Thầy chắc đây là cái duyên gặp gỡ của nhà chùa với thí-chủ. Thí-chủ chắc không phải là người vùng này.

- Bạch thầy con ở tiểu-bang North Carolina, bên miền Đông. Vì phải đi làm việc xa, hôm nay nhân dịp phi-cơ đáp phi-trường này để đổi chuyến bay, nên con lấy vài ngày nghỉ để về thăm mẹ con trước khi đi nhận công việc mới.

- Mô Phật, thiện-tai thiện-tai. Xin mời thí-chủ vào trong niệm-phật-đường thắp nhang cúng Phật rồi xuống nhà trai dùng trà.

Tôi theo nhà sư bước lên bậc tam cấp để vào niệm-phật-đường. Trước cửa vào gian chánh-điện, ở giữa có treo một tấm bảng bằng gỗ chạm ba chữ đại-tự "Quan-Âm Tự". Bên trong gian chánh-điện, phía bên trái là bệ thờ Phật, hương trầm nghi-ngút. Trên từng cao nhất ở giữa bệ là pho tượng Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni uy-nghi, trang-nghiêm, hiền-từ ngồi tham-thiền trên tòa sen. Dưới một bậc, trước tượng Phật có đặt một chiếc đại-lư bằng đồng bóng loáng. Hai bên là hai hàng lư nhỏ hơn cùng với hai ngọn bạch-lạp cao, và hai bình hoa huệ trắng ngát. Bậc dưới cùng được bày những đĩa hoa quả, chen lẫn với những chậu cúc màu vàng. Phía bên trái bệ thờ là một quả chuông đồng được treo trên chiếc giá gỗ sơn đỏ, cao khoảng hơn một thước. Bên cạnh quả chuông là một cái kệ thấp, trên có đặt mấy quyển kinh và một chiếc mõ bằng gỗ màu nâu xạm. Trên sân nhà trước bệ thờ được trải một hàng chiếu cạp điều dành cho khách thập-phương và các phật-tử ngồi tụng kinh lễ Phật. Nhà sư đích thân lấy 3 nén hương thắp cho tôi rồi ngài đứng qua một bên, cầm chiếc dùi chuông đánh lên ba tiếng. Tiếng chuông ngân trầm dịu-dặt làm lòng tôi như chìm xuống. Tôi cảm mấy cây nhang chấp tay vái, và thắm khấn xin đức Phật từ-bi gia-hộ cho mẹ tôi được bình-an trong tuổi già. Tôi cũng thắm khấn nguyện đấng đại-từ đại-bi gia-hộ cho các chúng sinh oan hồn uổng tử, phát tâm bồ-đề rộng lớn, dứt sạch nghiệp-chướng sâu dày, sinh về thế-giới an lành. Lễ Phật xong, tôi theo nhà sư đi xuyên qua dãy hành-lang nối liền khu niệm-phật-đường tới nhà trai.

Khu nhà trai là một căn nhà cũ được nhà sư cho sửa sang lại nên trông rõ nét sinh-hoạt của chốn thiền-môn. Sàn nhà bằng gỗ màu nâu bóng loáng, mọi đồ vật trong phòng đều ngăn nắp, và sạch sẽ không có một hạt bụi. Nhà sư dẫn tôi đến chiếc bàn vuông bằng gỗ khảm xà-cừ, kê thấp sát mặt sàn ở giữa nhà. Bên cạnh bàn có đặt một chiếc lò điện để đun nước uống. Chung quanh bàn là những chiếc gối nệm dày dùng để ngồi, và mấy chiếc kệ gỗ để tựa tay. Trên tường bên phải, có treo một bức đại-cổ-họa vẽ Đức Đạt-Ma Sư-Tổ, quảy trên vai cây thiên-trượng có treo một chiếc dép cỏ đang chậm rãi bước. Nét vẽ theo lối thủy-mạc, trông thật dữ dội, mạnh và siêu-thoát. Nhìn vào cặp mắt trong tranh mà tôi có cảm tưởng như bị chạm vào một luồng điện. Đối diện về bên trái là một bức hình phóng-đại chụp Bồ-Tát Thích Quảng-Đức, hai tay chấp trước ngực, mắt nhắm nghiền, ngồi xếp chân bằng tròn, trầm mình trong ngọn lửa bập bùng. Ảnh chụp sắc nét và sống động làm tôi phải rùng mình trước cảnh tượng bi-hùng trong hình. Phía trước mặt căn phòng nhìn qua dãy hành lang dẫn xuống khu vườn trồng trúc là một hồ sen và hòn giả-sơn ở giữa hồ. Một con lạch quanh co như rồng uốn khúc có cây cầu gỗ bắc ngang. Bên chân cầu là một cây tùng uy-nghi cao lớn đứng đối diện với một cây liễu ẻo-lả rủ cành làm tăng thêm vẻ u-trầm của khu vườn. Tôi tấm-tắc khen thắm khung cảnh vừa đơn-sơ, vừa có nét đẹp thanh-thoát và hùng-tráng của nhà chùa. Thấy tôi cứ đứng tần-ngần nhìn bức tranh vẽ Đức Đạt Ma Sư Tổ treo trên tường, nhà sư mỉm cười khoan-thai đặt bình nước lên chiếc lò cạnh bàn rồi nói:

- Thí chủ nhìn bức tranh này chắc là đang nghĩ đến chiếc dép cỏ treo trên đầu cây thiên-trượng...

Tôi giật mình nhìn vị sư già rồi nói:

- Bạch thầy quả là con đang nghĩ đến hai vế đối bằng chữ Hán của thầy Tuệ-Sỹ, tả cảnh thoát trần của ngài Đạt-Ma Sư-Tổ, để lại một chiếc dép trong động, nhưng con không nhớ rõ.

Nhà sư gật gù gơ tay chỉ về chiếc gối nệm trên sàn rồi nói:

- Thì ra là như thế. Mời thí-chủ ngồi.

Tôi ngồi xuống, hai chân khoanh tròn một cách khó khăn trên chiếc gối nệm đối diện với nhà sư. Sau khi an-vị xong, nhà sư hỏi qua về gia-cảnh cùng công ăn việc làm của tôi, ngải châm nước sôi vào bình trà rồi hướng tia nhìn ra ngoài vườn, giọng nói thoang thoảng như chìm vào một khoảng không-gian mơ-hồ xa-xôi nào đó:

- Cách đây đã lâu lắm rồi, dễ chừng cũng khoảng gần bốn chục năm, thầy có nghe một câu chuyện về sự gặp gỡ của Thầy Tuệ-Sỹ và Sư Thiện-Chiếu hồi còn ở quê nhà. Ngày đó thầy Tuệ-Sỹ tới thăm một người bạn là một phật-tử tục-gia. Vì nghe tin người bạn vừa mua được một bức đại cổ-họa rất quý. Khi đến nơi, thầy Tuệ-Sỹ thấy trên vách có treo một bức tranh vẽ một vị Thiền-Tăng hình dung cổ quái, râu ria lởm chởm, cặp mắt sáng quắc, gánh trên vai một chiếc dép, đó là bức tranh vẽ Đức Đạt Ma Sư-Tổ, vị tổ thứ 28 của thiền-phái Thiền-Trúc và cũng là vị sơ tổ của thiền-phái Trung-Hoa, đời nhà Tùy. Nét vẽ xuất-thần đến nỗi khi nhìn vào người ta cứ tưởng như người trong tranh đang lướt đi trên những phiến đá trên mặt đường. Bức tranh có uy-lực thu-hút vị thiền-tăng trẻ, và trong một lúc nhập thần, thầy Tuệ-Sỹ đã làm hai vế câu đối bằng Hán văn vịnh bức tranh như sau: "Chích lý thiên-trùng ân-ước chiêu huy tà cốc khẩu – Song kiều tuyệt-lãnh trập-trùng thanh-thủy trực vân không". Viết xong thầy Tuệ-Sỹ đọc lên cho gia-chủ nghe. Người bạn thích quá rồi nói với thầy Tuệ-Sỹ là cách đây mấy hôm, bỗng xuất hiện một cụ già tinh thông Hán văn và viết chữ rất đẹp, không biết từ đâu đến ngồi viết thuê ngoài đầu phố. Nay lại có thêm đôi câu đối bằng chữ Nho, thật là một sự trùng-hợp hy-hữu. Rồi ông sai con chạy đi nhờ cụ viết lại trên giấy đỏ để treo lên vách...

Nói đến đây nhà sư ngừng lại, rót nước ra chén rồi nói:

- Mời thí-chủ dùng trà.

Vì nóng lòng muốn nghe tiếp câu truyện nên tôi chỉ cảm ơn nhà sư, bưng chén nước lên tay rồi lại để xuống bàn, ra vẻ như chờ đợi. Nhìn điệu bộ nôn náu của tôi, nhà sư mỉm cười rồi nói tiếp:

- Khi đọc xong hai câu đối, cụ già mỉm cười gật gù rồi sửa soạn bút mực, cẩn thận trải tờ giấy điều trên tấm ván, ngồi khom lưng, rồi vung tay phóng ngọn bút lông trên giấy. Viết xong cụ gói lại cẩn thận trao lại cho thằng bé. Thằng bé chạy một mạch về nhà đưa cho bố. Khi dỡ ra coi, hai người bỗng giựt mình, vì ngoài hai câu chính bằng Hán văn, còn có thêm lời dịch ra chữ Việt bên cạnh: "Một chiếc dép đi ngàn trùng thấp thoáng nắng mai nghiêng cửa động – Đôi cánh non trên vạn nẻo trập-trùng nước cuốn đuổi trời mây." Nét chữ như có thần khí tung hoành, cuộn cuộn bay theo với lời văn siêu-thoát. Thầy Tuệ-Sỹ nói với người bạn: "Nét chữ và lời dịch này, ngoài một người ra, thời nay không còn ai có thể viết được những nét chữ linh-động, và dịch hay như vậy được." Rồi hai người vội chạy ra để kiểm cụ già. Tới nơi thì cụ đang sửa soạn thu dọn giấy bút để đi về. Thầy Tuệ-Sỹ nhìn cụ già một giây rồi cúi đầu vòng tay thi lễ. Cụ già ngẩng lên thấy thầy Tuệ-Sỹ thì ngẩn người ra một chút rồi nắm lấy tay thầy Tuệ-Sỹ hỏi thăm rồi rít, ra chiều như đã lâu lắm rồi hai người mới gặp lại nhau. Hôm đó gia-chủ cố nài-nỉ lưu hai người khách quý ở lại, và sai người nhà sửa-soạn bữa tiệc chay thật thịnh-s soạn để khoản đãi khách. Trong bữa tiệc, gia-chủ ngồi im say-sưa nghe hai con "phượng-hoàng linh-điều", một già một trẻ, bàn luận về thơ văn và đạo-pháp; lúc đó chủ nhà mới biết cụ già là nhà sư Thiện-Chiếu cải dạng. Vì lý do gì mà cải dạng thì cụ không nói đến và cả thầy Tuệ-Sỹ cùng gia-chủ cũng không hỏi qua... Sáng hôm sau, cụ già dậy thật sớm từ giã gia-chủ và thầy Tuệ-Sỹ để ra đi. Kể từ đó người ta không còn thấy cụ già ngồi viết chữ thuê mỗi ngày nơi đầu con phố vắng, và cũng không ai còn nghe nhắc đến tên nhà sư Thiện-Chiếu nữa.

Nhà sư kể đã xong, mà tôi còn tưởng như hình ảnh và âm-hưởng lời thơ của người xưa đang chập-chờn trước mặt. Vị sư già cất tiếng kéo tôi về thực tại:

- Thí-chủ dùng trà đi kéo nguội. Loại trà này từ bên Đài-Loan gởi qua đây, trà đặc-biệt lắm, càng pha nước càng xanh, và vẫn giữ được vị thơm của trà chứ không phai như các loại trà khác.

Tôi ngược nhìn nhà sư và nói:

- Bạch thầy con nghe nói bên Đài-Loan có một loại trà đặc-biệt và hiếm, năm nào may mắn lắm người ta mới hái được, không biết có phải là loại này không ạ?

Nhà sư nhìn tôi nở một nụ cười hiền-hoà:

- Thầy không rõ, nhưng cách đây 2 năm trên đường đi hành-hương xứ Phật bên Tây-Trúc, thầy có ghé Đài-Trung thăm một vị thiền-tăng, và ngài tặng thầy ít trà này. Rồi cứ lâu lâu ngài lại gửi sang cho thầy một ít. Đây không phải là loại trà bán trên thị-trường, nên cũng không có tên gọi. Mời thí-chủ.

Tôi nâng chén trà lên miệng, hít một hơi dài để thưởng-thức hương-vị ngào-ngạt từ chén nước trà tỏa ra, rồi nhấp một ngụm gât gù thưởng-thức. Quả thật là loại trà ngon, uống thấy thơm và đậm giọng. Nhà sư nhìn tôi mỉm cười nói:

- Thường thì thầy chỉ dùng trà Thiết-Quan-Âm của các phật-tử thập-phương cúng dường, hôm nay có khách quý nên mới lấy loại trà này ra mời khách đây.

Tôi thấy lòng rung động khi nghe nhà sư nói câu ấy. Rồi cứ lúng-túng mãi mới thốt lên được một lời để đáp lại tấm lòng khiêm-ái và hiếu-khách của vị sư già. Nhà sư nhìn tôi bằng tia mắt hiền-từ nói:

- Chẳng còn bao lâu nữa là đến ngày Phật-Đản rồi, thí-chủ chắc không có dịp ghé về đây lần nữa đâu nhỉ.

- Bạch thầy lần này con phải ở bên Bangkok cho đến cuối năm mới xong công việc nên không có dịp về đây để dự lễ mừng ngày Phật Đản. Con nghĩ mình thật là vô-duyên, năm nào cũng định tâm là phải về thành-phố này vào ngày Phật-Đản, rồi chờ mẹ con đi chùa lễ Phật. Vậy mà chả có năm nào được như ý. Không mắc chuyện này thì cũng vì chuyện khác mà phải lỡ dở.

Nhà sư với tay lấy ấm nước sôi châm thêm vào bình trà rồi chậm rãi nói:

- Thật ra thì chuyện gì cũng đều phải tùy duyên cả, khi cái duyên nó chưa đến thì dù cho mình có muốn cũng chả được. Cũng vì cái duyên mà thầy Tuệ-Sỹ và Sư Thiện-Chiếu đã để lại cho người đời những vần thơ tuyệt-tác. Còn như thí-chủ đây thì cái duyên của mình tuy không đậu vào thành-phố này, nhưng mà nó lại đậu vào một cảnh-giới khác cách xa đây hàng chục ngàn dặm đường thì sao. Thái-Lan cũng là một trong những xứ mộ đạo lắm.

Tôi lặng người khi nghe nhà sư nói. Trong một thoáng, tôi cảm thấy như mình đang ngồi nói chuyện với mẹ. Mẹ tôi cũng vẫn thường hay nói đến cái "duyên" của cuộc đời. Mỗi lần từ xa gọi điện-thoại về thăm mẹ, tôi luôn luôn tỏ ý hối hận là đã không về thăm mẹ được, thì lần nào mẹ tôi cũng nói: "Mẹ còn khỏe lắm các con đừng lo. Cứ việc đi làm đi ăn đi, rồi chừng nào thuận-tiện thì về thăm mẹ. Miễn sao công việc trôi chảy và cứ ăn hiền ở lành, thì rồi cái duyên tốt nó sẽ đến với mình, chả có gì phải bận tâm, lo-lắng cả. Mẹ còn khỏe lúc nào là mẹ cầu Trời Phật phù hộ cho các con lúc đó..."

- Chắc Cụ bà ở nhà cũng thường hay nhắc đến thí-chủ lắm phải không.

Tôi giựt mình tròn mắt kinh-ngạc khi thấy vị sư già như đọc được ý-nghĩ thầm kín của mình. Tôi ngược nhìn nhà sư, miệng muốn nói mà chưa tìm được câu trả lời, thì nhà sư lại cười nhẹ cất giọng hiền-hòa nói:

- Mô Phật! Thầy thấy gương mặt thí-chủ hơi biến đổi khi nghe nói đến cái "duyên", nên thầy chắc là Cụ bà ở nhà cũng thường hay nói đến nó với thí-chủ.

- Bạch thầy đúng như vậy ạ. Mẹ con vẫn thường hay an-ủi con cái, để các con khỏi phải mang mặc-cảm là thiếu bổn-phận đối với mẹ, và lo lắng nhiều về mẹ.

Cầm ly nước trên tay, nhà sư nhìn vào khoảng không, mắt lim-dim cất giọng chậm rãi nói:

- Nam Mô A-Di-Đà-Phật! Công ơn cha mẹ nuôi con như trời như biển... Con cái dù có hết lòng trả hiếu cho cha mẹ trong kiếp này cũng chẳng bao giờ đủ. Trong kinh Phật có dạy là: "Hiếu là độ được song thân, Nhân là vượt khỏi trầm luân mọi loài.". Bởi vậy trong kinh Địa-Tạng có nói về những sự báo hiếu của Bồ-Tát Địa-Tạng từ hằng hà sa số a-tăng kỳ kiếp trước, ngài đã nguyện là chỉ khi nào độ cho hết thấy chúng-sinh thoát ra khỏi vòng trầm-luân khổ-ải rồi ngài mới chứng thành Phật quả.

Tôi ngồi im một lúc như để cho lòng mình lắng xuống, và ngấm được hết những lời vi-diệu của vị cao-tăng, rồi chấp tay cúi đầu nói:

- Nam Mô A-Di-Đà-Phật! Bạch thầy con xin ghi nhớ những lời thầy dạy.

Nhà sư cười cất giọng hiền-từ nhìn tôi nói:

- Thí-chủ dùng nước đi kéo nguội. Trà này phải uống khi còn nóng mới cảm được hết cái vị thơm ngon của nó. Ấy lại nói đến cái "duyên" thì tiện đây thầy muốn kể cho thí-chủ nghe một câu chuyện về đời nhà Lý của mình. Chắc thí-chủ thường hay đọc sử nước nhà.

- Bạch thầy con rất thích nghiên-cứu về lịch-sử. Những lúc nhàn rỗi, con hay tìm-tòi truy-cứu lịch-sử dân-tộc và lịch-sử của những nước có liên-quan, và ảnh-hưởng đến nước mình.

- Như vậy chắc thí-chủ còn nhớ về đời nhà Lý, khi Thái-Tổ Lý-Công-Uẩn mới lên ngôi, ngài xa-giá về thăm làng Cổ-Pháp, và được thiên-sư Vạn-Hạnh đọc cho nghe một bài sấm truyền: "Nhất bát công đức thủy - Tùy duyên hóa thế-gian - Quang quang trùng chiếu chúc - Một ánh nhật đăng san". Nếu đem chiết tự từng câu sấm ra thì có nghĩa là: " Nhà Lý khởi nghiệp từ Lý Công-Uẩn làm vua được tám đời, đến đời Lý Huệ-Tông thì hết, phải nhường lại cho dòng họ khác." Bởi thế cho nên khi Thái-Sư Trần Thủ-Độ dùng mưu cho cháu mình là Trần-Cảnh lấy Hoàng-Đế nhà Lý là Lý Chiêu-Hoàng, rồi Lý Chiêu-Hoàng nhường ngôi cho chồng xuống làm Chiêu-Thánh Hoàng-Hậu, để vương triều từ đó được sang tên, thì các tôn thất dòng họ Lý, ai nổi lên chống đối cũng đều bị Trần Thủ-Độ giết hết cả.

Lúc đó có một vị danh-tướng của Lý triều là Thủy-Sư Đô Đốc Hoàng-Tử Lý Long-Tường, con thứ của vua Lý Anh-Tông, tức là Hoàng-Thúc của vua Lý Huệ-Tông, đang nắm hết các lực-lượng thủy-quân trong tay. Là một người tài-trí và dũng-lực, Hoàng-Tử muốn đem quân về chống lại Trần Thủ-Độ không phải là chuyện khó. Nhưng Hoàng-Tử là người hiếu-thuận, từ trong nội tâm của mình, Ngài nhìn rõ thấy cái duyên-nghiệp của dòng họ Lý tại vùng đất này đã hết, dù có cố cưỡng lại, cũng chỉ là tạo thêm phần sát-nghiệp cho mình, và gây ra không biết bao nhiêu oan-nghiệt tang tóc cho các sinh-linh khác, nên ngài đã quỳ xuống, ngửa mặt lên trời bái lạy "Thất Tổ Cửu Huyền" của dòng họ, rồi âm-thầm đem hết lực-lượng quân sỹ dưới trướng, vượt biển sang Cao-Ly lánh nạn, và cũng để tránh cho dân lành khỏi sa vào cảnh máu đổ thịt rơi trong cuộc tranh dành ngôi báu giữa hai họ Lý, Trần. Đó là lúc cái "nhân" của dòng họ Lý được Thiên-Sư Vạn-Hạnh gieo trên vùng địa-linh Thăng-Long hơn 200 năm về trước, đã được Lý Long-Tường nhổ lên, mang sang trồng trên vùng đất Cao-Ly xa xôi vạn dặm.

Khi sang tới đất người, Hoàng-Tử được Cao Triều kính nể, và trọng-dụng. Để sau đó một thời-gian ngắn, khi cái duyên đã tận trên vùng đất lạ, thì cũng là lúc dân Cao-Ly được hưởng cái phúc của vị Hoàng-Tử lưu-vong. Ngày đó, khi đại quân Mông-Cổ hùng-hổ kéo sang định làm cỏ nước Cao-Ly. Cả nước hỗn loạn, triều-đình phải bỏ hoàng-cung đi lánh nạn, thì Hoàng-Tử đã đứng lên lãnh-đạo quân dân, trở thành-uy đánh tan được đạo quân xâm-lăng bách

chiến bách thắng của Hốt Tất-Liệt, và cứu dân-tộc Cao-Ly cùng hoàng-tộc thoát khỏi sự tàn-sát thô-bạo của giặc Ngoại-Mông, để dân chúng đời-đời nhớ ơn "Bạch-Mã Tướng Quân" họ Lý. Sau này khi cái duyên ấy đã nảy mầm, đơm hoa kết trái, thì dòng họ Lý, khởi đi từ Lý Long-Tường đã phát thêm được 4 đời vua, và một đời Tổng-Thống trên đất nước Đại-Hàn ngày nay.

Tôi ngồi im lặng, say sưa theo-dõi câu truyện của vị sư già. Tôi đọc sử cũng nhiều mà chưa bao giờ được nghe một câu chuyện về lịch-sử vừa bi-hùng, vừa có sức lôi-cuốn như lần này. Nhà sư ngưng lại một chút rồi với tay châm thêm nước vào bình trà, Ngài nhìn tôi nói:

- Thí-chủ dùng thêm nước đi, thầy châm nước lần này là lần thứ 3 rồi đây, thí-chủ uống thử xem có thấy khác gì nước đầu không.

Tôi nâng ly trà lên nhấp thử, quả thật là hảo trà, hương vị vẫn đậm-đà, chẳng khác gì nước thứ nhất. Tôi nhìn nhà sư nói:

- Bạch thầy quả là loại trà ngon. Chỉ tiếc là nó không được bán trên thị-trường, nên chả biết đâu mà mua.

Nhà sư nhìn tôi mỉm cười:

- Cái gì quý thì bao giờ cũng khó thấy, chẳng khác nào cái "tâm thiện" của con người.

Tôi giật mình khi nghe nhà sư nói câu đó. Trong một thoáng, tôi thấy như có một tia chớp lóe lên trong đầu tôi. Qua cái trực-giác mơ-hồ, hình như tôi đã lờ mờ hiểu tại sao nhà sư cho tôi uống loại trà không tên này. Cuộc sống của con người vốn dĩ cứ bị quay cuồng, chìm đắm trong vòng hư-ảo, bám víu vào cái chấp ngã, suốt đời loay-hoay đi tìm bắt những thứ mình không có, mà không biết rằng mình đang có cả một kho-tàng quý báu nằm trong nội tâm của mình. Vị sư già như soi thấu ý-nghĩ trong đầu tôi. Ngài nhìn tôi mỉm cười hiền-từ nói:

- Xưa kia về đời nhà Trần, Thái-Tông Trần Cảnh bị Thái-Sư Trần Thủ-Độ ép phải lấy chị dâu của mình là Thuận-Thiên Công-Chúa, đang là vợ của Vương-Huỳnh Trần-Liễu. Thấy làm như vậy là nghịch với luân-thường đạo-lý, nhà vua chán-nản bỏ ngai vàng lên núi Yên-Tử, muốn nương nhờ nơi chốn thiên-môn để tìm con đường thoát tục. Trần Thủ-Độ đem quân hộ-giá lên núi thỉnh nhà vua về triều. Vị Thái-Sư họ Trần nại lý do là một nước không thể một ngày không có vua. Vua không chịu về, Thái-Sư liền hô quân-sỹ: "Vua ở đâu tức triều-đình ở đó." Rồi truyền quân lính sửa-soạn xây cung-điện ngay bên cạnh chùa. Vị sư trụ-trì "Phù-Vân tự" thấy vậy mới khuyên nhà vua một câu: " Trong núi vốn không có Phật, Phật ở ngay trong lòng ta. Lòng lặng mà hiểu, đó chính là chân Phật. Nay nếu bệ-hạ giác-ngộ tâm đó, thì lập tức thành Phật, không phải nhọc lòng tìm kiếm ở bên ngoài." (2) Nhà vua nghe vậy tỉnh-ngộ, và trở về triều. Sau này ngài thường thân cầm quân đi dẹp Chiêm-Thành và lãnh-đạo cuộc chiến cùng quân dân đánh bại cuộc xâm-lăng lần đầu của quân Mông-Cổ. Khi việc nước đã tạm yên, Ngài truyền ngôi lại cho con, lên làm Thái Thượng-Hoàng, rồi tìm về Yên-Tử sơn tu-tập. Cứ theo như trong tập "Thánh-Đăng Ngũ Lục" về đời nhà Trần có chép truyện năm vị Hoàng-Đế Thiền-Sư coi ngai vàng và quyền-uy tột-đỉnh của con người như của phù vân. Đó là các Vua Trần Thái-Tông, Trần Thánh-Tông, Trần Nhân-Tông, Trần Anh-Tông và Trần Minh-Tông. Mà một vị là Trần Nhân-Tông đã lập ra dòng Thiền Trúc-Lâm, sau này Ngài đắc đạo và trở thành vị Tổ thứ nhất của dòng Thiền Trúc-Lâm Yên-Tử vậy.

Tôi lắng nghe nhà sư kể truyện mà thấy hồn mình như bay bổng rồi nhập-thể vào với âm-thanh trầm-mặc của vị sư già. Truyện nào cũng có sức lôi-cuốn người nghe, và đầy ý-nghĩa. Tôi chấp tay cúi đầu nói:

- Bạch thầy... bấy lâu nay con đọc sử cũng đã nhiều, nhưng hôm nay mới có duyên được nghe những truyện thầy kể.

Nhà sư gật gù mỉm cười. Ngài với tay lấy hộp trà đổ vào một cái bao giấy, gói lại cẩn-thận rồi nói:

- Để thầy san ra một ít trà này biếu thí-chủ đem về dùng. Sau này mỗi khi uống trà thì nhớ lại những chuyện thầy kể ngày hôm nay.

Tôi cảm-động lúng-túng nói:

- Bạch thầy... thật tình con không dám nhận. Thứ trà này phải để trong chùa mới quý, đem ra ngoài đời con sợ nó loãng đi mất.

- Mô Phật, thí chủ chẳng nên câu-nệ. Thầy cất trong chùa mà không gặp người thích uống trà như thí-chủ, thì cũng chẳng khác gì đem nó để trong cái lọ kín, chả khi nào lấy ra uống cả. Vừa rồi thí-chủ lại nhắc đến cái duyên. Để thầy đọc một câu kệ trong một bài phú của vị Thiền Sư Trúc-Lâm đệ nhất Tổ cho thí chủ nghe nhé: "Cư trần lạc đạo thả tùy duyên – Cơ tắc xan hề khốn tắc xan – Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch - Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền." (3)

Rồi không để cho tôi có dịp từ chối, nhà sư bọc lại gói trà cẩn-thận đẩy qua trước mặt tôi, rồi ngài chuyển câu chuyện qua một đề tài khác:

- Thí-chủ sắp đi xa, lại nhân ngày Phật-Đản sắp tới, thầy có câu chuyện làm quà tặng thí-chủ. Đó là ý-nghĩa và lịch-sử của ngày Phật-Đản. Thí-chủ chắc đã đọc qua những kinh sách của nhà Phật, nhưng thầy cũng xin nói lại để thí-chủ có thêm dữ-kiện để đối chiếu.

- Bạch thầy thật là quý-hóa, con rất thích nghe những chuyện về Phật pháp. Cứ như sự hiểu biết nông cạn của con thì ngày Phật-Đản phải gọi là mùa Phật-Đản thì mới đúng, có phải vậy không ạ.

Vị sư già nâng chén trà đang bốc khói lên môi, mắt lim-dim cất giọng trầm-trầm nói:

- Mô Phật, thí chủ nói đúng đấy. Cứ theo như truyền-thống Bắc-Tông thì các đại-sự được chia ra làm 4 phần khác nhau. Như ngày đản-sanh của đức Phật nhằm ngày rằm tháng Tư, ngày xuất-gia lên đường tầm đạo là ngày mùng 8 tháng Hai. Ngày thành đạo là ngày mùng 8 tháng chạp (tháng 12 âm-lịch), và ngày Đức Phật nhập niết-bàn là ngày rằm tháng Hai. Nhưng theo Phật-Giáo nguyên-thủy thì ngày Phật-Đản lại là tam-hợp của các duyên-sự trọng-đại là ngày đản-sinh, ngày thành đạo, và ngày nhập niết-bàn. Ngày này đã được các phật-tử cử-hành vào ngày trăng tròn của tháng Tư âm-lịch. Tuy-nhiên dù là Nam-Tông hay Bắc-Phái thì hàng năm cứ vào độ tháng Tư âm-lịch, còn được gọi là mùa Phật Đản, phật-tử khắp nơi trên thế-giới đều tổ-chức nhiều ngày lễ trọng-đại để chiêm-bái đáng đại-tử, đại-bi, và đại-giác của chúng-sinh nhân-loại...

Ngừng lại một chút, nhà sư với tay lấy ấm nước sôi châm vào bình trà trên bàn rồi nói tiếp:

- Hơn hai ngàn năm trăm năm trước đây, vào một ngày mà cái vẻ cao-cả và hùng-vĩ của ngọn Hy-Mã-Lạp-Sơn bỗng nhiên thấy nhỏ bé lại, và tất cả ánh sáng của trời đất, trăng sao bỗng nhiên bị lu-mờ trước ánh hào-quang chói-lọi từ thình-không dội xuống. Đó là ngày vào đời của đáng từ-phụ của nhân-loại. Ngài từ ngoài cõi sinh tử bước vào cuộc đời nơi trần-thế trong cái nhục-thể của phàm-nhân. Cùng chịu-đựng, và chia-sẻ những sự khổ đau của đời người, để tìm phương cứu-độ chúng-sinh thoát khỏi vòng trầm-luân khổ-ải.

Sinh-trưởng trong cảnh giàu sang phú-quý và quyền-uy tột đỉnh của loài người, nhưng Ngài đã nhận thấy rằng những gì mà con người cho là hạnh-phúc, thì đó chỉ là những ảo-ảnh nơi cõi ta-bà này; bởi vì, dù là bậc vương-gia hay thứ-dân, dù là người sang-trọng giàu có hay nghèo khổ, ai ai cũng phải tuân-tự đi theo một con đường duy-nhất nơi trần-thế. Đó là sinh ra đời để chịu-đựng những khổ đau về thể-xác, cũng như về tinh-thần do ái-dục tạo ra,

rồi trở nên già yếu, và cuối cùng phải kết-thúc cuộc sống theo với sự tàn-lụn của nhục-thể. Chính vì nhận-thức được rằng đời người chỉ là một bể khổ mênh-mông, nhục-dục ngũ-trần không phải là những thứ mang lại hạnh-phúc tuyệt-đối, nên với một tấm lòng từ-bi vô-độ, Ngài đã dứt bỏ tất cả những gì mà người đời hằng mơ-ước, để đi tìm một con đường giải-thoát cho chúng-sinh nhân-loại ra khỏi kiếp luân-hồi.

Qua những tháng năm dài tu tập, từ những sự khắc-khổ về thể-xác, tới con đường trung-đạo. Tới một ngày Ngài bỗng nhận ra được cái chân-lý tối-thượng của sự giải-thoát, tận diệt mọi thứ ô-nhiễm tiềm-ẩn trong tâm từ vô-lượng kiếp. Tự thanh-lọc, và trực-ngộ được thực-tướng của vạn pháp. Đó là lúc Ngài đã giác-ngộ thành đạo-quả, và trở thành Phật, tức là Đấng Giác-Ngộ.

Sau khi giác-ngộ, Ngài bắt đầu chuyển pháp-luân dạy chúng-sinh tìm hiểu khổ đau là gì, làm sao mà đau khổ phát sinh, đâu là kết thúc khổ đau, và làm thế nào để khổ đau chấm dứt. Đó là bốn chân lý trong giáo-thuyết của nhà Phật gọi là "Tứ-Diệu-Đế" tức là: "Khổ, Tập, Diệt, Đạo".

Để giúp cho chúng-sinh đi trên con đường giải-thoát, Ngài vạch ra tám nguyên-tắc gọi là "Bát Chánh-Đạo" gồm: "Chánh-Kiến, Chánh-tư-duy, Chánh-Ngữ, Chánh-Nghiệp, Chánh-Mạng, Chánh-Tinh-Tấn, Chánh-Niệm, và Chánh-Định."

Nhà sư ngưng lại một giây lát, với tay cầm ly nước nhấp giọng, rồi từ-tôn đặt ly nước xuống bàn, nói tiếp:

- Đức Phật là một chúng-sinh trong cảnh người. Ngài sinh ra từ cái nhục-thể của phàm-nhân. Sống và chấm dứt cuộc đời như một người nơi cõi tục. Nhưng cũng từ cái nhục-thể phàm-trần này, Ngài đã giác-ngộ từ nội-tại của trí-tuệ vô-biên của một người phàm, chứ không dựa vào một quyền-năng nào từ ngoại-giới; vì thế, Ngài đã cho chúng-sinh biết rằng: "Ngài là Phật đã thành, còn chúng-sinh là Phật sẽ thành", và với một tấm lòng từ-bi vô-biên, Ngài đã dìu-dắt chúng-sinh trên con đường Bát-Chánh để đạt thành đạo-quả.

Nói đến đây nhà sư ngừng lại, rồi ngài hướng tia nhìn vào khoảng không-gian vô-tận, trầm giọng nói:

- Con đường này... dài hay ngắn, một kiếp phù-sinh hay vạn kiếp u-minh, thì chỉ còn là tùy-thuộc vào cái nghiệp-độ của mỗi người.

Nhà sư đã dứt lời mà âm-hưởng còn vang-vọng trong đầu tôi như một hồi chuông cảnh-tỉnh... Trong một thoáng, tôi thấy như mình đang bông-bênh trôi theo với thanh-âm trầm-mặc của bậc tu hành. Tôi ngược nhìn vị sư già bằng tia nhìn đầy tôn kính, rồi chấp tay nói:

- Nam-Mô A-Di-Đà-Phật! Bạch thầy, hôm nay tình-cờ mà con có một cơ duyên vô cùng quý báu, là được nghe những lời thầy giảng về ý-nghĩa của ngày Phật-Đản, cùng những câu truyện về Phật pháp của lịch-sử nước nhà.

Nhà sư mỉm cười khoan-thai đứng dậy. Tôi đứng lên theo và chấp tay đánh lễ, quỳ lạy dưới chân vị sư già. Nhà sư cúi xuống nâng tôi dậy, Ngài chấp hai tay trước ngực cúi đầu nói:

- Nam Mô A-Di-Đà-Phật! Thầy chúc thí chủ lên đường được bình-an. Sau này nếu có dịp về ngang đây, xin ghé cảnh chùa cho thầy lại được tiếp chuyện cùng thí-chủ.

Tôi ôm gói trà trong vòng tay, cúi lạy nhà sư một lần nữa rồi lui ra. Khi đi ngang qua gian chánh-điện, nhìn vào tôi thấy có nhiều phật-tử đang quỳ trên chiếu tụng kinh. Lời kinh u-trầm quyền theo tiếng mõ nhịp khoan, như một âm-thanh mơ-hồ huyền-ảo đưa tiễn khách phàm-nhân rời chốn thiên-môn về nơi cõi tục...

Từ giả ngôi chùa và vị sư già trụ-trì, tôi lái xe ra ngoài. Quang-cảnh ồn-ào, nhộn-nhip của thành-phố kéo tôi trở về với cuộc sống thực-tại. Tới ngã tư đèn đỏ, tôi ngưng xe và quay đầu nhìn lại... Ngôi chùa và hình-ảnh vị sư già khiêm-ái đã khuất sau dòng xe xuôi ngược trên nẻo đường đời... Tôi lắc đầu thở mạnh như còn tiếc nuối những giây phút vừa qua. Chỉ trong một khoảng thời-gian ngắn ngủi của buổi sáng hôm nay, nhà sư đã dìu tôi vượt qua từng quãng đường dài thăm-thẳm, quãng nào cũng bong-bênh lằng-đằng, lững-lờ như những đám mây trôi... Thoang-thoảng đâu đây, tôi như còn ngửi thấy mùi trầm hương nơi Phật điện, và văng-vẳng bên tai, mơ-hồ như còn nghe thấy tiếng ngân dài của hồi chuông trầm-mặc... Tôi lấy hương về nhà mẹ. Dọc đường, tôi nghĩ đến tấm lưng còng của mẹ hiện ra nơi khung cửa, và nụ cười rạng-rỡ trên khuôn mặt già nua của người... Rồi thế nào mẹ tôi cũng mắng tôi: "Con thật là! Bằng này tuổi đầu rồi mà vẫn cứ còn như con nít. Sao về thăm mẹ mà không cho mẹ biết trước để mẹ sửa-soạn làm đồ ăn cho." Tôi sung-sướng mỉm cười, hít một luồng hơi dài vào buồng ngực, rồi nhấn ga phóng xe vượt qua khúc đèn vàng nơi ngã tư để rẽ vào con đường về nhà mẹ.

Trần Ngọc Nguyên Vũ

Chú-Thích:

(1) "Bóng trăng đáy nước" của Thiền-Sư Đạo-Hạnh

“Có thì có tự may may
Không thì cả thế-gian này cũng không.”

(2) Trần Thái-Tông toàn tập của Lê Mạnh-Thất

(3) "Cư trần lạc đạo phú" của vua Trần Nhân-Tông, đệ-nhất Tổ thiền-phái "Trúc-Lâm Yên-Tử":

“Cõi trần vui đạo hãy tùy duyên
Đói cứ ăn no mệt ngủ liền
Báu sẵn trong nhà thôi khỏi kiếm
Vô tâm trước cảnh hỏi gì thiền.”

Cô Hàng Nước !

(Đoản văn viết để tôn-vinh những anh-hùng, nữ-kiệt của dân-tộc, đã vun bồi cho non sông đất nước Việt Nam.)

Trần Ngọc Nguyên Vũ

...Cô gái Việt Nam ơi
Nếu chữ hy-sinh có ở đời
Tôi muốn nạm vàng muôn khổ cực
Cho lòng cô gái Việt Nam tươi.
Hô-Dzénh.

(Lời mở đầu: Con đường cách-mạng dân-tộc là một con đường dài vô-tận; nó bắt đầu từ thời khởi sự, và được tiếp nối từ đời này qua đời nọ không bao giờ ngưng nghỉ. Con đường có khúc bằng phẳng, thênh-thang, biểu-tượng cho những thời thái-bình thịnh-trị, và cũng có những đoạn đường đầy chông gai, gập-gềnh trở-ngại, biểu-tượng cho thời-kỳ đen tối của đất nước...Những người khách lữ-hành đi trên con đường đầy gian-chuân, khổ ải này, có lúc gặt hái được những thành quả vẻ-vang, và cũng có lúc gặp nhiều cay đắng...nhưng không bao giờ nhụt chí.)



ột buổi trưa Hè, trên con đường thiên-lý, dưới cái nắng nung nấu của ánh mặt trời; một người khách lữ-hành đang rảo bước; nét mặt đăm-chiêu ra chiều suy-nghĩ như quên cả những mệt nhọc và đói khát. Bỗng khách thấy một quán nước bên đường, khách ngập-ngừng rồi quyết định dừng chân bước vào quán.

Người con gái xinh-xắn ngồi sau chiếc bàn tre, bên cạnh nàng, một nồi nước chè xanh (chè tươi) toả khói thơm ngát. Trên mặt bàn được bày dăm chiếc bánh nếp, bánh tẻ, vài xâu bánh gai, bánh mật, và mấy bát bánh trôi, bánh chay. Thấy khách lạ bước vào, cô hàng đơn-đa đứng dậy cười tươi đón khách:

- Thưa...mời thầy ngồi nghỉ chân xơi chén nước cho đỡ khát.

Lữ khách bỗng cảm thấy lòng mình dịu lại như vừa đón nhận một làn gió mát ngào-ngạt hương bưởi, hương cau. Rồi khách ngoảnh mặt nhìn con đường quanh-co nắng cháy như thăm hỏi tại sao nơi đây lại có một chỗ u-nhã như thế này. Thấy vẻ mặt ngập-ngừng của khách, cô hàng miêng cười chúm-chím:

- Dạ...Thưa thầy chè mới hái, vừa ủ sáng nay, để em rót mời thầy dùng nhé.

Khách bàng-hoàng như người vừa lạc nẻo thiên-thai. Giọng nói của cô hàng nghe sao ngọt-ngào êm-dịu quá, và phảng-phất đâu đây làn hơi thở thơm-tho như mùi cỏ dại quyên lấy mặt khách...Nước chưa uống mà khách đã thấy cơn khát tiêu tan. Khách ngẩn-ngơ nhìn khuôn mặt trái soan nõn-nà, cặp mắt huyền long-lanh như chứa đựng cả một trời thương nhớ, đôi môi hồng cắn chỉ chớm nở một nụ cười hàm-tiểu để lộ hàm răng ngà ngọc và đôi núm đồng tiền in trên má. Khách thăm nghĩ có phải xưa nàng là tiên đánh vỡ chén ngọc nên bị đầy xuống trần-gian mở chiếc quán này để mà chuộc lỗi...Rồi khách bỗng thấy hồn mình như bay bổng khỏi thân xác, và nhập-thể vào với làn khói của chén nước chè xanh...

Nước đã rót ra rồi mà khách vẫn ngồi như bất động. Cô hàng lại khéo-léo, lễ-độ nhắc khách:

- Kia...mời thầy xơi nước kéo nguội.

Rồi với vẻ thiết-tha, giọng cô hàng như tiếng nhạc thánh-thót ngân lên:

- Quán em nghèo lắm, chẳng có gì đãi khách, chỉ có vài tấm bánh gai, bánh mật, để em bóc mời thầy dùng tạm rồi...còn lên đường cho kịp nhé.

Lữ khách bỗng rung mình cảm thấy như vừa thoát ra khỏi một giấc ngủ liêu-trai. Bởi vì trong cái âm-thanh ngọt ngào và êm-dịu kia, nghe như ngậm chứa đựng cả ngàn vạn những lời nghiêm-huấn. Khách sửa lại thế ngồi và đưa mắt nhìn những chiếc bánh trôi bồng-bềnh trong bát nước trong vắt, khách chợt bừng tỉnh cơn mộng...“ - Ồ! Đúng rồi ‘Bây nổi ba chìm với nước non’ (1) Phải, nàng đã kín-đáo cho ta thấy tâm-sự của nàng...” Rồi thì thanh-âm của những tiếng như ‘bánh gai, bánh mật, nước, kéo nguội...’ bỗng đâu cuộn-cuộn nổi lên như một ngọn cuồng-phong trong đầu lữ-khách. Khách chợt nghĩ ra, và rồi như tự thẹn với chính mình, khách thăm hỏi: “- Gái thuyền-quyên đã như vậy, trai anh-hùng há để lụn chí nam-nhi!” Rồi khách nghe văng-vẳng đâu đây lời nói của một trang nữ-lưu thuộc giọng giống Trưng, Triệu: “- Hỡi người trai anh-dũng của non sông, quê-hương của chúng ta còn trong cảnh làm-than, nghèo khổ, dân-tộc ta còn đang quần-quai đau thương sống dưới ách cai-trị ngu-xuẩn của đám người tham tàn, vô thần, vô tổ-quốc, buôn dân bán nước; cam tâm cắt mảnh giang-sơn gấm vóc của tiên-nhân để lại cho ngoại-bang. Hãy gác bỏ tình riêng, mau lên đường làm tròn sứ-mạng, dù có phải nằm gai nếm mật cũng cam lòng.”

Dòng máu nóng chợt bừng lên trong huyết-quản. Khách bỗng nhớ lại giọng nói khẳng-khái của một Phi-Khanh ngày nào trên chót ải Nam-Quan:

“Con yêu dấu chóe xuôi lòng mềm yếu”

“Gác tình riêng quay gót trở về Nam”

“Con về đi tận trung là tận hiếu”

“Đem gương mài dưới nguyệt chít khăn tang” (2)

Khách gật đầu tự nhủ: “ - Đúng lắm. Tận trung với Tổ-Quốc chính là đã lo trọn được tình riêng và giữ tròn chữ

hiếu với đáng sinh thành.” Rồi khách lấy lại được sự tự-nhiên lúc ban đầu, ngẩng gương mặt phong sương, nâng cao chén nước, hướng cặp mắt sáng quắc nhìn cô hàng, miệng mỉm cười như thăm tạ lỗi. Mặt cô hàng hồng lên qua làn khói mờ ảo của chén nước chè xanh, nhưng vẫn không mất đi vẻ nghiêm-trang, đài-các của một trang nữ-lu anh-kiệt.

Bên ngoài nắng vẫn đỏ trên mặt đường cần-cỏi. Khách dùng-dăng, ngần- ngại...Lòng người hào-kiệt như chưa đủ độ để cân-nhắc hai chữ ‘nợ nước, tình riêng’...Đôi chân muốn bước mà con tim như níu kéo:

“Tiền nước trả rồi trời nắng gắt”

“Tôi thương...mà em có hay” (3)

Cô hàng như soi thấu tâm can lữ-khách. Miệng hoa chớm nở một nụ cười, giọng oanh vàng lại thánh-thót ngân lên nửa như thúc-giục, nửa như vỗ-về khuyên-dụ:

- Thưa thầy...đường còn dài, xin hãy bảo-trọng. Khi nào xong việc, có dịp trở về đây, xin thầy...nhớ ghé lại quán em nghe.

Khách nghe mà thấy lòng ngẩn-ngơ tê-dại. Gương mặt phong-trần của kẻ trượng-phu như bị phủ mờ đi...Không hiểu mờ bởi khói nước chè xanh hay vì làn hơi thở thơm-tho của cô chủ quán...

Người khách lữ-hành cúi đầu từ-biệt bước ra khỏi quán. Bên ngoài, ngàn cánh hoa nắng lung-linh chào đón, vạn khúc nhạc ân-tình trời dậy tiễn đưa. Khách mím môi lắc đầu xua đuổi bỏ lại chiếc quán tình-cảm sau lưng. Bỗng vắng-vắng đầu đây một giọng ru con nã-nề nổi lên:

“À a ọ ời...À a ọ ời...”

“Ngoan ngoan con nhỏ nhắn miệng cười”

“Trông con mẹ tướng như đời nở hoa”

“Nơi chốn miền xa...con ọi cha con nơi chốn miền xa”

“Mong sao con trẻ quê nhà được vui...”

“À a ọ ời...À a ọ ời...” (4)

Tiếng ru như một ngọn âm-phong thổi xoáy vào lòng lữ-khách...Khách rùng mình, và trong một thoáng, đôi chân như khựng lại...Khách cúi đầu nhẩm đọc mấy câu thơ:

Em đâu muốn trở thành sương-phụ

Hóa đá ôm con đứng đợi chờ

Ta cũng chẳng mong làm tráng-sỹ

Để rồi chìm đắm mãi trong mơ... Rồi khách vươn vai, ngửa mặt lên trời thở mạnh, lấy lại sự khảng-khái lúc ban đầu. Bước chân lữ-khách lại tiếp-tục trên con đường thiên-lý diệu-vợi...

Trần Ngọc Nguyên Vũ

Chú-thích:

1. Thơ Hồ Xuân Hương
2. Kịch thơ Phi-Khanh Nguyễn-Trãi của Hoàng-Cầm
3. Thơ Trần Quang Dũng
4. Ca dao thời chống Pháp